

ĐỖ THỊ HOA LÝ - TRẦN THỊ ANH ĐÀO - PHẠM THỊ KIỀU OANH
BÙI THỊ HỒNG NHUNG - TRẦN THỊ THANH NỊU

Chinh phục

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 **MÔN NGỮ VĂN**

CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018
DÙNG CHUNG CHO BA BỘ SÁCH,
GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

- Hệ thống lý thuyết hỗ trợ kiến thức, kĩ năng
- Hệ thống đề luyện tập (ngữ liệu ngoài SGK)
- Hướng dẫn cách viết mở bài - thân bài - kết bài



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ĐỖ THỊ HOA LÝ, TRẦN THỊ ANH ĐÀO, PHẠM THỊ KIỀU OANH
BÙI THỊ HỒNG NHUNG, TRẦN THỊ THANH NỤ

CHINH PHỤC KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
MÔN NGỮ VĂN

CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

DÙNG CHUNG CHO CẢ 03 BỘ SÁCH, GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Hệ thống lý thuyết bổ trợ kiến thức, kỹ năng

Hệ thống đề luyện tập (ngữ liệu ngoài SGK)

Hướng dẫn cách viết Mở bài – Thân bài – Kết bài

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC	TRANG
<i>LỜI NÓI ĐẦU</i>	7
PHẦN MỘT ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 9 THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018	
I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT.	9
1. Kiến thức trọng tâm	9
2. Yêu cầu cần đạt	10
II. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CẤU TRÚC ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI CƠ BẢN VÀ BẢNG NĂNG LỰC CẤP ĐỘ TU	13
Loại 1. Hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan....	14
Loại 2. Hình thức tự luận	15
III. LỰA CHỌN NGỮ LIỆU VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÂU HỎI	15
1. Lựa chọn ngữ liệu ôn tập	15
2. Xây dựng hệ thống câu hỏi.	16
PHẦN HAI KỸ NĂNG LÀM BÀI THEO CÁC DẠNG CÂU HỎI TRONG ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10	
I. KỸ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU.	17
1. Các bước thực hiện	17
2. Kỹ năng trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan.....	18
3. Kỹ năng trả lời câu hỏi tự luận ngắn đối với văn bản văn học	18
4. Kỹ năng trả lời câu hỏi tự luận ngắn đối với kiểu văn bản nghị luận	24
5. Kỹ năng trả lời câu hỏi tự luận ngắn đối với kiểu văn bản thông tin	31
3. Minh họa kỹ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu.....	35
II. KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN.....	39
1. Yêu cầu chung với câu viết đoạn văn	39
2. Các bước thực hiện	39
3. Kỹ năng viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.....	40

4. Kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội.....	41
5. Minh họa kỹ năng viết đoạn văn .	42
III. KỸ NĂNG VIẾT BÀI VĂN.....	44
1. Yêu cầu chung với câu viết bài văn.....	44
2. Các bước thực hiện	45
3. Kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ	46
4. Kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện	50
5. Kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm kịch.....	54
6. Kỹ năng viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử	55
7. Kỹ năng viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết	56
8. Kỹ năng viết bài văn kể chuyện sáng tạo	57
4. Minh họa kỹ năng viết bài văn .	57
PHẦN BA	
HỆ THỐNG ĐỀ LUYỆN TẬP VÀ GỢI Ý	
I. HỆ THỐNG ĐỀ.	62
ĐỀ SỐ 01	78
ĐỀ SỐ 02.	83
ĐỀ SỐ 03.....	86
ĐỀ SỐ 04.....	90
ĐỀ SỐ 05.	95
ĐỀ SỐ 06	99
ĐỀ SỐ 07.....	103
ĐỀ SỐ 08	105
ĐỀ SỐ 09.....	111
ĐỀ SỐ 10.....	114
ĐỀ SỐ 11.....	117
ĐỀ SỐ 12.....	119
ĐỀ SỐ 13.....	121
ĐỀ SỐ 14.	123
ĐỀ SỐ 15.	126

ĐỀ SỐ 16...	128
ĐỀ SỐ 17...	131
ĐỀ SỐ 18.....	134
ĐỀ SỐ 19.....	137
ĐỀ SỐ 20.....	141
ĐỀ SỐ 21	144
ĐỀ SỐ 22...	147
ĐỀ SỐ 23.....	151
ĐỀ SỐ 24.....	154
ĐỀ SỐ 25.....	156
ĐỀ SỐ 26	159
ĐỀ SỐ 27 ...	162
ĐỀ SỐ 28.....	165
ĐỀ SỐ 29....	168
ĐỀ SỐ 30.....	171
II. GỢI Ý	174
ĐỀ SỐ 01	174
ĐỀ SỐ 02.....	177
ĐỀ SỐ 03.....	180
ĐỀ SỐ 04.....	184
ĐỀ SỐ 05.....	187
ĐỀ SỐ 06....	189
ĐỀ SỐ 07.	193
ĐỀ SỐ 08.....	196
ĐỀ SỐ 09.....	199
ĐỀ SỐ 10.....	203
ĐỀ SỐ 11.....	206
ĐỀ SỐ 12.....	209
ĐỀ SỐ 13.....	212
ĐỀ SỐ 14.....	219
ĐỀ SỐ 15.....	224
ĐỀ SỐ 16	228

ĐỀ SỐ 17.	232
ĐỀ SỐ 18.	236
ĐỀ SỐ 19.	239
ĐỀ SỐ 20.	244
ĐỀ SỐ 21.	247
ĐỀ SỐ 22	251
ĐỀ SỐ 23..	255
ĐỀ SỐ 24.	259
ĐỀ SỐ 25	262
ĐỀ SỐ 26.	265
ĐỀ SỐ 27.	268
ĐỀ SỐ 28.	272
ĐỀ SỐ 29.	275
ĐỀ SỐ 30.	279

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2025 là năm đầu tiên, kì thi tuyển sinh vào lớp 10 được tổ chức theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Môn Ngữ văn là một trong những môn thi chính với nhiều điểm đổi mới.

Để các em học sinh có tài liệu ôn luyện nhằm đạt kết quả tốt nhất trong kì thi Tuyển sinh vào 10, chúng tôi đã biên soạn, xuất bản cuốn sách *Chinh phục kì thi Tuyển sinh vào 10 Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn (Bổ trợ kiến thức, kĩ năng – Hệ thống đề luyện)*.

Cuốn sách có sách có cấu trúc như sau.

Phần một là định hướng kiến thức và ôn tập

Phần hai hướng dẫn kĩ năng đọc hiểu theo thể loại và viết các kiểu văn bản để giúp các em nắm vững và biết cách viết một đoạn văn hoặc một bài văn theo đặc trưng riêng của từng kiểu loại văn bản.

Nội dung, phạm vi kiến thức cùng những yêu cầu cần đạt ở hai kĩ năng đọc, viết đã bám sát khung chương trình môn Ngữ văn trong Chương trình GDPT 2018, trong đó tập trung vào chương trình Ngữ văn lớp 9. Các dạng câu hỏi được xây dựng theo đặc trưng kiểu loại văn bản, bám sát yêu cầu cần đạt, bảng năng lực, cấp độ tư duy. Cách làm các dạng câu hỏi được hướng dẫn cụ thể, khoa học.

Phần ba hệ thống đề luyện được sắp xếp theo các định dạng cấu trúc đề thi và theo kiểu loại văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn. Trong phần này, chúng tôi đưa ra gợi ý, hướng dẫn cách làm, cách triển khai cho từng đề ôn luyện để thầy cô và các em học sinh tham khảo.

Trong sách có sử dụng một số tác phẩm của các tác giả mà chúng tôi chưa có dịp gặp gỡ trao đổi, xin phép. Rất mong nhận được sự đồng thuận của quý vị. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN MỘT

ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

THEO CHƯƠNG TRÌNH GDPT 2018

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Nội dung kiến thức tập trung vào chương trình Ngữ văn lớp 9, theo khung Chương trình GDPT 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 32/2028/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, kiến thức tập trung vào chương trình Ngữ văn lớp 9 không có nghĩa là phạm vi kiến thức trong đề thi Tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn chỉ nằm trong chương trình lớp 9.

1. Kiến thức trọng tâm

Các đơn vị kiến thức bao gồm:

Kiến thức Tiếng Việt	Kiến thức văn học
1. Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn. 2. Diễn tích, diễn cú: đặc điểm và tác dụng. 3. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng. 4. Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu (thay đổi trật tự các thành phần trong câu, thêm thành phần phụ,...): đặc điểm và tác dụng. 5. Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép. 6. Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng. 7. Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng. 8. Sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp. 9. Kiểu văn bản và thể loại	1. Nội dung và hình thức văn bản văn học. 2. Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của tác phẩm. 3. Cốt truyện, nhân vật; lời thoại trong truyện thơ Nôm. 4. Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong truyện truyền kì và truyện trinh thám. 5. Lời người kể chuyện và lời độc thoại trong lời nhân vật; lời đối thoại trong truyện.

Kiến thức Tiếng Việt	Kiến thức văn học
- Văn bản tự sự: truyện kể, mô phỏng một truyện đã đọc; truyện kể chuyển nội dung từ một truyện tranh. - Văn bản biểu cảm: thơ tám chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. - Văn bản nghị luận: vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung văn bản nghị luận; bài nghị luận nêu vấn đề và giải pháp; bài phân tích một tác phẩm văn học. - Văn bản thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin; văn bản giải thích một hiện tượng xã hội; văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử; quảng cáo, tờ rơi.	6. Thơ song thất lục bát: khổ thơ, số chữ, số dòng, vần, nhịp. 7. Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong bi kịch. 8. Sơ giản về lịch sử văn học và vai trò trong đọc hiểu văn bản.
10. Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn. 11. Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới. 12. Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. 13. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ....	

2. Yêu cầu cần đạt

Một trong những điểm đổi mới của Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn là được thiết kế theo mạch bốn kỹ năng: đọc, viết, nói và nghe. Tuy nhiên, trong bối cảnh đề thi Tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn vẫn đang tập trung đánh giá học và lực viết. Chương trình GDPT 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã quy định rõ về yêu cầu cần đạt ở năng lực đọc, viết đối với môn Ngữ văn lớp 9 như sau:

2.1. Yêu cầu cần đạt về năng lực đọc

a. Yêu cầu cần đạt về năng lực đọc văn bản văn học

Phương diện	Yêu cầu cần đạt
Đọc hiểu nội dung	- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

Phương diện	Yêu cầu cần đạt
	- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn truyền tải đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
Đọc hiểu hình thức.	- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản văn học. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. - Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác - biệt so với thơ lục bát. - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
Liên hệ, so sánh, kết nối	- Nhận biết âm tha và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

b. Yêu cầu cần đạt về năng lực đọc văn bản nghị luận

Phương diện	Yêu cầu cần đạt
Đọc hiểu nội dung	- Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

Phương diện	Yêu cầu cần đạt
	- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản.
Đọc hiểu hình thức	- Nhận biết và đánh giá được cách thuyết phục thường dùng trong quảng cáo thương mại. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết).
Liên hệ, so sánh, kết nối	- Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. - Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau.

c. Yêu cầu cần đạt về năng lực đọc văn bản thông tin.

Phương diện	Yêu cầu cần đạt
Đọc hiểu nội dung	- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản; giải thích được ý dung nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản. - Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản.
Đọc hiểu hình thức	- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...
Liên hệ, so sánh, kết nối	- Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và sánh, kết nối phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản.

- Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

2.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực viết

a. Quy trình viết

*** Bước 1. Chuẩn bị trước khi viết**

- Xác định vấn đề nghị luận, mục đích, đối tượng người đọc.
- Xác định hình thức triển khai.
- Thu thập thông tin, tư liệu.

*** Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý.**

- Tìm ý triển khai cho bài viết.
- + Đặt ra những câu hỏi từ vấn đề nghị luận.
- + Sắp xếp các câu hỏi theo trình tự khoa học, logic, hợp lí.
- Lập dàn ý cho bài viết.
- + Đối với yêu cầu là viết đoạn văn, cần nắm vững quy định về hình thức và dung lượng. Lựa chọn cách trình bày phù hợp với vấn đề nghị luận và các ý dự kiến triển khai trong đoạn.

+ Đối với yêu cầu là viết bài văn, cần nắm vững đặc trưng từng kiểu bài, thể loại để triển khai đúng vấn đề nghị luận, đúng yêu cầu.

*** Bước 3. Viết bài.** Thực hành viết theo dàn ý đã dự kiến.

*** Bước 4. Xem lại, chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.** Đọc lại bài. Sửa lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (nếu có).

b. Một số dạng đề viết cơ bản

- Viết một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.
- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
- Viết một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ.
- Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.
- Viết quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.

II. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CẤU TRÚC ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI CƠ BẢN VÀ BẢNG NĂNG LỰC CẤP ĐỘ TƯ DUY

Căn cứ vào tài liệu ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn lớp 9, Tài liệu tập huấn xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra định kì cấp THCS môn Ngữ văn, bản Yêu cầu đánh giá và bảng năng lực, cấp độ tư duy, Đề thi minh họa tốt nghiệp môn Ngữ văn từ năm 2025 đã nêu (tháng 12, năm 2023), xin đề xuất một số cấu trúc định dạng đề thi Tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn để các thầy cô và các em học sinh tham khảo.

1. Loại 1. Hình thức tự luận kết hợp trắc nghiệm khách quan

a. Dạng 1. Đọc hiểu văn bản, viết đoạn văn, viết bài văn

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy									
				Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Tổng
				Số câu		Tỉ lệ	Số câu		Tỉ lệ	Số câu		Tỉ lệ	
1	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu	4TN	TN	TL	10%	TN	TL	20%	TN	TL	10%	40%
			2TL	2	0		2	1		0	1		
2	Năng lực viết	Viết đoạn văn nghị luận/đoạn văn cảm nghĩ	1	5%			5%			10%			20%
		Viết bài văn nghị luận/ thuyết minh/ kể chuyện	1	7,5%			10%			22,5%			40%
Tỉ lệ %				22,5%			35%			42,5%			100%
Tổng			8	100%									

b. Dạng 2. Đọc hiểu văn bản, viết bài văn

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy									
				Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Tổng
				Số câu		Tỉ lệ	Số câu		Tỉ lệ	Số câu		Tỉ lệ	
1	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu	6TN 3TL	TN 3	TL 0	15%	TN 3	TL 1	25%	TN 0	TL 2	20%	60%

2	Năng lực viết	Viết bài văn nghị luận/ thuyết minh/ kể chuyện	1	7,5%	10%	22,5%	40%
Tỉ lệ %				22,5%	35%	42,5%	100%
Tổng			10	100%			

2. Loại 2. Hình thức tự luận

a. Dạng 1. Đọc hiểu văn bản, viết đoạn văn, viết bài văn

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
2	Năng lực viết	Viết đoạn văn nghị luận/đoạn văn cảm nghĩ	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn nghị luận/ thuyết minh/ kể chuyện	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			7	100%						

b. Dạng 2. Đọc hiểu văn bản, viết bài văn

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu	7TL	3	15%	2	25%	2	20%	60%
2	Năng lực viết	Viết bài văn nghị luận/ thuyết minh/ kể chuyện	1	7,5%		10%		22,5%		40%
Tỉ lệ %				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			8	100%						

III. LỰA CHỌN NGŨ LIỆU VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÂU HỎI

1. Lựa chọn ngữ liệu ôn tập

Điểm đổi mới với môn Ngữ Văn trong kiểm tra đánh giá định kì nói chung và Kỳ thi tuyển sinh vào 10 từ năm 2025 nói riêng là sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa ở cả hai phần Đọc hiểu và Viết. Vì thế việc lựa chọn ngữ liệu vào đề thi có vai trò rất quan trọng. Để đáp ứng đúng yêu cầu đánh giá năng lực Ngữ văn theo chương trình GDPT 2018, ngữ liệu trong các đề thi cần lưu ý những đặc điểm sau:

- Thể loại và độ khó tương đương với văn bản học sinh được trong Chương trình Ngữ văn lớp 9.

- Đề tài, nội dung của ngữ liệu cần bảo đảm tính tư tưởng, tính giáo dục và tính thẩm mỹ... phù hợp với đối tượng HS cuối cấp THCS.

- Tổng độ dài các ngữ liệu trong đề thi cần phù hợp với đối tượng học sinh lớp 9 và kì thi Tuyển sinh vào 10.

- Đề tài, nội dung của ngữ liệu cần bảo đảm tính tư tưởng, tính giáo dục và tính thẩm mỹ... phù hợp với đối tượng HS cuối cấp THCS.

- Kiểu văn bản và thể loại của các ngữ liệu bao gồm:

- + Văn bản văn học: Truyện truyền kì, truyện trinh thám, truyện (nói chung), truyện thơ Nôm; thơ song thất lục bát, thơ tám chữ, thơ (nói chung); bi kịch.

- + Văn bản nghị luận: Nghị luận xã hội, nghị luận văn học.

- + Văn bản thông tin: Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử; Bài phỏng vấn.

2. Xây dựng hệ thống câu hỏi

Câu hỏi trong phần Đọc hiểu đề thi Tuyển sinh vào lớp 10 có hai dạng: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tự luận. nẽv ind ubid 2008. gna.d Câu hỏi trắc nghiệm khách quan cần ngắn gọn, tường minh về lệnh hỏi và thường là dạng câu hỏi có nhiều phương án lựa chọn. Các câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi Tuyển sinh vào 10 tập trung vào mức độ nhận biết và thông hiểu.

Câu hỏi tự luận tập trung vào cả ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Đối với câu hỏi tự luận ở cấp độ nhận biết, thông hiểu, cần phân loại câu hỏi về nội dung, câu hỏi về hình thức. Và đối với từng dạng câu hỏi cần đưa ra được cách trả lời để có thể khắc sâu kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

Yêu cầu trong phần viết cũng có hai dạng: viết đoạn văn và viết bài văn.

Viết đoạn văn trong chương trình Ngữ văn lớp 9 trọng tâm là viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. Tuy nhiên, vẫn có thể yêu cầu viết đoạn văn nghị luận (nghị luận xã hội và nghị luận văn học) hoặc đoạn văn thuyết minh... Như vậy, học sinh phải được rèn luyện cách viết một đoạn văn theo đúng kiểu văn bản, đúng với yêu cầu đề bài. Với hình thức là một đoạn văn thì câu hỏi nên hướng đến một hoặc một vài đặc điểm/khía cạnh của vấn đề. Với yêu cầu viết đoạn văn nghị luận

xã hội thì vấn đề nghị luận không nhất thiết liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi.

Câu viết bài văn trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng rất đa dạng. Nếu là viết bài văn nghị luận văn học thì yêu cầu có thể là phân tích một tác phẩm văn học (phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết hoặc thuyết minh về một danh lam thắng quả thẩm mỹ của các yếu tố hình thức); có thể yêu cầu viết một truyện kể sáng tạo, viết bài văn nghị luận về vấn đề cần giải quyết hoặc thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử...

PHẦN HAI

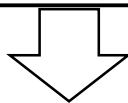
KỸ NĂNG LÀM BÀI THEO CÁC DẠNG CÂU HỎI TRONG ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10

I. KỸ NĂNG TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

1. Các bước thực hiện

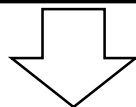
Bước 1: Đọc văn bản

- Xác định kiểu văn bản/đoạn trích của ngữ liệu.
- Gạch chân nhan đề văn bản, nguồn trích dẫn, các từ khóa (từ xuất hiện nhiều lần).
- Đối với văn bản nghị luận và văn bản thông tin cần chú ý thêm các câu ở các vị trí đầu, cuối văn bản và đầu mỗi đoạn trong văn bản.



Bước 2: Đọc câu hỏi

- Đối với câu hỏi trắc nghiệm: gạch chân các từ khóa nêu yêu cầu cần hỏi trong phần dẫn; đọc các phương án trong phần lựa chọn, gạch chân các từ/cụm từ khác nhau giữa các phương án để tìm sự khác biệt.
- Đối với câu hỏi tự luận: Xác định chính xác từ, cụm từ nêu yêu cầu/vấn đề của từng câu hỏi.



Bước 3: Trả lời câu hỏi

- Trở lại văn bản để tìm kiếm thông tin theo từng câu hỏi và trả lời:
- ++ Câu hỏi trắc nghiệm: Viết chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất vào trong tờ giấy thi.

++ Câu hỏi tự luận

+++ Câu hỏi nhận biết: Đề bài yêu cầu gì trả lời yêu cầu đó.

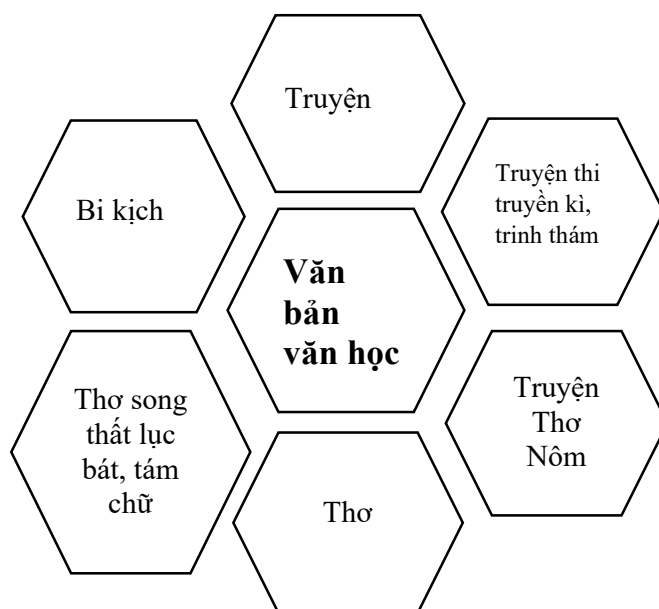
+++ Câu hỏi thông hiểu và vận dụng: Trả lời trực tiếp vào vấn đề được hỏi. Tách ý để trả lời. Các ý cần nêu ngắn gọn, sắp xếp hợp lý.

- Thời gian trả lời các câu hỏi đọc hiểu: Cần cân đối giữa số lượng câu hỏi, độ khó, số điểm của phần đọc hiểu với thời gian, tổng điểm số trong bài.

2. Kỹ năng trả lời câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu hỏi đọc hiểu trắc nghiệm khách quan thường là dạng câu hỏi nhiều lựa chọn, tập trung ở cấp độ nhận biết, thông hiểu. Vì thế, học sinh cần nắm vững tri thức Ngữ văn, đọc kỹ các phương án trả lời, phân biệt giữa những phương án gây nhiễu và phương án chính xác để lựa chọn.

3. Kỹ năng trả lời câu hỏi tự luận ngắn đối với văn bản văn học cho



Chương trình Ngữ văn lớp 9 tập trung vào các thể loại như truyện (nói chung), truyện truyền kì, truyện trình thám; truyện thơ Nôm, thơ (nói chung), thơ song thất lục bát, thơ tám chữ, bi kịch.

Các thể loại văn học trong chương trình Ngữ văn 9

Nội dung dạy học và yêu cầu cần đạt trong chương trình Ngữ văn đã được phân bổ thể theo từng cấp học, khối lớp. Vì thế có những thể loại được học xuyên suốt chương trình nhưng yêu cầu cần đạt ở mỗi khối lớp khác nhau. Trong quá trình hướng dẫn học sinh ôn tập, rèn kỹ năng đọc, viết, giáo viên cần bám sát vào yêu cầu cần đạt đối với từng thể loại, từng kỹ năng.

Thể loại	Yêu cầu cần đạt về nội dung theo chương trình Ngữ văn lớp 9	Yêu cầu cần đạt về hình thức theo chương trình Ngữ văn lớp 9
Truyện truyền kì, trình thám	Đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp.	Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại.
Truyện thơ Nôm	Đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc, tình cảm.	Cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

Thể loại	Yêu cầu cần đạt về nội dung theo chương trình Ngữ văn lớp 9	Yêu cầu cần đạt về hình thức theo chương trình Ngữ văn lớp 9
Thơ song thất lục bát, tám chữ	Đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc, tình cảm.	Bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ; sự khác biệt với thơ lục bát.
Bi kịch	Đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp.	Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

Yêu cầu cần đạt về nội dung, hình thức của từng thể loại văn học theo chương trình

Từ yêu cầu cần đạt của chương trình, chúng tôi xin được giới thiệu một số các dạng câu hỏi chung, cơ bản theo các cấp độ và đề xuất căn cứ và hướng dẫn cách trả lời tương ứng với từng dạng câu hỏi.

a. Câu hỏi nhận biết

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
- Xác định nhân vật chính, sự kiện chính, lời thoại trong truyện thơ Nôm. - Xác định không gian, thời gian, nhân vật chính, nhân vật trung tâm, tình huống của truyện, truyện truyền kì, truyện trình thám. - Liệt kê các yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì; chi tiết trong truyện. - Nêu các sự kiện chính tạo nên cốt truyện truyền kì, trình thám. - Chỉ ra lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời độc thoại, lời đối thoại trong văn bản truyện, truyện truyền kì, truyện trình thám.	- Đặc trưng thể loại của truyện thơ Nôm, truyện truyền kì, truyện trình thám. Các yếu tố cốt truyện, sự kiện, vị trí nhân vật, lời thoại giữa các nhân vật trong văn bản truyện thể hiện.

- Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản. - Nêu đặc điểm hình thức thể loại thơ song thất lục bát, lục bát được thể hiện trong văn bản. - Xác định cách ngắt nhịp, cách gieo vần trong văn bản. - Gọi tên và chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ, đoạn thơ.	- Đặc điểm thi luật của các thể thơ song thất lục bát, lục bát. - Các yếu tố nội dung và hình thức văn bản thơ thể hiện. - Dấu hiệu nhận biết của các biện pháp tu từ, cách gieo vần, cách ngắt nhịp.
---	---

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
- Xác định nhân vật kịch, xung đột kịch, cốt truyện trong đoạn trích kịch. - Xác định lời thoại, chỉ dẫn sân khấu các đoạn đối thoại, độc thoại trong đoạn trích kịch.	- Đặc trưng thể loại bi kịch. - Nội dung văn bản kịch thể hiện.
- Xác định cách dẫn gián tiếp, cách dẫn dẫn trực tiếp; câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu đặc biệt.	- Đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của cách dẫn gián tiếp, cách dẫn trực tiếp; - Đặc điểm cấu tạo các kiểu câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu đặc biệt.

b. Câu hỏi thông hiểu

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
- Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản.	- Nêu rõ nhan đề của văn bản. - Giải thích ý nghĩa nhan đề, trả lời các câu hỏi sau: + Nhan đề có hình thức cấu tạo là một cụm từ ngữ hay một câu? Nhan đề được đặt theo cách nào? ++ Với thể loại truyện: Nhan đề có thể được đặt theo hình tượng nhân vật trung tâm hoặc theo tình huống truyện hoặc theo hình tượng nghệ thuật, hoặc theo không gian, thời gian nghệ thuật trong văn bản... ++ Với thể loại thơ: Nhan đề có thể được đặt theo bối cảnh không gian, thời gian nghệ thuật; sự kiện; hình tượng nghệ thuật; tâm trạng của nhân vật trữ tình.... + Nhan đề đó đã hướng người đọc tập trung vào nội dung, vấn đề gì trong văn bản? + Nhan đề đó góp phần thể hiện thái độ, cảm xúc, dụng ý nghệ thuật của tác giả như thế nào? + Nhan đề đó khơi gợi điều gì trong bạn đọc?

Nêu vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc họa hình tượng nhân vật.	- Nêu rõ những lời văn khắc họa hình tượng nhân vật của người kể chuyện - Vai trò của lời người kể chuyện, trả lời các câu hỏi:
--	--

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	+ Lời văn đó có góp phần khắc họa chân thực, cụ thể, chi tiết hơn về hoàn cảnh xuất thân hay dáng vẻ ngoại hình hay trạng thái, lời nói, cử chỉ hay tính cách, tâm trạng của nhân vật hay không? + Lời văn đó phản ánh cái nhìn mang tính khách quan hay chủ quan trong quá trình khắc họa hình tượng nhân vật? + Lời văn đó góp phần bộc lộ thái độ, tình cảm của nhà văn dành cho nhân vật như thế nào?
Nêu ý nghĩa của chi tiết trong văn bản.	- Xác định chi tiết đó thuộc phương diện nào? Xuất hiện bao chi tiết trong văn nhiều lần trong tác phẩm? - Tìm hiểu ý nghĩa của chi tiết: + Khắc họa nhân vật. + Tạo sự phát triển cho câu chuyện. + Thể hiện tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm. + Thể hiện tài năng nghệ thuật của tác giả.
Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng biện pháp tu từ trong đoạn trích/văn bản.	- Gọi tên, chỉ ra từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ. - Nêu hiệu quả: Biện pháp tu từ... đã đem lại hiệu quả cho văn việc sử dụng biện bản. + Về nội dung (trả lời các câu hỏi): Nhằm nhấn mạnh/ khắc họa điều gì? Thể hiện tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? Qua đó gửi gắm thông điệp, bài học, ý nghĩa gì của tác giả? ++ Với các biện pháp: Tạo nhịp điệu...; giọng điệu...; tăng tính liên kết cho văn bản (chỉ rõ nhịp điệu gì, giọng điệu gì); ++ Với các biện pháp ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, hoán dụ... Khiến văn bản/ đoạn văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn.
Tâm trạng, tình cảm, mạch cảm	- Xác định hình tượng nhân vật trữ tình, bố cục, kết cấu trong văn bản.

xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong trong văn bản?	- Tìm những từ ngữ, hình ảnh bộc lộ trực tiếp hoặc gián tiếp tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình. - Nêu rõ tâm trạng, tình cảm, mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình theo bố cục hoặc kết cấu văn bản.
--	---

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Nêu tác dụng của thể thơ trong việc thể hiện nội dung của văn bản.	- Chỉ rõ thể thơ được sử dụng trong văn bản. - Tác dụng về nội dung (trả lời các câu hỏi): Có góp phần khắc họa/thể hiện chủ đề của văn bản không? Có góp phần bộc lộ/điển tả tâm trạng, thái độ, tình cảm của tác giả/nhân vật trữ tình không? - Tác dụng về nghệ thuật (trả lời câu hỏi): Có góp phần tạo nhịp điệu thơ, giọng thơ, tính nhạc không?
Những lời độc thoại góp phần thể hiện tâm trạng, thái độ, tính cách nhân vật kịch như thế nào?	- Nêu khái quát nội dung những lời độc thoại của nhân vật: nói với ai, về điều gì? - Tác dụng của những lời độc thoại, trả lời các câu hỏi: + Lời độc thoại đó cho thấy tâm trạng gì của nhân vật? + Lời độc thoại đó bộc lộ thái độ của nhân vật như thế nào? + Lời độc thoại đó khắc họa tính cách gì của nhân vật?

c. Câu hỏi vận dụng

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
- Cách giải quyết xung đột có phù với cuộc sống hiện nay không? Vì sao?	- Nêu rõ cách giải quyết xung đột trong văn bản. - Bày tỏ quan điểm bản thân: cách giải quyết đó phù hợp hoặc hợp không phù hợp. - Lí giải cho quan điểm của bản thân: + Nếu cho rằng cách giải quyết đó chưa phù hợp thì cần làm rõ sự khác nhau về bối cảnh xã hội, quan điểm nhận thức; điểm chưa phù hợp trong cách giải quyết với cuộc sống hiện nay. + Nếu cho rằng cách giải quyết đó phù hợp thì làm rõ sự giống nhau về quan điểm nhận thức, những điểm phù hợp vẫn có ý nghĩa với bối cảnh cuộc sống hiện nay.
Nêu suy nghĩ của	- Nêu nội dung chi tiết, lời thoại, lời nhân vật. - Bày tỏ suy nghĩ, trả lời các câu hỏi:

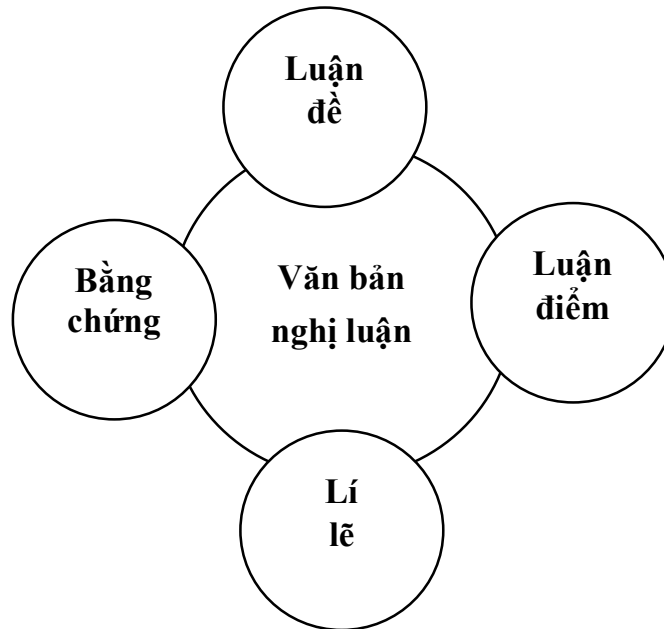
của bản thân về chi tiết lời thoại, ngôn ngữ nhân vật trong văn bản.	+ Chi tiết, lời thoại, ngôn ngữ của nhân vật giúp em có những nhận thức gì về nhân vật trong văn bản.
--	---

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Suy nghĩ của bản thân em về chủ đề hoặc nội dung của văn bản.	- Nêu chủ đề hoặc khái quát nội dung văn bản. - Khẳng định từ chủ đề hoặc nội dung văn bản đã gợi cho mỗi chúng ta những suy nghĩ sâu sắc: + Nhận thức được những điều gì từ nội dung, chủ đề của văn bản? + Thức tỉnh trong em những thái độ, xúc cảm gì? + Từ đó, giúp bản thân em ý thức được cần phải làm gì?
- So sánh để chỉ ra sự tương đồng, khác biệt về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai tác phẩm.	Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt về nội dung và hình thức nghệ thuật theo các tiêu chí. Tiêu chí về nội dung: + Đối với truyện: đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, tư tưởng, thông điệp của nhà văn. + Đối với thơ: đề tài, chủ đề, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, tư tưởng, thông điệp của nhà thơ. + Đối với bi kịch: đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của nhà viết kịch. - Tiêu chí về nghệ thuật: + Đối với truyện: không gian, thời gian, cốt truyện, chi tiết, nhân vật chính, lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối tu/cum chira thông tin. thoại và lời độc thoại. + Đối với thơ: bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; vần, nhịp, số số chữ, số dòng. + Đối với kịch: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
Nội dung tư tưởng văn bản có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay?	- Nêu tư tưởng văn bản. - Nêu ý nghĩa của tư tưởng văn bản, trả lời các câu hỏi: + Tư tưởng đó giúp thế hệ trẻ ngày nay nhận thức được điều gì?

	+ Tư tưởng đó khơi dậy những tình cảm, thái độ gì trong thế hệ trẻ? + Tư tưởng đó giúp cho thế hệ trẻ xác định được những việc làm, hành động gì của bản thân?
--	---

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
- Rút ra thông điệp, bài học ý nghĩa nhất từ văn bản. Thông điệp, bài học đó có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống hiện nay?	- Nêu thông điệp, bài học bằng một câu đơn, bám sát vào nội dung chính của văn bản. - Nêu ý nghĩa của thông điệp, bài học, trả lời các câu hỏi: + Thông điệp, bài học đó giúp em nhận thức được điều gì? + Thông điệp, bài học đó khơi dậy trong em những tình cảm, thái độ gì? + Thông điệp, bài học đó giúp em nhận thấy cần phải làm gì?

4. Kỹ năng trả lời câu hỏi tự luận ngắn đối với kiểu văn bản nghị luận



Các yếu tố đặc trưng cơ bản của văn bản nghị luận

a. Câu hỏi nhận biết

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Xác định luận đề của văn bản.	- Khái niệm về luận đề. - Căn cứ xác định luận đề: nhan đề văn bản; các câu chủ đề trong từng đoạn văn.
Xác định cách trình bày vấn đề của văn bản.	- Cách trình bày vấn đề khách quan (cung cấp thông tin) và cách trình bày vấn đề chủ quan (thể hiện suy nghĩ, quan điểm, thái độ, tình cảm của người viết). - Căn cứ cách trình bày: nhan đề, luận đề, hệ thống luận điểm của văn bản.
Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Đề triển khai luận đề, tác giả đã đưa ra những luận điểm nào?	- Khái niệm về luận điểm. - Căn cứ nội dung văn bản; câu chủ đề của các đoạn văn trong văn bản.
Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm trong văn bản.	- Khái niệm về luận điểm. - Cách sắp xếp các luận điểm trong văn bản nghị luận.
- Xác định cách triển khai của đoạn văn... trong văn bản.	- Khái niệm đoạn văn. - Cách triển khai của đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, song hành, tổng phân hợp.
Chỉ ra những lí lẽ được dùng sử dụng trong phần/đoạn... của văn bản.	- Khái niệm về lí lẽ. - Vị trí của lí lẽ trong đoạn văn: thường ở vị trí sau câu chủ đề, trước câu nêu dẫn chứng.
- Dựa vào nội dung văn bản, xác định bối cảnh ra đời của văn bản.	- Kỹ năng đọc, gạch chân các câu văn chứa thông tin về bối cảnh ra đời. - Kỹ năng viết ngắn gọn: “trúng, đúng, đủ” .
Chỉ ra thông tin chính trong những lí lẽ của tác giả nêu ra.	- Kỹ năng đọc, gạch chân các câu văn chứa thông tin cần - Kỹ năng viết ngắn gọn: “trúng, đúng, đủ” .
Chỉ ra các từ/cụm từ chứa thông tin chính trong lí lẽ của tác giả nêu ra.	- Kỹ năng đọc, gạch chân các từ/cụm từ chứa thông tin
Liệt kê các dẫn chứng được tác giả sử dụng trong văn bản.	- Khái niệm dẫn chứng - Các loại dẫn chứng thường gặp: số liệu; sự vật hiện tượng; nhân vật ngoài đời sống; câu nói ý nghĩa của các nhân vật nổi tiếng.

Xác định phương thức biểu đạt chính hoặc các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.	- Đặc trưng và mục đích của văn bản nghị luận: bày tỏ quan điểm và thuyết phục người đọc, người nghe đồng tình với quan điểm của người viết. - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận. Có sử dụng kết hợp các phương thức: miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh (tùy từng văn bản, dụng ý của người viết)
---	--

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Chỉ rõ các kiểu câu theo cấu tạo ngữ pháp được sử dụng trong các câu văn/đoạn văn.	- Đặc điểm cấu tạo của các kiểu câu: câu đơn, câu ghép, câu rút gọn, câu đặc biệt. - Dấu hiệu nhận biết các kiểu câu.
Liệt kê các biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu văn/đoạn văn.	- Đặc điểm của các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần. - Dấu hiệu nhận biết các biện pháp tu từ.

b. Câu hỏi thông hiểu

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Luận đề của văn bản được triển khai như thế nào qua hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng?	- Nêu luận đề của văn bản. - Chỉ rõ các luận điểm được triển khai từ luận đề của văn bản . - Trong từng luận điểm, cần nêu rõ lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng.
Nhận xét về cách nêu lí lẽ và phân tích bằng chứng trong đoạn/phần... của văn bản.	- Chỉ rõ lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong văn bản. - Nhận xét, trả lời các câu hỏi sau: + Lí lẽ có sắc bén hay không? Bằng chứng có xác thực hợp lí không? Bằng chứng được nêu ra trước hay sau lí lẽ? + Sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng có phù hợp, chặt chẽ làm sáng rõ luận điểm hay không?
Em hiểu như thế nào về lí lẽ/câu nói/ý tưởng... được tác giả nêu ra trong đoạn/phần... của văn bản.	- Giải thích các từ ngữ, khái niệm (nếu cần). - Nêu nội dung của lí lẽ/câu nói/ý tưởng... bằng ngôn ngữ cá nhân theo từng về, từng ý. - Rút ra thông điệp/ý nghĩa của lí lẽ/câu nói/ý tưởng.
Nhận xét về những lí lẽ được tác giả nêu ra trong đoạn/phần... của văn bản.	- Chỉ rõ lí lẽ được sử dụng trong văn bản. - Nhận xét, trả lời các câu hỏi sau:

	+ Lí lẽ nêu ra có phù hợp, có làm sáng rõ luận điểm không?
--	--

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	+ Lí lẽ có sắc bén, có thuyết phục được người đọc/người nghe không? + Cách sử dụng ngôn từ, kiểu câu, biện pháp tu từ góp phần tạo giọng điệu cho lí lẽ như thế nào?
Thái độ, tình cảm của tác giả được thể hiện như thế nào qua các lí lẽ?	- Chỉ rõ lí lẽ được sử dụng trong văn bản. - Nêu thái độ của tác giả được thể hiện qua lí lẽ: bằng cách + Nêu chính xác thái độ của tác giả theo các từ ngữ bộc lộ trực tiếp trong từng lí lẽ (nếu có). + Căn cứ vào cách dùng từ ngữ, hình ảnh, kiểu câu, nhịp điệu, giọng điệu của tác giả thể hiện trong từng lí lẽ để chỉ ra chính xác thái độ, tình cảm của tác giả.
Nêu tác dụng của bằng chứng được sử dụng trong văn bản.	- Chỉ rõ bằng chứng được trích dẫn. - Tác dụng về nội dung (trả lời các câu hỏi): Có góp phần khẳng định tính đúng đắn của quan điểm/vấn đề mà tác giả nêu ra trong văn bản không? Qua đó, gửi gắm thông điệp, bài học gì của tác giả? - Tác dụng về hình thức (trả lời các câu hỏi): Có tăng tính xác thực, lập luận thuyết phục cho văn bản không? Văn bản có sinh động, hấp dẫn không?
- Nhận xét về cách triển khai bằng chứng của tác giả trong đoạn/phần... của văn bản.	- Chỉ rõ bằng chứng được trích dẫn, phân tích. - Nhận xét về cách triển khai bằng chứng, trả lời các câu hỏi sau: + Bằng chứng được lựa chọn có chính xác, phù hợp với luận điểm/luận đề của văn bản hay không? + Bằng chứng được nêu ra trước hay sau lí lẽ? Có được phân tích để làm rõ luận điểm không?
Nêu hiệu quả của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản.	- Chỉ rõ các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. - Hiệu quả về nội dung (trả lời câu hỏi): Có làm nổi bật được luận đề/luận điểm trong văn bản không?

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	- Hiệu quả về hình thức nghệ thuật: Có làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn không? - Hiệu quả với bạn đọc: Có thuyết phục được người nghe/người đọc hay không?
Nêu hiệu quả của việc sử dụng biện pháp tu từ trong đoạn văn.	- Gọi tên, chỉ ra từ ngữ, hình ảnh chứa biện pháp tu từ. - Nêu hiệu quả: Biện pháp tu từ... đã đem lại hiệu quả cho văn bản. + Về nội dung (trả lời các câu hỏi): Nhằm nhấn mạnh khía cạnh điều gì? Thể hiện tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả? Qua đó gửi gắm thông điệp, bài học, ý nghĩa gì của tác giả? + Về hình thức nghệ thuật: ++ Với các biện pháp điệp: Tạo nhịp điệu...; giọng điệu...; tăng tính liên kết cho văn bản (chỉ rõ nhịp điệu gì, giọng điệu gì); ++ Với các biện pháp ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, hoán dụ... Khiến văn bản/ đoạn văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn.
Nêu tác dụng của việc sử dụng kết hợp các kiểu các câu đơn, câu ghép trong việc thể hiện nội dung văn bản.	- Chỉ rõ câu đơn, câu ghép trong văn bản. - Hiệu quả trong việc thể hiện nội dung văn bản (trả lời các câu hỏi): + Nhằm thể hiện nội dung đơn giản hay phức tạp? Có góp phần làm sáng rõ luận đề/luận điểm hay không? + Góp phần thể hiện quan điểm, tâm trạng, thái độ, cảm xúc gì của tác giả?

c. Câu hỏi vận dụng

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
- Điều em tâm đắc nhất từ văn bản là gì? Vì sao?	- Nêu điều tâm đắc nhất của bản thân:

	+ Trên phương diện nội dung: có thể tâm đắc về luận đề, luận điểm; về quan điểm, thái độ; về lí lẽ của tác giả... + Trên phương diện nghệ thuật: có thể tâm đắc về cách Nguồn dàu triển khai đoạn văn; cách lựa chọn, sắp xếp bằng chứng; cách sử dụng từ ngữ, kiểu câu....
--	---

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	- Lí giải vì sao, trả lời các câu hỏi: + Điều tâm đắc đó có làm sáng rõ luận đề, quan điểm, thái độ của tác giả trong văn bản không? Có tạo được sự sinh động, hấp dẫn, giọng điệu cho văn bản không? + Điều tâm đắc đó có thuyết phục người đọc, người nghe hay không? + Điều tâm đắc đó gợi mở trong em những suy nghĩ, nhận thức, tình cảm, thái độ gì?
Thông điệp ý nghĩa nhất mà văn bản gửi đến cho em là gì? Vì sao?	Nêu thông điệp/ bài học ngắn gọn bằng một câu đơn, bám sát vào nội dung chính của văn bản. Lí giải: 03 lí lẽ, trả lời các câu hỏi: + Thông điệp/bài học đó đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của vấn đề gì? + Thông điệp/bài học đó đã đem lại những cảm xúc tích cực nào cho bản thân em? + Thông điệp/bài học đó đã định hướng những việc làm, hành động tích cực nào cho bản thân em?
Theo em, vấn đề đặt ra trong văn bản, có ý nghĩa trong cuộc sống hiện nay không? Vì sao?	Chỉ rõ quan điểm của bản thân: Vấn đề đó có ý nghĩa hoặc không có ý nghĩa. Li giải: + Nếu cho rằng vấn đề đó có ý nghĩa, nêu rõ sự tác động tích cực của vấn đề đó với cá nhân mỗi người và với cộng đồng, xã hội. + Nếu cho rằng vấn đề đó không có ý nghĩa, chỉ rõ những mặt hạn chế của vấn đề, dự báo những điều không tích cực sẽ tác động đến cá nhân và cộng đồng, xã hội.
Theo em, vấn đề được tác giả đặt trong đoạn	- Căn cứ vào bản chất của vấn đề, vào những chuẩn mực đạo đức, những giá trị sống cốt lõi để bày tỏ quan điểm văn của của bản thân về vấn đề: đúng hoặc sai.

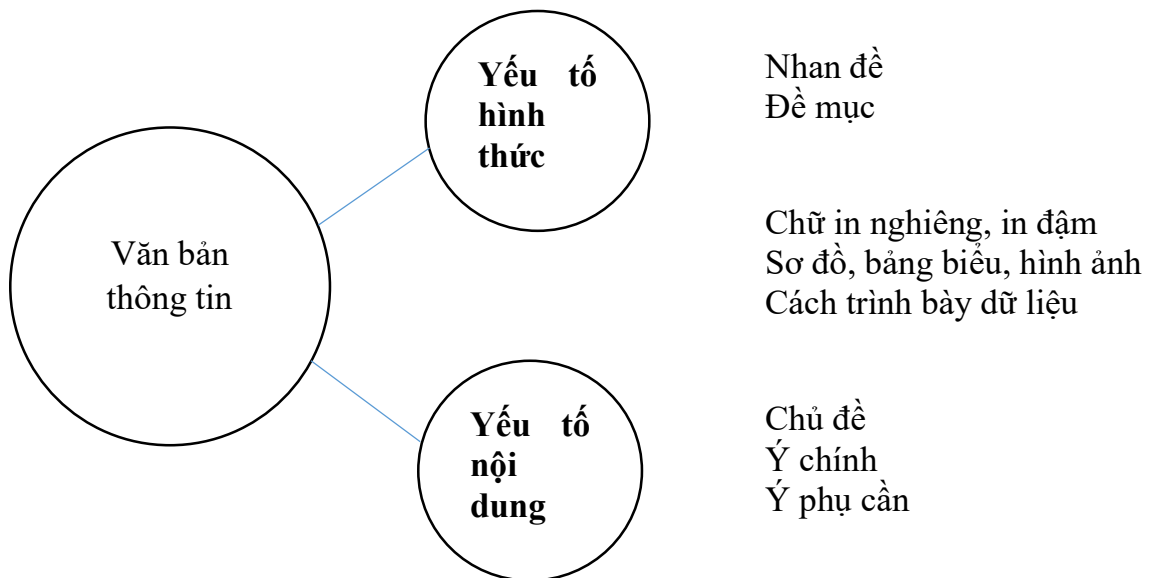
văn bản là đúng hay sai? Vì sao?	- Lí giải: + Nếu cho rằng vấn đề là đúng, cần nêu vai trò, ý nghĩa, sự tác động tích cực của vấn đề đó với cá nhân mỗi người và với cộng đồng, xã hội.
-------------------------------------	--

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	+ Nếu cho rằng vấn đề là sai, cần nêu rõ những tác hại, hậu quả, những tác động tiêu cực của vấn đề đó với cá nhân mỗi người và với cộng đồng, xã hội.
Từ cách triển khai luận điểm, lí lẽ, bằng chứng em rút ra được bài học gì về cách viết văn nghị luận?	- Nêu khái quát lại cách triển khai luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. - Bài học về cách viết văn nghị luận: + Triển khai luận điểm phải dựa trên cơ sở luận đề của văn bản. Các luận điểm cần liên kết chặt chẽ với nhau. Luận điểm trước là cơ sở cho luận điểm sau. + Lí lẽ, bằng chứng cần phù hợp với luận điểm, luận đề thể nh triển khai; sắp xếp theo trình tự hợp lí, bằng chứng được nêu ngay sau lí lẽ. + Lí lẽ cần sắc bén, làm rõ luận đề/luận điểm và thể hiện rõ quan điểm của người viết. Bằng chứng cụ thể, xác thực được phân tích đúng, trúng theo luận đề/luận điểm của văn bản.
Em có đồng ý với ý kiến/câu nói/các lí lẽ... không? Vì sao?	- Chỉ rõ quan điểm của bản thân: đồng ý hoặc không đồng ý hoặc đồng ý một phần. - Lí giải, trả lời cho các câu hỏi sau: + Nếu đồng ý: Nội dung của ý kiến/câu nói/lí lẽ đó phù hợp và làm sáng rõ luận đề/luận điểm như thế nào? Thuyết phục được người đọc, người nghe và tác động tích cực đến bản thân em như thế nào? + Nếu không đồng ý: Nội dung của ý kiến/câu nói/lí lẽ đó có chưa phù hợp và chưa làm sáng rõ luận đề/luận điểm như thế nào? Chưa thuyết phục được người đọc, người và bản thân em ra sao?
Em suy nghĩ như thế nào về câu nói/ý tưởng... được nêu trong văn bản?	- Khái quát nội dung văn bản/ câu văn. - Khẳng định văn bản / câu văn đã gợi cho mỗi chúng ta những suy nghĩ sâu sắc:

	+ Nhận thức: Nhận thức được những điều gì từ nội dung của văn bản / câu văn? + Thái độ, tình cảm: Thức tỉnh trong mỗi chúng ta những xúc cảm gì? + Hành động: Từ đó, giúp bản thân ta ý thức được cần phải làm gì?
--	--

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Từ cách nêu bằng chứng trong đoạn văn của văn em học hỏi được điều gì?	- Nêu khái quát lại bằng chứng được sử dụng trong đoạn văn. - Học hỏi được tiêu chí lựa chọn và cách phân tích dẫn chứng trong văn nghị luận: + Lựa chọn dẫn chứng: Cần phù hợp với luận đề/luận điểm; Uside lon đảm bảo tính xác th tính thời sự không vi phạm chuẩn mực đạo đức. +Cách nêu dẫn chứng: Cần cụ thể, chính xác, ngắn gọn và bổ trợ cho lí lẽ được nêu ra phía trước, làm sáng rõ luận đề/luận điểm.

5. Kỹ năng trả lời câu hỏi tự luận ngắn đối với kiểu văn bản thông tin



Các yếu tố đặc trưng cơ bản của văn bản thông tin

a. Câu hỏi nhận biết

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Chỉ ra đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử/bài phỏng vấn.	- Đặc điểm của văn bản giới thiệu danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử: + Bố cục: ba phần (mở đầu, nội dung, kết thúc)

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Xác định cách trình bày thông tin trong văn bản. - Chỉ ra một phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.	+ Hình thức văn bản: nhan đề, đề mục, chữ in đậm, nghiêng; sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành; phương tiện phi ngôn ngữ (tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu...)... + Cách trình bày thông tin: theo trật tự thời gian; theo trật tự không gian; theo quan hệ nhân quả, theo phân loại đối tượng, theo so sánh và đối chiếu... - Đặc điểm của văn bản phỏng vấn: + Bố cục: ba phần (mở đầu, nội dung, kết thúc) + Hình thức văn bản: nhan đề, đề mục, chữ in đậm, nghiêng; sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành; phương tiện phi ngôn ngữ (tranh, ảnh, sơ đồ, bảng biểu...)...
Xác định phương thức biểu đạt chính hoặc các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.	- Đặc trưng của các phương thức biểu đạt: <i>biểu cảm, miêu tả, tự sự, nghị luận, thuyết minh, hành chính – công vụ</i>. - Mục đích của văn bản.
Liệt kê các câu văn có sử dụng yếu tố miêu tả/biểu cảm trong văn bản.	- Đặc trưng của phương thức biểu đạt miêu tả, biểu cảm. - Căn cứ vào văn bản.
- Chỉ ra cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản.	- Khái niệm, đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp. - Căn cứ vào văn bản.
- Liệt kê tên viết tắt của một/một số tổ chức quốc tế được sử dụng trong văn bản.	- Nắm được tên viết tắt của một số tổ chức quốc tế. - Căn cứ vào văn bản.

Chỉ ra các từ/cụm từ chứa thông tin chính trong văn bản. Chỉ ra thông tin chính trong văn bản.	- Căn cứ yêu cầu đề bài. - Tìm vị trí của cụm từ ngữ trong đoạn trích/văn bản.
Chỉ ra mạch kết nối các nội dung trong văn bản bản.	- Căn cứ vào nhan đề, chủ đề, ý chính, ý phụ của văn bản.
Xác định mục đích của văn bản	- Căn cứ vào nội dung, tư tưởng, thông điệp của văn bản.

b. Câu hỏi thông hiểu

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Nêu hiệu quả của việc kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản.	- Nêu rõ các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. - Nêu hiệu quả của việc kết hợp các phương thức biểu đạt, trả lời các câu hỏi: + Việc kết hợp đó có làm nổi bật được vấn đề/chủ đề chính của văn bản không? + Có làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn không? + Có thuyết phục được người nghe/ người đọc hay không?
Nêu hiệu quả/ tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản.	- Chỉ rõ cách trình bày thông tin trong văn bản. - Nêu tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản, trả lời các câu hỏi: + Có làm rõ được thông tin, chủ đề chính của văn bản hay không? + Có thể hiện dụng ý gì của tác giả hay không? - Có giúp cho bạn đọc dễ hiểu, dễ nhớ hay không?
Nêu tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.	- Chỉ rõ phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích/văn bản. - Tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, trả lời các câu hỏi sau: + Phương tiện đó có góp phần minh họa cụ thể thông tin được nêu ra trong văn bản không?

	+ Có góp phần truyền tải quan điểm, ý tưởng của người viết hay không? + Có làm cho văn bản sinh động, hấp dẫn không? + Có thu hút được người đọc hay không?
Nêu tác dụng của phép biến đổi/ phép mở rộng cấu trúc câu.	- Chỉ rõ phép biến đổi/mở rộng cấu trúc câu. - Nêu tác dụng của phép biến đổi/mở rộng cấu trúc câu, trả lời các câu hỏi sau: + Có góp phần thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung cần diễn đạt trong câu hay không? + Có góp phần thể hiện thái độ, tình cảm, sự đánh giá của người nói (người viết) đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu hay không?
Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	+ Có góp phần tăng sự liên kết câu, khiến cho cách diễn ở phong phú, sinh động hơn không?
Nhan đề có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản?	- Nêu rõ nhan đề của văn bản - Nêu ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản, trả lời các câu hỏi sau: + Nhan đề đã đề cập đến thông tin gì? + Thông tin đó có đề cập đến nhân vật, sự kiện chính được nhắc đến trong văn bản hay không? + Có góp phần khiến thông tin chính được triển khai rõ ràng, mạch lạc hơn không? + Người đọc có dễ dàng theo dõi được thông tin chính qua nhan đề hay không?
Nêu tác dụng của việc trích dẫn các tư liệu lịch sử trong văn bản.	- Chỉ rõ tư liệu lịch sử được trích dẫn. - Nêu tác dụng của việc trích dẫn tư liệu lịch sử, trả lời các câu hỏi: + Có góp phần làm rõ thông tin, sự kiện chính được đề cập đến trong văn bản không? + Có thể hiện được mục đích của bài viết hay không? - Có tăng tính xác thực, thuyết phục cho văn bản không? Văn bản có sinh động, hấp dẫn không?

c. Câu hỏi vận dụng

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
Từ cách sử dụng kết hợp các phương thức trong văn bản biểu đạt trong văn bản, em rút ra được bài học gì về cách viết văn bản thông tin?	- Chỉ rõ các phương thức biểu đạt được sử dụng kết hợp trong văn bản. - Rút ra bài học về cách viết văn bản thông tin: + Sự kết hợp với phương thức miêu tả, biểu cảm sẽ khiến cho văn bản bớt khô khan, chỉ đơn thuần cung cấp thông tin khách quan đem lại sự sinh động, hấp dẫn cho văn bản thông tin. Sử dụng kết hợp với phương pháp nghị luận sẽ góp phần tăng tính thuyết phục về những thông tin được cung cấp.

Yêu cầu/Dạng câu hỏi cơ bản	Căn cứ và cách trả lời
	+ Sự kết hợp các phương thức biểu đạt phải được sử dụng với mục đích làm rõ thông tin chính, sự kiện chính, nhân vật chính của văn bản, không được phá vỡ trình tự trình bày thông tin.
Từ cách sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản, em rút ra được bài học gì về cách viết văn bản thông tin?	- Chỉ ra các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản. - Rút ra bài học về cách viết văn bản thông tin: + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ sẽ khiến cho nội dung thông tin được truyền tải đến người đọc nhanh nhất, dễ dàng nhất. Sẽ khiến cho văn bản sinh động, hấp dẫn, thu hút được người đọc. + Cần tránh việc lạm dụng các phương tiện phi ngôn ngữ. Phải biết chọn, làm chọn lọc những phương tiện phi ngôn ngữ một cách chính xác, hiệu quả nhất.
Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.	- Chỉ rõ thông tin, vấn đề đã được đọc, được cập nhật từ văn bản. - Nêu cách vận dụng tin, vấn đề đó vào giải quyết các vấn đề khác trong cuộc sống, trả lời các câu hỏi sau: + Thông tin chính đó giúp em có thêm những nhận thức mới, kiến thức mới nào về lĩnh vực, vấn đề mà em cần giải quyết?

	+ Thông tin chính đó giúp em có thái độ, cảm xúc như thế nào khi đứng trước một vấn đề em cần phải giải quyết? + Thông tin chính đó giúp em tìm thấy hướng giải quyết cho vấn đề của mình như thế nào? vấn đề của mình như thế nào?
--	---

3. Minh họa kỹ năng trả lời câu hỏi đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau:

CHUYẾN XE CUỐI NĂM

Chuyến xe lửa đêm ra Bắc hôm nay có vẻ hấp tấp vội vàng như người đi trốn nợ. Thỉnh thoảng đầu xe lại thét vội giữa quãng đồng không, xa nghe như hơi thở dài của đêm vắng.(...). Tâm ngồi dựa mình vào lưng chiếc ghế dài, gác chân lên rương, hai mắt lim dim muốn ngủ. Rải rác trong toa có thêm năm hành khách nữa, nhưng họ đã ngủ từ lâu. Tâm thấy giấc ngủ của họ dễ dàng quá mà thèm. Nhưng Tâm cũng không biết làm thế nào để ngủ được.

(...) Tâm buồn vì giữa lúc thiên hạ đang nô nức trong gia đình để đón xuân sang, Tâm lại ngồi trong một toa xe lạnh lẽo với chung quanh những gương mặt hững hờ. Buồn và tủi, Tâm muốn khóc để bao nhiêu nỗi khổ được tuôn ra. Nhưng Tâm vẫn không thể khóc được. Sau bao nhiêu năm lặn lội trong cảnh làm ăn chật vật, Tâm đã cảm thấy lòng mình rảnh rỗi và nước mắt không chảy được dễ dàng như xưa.(...)

Mấy người vùng quê mới vắng nghe tiếng còi đã chạy ra giữa sân nhà đứng ngóng. Lúc thấy xa xa cặp mắt đèn đang khoét bóng đêm dày đặc, họ liền lầm bầm:

- Tàu hỏa đã đến. Thế là mười hai giờ; thế là đã qua năm khác.

Đi... Hành khách trong chuyến tàu này toàn là những người đã xa lạc gia đình. Suốt năm họ ăn cơm quán, ngủ nhà thuê rồi gần Tết họ lại tìm về quê hương của họ. Họ đến ở tạm ít hôm trong nhà người quen để lại đi và tự hứa thăm sang năm về nữa. Tâm cũng ở trong cảnh ngộ ấy.

Năm giờ sớm hôm sau, ánh sáng như đến chúi nhọt tắt cả vẻ buồn đã sống lại trong lòng Tâm giữa đêm tối. Nắng gieo ngoài nội cỏ, nắng lướt trên dòng sông. Nhìn nắng, Tâm thấy lòng vui tươi hơn trước.

Cụ già ngồi bên cạnh Tâm lấy áo điều ra mặc. Máy hành khách kia cũng tìm nước rửa mặt và choàng thêm áo mới đủ màu. Tâm thấy họ thay đồ mới cũng bắt chước làm theo. Tâm mở rương lấy chiếc "cravate" màu vàng đeo vào cổ và thay cái áo dạ đen đã bạc màu...

Từ toa cuối một thiếu phụ trẻ dắt đứa con trai lững thững đi lên. Mọi người quay lại nhìn thiếu phụ yên lặng. Thiếu phụ cúi chào rồi mỉm cười:

- Chết! Có lẽ cháu là người đầu tiên đến xông rồi(...)

Một lát sau thiếu phụ tươi tỉnh:

- Các bác cho cháu đến ăn Tết ở đây cho vui. Ở toa cuối không có ai hết.

Cụ già vui vẻ: - Vâng, cứ tự nhiên, nhà chúng tôi cũng như nhà cô.

Cụ già nói đến chữ "nhà" với giọng thành thật đến như quên mình đang ở trong toa. (...)

Trời lại sáng, Tâm giật mình tỉnh dậy. Tâm lấy làm lạ là cụ già, thiếu phụ, và mấy hành khách kia không còn trong toa nữa. Tâm ngồi nhớ lại cảnh êm ấm của một gia đình tạm chiều hôm qua. Bên lòng Tâm như còn vương lại ít nhiều hương vị của ngày Tết. Tâm say sưa và lòng Tâm bát ngát. Nhưng Tâm còn muốn níu lại trong lòng thì hương vị ấy lại dần dần tan mất. Tâm thất vọng. Lòng Tâm lại lạnh như gió ngoài trời đã lạnh. Tâm bàng hoàng đứng dậy... Cảnh gia đình êm ấm chiều hôm qua đối với Tâm đã như một cảnh đoàn viên trong mộng. Tâm không tin có thật. Cũng như Tâm đã sợ không dám tin có gia đình.

(Quê mẹ, Thanh Tịnh, Nhà in Đời Nay, tr. 48-49)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5 (trình bày ngắn gọn):

Câu 1. Câu chuyện trong truyện ngắn Chuyển xe cuối năm diễn ra ở không gian và thời gian nào?

Câu 2. Câu chuyện kể về cảnh ngộ của những nhân vật nào?

Câu 3. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn văn sau:

Từ toa cuối một thiếu phụ trẻ dắt đưa con trai lững thững đi lên. Mọi người quay lại nhìn thiếu phụ yên lặng. Thiếu phụ cúi chào rồi mỉm cười:

- Chết! Có lẽ cháu là người đầu tiên đến xông rồi(...)

Một lát sau thiếu phụ tươi tỉnh:

- Các bác cho cháu đến ăn Tết ở đây cho vui. Ở toa cuối không có ai hết.

Cụ già vui vẻ: - Vâng, cứ tự nhiên, nhà chúng tôi cũng như nhà cô.

Cụ già nói đến chữ "nhà" với giọng thành thật đến như quên mình đang ở trong toa.

Câu 4. Những dòng tâm trạng, cảm xúc của nhân vật nhân vật Tâm trong đoạn trích, giúp em hiểu gì về nhân vật này?

Câu 5. Qua nội dung của đoạn trích, em có suy nghĩ gì về những con người lao động trong cuộc sống hôm nay?

Hướng dẫn trả lời:

Câu 1. là câu nhận biết về hình thức của thể loại truyện ngắn. Đối với câu hỏi này yêu cầu học sinh phải đọc văn bản, nắm được cốt truyện, từ đó sẽ xác định được không gian, thời gian diễn ra câu chuyện. Câu trả lời như sau:

- Không gian diễn ra câu chuyện là: trên toa tàu của chuyến xe lửa ra Bắc.

- Thời gian diễn ra câu chuyện là: đêm giao thừa và buổi sáng đầu năm mới.

Câu 2. là câu nhận biết về nội dung. Để trả lời được câu hỏi này, học sinh cần đọc câu hỏi, xác định chính xác yêu cầu câu hỏi, tìm thông tin trong văn bản và đưa ra câu trả lời. Câu trả lời như sau:

- Câu chuyện kể về cảnh ngộ của các nhân vật: Tâm và những hành khách trên chuyến tàu cuối năm.

Câu 3. là câu hỏi thông hiểu về hình thức. Câu hỏi này yêu cầu học sinh phải xác định được lời người kể chuyện, lời nhân vật và hiểu được tác dụng của việc sử dụng kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật. Trả lời như sau:

- Đoạn văn đã sử dụng kết hợp lời người kể chuyện như: *Từ toa cuối một thiếu phụ trẻ dắt đứa con trai lững thững đi lên. Mọi người quay lại nhìn thiếu phụ yên lặng.*

Thiếu phụ cúi chào rồi mỉm cười... và lời nhân vật: - Chết! Có lẽ cháu là người đầu tiên đến xông rồi(...)

- Tác dụng của việc sử dụng lời người kể chuyện và lời nhân vật:

+ Lời người kể chuyện có tác dụng dẫn dắt, khắc họa rõ nét bối cảnh của các hành khách trên toa tàu, miêu tả dáng vẻ, cử chỉ bên ngoài của nhân vật, bộc lộ thái độ, tình cảm của tác giả.

+ Lời nhân vật có tác dụng bộc lộ rõ nét những suy nghĩ, tâm trạng, cảm xúc của nhân vật người thiếu phụ và của cụ già.

+ Sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhân vật góp phần kể lại câu chuyện một cách chân thực, cụ thể, khắc họa rõ hơn tâm trạng, suy nghĩ của các nhân vật. Từ đó khiến cho câu chuyện có sự linh hoạt về điểm nhìn, đa dạng về giọng điệu góp phần tạo nên sức hấp dẫn của truyện.

Câu 4. là câu hỏi thông hiểu về nội dung. Học sinh cần tìm và đọc lại những câu văn diễn tả dòng tâm trạng, cảm xúc của nhân vật Tâm để từ đó kết nối các thông tin và rút ra những suy nghĩ, cảm nhận về nhân vật này. Trả lời câu 4 như sau:

- Những dòng tâm trạng, cảm xúc của nhân vật Tâm giúp em hiểu rõ hơn về cảnh ngộ của nhân vật này. Tâm là người xa lạc gia đình nhiều năm, phải tha hương kiếm sống. Trong đêm Giao thừa, Tâm một mình cô đơn trên toa tàu giữa những người xa lạ.

- Những dòng tâm trạng đó còn giúp em hiểu rõ hơn về tâm hồn của nhân vật Tâm. Tâm là người có tâm hồn tinh tế, đa sầu đa cảm. Tâm cũng luôn khao khát về một mái ấm gia đình nhưng Tâm cũng rất mơ hồ và sợ không dám tin vào hạnh phúc.

Câu 5. là câu hỏi vận dụng. Học sinh cần biết kết nối thông tin trong văn bản với đời sống xã hội, biết bày tỏ suy nghĩ của cá nhân. Câu 5 trả lời như sau:

- Cảnh ngộ của Tâm cùng những người hành khách trên toa tàu, đặc biệt là qua dòng tâm trạng của Tâm, cách ứng xử nhân văn của những người lao động nhỏ bé đã gợi trong em những suy nghĩ sâu sắc:

Cuộc sống hiện nay vẫn biết bao những số phận, những cảnh đời bất hạnh phải xa gia đình, tha hương cầu thực. Họ không chỉ phải lặn lội đối mặt với cảnh làm ăn chật vật mà còn phải đối mặt với nỗi buồn, sự cô đơn mỗi dịp Tết đoàn viên.

+ Chúng ta cần phải biết thấu hiểu, đồng cảm và thương yêu, chia sẻ tới những con người có hoàn cảnh thiếu thốn vật chất, tinh thần. Và cũng cần biết trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, cách ứng xử đầy nhân văn của những người lao động lam lũ.

+ Chúng ta cần có tinh thần trách nhiệm, có những hành động thiết thực để chia sẻ, giúp đỡ những người lao động nghèo khổ, vất vả cả về vật chất lẫn tinh thần.

II. KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

1. Yêu cầu chung với câu viết đoạn văn

- Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng cụ thể (nếu có).
- Xác định cách trình bày đoạn văn.
- Xác định chính xác vấn đề cần triển khai.
- Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề. Xác định được ý chính và sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.
- Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề, cần đảm bảo:

- + Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.
- + Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp.
- + Kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu.
- Thể hiện được suy nghĩ sâu sắc về vấn đề triển khai.
- Có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.

2. Các bước thực hiện

a. Bước 1. Đọc và xác định chính xác vấn đề cần triển khai

- Vị trí cụm từ nêu vấn đề: Thường ở cuối câu, sau các chữ “trình bày về/về”.
- Gạch chân các từ khóa trong cụm từ nêu vấn đề.

Bước 2. Tìm ý và xây dựng dàn ý. Dàn ý chung cho đoạn văn như sau:

Câu mở đoạn	Giới thiệu vấn đề. Nêu suy nghĩ/cảm xúc về vấn đề cần triển khai.
Các câu phát triển đoạn	Đặt ra câu hỏi phù hợp với vấn đề cần triển khai và trả lời câu hỏi. Quá trình viết câu trả lời cần có sự kết hợp giữa lí lẽ, dẫn chứng; sử dụng kết hợp các thao tác lập luận để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.
Câu kết đoạn	Khẳng định lại vấn đề.

Bước 3. Viết

- Đảm bảo hình thức và dung lượng.
- Thời gian: Cần điều chỉnh phù hợp với yêu cầu viết đoạn văn. Ghi tên thông

Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

- Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý.
- Soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (từ ngữ, câu văn, đoạn văn)

3. Kỹ năng viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

Dạng viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một tác phẩm thơ đã được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6,7,8. Tuy nhiên ở mỗi khối lớp, các em được làm quen với các đối tượng bày tỏ cảm nghĩ khác nhau. Lớp 6 là viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc bài thơ lục bát. Lớp 7 là yêu cầu viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ. Lớp 8 là yêu cầu viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. Đến lớp 9, là yêu cầu viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ tám chữ.

Mục đích của dạng câu hỏi này là: bày tỏ được cảm nghĩ của bản thân về giá trị nội dung, nghệ thuật của một bài thơ tám chữ để từ đó giúp người đọc, người nghe cảm nhận được nét độc đáo, đặc sắc trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Đối tượng của dạng bài này có thể là một bài thơ trọn vẹn hoặc có thể là một yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ. Tuy nhiên với dung lượng là một đoạn văn nên hướng đến yêu cầu trình bày cảm nghĩ về một yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật.

Cách triển khai đối với câu viết này như sau:

** Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ*

Mở đoạn:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Giới thiệu chính xác vấn đề cần triển khai và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.

Thân đoạn:

- Đặt ra câu hỏi phù hợp với vấn đề và trả lời câu hỏi.

+ Những giá trị nội dung của bài thơ (đề tài, chủ đề, cảm xúc chủ đạo hoặc thông điệp tư tưởng...) gợi cho em những cảm nghĩ gì? Những câu thơ nào để lại ấn tượng trong em nhiều nhất?

+ Những yếu tố nghệ thuật đặc sắc nhất trong bài/đoạn thơ là gì? Em có cảm nghĩ gì về nét đặc sắc nghệ thuật ấy? Lựa chọn các câu thơ nào để phân tích làm sáng tỏ cảm nghĩ của bản thân?

Kết đoạn: Khái quát lại cảm nghĩ của cá nhân về bài thơ.

** Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ về một yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ tám chữ*

Mở đoạn:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Giới thiệu chính xác và nêu cảm nghĩ nổi bật về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật được nêu cụ thể trong đề bài.

Thân đoạn:

Đặt ra câu hỏi phù hợp với vấn đề và trả lời câu hỏi.

+ Những câu thơ nào thể hiện rõ yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật mà em cần bày tỏ cảm nghĩ? Biểu hiện cụ thể của yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật qua những câu thơ đó như thế nào?

+ Cảm nghĩ của em về yếu tố đó là gì?

Kết đoạn: Khái quát lại cảm nghĩ của cá nhân về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật và bài thơ.

4. Kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội

Như đã trình bày ở Phần một, mục III.2. Xây dựng câu hỏi, quá trình ôn tập, rèn kỹ năng viết vẫn có thể yêu cầu học sinh viết một đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết nói chung hoặc đi vào khía cạnh cụ thể, ví dụ như: ý nghĩa/vai trò/sự cần thiết của việc giải quyết vấn đề...; các giải pháp để giải quyết vấn đề...

Cách triển khai đối với câu viết này như sau:

Mở đoạn: Giới thiệu chính xác vấn đề cần giải quyết, thể hiện quan điểm cá nhân.

Thân đoạn:

- Đặt ra câu hỏi phù hợp với vấn đề cần giải quyết và trả lời câu hỏi. Tập trung vào những câu hỏi như:

+ Vì sao cần phải giải quyết vấn đề đó?

+ Em đề xuất những giải pháp nào để nâng cao nhận thức cho mọi người, đặc biệt cho giới trẻ?

+ Em đề xuất những hành động, việc làm cụ thể nào để mỗi cá nhân, mỗi bạn trẻ có thể thực hiện?

+ Em đề xuất những biện pháp cụ thể, khả thi nào đối với cộng đồng, xã hội?

- Lựa chọn dẫn chứng để làm sáng tỏ những lí lẽ đã đưa ra.

- Rút ra bài học nhận thức, hành động cho bản thân.

Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề cần giải quyết cùng các giải pháp đã đưa ra.

5. Minh họa kỹ năng viết đoạn văn

Ví dụ 1. Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về bài thơ sau:

GỬI MẸ

Hôm nọ gặp người làng ta ở xuôi

Hỏi thăm tin nhà tin mẹ

Mẹ hiểu câu "Kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi"

Những đêm gió mưa dữ dội

Vẫn thấp hương cầu trời phù hộ bước con đi

Lúc thơ ngây con từng nghe kể

Từ tuổi lấy chồng mẹ ít khi vui

Ngày đưa thầy về nơi yên nghỉ

Lá mùa đông rơi xuống đầy vai

Con mang tấm lòng thương mẹ

Đi qua nghìn dặm quê hương

Này đây núi, này đây sông

*Này đây buổi chiều khói thổi cơm lặng lẽ
Nơi nào cũng hiền như đời của mẹ
Làng ở đây như làng dưới ta
Cũng có giếng nước
Cũng có gốc đa
Cũng có con trai xa nhà
Yên tâm mẹ nhé
Con đi mười năm
Con đi bảo vệ
Niềm vui của mẹ
Và của quê hương
Một ngọn khói thổi cơm
Một mái nhà bình yên bếp lửa
Tiếng văng đung đưa trưa hè tuổi nhỏ*

-1954-

Theo <https://www.thivien.net>, Gửi mẹ, Chính Hữu

Đầu Đôi với câu hỏi này, cần chú ý yêu cầu về hình thức, dung lượng và vấn đề nghị luận. Câu hỏi đã nêu rõ hình thức là đoạn văn với dung lượng khoảng 600 chữ với yêu cầu là phân tích đoạn thơ. Vì thế quá trình viết cần phải phân tích được giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ. Xin giới thiệu một hướng triển khai cho câu hỏi trên:

(Mở đoạn) *Tình mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào*, tình mẹ, tình mẫu tử thiêng liêng luôn là nguồn cảm hứng dạt dào của văn nhân thi sĩ muôn đời. Và trong dòng chảy thơ ca viết về mẹ, ta không thể không nhắc đến bài thơ *Gửi mẹ* của Chính Hữu. Bài thơ là tiếng lòng của người con, một người chiến sĩ đang chiến đấu xa nhà gửi về người mẹ kính yêu của mình. Bài thơ để lại trong em những ấn tượng sâu sắc về nội dung, chủ đề và những yếu tố nghệ thuật đặc sắc. **(Thân đoạn)** Như một câu chuyện bằng thơ, tứ thơ mở đầu đầy chất tự sự: *Hôm nọ gặp người làng ta ở xuôi/ Hỏi thăm tin nhà tin mẹ*. Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình đã được khắc họa rõ nét, người con đang chiến đấu nơi xa, gặp được người cho con biết tin tức về quê nhà, về mẹ. Con biết được rằng nơi quê hương, mẹ vẫn ngày đêm ngóng đợi, dõi theo, lo lắng cho mỗi bước con đi: *Vẫn thấp hương cầu trời phù hộ bước con đi*. Cảm động xiết bao tấm lòng của mẹ, đúng như lời thơ Chế Lan Viên từng viết: *Con dù lớn vẫn là con của mẹ/Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con*. Và cũng thật ám lòng khi ta thấy được sự thấu hiểu, biết ơn của con với mẹ. Người con không chỉ thấu hiểu cho bao hi sinh lặng

thầm của mẹ khi Ngày đưa thầy về nơi an nghỉ/ Lá mùa đông rơi xuống đầy vai, cha mất sớm, đôi vai gầy của mẹ phải gánh vác bao nhọc nhằn, vất vả. Người con còn mong muốn mẹ được an lòng về mình nên đã an ủi mẹ, kể cho mẹ nghe cuộc sống của mình nơi chiến tuyến với này đây núi, này đây sông, với giếng nước, gốc đa như chốn quê nhà, chỉ có bình yên thôi, không hề có súng gươm hay bom đạn, và dặn dò mẹ yên tâm nhé. Bao trùm cả bài thơ là tình yêu thương, nỗi xót xa và sự thấu hiểu, trân trọng và biết ơn của con với mẹ. Thơ là tiếng nói kì diệu của tâm hồn, thế nhưng Gửi con không chỉ khiến ta say bởi tâm tình lắng đọng, chạm tới trái tim, mà bài thơ còn khiến ta say mê bởi những hình thức nghệ thuật độc đáo. Đó là thể thơ tự do với những câu thơ dài ngắn không đều, giọng điệu tâm tình thủ thi như lời người con thầm thì với mẹ. Đó là hình ảnh thơ mới gần gũi, thân thuộc mà giàu giá trị biểu cảm với núi, sông, sợi khói bếp ban chiều, với gốc đa, giếng nước làng quê nào cũng có. Đặc biệt, bài thơ còn thành công trong việc sử dụng những biện pháp nghệ thuật đặc sắc như so sánh, điệp ngữ, liệt kê. trong đó có những hình ảnh so sánh khiến ta đặc biệt ấn tượng, gợi bao suy ngẫm như Nơi nào cũng hiền như đời mẹ. Một tứ thơ mà vừa nói được nỗi nhớ quê hương, vừa cho thấy tình yêu tha thiết với mẹ. **(Kết đoạn)** Mỗi công dân có một dạng vân tay/ Mỗi nhà thơ có một dạng vân chữ (Lê Đạt). Thứ vân chữ của Chính Hữu độc đáo là thế, nó đã góp phần tạo nên thành công của một thi phẩm ở cả hồn lẫn xác ở cả bài. Giữa muôn áng thơ về tình mẫu tử, Gửi mẹ của Chính Hữu xứng đáng là bài ca đi cùng năm tháng, mãi ngân vang với những giai điệu riêng không trộn lẫn.

Ví dụ 2. Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự phấn đấu không ngừng nghỉ.

Đối với câu hỏi này, cần phải lưu ý đến yêu cầu về hình thức, dung lượng và vấn đề nghị luận. Đề bài đã nêu rõ hình thức là đoạn văn với dung lượng khoảng 200 chữ và vấn đề nghị luận không yêu cầu bàn về sự phấn đấu không ngừng nghỉ mà chỉ tập trung vào ý nghĩa của lối sống đó. Vì thế quá trình viết cần tập trung làm rõ ý nghĩa của của sự phấn đấu không ngừng nghỉ. Xin giới thiệu một hướng triển khai cho câu hỏi trên:

(Mở đoạn) Có thể tôi đang làm đúng, có thể tôi đang làm sai nhưng ít nhất tôi đang không ngừng cố gắng (Jameel). Bạn có thấy chẳng? Sự phấn đấu không ngừng nghỉ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Đó là một đức tính cần thiết mà tôi nghĩ tất cả mọi người nên có. **(Thân đoạn)** Trước hết, nó sẽ tạo nên sức mạnh, là cú lấy đà giúp mũi tên khát vọng nhắm trúng đến hồng tâm. Rachel Hollis tâm niệm Có lẽ phần khó nhất của cuộc sống chỉ là có đủ can đảm để thử. Dù chưa biết trước kết quả không biết ta đang làm đúng hay sai, nhưng ít nhất khi đã nỗ lực, ta sẽ không tiếc nuối vì đã thử hết sức mình một lần. Những tổn thương của cơ thể khuyết tật đã không đẩy cuộc đời Helen Keller vào bóng tối. Bằng sự nỗ lực không ngừng nghỉ, bà đã tỏa sáng và chứng minh cho cả thế giới thấy về một kì tích dường như không bao giờ có thể thành sự thật. Mỗi cá nhân là một tế bào của xã hội. Khi mỗi chúng ta biết cố gắng mỗi ngày, xã hội sẽ ngày càng phát triển và xuất hiện những thành tích diệu

kì. **(Kết đoạn)** Nỗ lực nữa vời là thất bại đích đáng. Chúng ta ai cũng chỉ sống một lần, thế nên Đừng như con ốc đang ngủ say, say trong giấc mơ quên tháng ngày dần qua (Nhấn tuổi 20, Nguyễn Lê Tâm). Bạn và tôi hãy can đảm đối diện với thử thách, hãy cố gắng nỗ lực để thay đổi chính mình, thay đổi cuộc sống. Và hãy luôn là đóa hướng dương hướng về phía mặt trời để bóng tối lùi lại phía sau.

III. KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN

1. Yêu cầu chung với câu viết bài văn

- Xác định được yêu cầu của kiểu bài.
- Xác định đúng vấn đề cần triển khai.
- Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề. Xác định được các ý chính của bài viết và sắp xếp các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn:
 - + Giới thiệu vấn đề và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.
 - + Triển khai vấn đề (căn cứ vào từng vấn đề để triển khai).
 - + Khẳng định lại vấn đề và rút ra bài học cho bản thân.
- Triển khai được các luận điểm, các ý chính, ý phụ để làm rõ vấn đề cần triển khai, suy nghĩ, quan điểm, cảm xúc của cá nhân. Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề
- Diễn đạt đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.

Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.

2. Các bước thực hiện

Bước 1. Đọc kĩ đề, xác định các yêu cầu của đề bài: dạng bài; vấn đề; phạm vi kiến thức; các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt;...

Bước 2. Lập dàn ý. Xây dựng dàn ý phù hợp đối với từng yêu cầu câu hỏi.

Dàn ý chung của bài văn như sau:

Bước 3. Viết

- Đảm bảo kiểu bài, hình thức và dung lượng.
- Thời gian: Cần điều chỉnh phù hợp với yêu cầu viết bài văn.

Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

- Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý.
- Soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (từ ngữ, câu văn, đoạn văn).

Mở bài	Giới thiệu vấn đề
Thân bài	* Khái quát chung về vấn đề
	* Triển khai vấn đề - Căn cứ vào vấn đề cần triển khai, đặc trưng kiểu văn bản, thể loại xây dựng hệ thống luận điểm, ý phù hợp. - Phân tích, chứng minh theo từng luận điểm, từng ý để làm sáng tỏ vấn đề. - Quá trình phân tích cần lựa chọn dẫn chứng trong phạm vi kiến thức của đề bài đã nêu để chứng minh.
	* Đánh giá ý nghĩa/vai trò của vấn đề
Kết bài	Nêu những ấn tượng của bản thân về vấn đề

3. Kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ

Đối với bài văn phân tích tác phẩm thơ, ngoài việc học sinh cần nắm vững những đặc điểm của thể loại thơ như từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ cùng các thể thơ: thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường đã được học thì trong chương trình Ngữ văn lớp 9, các em cần nắm vững về bố cục, kết cấu của bài thơ cùng đặc điểm thi luật của các thể thơ song thất lục bát và lục bát.

Các câu viết bài văn phân tích tác phẩm thơ gồm: phân tích một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật; phân tích, đánh giá nội dung và hình thức nghệ thuật; so sánh hai tác phẩm thơ. Dàn ý cụ thể cho từng câu viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ như sau:

** Câu viết bài văn phân tích những nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của thơ tám chữ*

Mở bài:

- Giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm.
- Vấn đề nghị luận: Những nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của thơ tám chữ.

Thân bài:*** Khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về tác giả:
 - + Nếu là tác giả đã được học trong chương trình, học sinh nên giới thiệu vài nét về vị trí, phong cách nghệ thuật của tác giả.

+ Nếu là tác giả chưa được học trong chương trình, học sinh có thể căn cứ vào sự hiểu biết của bản thân hoặc phần chú thích giới thiệu tác giả trong đề bài (nếu có).

- Giới thiệu tác phẩm

+ Hoàn cảnh ra đời (căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề bài).

+ Đề tài, chủ đề, thể thơ, nhân vật trữ tình, mạch cảm xúc... (căn cứ vào văn bản).

- Khái quát vấn đề nghị luận: Những nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của thơ tám chữ qua bài thơ: số chữ trong câu; cách gieo vần, cách ngắt nhịp, luật bằng trắc...

*** Phân tích, chứng minh**

- Số chữ, số dòng: phân tích rõ đặc điểm số câu, số dòng trong bài thơ và ý nghĩa của thể thơ tám chữ trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng, thông điệp, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Luật bằng, trắc: phân tích luật bằng, trắc được thể hiện trong bài thơ và tác dụng của luật bằng trắc. Trả lời cho các câu hỏi: Bài thơ được sáng tác chủ yếu theo vần bằng hay vần trắc? Căn cứ vào đâu để xác định vần bằng, trắc trong bài thơ? Luật

bằng, trắc có tác dụng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng, mạch cảm xúc, tính nhạc, âm điệu... cho bài thơ như thế nào?

Cách ngắt nhịp: phân tích cách ngắt nhịp của thơ tám chữ được thể hiện trong bài thơ. Trả lời các câu hỏi: Cách ngắt nhịp thông thường của thơ tám chữ như thế nào? Cách ngắt nhịp trong bài thơ có theo quy luật thông thường đó không? Cách ngắt nhịp như thế có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, mạch cảm xúc, tiết tấu, âm điệu bài thơ?

- Cách gieo vần: phân tích cách gieo vần của thơ tám chữ được thể hiện trong bài thơ. Trả lời các câu hỏi: Cách gieo vần trong bài thơ như thế nào? Có phải là cách gieo vần thông thường của thơ tám chữ không? Cách gieo vần như thế có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, mạch cảm xúc, tiết tấu, âm điệu bài thơ?

*** Đánh giá:**

- Đánh giá khái quát lại những nét độc đáo về nghệ thuật của thơ tám chữ trong việc làm nên nét đặc trưng của thơ tám chữ, thể hiện tư tưởng chủ đề, tư tưởng, thông điệp của tác phẩm, thể hiện tài năng, phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

- Khẳng định vị trí, vai trò của tác phẩm trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam.

- Liên hệ, so sánh tác phẩm cùng thể loại thơ tám chữ.

Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về bài thơ sau khi phân tích.

** Câu viết bài văn phân tích tác phẩm thơ song thất lục bát lần và ghi thôn*

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu tên tác phẩm, tác giả.

- Nêu vấn đề nghị luận: Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Thân bài

** Khái quát chung*

- Giới thiệu vài nét về tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).

- Giới thiệu về tác phẩm: Vị trí, hoàn cảnh ra đời, xuất xứ tác phẩm (Căn cứ vào nguồn trích dẫn, giới thiệu trong đề thi).

- Khái quát vấn đề nghị luận: Nêu khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

+ Khái quát đặc sắc về nội dung: chủ đề, tư tưởng, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

+ Khái quát về nghệ thuật: vần, nhịp, số chữ, số dòng của bài thơ.

** Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*

Cách 1: Phân tích, đánh giá theo hình tượng thơ; cảm xúc của nhân vật trữ tình:

- Phân tích, đánh giá theo hình tượng thơ; mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình. Trả lời các yêu cầu/câu hỏi: Có những hình tượng thơ nào xuất hiện trong văn bản? Cảm xúc của nhân vật được bộc lộ trực tiếp hay gián tiếp? Gọi tên các cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình.

- Phân tích, đánh giá tính độc đáo về bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ, vần, nhịp, số chữ, số dòng; sự khác biệt so với thơ lục bát.

Cách 2: Phân tích, đánh giá theo khổ thơ, đoạn thơ:

- Phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật khổ 1/đoạn 1.

+ Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác phẩm; tư tưởng, thông điệp của nhà thơ.

- + Cách gieo vần, cách ngắt nhịp, số chữ, số dòng trong khổ thơ có gì độc đáo?
- Phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật khổ 2/đoạn 2. Trên miệng, I EUP độn
- + Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác phẩm; tư tưởng, thông điệp của nhà thơ.
- + Cách gieo vần, cách ngắt nhịp, số chu vần, cách ngắt nhịp, số chữ, số dòng trong khổ thơ có gì độc đáo?
- * Đánh giá:
 - Khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, thông điệp của tác giả, tài năng và phong cách nghệ thuật của nhà thơ.
 - Nêu rõ nét hấp dẫn riêng về hình thức nghệ thuật của thể thơ song thất lục bát nói chung và bài thơ nói riêng. Điểm khác biệt giữa thể thơ song thất lục bát với thơ lục bát là gì?
- Khẳng định vị trí, vai trò của tác phẩm, tác giả trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam.
- Kết bài:** Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ với người viết.

** Câu viết bài văn so sánh phân tích hai tác phẩm thơ*

Câu viết bài văn so sánh phân tích hai tác phẩm thơ không nằm trong yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn lớp 9. Tuy nhiên, trong quá trình rèn luyện kỹ năng viết, giáo viên vẫn có thể hướng dẫn cho học sinh để nhằm nâng cao năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ, đặc biệt hướng đến bồi dưỡng cho các em học sinh có năng khiếu.

Cách triển khai câu viết bài văn so sánh hai tác phẩm thơ có thể theo hướng sau (cách triển khai kết hợp nối tiếp và song hành):

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.
- Nêu vấn đề cần so sánh.

Thân bài

*** Khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi)
- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:
- + Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).

+ Đề tài, chủ đề, cảm hứng, thể thơ, ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật... (Căn cứ vào văn bản).

- Khái quát điểm giống và điểm khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/đoạn trích.

* So sánh, đánh giá hai tác phẩm

- Luận điểm 1. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ nhất theo phương diện đã xác định

+ Nội dung: đề tài, chủ đề, hình tượng thơ và cảm xúc của nhân vật trữ tình...

+ Nghệ thuật: Thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ....

- Luận điểm 2. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ hai trong sự so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện.

+ Nội dung:

++ Đề tài, chủ đề của tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.

++ Hình tượng thơ và cảm xúc của nhân vật trữ tình trong tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.

+ Nghệ thuật: Thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, cấu tứ, biện pháp tu từ... Điểm khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất.

- Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa.

+ Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt:

++ Bối cảnh thời đại.

++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học.

++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả.

+ Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt:

++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại.

++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.

* Đánh giá:

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

4. Kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện

Yêu cầu viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện đã quen thuộc với các em học sinh. Trong chương trình Ngữ văn lớp 9, các em tiếp tục rèn kỹ năng phân tích nội dung chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, qua đó, các em bày tỏ những suy nghĩ, nhận xét, đánh giá của bản thân về hiệu quả thẩm mỹ của các yếu tố trong truyện.

Các yêu cầu của câu viết bài văn phân tích tác phẩm truyện gồm: phân tích một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật; phân tích, đánh giá nội dung và hình thức nghệ thuật; so sánh hai tác phẩm truyện.

Cách triển khai với các yêu cầu viết bài văn phân tích tác phẩm truyện như sau:

** Câu viết bài văn phân tích hình tượng nhân vật*

Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu tác phẩm, tác giả, hình tượng nhân vật cần phân tích.

Thân bài:

* Khái quát chung

- Giới thiệu vài nét về tác giả:

+ Nếu là tác giả đã được học trong chương trình, học sinh nên giới thiệu vài nét về vị trí, phong cách nghệ thuật của tác giả.

+ Nếu là tác giả chưa được học trong chương trình, học sinh có thể căn cứ vào sự hiểu biết của bản thân hoặc phân chú thích giới thiệu tác giả trong đề bài (nếu có).

- Giới thiệu vài nét về tác phẩm:

+ Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).

+ Đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật chính, ngôi kể... (Căn cứ vào văn bản).

- Khái quát vấn đề nghị luận: Giới thiệu khái quát về hình tượng nhân vật: tên tuổi, nghề nghiệp, dáng vẻ ngoại hình, bối cảnh xuất hiện nhân vật.

* Phân tích, chứng minh

a. Luận điểm 1. Số phận, cuộc đời và vẻ đẹp tính cách/tâm hồn của nhân vật.

- Số phận, cuộc đời của nhân vật;

- Về đẹp tính cách/tâm hồn của nhân vật.

b. Luận điểm 2. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật: Nhân vật được xây dựng qua dáng vẻ, ngoại hình hay lời nói, cử chỉ, hành động hay diễn biến tâm trạng...; ngôi kể, điểm nhìn; tình huống truyện; chi tiết đặc sắc; ngôn ngữ, giọng điệu trần thuật...

*** Đánh giá**

- Vị trí, vai trò của nhân vật trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, giá trị của tác phẩm; tài năng, phong cách nghệ thuật của nhà văn.

- Khẳng định vị trí, vai trò của tác phẩm, tác giả trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

- Liên hệ, so sánh với nhân vật trong các tác phẩm cùng đề tài, cùng giai đoạn.

Kết bài: Nêu cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về hình tượng nhân vật.

** Câu viết bài văn nghị luận phân tích tác phẩm truyện*

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu tên tác phẩm, tác giả
- Nêu vấn đề nghị luận: Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Thân bài

*** Khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi)

- Giới thiệu về tác phẩm: Vị trí, hoàn cảnh ra đời, xuất xứ tác phẩm (Căn cứ vào nguồn trích dẫn, giới thiệu trong đô thị)

- Khái quát vấn đề nghị luận:

+ Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm.

+ Nêu ý kiến khái quát của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

*** Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm**

- Phân tích, đánh giá nội dung chủ đề truyện như: hiện thực cuộc sống, hình tượng nhân vật, tư tưởng, thông điệp của nhà văn.

- Phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nghệ thuật như: không gian, thời gian, cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời đối thoại, lời độc thoại.

*** Đánh giá:**

- Khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, thông điệp, tài năng và phong cách nghệ thuật của nhà văn.

- Nêu rõ nét hấp dẫn riêng của tác phẩm so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại của nhà văn hoặc của những tác giả khác.

- Khẳng định vị trí, vai trò của tác phẩm, tác giả trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng, ý nghĩa của tác phẩm với bản thân.

** Câu viết bài văn so sánh hai tác phẩm truyện*

Cũng giống như với thể loại thơ ca, dạng bài so sánh phân tích hai tác phẩm truyện không nằm trong yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn lớp 9. Tuy nhiên, nhằm nâng cao năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, đặc biệt hướng đến bồi dưỡng cho các em học sinh có năng khiếu, trong quá trình rèn luyện kỹ năng viết, giáo viên vẫn có thể hướng dẫn cho các em học sinh kỹ năng viết bài văn so sánh hai tác phẩm truyện.

Có thể triển khai dạng bài so sánh hai tác phẩm truyện theo hướng song hành như sau:

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả.
- Nêu vấn đề cần so sánh.

Thân bài

** Khái quát chung*

- Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).

- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm:

- + Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).
- + Đề tài, cốt truyện, nhân vật chính (Căn cứ vào văn bản).

Khái quát điểm giống và điểm khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/đoạn trích.

** So sánh, đánh giá hai tác phẩm*

- Luận điểm 1. Điểm giống nhau của hai tác phẩm/đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.

+ Điểm giống về nội dung chủ đề truyện thể hiện qua hiện thực cuộc sống, hình tượng nhân vật, tư tưởng, thông điệp của nhà văn.

+ Điểm giống về nghệ thuật thể hiện qua không gian, thời gian, cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời đối thoại, lời độc thoại.

- Luận điểm 2. Điểm khác nhau của hai tác phẩm/đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.

+ Điểm khác nhau về nội dung:

++ Tác phẩm/đoạn trích 1: Tư tưởng chủ đề của tác phẩm có gì khác? Số phận cuộc đời, vẻ đẹp của hình tượng nhân vật trong tác phẩm có gì khác? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tư tưởng chủ đề của tác phẩm?

++ Tác phẩm/ đoạn trích 2: Nét khác biệt về tư tưởng chủ đề của tác phẩm là gì? Hình tượng nhân vật có số phận cuộc đời, vẻ đẹp như thế nào? Có điểm khác biệt như thế nào? Nét mới về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm?

+ Điểm khác nhau về nghệ thuật:

++ Tác phẩm/đoạn trích 1: không gian, thời gian, cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời đối thoại, lời độc thoại

++ Tác phẩm/đoạn trích 2: không gian, thời gian, cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời đối thoại, lời độc thoại

- Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa.

+ Căn cứ vào bối cảnh thời đại, đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học, phong cách nghệ thuật riêng của tác giả để lí giải điểm giống nhau và khác biệt.

+ Ý nghĩa trong việc tạo nên sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả và tạo nên sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật, sự phong phú của nền văn học.

* Đánh giá:

- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.

- Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.

Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

5. Kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm kịch

Trong chương trình Ngữ văn lớp 8, các em học sinh đã được tìm hiểu thể loại hài kịch với những đặc trưng như xung đột kịch, hành động của nhân vật kịch, cốt truyện, lời thoại, thủ pháp trào phúng. Đến với chương trình lớp 9, các em tiếp tục tìm hiểu thể loại bi kịch. Yêu cầu của dạng bài nghị luận phân tích một tác phẩm kịch là cần sáng rõ nội dung, chủ đề cùng những nét độc đáo về hình thức nghệ thuật của văn bản kịch. Câu viết bài văn nghị luận phân tích một văn bản thể loại bi kịch được triển khai như sau:

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu tên tác phẩm, tác giả.

- Nêu vấn đề nghị luận: Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của vở bi kịch.

Thân bài

*** Khái quát chung**

- Giới thiệu vài nét về tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).

- Giới thiệu vài nét về tác phẩm:

+ Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).

+ Đề tài, cốt truyện, nhân vật chính (Căn cứ vào văn bản).

- Khái quát vấn đề nghị luận: Tóm tắt ngắn gọn tình huống bi kịch. Nêu khái quát về chủ đề, tư tưởng, thông điệp của nhà văn.

*** Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.**

- Phân tích nội dung, chủ đề vở kịch.

- Phân tích, đánh giá những hình thức nghệ thuật độc đáo: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

*** Đánh giá:**

- Khái quát về nội dung và nghệ thuật của vở kịch trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề, thông điệp, tài năng và phong cách nghệ thuật của nhà văn.

- Nêu rõ nét hấp dẫn riêng của vở kịch so với những sáng tác khác cùng đề tài, thể loại của nhà văn hoặc của những tác giả khác.

Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng, ý nghĩa của vở kịch với bản thân.

6. Kỹ năng viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử giai

Viết văn thuyết minh là câu viết quen thuộc trong chương trình Ngữ văn cấp THCS. Lớp 6 các em được làm quen với kỹ năng viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện. Lớp 7 các em được rèn luyện kỹ năng viết văn bản thuyết minh về một quy hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Lớp 8 các em tiếp tục được rèn kỹ năng viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. Lớp 9, các em được tập trung rèn luyện kỹ năng viết văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử. Với câu viết này, giáo viên cần cung cấp cho học sinh những thông tin cơ bản, những dấu mốc lịch sử có liên quan đến danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

Dàn ý triển khai của câu viết văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử như sau:

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng cần thuyết minh: Danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

- Nêu những thông tin khái quát nhất về đối tượng cần thuyết minh: Tên gọi, vị trí, vai trò của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

Thân bài:

- Giới thiệu đặc điểm danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử theo một trình tự hợp lý (theo trật tự thời gian hoặc quan hệ nhân quả hoặc các đối tượng phân loại hoặc so sánh và đối chiếu)... Tuy nhiên, cần đảm bảo một số ý cơ bản:

+ Giới thiệu về lịch sử hình thành, ra đời của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

+ Giới thiệu về cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc công trình nghệ thuật gắn liền với danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

+ Giới thiệu những sự kiện, những dấu mốc lịch sử, những nhân vật nổi tiếng gắn liền với danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

- Nêu rõ những giá trị vật chất, tinh thần mà danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử đem lại cho quê hương, đất nước, cho người dân. nuôi ra ôm môi ra

- Nêu rõ những giải pháp để bảo tồn, phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

Kết bài: Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

7. Kỹ năng viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết

Đối với câu viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, vấn đề nghị luận thường gắn với những đề tài thiết thực, có tính thời sự trong đời sống xã hội, để từ đó tác động đến suy nghĩ, nhận thức, thái độ tình cảm, hành động của mọi người nhất là với thế hệ trẻ.

Câu viết bài nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết có thể được triển khai như sau:

Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần giải quyết.

Thân bài:

- Giải thích làm rõ bản chất của vấn đề và bày tỏ ý kiến cá nhân:
 - + Giải thích các từ ngữ và làm rõ bản chất của vấn đề cần giải quyết. Động c + Bày tỏ quan điểm cá nhân. Trả lời các câu hỏi: Đó có phải là vấn đề quan trọng cần giải quyết trong cuộc sống hay không? Cá nhân em nhìn nhận về vấn đề đó như hay không? Cá nhân em nhìn nhận về vấn đề thế nào?
- Nêu lên thực trạng và hậu quả của vấn đề. Trả lời các câu hỏi: Vấn đề đó đang diễn ra như thế nào? Có dẫn chứng cụ thể hay không? Nếu không giải quyết vấn đề đó thì sẽ để lại những hậu quả như thế nào đối với cá nhân mỗi người và với cộng đồng, xã hội?
- Đề xuất giải pháp khắc phục vấn đề. Trả lời các câu hỏi: Tuổi trẻ cần có suy nghĩ và hành động gì trước vấn đề đó? Giải pháp thực hiện vấn đề đó là gì về phía cá nhân mỗi người và đối với cả cộng đồng xã hội?
- Mở rộng vấn đề và bác bỏ quan điểm trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình. Trả lời các câu hỏi: Có thể nhìn nhận vấn đề từ những góc nhìn khác nào? Có những điểm trái chiều nào về vấn đề đó? Hạn chế của quan điểm đó là gì?
- Rút ra bài học nhận thức, hành động cho bản thân. Do đang 6 chính min Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của việc cần phải giải quyết vấn đề đó trong sống thực tại.
- * Định hướng một số vấn đề cần giải quyết trong thực tế cuộc sống hiện nay - Vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.
 - Giải pháp để hòa nhập trong bối cảnh hội nhập.
 - Giải pháp để ứng dụng hiệu quả các sản phẩm của trí tuệ nhân tạo.
 - Ứng xử văn hóa trên không gian mạng.
 - Vấn đề về việc giữ gìn, phát huy nghệ thuật cổ truyền dân tộc.
 - Vấn đề về việc đánh mất sự trong sáng tiếng Việt của người trẻ.
 - Vấn đề về mâu thuẫn thế hệ.

8. Kỹ năng viết bài văn kể chuyện sáng tạo

Viết truyện kể sáng tạo là kỹ năng tạo lập văn bản tự sự có yếu tố hư cấu về cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể... nhưng vẫn phải đảm bảo tính nghệ thuật. Các em học sinh có thể sáng tác một câu chuyện hoàn toàn mới nhưng cũng thể mô phỏng một truyện đã có nhưng cần phải thay đổi sự việc, nhân vật, chi tiết theo ý tưởng của bản thân.

Trước khi thực hành viết, các em cần tìm ý, xây dựng dàn ý. Các em cần trả lời các câu hỏi: Mục đích kể là gì? Đối tượng kể là ai? Ai là người kể, ngôi kể thứ mấy? Kể về câu chuyện gì? Cốt truyện diễn biến ra sao? Có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Có sử dụng thêm các yếu tố miêu tả, biểu cảm hay không? Vị trí và mục đích sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm đó là gì?

Dàn ý với câu viết truyện kể sáng tạo như sau:

Mở truyện: Giới thiệu nhân vật chính và bối cảnh câu chuyện (không gian, thời gian, tình huống, sự việc chính)

Thân truyện: Kể lại các sự việc của truyện theo các trình tự. Với từng sự việc, trả lời các câu hỏi sau:

- Sự việc 1 gắn với nhân vật nào? Sự kiện, chi tiết gì? Bối cảnh không gian, thời gian ra sao? Có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm hay không?...

- Sự việc 2 có thêm những nhân vật nào? Có sự thay đổi về bối cảnh không gian, thời gian không? Có sự kiện, chi tiết nào diễn ra? Câu chuyện đã được đẩy lên cao trào chưa?...

Sự việc 3 diễn ra như thế nào? Có sự thay đổi hay phát triển hơn từ sự việc 1,2 không? Câu chuyện đã được giải quyết chưa?...

Kết truyện: Khép lại câu chuyện (nhân vật, không gian, thời gian, chi tiết).

4. Minh họa kĩ năng viết bài văn

Ví dụ. Phân tích bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc của Hồ Chí Minh.

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Sẵn về thường chén thịt rừng quay,
Non xanh, nước biếc tha hồ dạo.
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.*

*Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.*

Mở bài:

Trong dòng chảy miên viễn và khắc nghiệt của thời gian, có những tác phẩm ra đời và chìm vào dĩ vãng, nhưng có những tác phẩm lại in ghi dấu trong tâm hồn bao thế hệ người đọc, trở thành những bài ca đi cùng năm tháng. Một trong số đó phải kể tới bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng tác trong giai đoạn Người hoạt động cách mạng ở chiến khu Việt Bắc. (trích dẫn bài thơ)

Thân bài:

Giới thiệu khái quát: Thi phẩm Cảnh rừng Việt Bắc được Bác sáng tác vào mùa năm 1947, sau một năm quân ta tạm rút khỏi thủ đô Hà Nội lên núi rừng Việt Bắc, lập căn cứ cho cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp. Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với bố cục rất chặt chẽ, hài hoà. Nhan đề bài thơ: “ Cảnh rừng Việt Bắc đã khái quát nội dung của bài thơ là phong cảnh nơi núi

rừng Việt Bắc thân thương. Từ đó, thể hiện tình yêu thiên nhiên và tâm hồn lạc quan cách mạng của vị lãnh tụ kính yêu. chung cu

Phân tích đặc sắc nội dung: Nhà thơ Xuân Quỳnh từng nói *Thơ đối với cuộc sống quý như con gái đối với gia đình, cái để cho người ta làm quen là nhan sắc, nhưng cái để sống với nhau lâu dài là đức hạnh*. Quả thực, để làm nên sức sống vượt thời gian của bài thơ này, trước hết phải kể đến những thành công về nội dung của nó. Đến với hai câu đề, người đọc bắt gặp hình ảnh cảnh rừng Việt Bắc được giới thiệu khái quát mà vô cùng ấn tượng:

*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,*

Dòng thơ đầu, sau những từ ngữ giới thiệu đích danh địa điểm, nơi chốn là cảnh rừng Việt Bắc, tác giả sử dụng cụm tính từ thật là hay biến câu thơ thành lời cảm thán, bật lên sự vui vẻ, phấn khởi đến ngỡ ngàng trong tâm hồn Người khi được ngắm nhìn cảnh vật. Và cái hay ấy, trước hết đến từ cảnh sắc thiên nhiên đặc trưng nơi núi rừng với vượn hót, chim kêu. Trạng ngữ chỉ tần suất suốt cả ngày càng gợi tả khung cảnh rộn rã, tung bừng, lúc nào cũng tràn ngập âm thanh của muông thú. Phải là một tâm hồn tha thiết yêu thiên nhiên, Người mới cảm nhận được tất thảy vẻ đẹp đơn sơ mà đáng quý ấy.

Đến hai câu thực, ta như đắm mình vào cuộc sống dân dã nơi núi rừng:

*Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Sẵn về thường chén thịt rừng quay*

Biện pháp liệt kê gợi ra những món dân dã không hiếm gặp ở Việt Bắc, đó là *ngô nếp nướng và thịt rừng quay*. Những sản vật ấy là tặng phẩm mà thiên nhiên Việt Bắc ban tặng cho con người, đó cũng là những món dùng để mời, để thết đãi khách quý phương xa. Cũng đã có lần Bác nhắc đến món ăn dân dã đã nuôi sống bao người cách mạng trong bài thơ Tức cảnh Pác Bó: Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng. Đặc biệt, dòng thơ thứ tư, Người dùng một chữ thơ rất sáng tạo và đặc địa, dùng chữ chén thay cho chữ ăn nghe thân mật mà thoáng nét cười hóm hỉnh khi tự nói về cuộc sống của mình. Đúng là Không có chữ nào hay, chữ nào dở. Chữ nào đặt đúng chỗ là hay (V. Huy- gô).

Việt Bắc ban tặng cho con người đâu chỉ có lương thực, thực phẩm, mà còn là cảnh sắc hữu tình khiến lòng người say đắm:

*Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.*

Quả đúng là Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để thơ ca bén rễ, sinh sôi. Hiện thực cuộc đời cách mạng của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh nơi núi rừng Việt

Bắc đã cho Bắc những tứ thơ đẹp. Đến với hay câu luận, Bắc sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ non xanh, nước biếc, rượu ngọt, chè tươi lên đầu như để nhấn mạnh cuộc sống gần gũi luôn hòa nhập với thiên nhiên. Việt Bắc là chốn sơn thủy hữu tình với những cảnh vật tuyệt mỹ non xanh, nước biếc. Hành động tha hồ dạo, mặc sức say như nói đến sống thanh nhàn, ung dung nhẹ bước của người cộng sản. Chẳng gì tự do và sung sướng hơn khi con người được trở về giữa lòng mẹ thiên nhiên, được thỏa thuê ngắm nhìn cảnh non nước hữu tình; được mặc sức say sưa với men rượu bắp, với nước chè xanh. Những câu thơ như tạc vẽ trước mắt ta hình ảnh một con người đang rất thư thái tận hưởng, say đắm ngắm nhìn cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp ấy. Cuộc đời người cách mạng những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp nơi núi rừng Việt Bắc còn bộn bề khó khăn, thiếu thốn. Nhưng với một tâm hồn lạc quan, yêu và gắn bó tha thiết với thiên nhiên, Bắc luôn ung dung, tự tại như vậy.

Nhưng phải tới hai câu thơ kết, ta mới thấy hết sự lạc quan trọng tâm hồn người cách mạng:

*Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.*

Câu thơ như lời hứa, lời nhắn nhủ của Bắc với Việt Bắc. Một lời hứa nhất định sẽ về sau khi kháng chiến thành công. Dù ngày kháng chiến thành công ấy gần hay xa nhưng nhất định ta sẽ trở lại - trở về với núi rừng Việt Bắc, cái nôi của cách mạng, của cuộc kháng chiến. Cụm từ ta trở lại vừa như một lời hứa thủy chung vừa như một niềm ao ước. Người còn tưởng tượng cảnh sẽ được gặp lại những người bạn muôn năm cũ của mình là: Trăng xưa, hạc cũ với xuân này là những cảnh vật đã vô cùng thân

thuộc, gắn liền với cuộc đời Bắc. Hẳn nhiều người không còn xa lạ với mối tình tri kỷ giữa Bắc và vàng trăng. Ngay cả khi Người bị bắt giam trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, thì người bạn trăng cũng không bỏ rơi Người, trăng tìm tới tận bên song sắt nhà giam để tâm tình với Bắc:

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*
(Ngắm trăng)

Và khi về chiến khu Việt Bắc, vàng trăng luôn dõi theo mọi chặng đường hoạt động cách mạng của Bắc, trăng ngân đầy thuyền khi Bắc bàn bạc việc quân:

*Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền*
trăng soi tỏ nỗi niềm người không ngủ:
*Trăng lòng cổ thụ bóng lồng hoa
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Bởi thế, Bác hẹn ngày trở lại sau kháng chiến thành công, chắc chắn sẽ gặp lại người tri kỉ trắng. Biện pháp tu từ liệt kê trắng xua, hạc cũ, xuân này khiến cho khung cảnh Việt Bắc hiện ra vừa hiện thực, sinh động, vừa đầy chất thơ, sức gợi. Kết thúc bài thơ, âm hưởng thơ lại càng tươi vui và bay bổng. Phải có một tấm lòng tha thiết yêu thiên nhiên, một tâm hồn lạc quan phơi phới, Bác mới viết lên những vần thơ đẹp đến như thế.

Phân tích đặc sắc nghệ thuật: Nhà thơ Xuân Diệu khẳng định Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài. Một bài thơ để trở thành một thi phẩm vượt thời gian, nó không chỉ cần cái hay ở nội dung mà còn cần có cái đẹp, cái hài hoà đặc sắc ở hình thức nghệ thuật. Bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc quả là một thi phẩm hay cả bài như thế. Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú, luật Bằng vì chữ thứ hai trong câu đầu rưng là thanh bằng. Thanh điệu các câu thơ và toàn bài thơ hài hoà, chặt chẽ theo đúng nguyên tắc hoà thanh nhị- tứ- lục phân minh của thơ Đường luật, ví dụ hai câu thực: B-T-B; T-B-T. Đảm bảo quy định về niêm, về liên, bài thơ gieo vần chân, là vần liền xen vần cách ở các câu 1-2-4-6-8. Cụ thể hay- ngày- quay- say- này với vần ay là vần có độ mở, độ ngân vang. Nghệ thuật đối được thể hiện rõ nhất ở cặp câu luận đối từ non xanh, nước biếc đối với rượu ngọt, chè xanh; đối ý tha hồ dạo với mặc sức say làm nổi bật cuộc sống ung dung tự tại giữa cảnh rừng Việt Bắc của vị lãnh tụ. Bài thơ ngắt 2/2/3; 4/3 linh hoạt, tạo nhịp điệu hài hoà, cân đối cho câu thơ. Ngôn ngữ, hình ảnh thơ bình dị, gần gũi mà tươi tắn, nên thơ: vượn, chim, ngô nếp, non xanh, nước biếc...; có sử dụng kết hợp hình ảnh ước lệ trắng xua, hạc cũ ở cuối bài thơ. Sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ liệt kê *Vượn hót, chim kêu, ngô nếp nướng, thịt rừng qua, non xanh, nước biếc, rượu*

ngọt, chè tươi,.... nghệ thuật đảo ngữ ở hai câu luận để làm nổi bật sự tươi đẹp, phong phú của khung cảnh thiên nhiên, cuộc sống nơi núi rừng. Bút pháp tả cảnh ngụ tình quen thuộc của thơ Đường: tình và cảnh luôn tồn tại song song biểu hiện cụ thể tâm trạng con người trong mối quan hệ giữa không gian và thời gian.

Đánh giá: Bài thơ Cảnh rừng Việt Bắc là áng thơ thất ngôn bát cú Đường luật mẫu mực, tuy tuân thủ chặt chẽ các quy định của thể loại, nhưng mạch thơ vẫn nhuần nhị, tự nhiên, chất trữ tình được thể hiện rõ qua ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi, giản dị, quen thuộc. Thể hiện sự hài hoà của con người và cảnh vật: thiên nhiên tươi đẹp, đầy sức sống, con người ung dung, tự tại, lạc quan... Việt Bắc – cái nôi của cách mạng Việt Nam, cũng là cái nôi của thi ca kháng chiến. Cùng viết về vùng đất lịch sử này, ta không thể không kể tới sáng tác của Tố Hữu, bài thơ Việt Bắc với những vần thơ ca ngợi sắc núi rừng trở thành bất hủ trong thi ca dân tộc:

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi,
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.*

(*Việt Bắc – Tố Hữu*)

Cùng với những áng thơ của Tố Hữu, *Cảnh rừng Việt Bắc* đã thực sự bắt tử hoá vùng đất địa linh, bởi như ai đó đã nói *Thi ca bắt tử hoá cái đẹp, cái cao cả*.

Kết bài:

Bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* quả là một thi phẩm ý nghĩa. Bài thơ đã mang đến cho ta bao bài học và sẽ luôn trường tồn, bất diệt với thời gian bởi những thông điệp nó mang lại. Ngôn ngữ trong thơ được Bác dùng gợi ra sự thân thuộc, gắn kết nhưng cũng mạnh mẽ vô cùng thật đúng với lời nhận xét của Hoàng Trung Thông:

Vần thơ của Bác, vần thơ thép

Mà vẫn mềm mòng bát ngát tình

(Bài làm của Nguyễn Ngọc Diệp – Học sinh lớp 8B,

Trường THCS Giao Thủy)

PHẦN BA.
HỆ THỐNG ĐỀ LUYỆN TẬP VÀ GỢI Ý

I. HỆ THỐNG ĐỀ

1. Loại 1. Hình thức tự luận kết hợp với trắc nghiệm khách quan

1.1. Dạng 1. Đọc hiểu văn bản; viết đoạn văn; viết bài văn

* Bảng năng lực cấp độ tư duy, bản đặc tả ma trận

- Bảng năng lực cấp độ tư duy (Đã trình bày ở trang 9)

- Bản đặc tả ma trận

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	1. Văn bản nghị luận	Nhận biết - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. Thông hiểu: - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. - Lí giải được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông độn tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết). - Phân biệt được tác dụng của các tiện phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn trong văn bản nghị luận. Vận dụng: Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. Hiểu được cùng một vấn đề đặt của Đà ra trong văn bản, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau. Nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.				
		2. Văn bản thông tin	Nhận biết: Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn. Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,... - Nhận biết các phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ) dùng để biểu đạt thông tin trong văn bản. - Nhận biết tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...). - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản. Thông hiểu: - Phân tích được thông tin cơ bản; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản. - Phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng qu cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong văn bản như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,... - Phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ trên đồ) dùng để biểu đạt thông tin de bicu dal mon trong văn bản. - Phân biệt được tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp, sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt để gây nhầm lẫn trong văn bản. Vận dụng: - Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong văn bản. - Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.				
		3. truyện truyền kì, truyện trình thám	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trình thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính. - Xác định được lời người kết nộ chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện truyền kì và truyện trình thám.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Thông hiểu - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản, - Phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì và truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điệp tích, điệp cổ; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp Vận dụng: - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra d trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			cách thưởng thức nghệ thuật sau nh khi đọc hiểu văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.				
		4. Truyện thơ Nôm	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố thơ của truyện thơ Nôm như: cốt Nôm truyện, nhân vật, lời thoại. - Nhận biết được sự kết hợp giữa những yếu tố quy phạm của văn học trung đại và yếu tố bình dân trong truyện thơ. - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong truyện thơ Thông hiểu: - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của truyện thơ. - Phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại, nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật trong truyện thơ. - Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện thơ.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Phân biệt được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp. Vận dụng:. - Rút ra được bài học từ nội dung văn bản. Thể hiện thái độ đồng tình/không đồng tình / đồng tình tr một phần với những vấn đề đặt ra trong văn bản. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và diện cách thưởng thức nghệ thuật sau đi khi đọc hiểu văn bản. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.				
		5. Thơ song thất lục bát, thơ tám chữ	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố về thất lục luật của thơ song thất lục bát, thơ bát, thơ tám chữ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ. - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. Thông hiểu: - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản. - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Phân biệt được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt na dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của nữ điển tích, điển cố trong thơ. Vận dụng: - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá ngon nhân do văn bản mang lại. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản - Phân biệt được sự khác nhau giữa thơ song thất lục bát với thơ lục bát.				
		6. Bi kịch	Nhận biết: Nhận biết được nhân vật và lời thoại của nhân vật trong bi kịch.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Thông hiểu: - Nêu được nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của bi kịch. - Phân tích được một số yếu tố của ph bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, lời thoại. - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình ng thức nghệ thuật của văn bản. - Phân biệt được nghĩa của một số n yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn; tác dụng của điển tích, điển cố; tác dụng của các phép biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; tác dụng của các kiểu câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp trong văn bản. Vận dụng: - Nêu được những thay đổi trong th suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản - Phân biệt được sự khác nhau giữa giữa bi kịch với hài kịch.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	VIẾT	1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội/ viết đoạn văn cảm nghĩ về thơ	Nhận biết - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận. - Thể hiện được sự đồng tình/ để không đồng tình đối với thông điệp được gọi ra từ vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc của vấn đề của đề nghị luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. Viết đoạn văn cảm nghĩ về thơ Nhận biết: - Giới thiệu được tên tác phẩm, tác giả, nêu được vấn đề nghị luận				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn bản cảm nghĩ. Thông hiểu: - Xây dựng hệ thống ý theo cảm nghĩ của bản thân về giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: Nêu được những nhận xét, những thông điệp rút ra từ đoạn trích. Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích). Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc của vấn đề; Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm.. để tăng sức thuyết phục cho đoạn văn. Thể hiện rõ quan điểm, cá tính sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết/	Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề cần giải quyết				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Phân tích tác phẩm văn học /Kể chuyện sáng tạo/Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử	- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến vấn đề cần giải quyết. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi danh luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích đáng, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính ng tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ. - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao: Sử dụng kết hợp các phương thức là ng miêu tả, biểu cảm, tự sự,... - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 9 lớp để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài thu viết.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm. - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... Vận dụng hiệu quả kiến thức tiếng Việt lớp 9 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Viết bài văn kể chuyện sáng tạo độ Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn kể chuyện. - Nêu được cụ thể câu chuyện được kể. - Xác định rõ đối tượng kể: sáng tạo hoặc mô phỏng một truyện đã đọc. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Xác định được bối cảnh không gian, thời gian, tình huống của câu chuyện được kể. - Kể được các sự việc theo một trình tự hợp lý, lô-gíc, có mở đầu, có diễn biến và kết thúc. - Xây dựng được nhân vật qua một số yếu tố như lai lịch, ngoại quốc hình, hành động, lời nói, nội tâm,... - Chọn ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc thứ ba); đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật (đối thoại) trong quá trình kể. - Nêu được những bài học, những tác động đối với bản thân từ câu chuyện được kể				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm trong quá trình kể chuyện. - Sáng tạo được tình huống truyện độc đáo, tiêu biểu. - Tạo dựng được các đoạn độc thoại nội tâm. Viết bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử Nhận biết: - Xác định được kiểu bài văn bản thông tin: thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử. - Xác định rõ đối tượng thuyết minh: một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử cụ thể. - Đảm bảo được bố cục bài văn. Thông hiểu: - Giới thiệu rõ ràng, cụ thể về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được thuyết minh: vị trí địa dald lý, quá trình hình thành, cấu trúc, là trên qui mô,... - Trình bày thông tin theo một cấu đa tr trúc hợp lý, lo-gíc. - Đảm bảo tính chính xác, khách quan của thông tin được cung cấp.				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			- Dùng đề mục và các dấu hiệu hình thức làm nổi bật thông tin quan trọng. - Thể hiện được thái độ đúng đắn với đối tượng thuyết minh: yêu mến, trân trọng, tự hào. Vận dụng: - Sử dụng kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ (bảng biểu, số liệu, hình ảnh,...) để làm nổi bật đối tượng thuyết minh. - Nhận xét, nêu suy nghĩ về giá trị, vai trò của đối tượng thuyết minh. Vận dụng cao: - Kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự để làm nổi bật đối tượng thuyết minh, tạo sự hấp dẫn, thu hút với người đọc. - Đề xuất được giải pháp (nếu có) cho vấn đề bảo tồn đối tượng thuyết minh.				
Tổng				2TN	2TN 1TL	1TL	2TL *
Tỉ lệ %				22,5 %	35%	32,5 %	10%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%	

ĐỀ SỐ 01

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA KÊ BÀNG QUẢNG BÌNH VÀ VẺ ĐẸP XÚNG TÀM DI SẢN THẾ GIỚI

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình là điểm đến hấp dẫn bất cứ tín đồ du lịch nào. Nơi đây sở hữu vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ, những hang động với vẻ đẹp diệu kỳ, những cánh rừng nguyên sinh hoang sơ và vô số điều thú vị chờ bạn khám phá khi có cơ hội du lịch Quảng Bình.

1 Giới thiệu về Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình

1.1 Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng ở đâu?

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng nằm trong quần thể sinh thái Bắc Trường Sơn, thuộc địa phận 3 huyện là Bố Trạch, Minh Hoá và Quảng Ninh. Từ trung tâm thành phố Đồng Hới bạn cần di chuyển quãng đường khoảng 50km về phía Tây Bắc để đến được đây.

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình được đánh giá là 1 trong 238 hệ sinh thái quan trọng trên toàn cầu, sở hữu vùng Karst (dạng địa hình phong hóa đá vôi) rộng nhất thế giới với diện tích trên 200.000ha.

1.2 Diện tích Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng có tổng diện tích lên tới 343.638,04ha. Trong đó vùng lõi được ước tính có diện tích khoảng 125.729,6ha, vùng đệm có diện tích khoảng 217.908,44ha

2. Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình - 2 lần được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới. Năm 2003, xét duyệt theo tiêu chí địa chất, địa mạo và năm 2015 xét duyệt theo tiêu chí đa dạng sinh học, sinh thái. Đây chính là niềm tự hào của Việt Nam nói chung và ngành du lịch nói riêng, đưa vẻ đẹp của thiên nhiên nước ta đến gần hơn với bạn bè quốc tế.

3. Những điều làm nên Di sản thế giới Phong Nha Kẻ Bàng

3.1. Quần thể hang động có một không hai

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình sở hữu quần thể hơn 300 hang động lớn nhỏ được mệnh danh là kỳ quan đệ nhất động. Vì thế nơi đây đã thu hút rất nhiều các nhà khoa học chuyên nghiên cứu địa hình hang động và các nhà thám hiểm đến tìm hiểu về cách mà thiên nhiên đã tạo nên một kỳ quan có một không hai này ...



Hệ thống hang động tuyệt đẹp của vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng đã đưa nơi đây thành một trong những điểm du lịch “hot” nhất của Việt Nam

3.2. Hệ thống sông ngòi chằng chịt

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình là nơi có sông Troóc, sông Chày và sông Son chảy qua. Những dòng nước trong xanh len lỏi giữa vùng núi đá vôi đã tạo thành loại địa hình Karst rộng lớn nhất thế giới với vẻ đẹp như một bức tranh thủy mặc được vẽ nên bởi tạo hóa diệu kỳ...

3.3. Khu vực rừng nguyên sinh Phong Nha Kẻ Bàng"

...Rừng nguyên sinh tại Phong Nha Kẻ Bàng với độ che phủ gần như tuyệt

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng sở hữu khu rừng nhiệt đới nguyên sinh có độ che phủ lên đến trên 96,2%. Tại đây, các nhà nghiên cứu đã tìm thấy rất nhiều các loại thực vật đặc thù của địa hình rừng núi đá vôi như chò đãi, chò nước, trầm hương, nghiến, sao, ba kích v.v Đặc biệt, tại đây các nhà nghiên cứu còn tìm thấy nhiều loài thực vật quý hiếm đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng như bách xanh đá, lan hài đốm, lan hài xanh, lan hài xoắn v.v.

3.4. Giá trị văn hóa và lịch sử

Bên cạnh các giá trị thiên nhiên cần được bảo tồn, Phong Nha Kẻ Bàng còn là nơi lưu giữ hệ di tích lịch sử và văn hoá có giá trị vô giá đối với ngành khảo cổ. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy những dấu vết và hiện vật từ thời tiền sử, các công trình văn hóa Chăm-pa và Việt cổ, những di tích của căn cứ được xây dựng trong kháng chiến chống Pháp dưới thời vua Hàm Nghi, con đường mòn Hồ Chí Minh lịch sử, Bến phà Xuân Sơn

Quảng Bình đã góp phần thống nhất hai miền Nam Bắc v.v. Tất cả những điều này đã phản ánh bề dày của lịch sử ngàn đời dân tộc, khắc ghi những chiến công hiển hách và biết bao xương máu của các thế hệ ông cha ta đã đổ xuống để giành lấy độc lập và tự do cho đất nước.

(Tuyệt Trinh, MIA.vn Go Quảng Bình, ngày 26.09.2023) [https://mia.vn/cam-nang-du-lich/vuon-quoc-gia-phong-nha-ke-bang-quang-binh-va-ve-](https://mia.vn/cam-nang-du-lich/vuon-quoc-gia-phong-nha-ke-bang-quang-binh-va-ve-dep-xung-tam-di-san-the-gioi-6020)

[dep-xung-tam-di-san-the-gioi-6020](https://mia.vn/cam-nang-du-lich/vuon-quoc-gia-phong-nha-ke-bang-quang-binh-va-ve-dep-xung-tam-di-san-the-gioi-6020)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 4; tự ghi câu trả lời cho câu 5 đến câu 6.

Câu 1. Văn bản đã trình bày những thông tin cơ bản nào?

A. Giới thiệu về vị trí địa lí, diện tích và những điều làm nên Di sản thế giới Phong Nha Kẻ Bàng.

B. Giới thiệu về vị trí và những điều làm nên Di sản thế giới Phong Nha Kẻ Bàng.

C. Giới thiệu về vị trí, diện tích, quần thể hang động, hệ thống sông ngòi của Phong Nha Kẻ Bàng.

D. Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình - 2 lần được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới.

Câu 2. Đặc điểm kiểu văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh được thể hiện qua các yếu tố nào sau đây?

A. Sử dụng các đề mục để làm nổi bật thông tin chính như là: Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng ở đâu? Những điều làm nên Di sản thế giới Phong Nha Kẻ Bàng...

B. Một số từ ngữ chuyên ngành: *đa dạng sinh học, sinh thái, địa hình Karst, rừng nhiệt đới nguyên sinh ...*

C. Hình ảnh minh họa.

D. Cả A,B,C

Câu 3. Khi giới thiệu về Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình - 2 lần được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, tác giả có thái độ như thế nào?

A. Thể hiện tình yêu đối với quê hương xứ sở nơi mình sinh ra và lớn lên.

B. Tự hào, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên hoang sơ, cổ kính trang nghiêm.

C. Tự hào, trân trọng vẻ đẹp của Di sản thế giới Phong Nha Kẻ Bàng.

D. Thể hiện sự háo hức mong chờ vẻ đẹp của thiên nhiên.

Câu 4. Những giá trị của *Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng* được nêu trong văn bản.

A. Giá trị về du lịch (Di sản thế giới); Giá trị về địa chất (nghiên cứu khoa học); Giá trị văn hóa và xã hội.

B. Giá trị về du lịch (Di sản thế giới); Giá trị về địa chất (nghiên cứu khoa học); Giá trị văn hóa và lịch sử.

C. Giá trị về nghệ thuật; Giá trị văn hóa và lịch sử.

D. Giá trị về du lịch (Di sản thế giới); Giá trị về địa chất (nghiên cứu khoa học); Giá trị lịch sử.

Câu 5. Nhan đề *Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình và vẻ đẹp xứng tầm di sản thế giới* đã làm nổi bật và khái quát nội dung của văn bản chưa? Vì sao?

Câu 6. Đọc xong văn bản, em có được những hiểu biết gì về *Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng* và còn muốn biết thêm những thông tin gì về địa danh nổi tiếng này?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về bức tượng đài người lính Điện Biên trong bài thơ sau:

GIÁ TỪNG THUỐC ĐẤT

Năm mươi sáu ngày đêm bom gầm pháo giội,

Ta mới hiểu thế nào là đồng đội.

Đồng đội ta là hóp nước uống chung

Nắm cơm bẻ nửa

Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa

Chia khắp anh em một mẩu tin nhà

Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp

Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.

Bạn ta đó

Ngã trên dây thép ba tầng

Một bàn tay chưa rời báng súng,

Chân lưng chừng nửa bước xung phong.

Ôi những con người mỗi khi nằm xuống

Vẫn nằm trong tư thế tiến công!

Bên trái: Lò Văn Sự

Bên phải: Nguyễn Đình Ba,

*Những đêm tiến công, những ngày phòng ngự,
Có phải các anh vẫn còn đủ cả
Trong đội hình đại đội chúng ta?*

*Khi bạn ta
lấy thân mình
đo bước
Chiến hào đi,
Ta mới hiểu
giá từng thước đất,
Các anh ở đây
Trận địa là đây,
Trận địa sẽ không lùi nửa thước,
Không bao giờ, không bao giờ để mất
Mảnh đất
Các anh nằm.*

1954-1961

(Trích Giả từng thước đất, Chính Hữu

Đầu súng trăng treo, NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận đề xuất giải pháp xây dựng văn hóa giao tiếp cho người trẻ trong thời kì hội nhập hiện nay.

ĐỀ SỐ 02

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Sống với niềm đam mê

Hãy tạ ơn cuộc sống này đã cho bạn cơ hội được sáng tạo lại chính nó!

Derek Walcott

Bạn đã từng xem các nhạc sĩ trình diễn chưa? Ở đây, tôi không chỉ muốn đề cập đến âm thanh mà còn muốn bạn lưu ý đến những động tác và cảm xúc biểu lộ trên gương mặt của các nghệ sĩ khi họ trình diễn. Có lần tôi được xem ban nhạc Santana hòa nhạc trên truyền hình. Từ trước đến giờ tôi vẫn rất thích phong cách hòa nhạc của họ, nhưng buổi tối hôm đó khi máy quay phim chiếu cận cảnh từng thành viên, tôi không chỉ được nghe mà còn được quan sát họ chơi nhạc. Tôi chú ý đến biểu hiện của mỗi cá nhân trong lúc họ hát, đánh trống, hay chơi đàn guitar. Nét mặt họ thay đổi theo nhịp điệu của bản nhạc, đầu họ lắc lư qua lại, mắt họ phải nhắm nghiền, thả hồn vào tiếng nhạc. Đó là lần đầu tiên tôi cảm nhận được niềm đam mê của Carlos Santana và các thành viên khác, cứ như họ đang hòa lẫn vào âm nhạc vậy. Họ không còn là nghệ sĩ biểu diễn trên sân khấu mà tâm hồn họ và âm nhạc đã hòa cùng làm một.

[...]

Chỉ cần lắng nghe và quan sát một người khi họ đang trình bày một vấn đề, bạn có thể biết được họ có say mê vấn đề đó hay không? Khi đam mê, nét mặt người đó sẽ rạng rỡ, đôi mắt sáng lấp lánh như có dòng điện đang lưu chuyển trong người họ. Trường hợp của nhân vật truyền hình Nigella Lawson là một ví dụ khi cô liếm hỗn hợp bột bánh dinh trên những ngón tay của cô. Nhìn cách nuốt vội vàng và cách chép miệng của cô, bạn sẽ có cảm giác như mình cũng đang được thưởng thức hương vị sô-cô-la đó. Hoặc khi nữ tác giả France Mayes kể về những chuyến phiêu lưu của bà ở nước Ý, bạn sẽ cảm thấy ước ao một lần trong đời được đặt chân đến đó. Niềm đam mê dành cho những điều họ yêu thích đã tạo nên sự hấp dẫn trong con người họ. Khi bạn gặp họ, bạn sẽ nghĩ ngay rằng: “Tôi cũng muốn có được một phần tính cách của cô ấy, chẳng hạn như nét sinh động, vẻ vui tươi của cô ấy”. Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình.

Đam mê là cảm xúc cháy bỏng, rạo rực, xuất phát từ sâu thẳm trong tâm hồn chúng ta. Dù bạn cố kìm nén, đến một lúc nào đó nó sẽ dâng trào. Hầu như ai trong chúng ta cũng có một vài thú đam mê trong đời. Những đam mê này mang lại niềm vui, nụ cười trên gương mặt bạn và chấp cánh cho những sáng tạo của chính bạn.

Sự đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của ý thức trân trọng cảm xúc nơi tâm hồn. Bạn hãy phát hiện niềm đam mê của bản thân và biến nó thành tính cách riêng của

mình. Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn nhất.

(Sống với niềm đam mê, Hạnh phúc ở trong ta, Dedie Gissonni, NXB Trẻ, 2014, tr 57-59)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 4; tự ghi câu trả lời cho câu 5 đến câu 6.

Câu 1. Luận đề của văn bản trên là gì?

- A. Hạnh phúc là do mỗi người.
- B. Cần biết lắng nghe và quan sát.
- C. Sống với niềm đam mê.
- D. Cách thưởng thức âm nhạc.

Câu 2. Phương án nào nêu đúng mối quan hệ về nghĩa giữa các vế của câu ghép sau: Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình.

- A. Nguyên nhân – kết quả
- B. Điều kiện – kết quả
- C. Nhượng bộ
- D. Mục đích

Câu 3. Ý nào nêu đúng nhất thái độ của người viết về vấn đề được bàn?

A. Tán đồng với quan điểm cho rằng sống không cần phải có niềm đam mê vẫn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn.

B. Phê phán con người sống bằng niềm đam mê để dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn.

C. Phản đối quan niệm cho rằng sống bằng niềm đam mê để dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn.

D. Khuyến khích con người sống bằng niềm đam mê để dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn.

Câu 4. Câu *Sự đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của ý thức trân trọng cảm xúc nơi tâm hồn.* được hiểu như thế nào?

A. Đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của việc có một ý thức sâu sắc về cảm xúc và giá trị của chúng trong tâm hồn của mỗi người.

B. Đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của việc tôn trọng lí trí theo ý thức của con người.

C. Đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của việc quá chú tâm đến điều đó mà bỏ quên điều khác.

D. Đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của việc sống quá cảm xúc, không điều khiển được cảm xúc của mình.

Câu 5. Việc tác giả đưa ra dẫn chứng về nhân vật truyền hình Nigella Lawson và nữ tác giả France Mayes có tác dụng gì?

Câu 6. Em có đồng ý với quan điểm *Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn nhất không?* Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về cách thức nuôi dưỡng niềm đam mê trong học tập của con người.

Câu 2. (4,0 điểm) Phân tích bài thơ sau:

CUỐC KÊU CẢM HỨNG

Nguyễn Khuyển⁽¹⁾

Khắc khoải đưa sầu giọng lẳng lơ,

Ấy hôn Thục đế⁽²⁾ thác bao giờ?

Năm canh máu chảy đêm hè vắng,

Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.

Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?

Thâu đêm róng rã⁽³⁾ kêu ai đó?

Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.

(Trích Thơ văn Nguyễn Khuyển, NXB Văn học, 1971)

Chú thích

(1) Nguyễn Khuyển, tên thật là Nguyễn Thắng, hiệu là Quế Sơn, tự Miếu Chi, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1835, tại quê ngoại làng Văn Khê, xã Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông là một người tài năng, yêu nước thương dân, bên cạnh đó ông cũng là một nhà thơ Nôm xuất sắc, nhà thơ của làng cảnh Việt Nam. Thơ của Nguyễn Khuyển luôn giàu cảm xúc với thiên nhiên, con người và quê hương. Cuốc kêu cảm hứng được viết vào thời gian Nguyễn Khuyển cáo quan về ở ẩn nơi Vườn Bù chồn cũ.

(2) Có bản chép là “Đấy hôn Thục đế”. Điển cũ kể rằng vua nước Thục mất nước, chết hoá thành con cuốc, suốt đêm ngày kêu róng rã “Thục quốc, Thục quốc!”.

(3) Có bản chép là “Ban đêm róng rã”.

ĐỀ SỐ 03

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NGƯỜI LIỆT NỮ Ở AN ÁP

(**Lược trích một phần:** Thời Lê đời niên hiệu Vĩnh Thịnh (1) có vị Tiến sĩ trẻ tên Đinh Hoàn, người làng An Áp, tỉnh Nghệ An (2). Đinh Hoàn lấy vợ lẽ là con quan họ Nguyễn, bà nghi dung nhân nhã, ăn nói đoan trang, thêu thùa khéo léo lại có tài thơ phú nên rất tâm đầu ý hợp với chồng. Có người vợ khuyên nhủ, người chồng càng mẫn cán và trở thành vị quan cần mẫn. Ông được cử đi sứ Trung Quốc, người vợ rất lo lắng cho sức khoẻ của chồng. Nhưng việc triều đình, ông vẫn phải dứt áo rời đi. Người vợ ở nhà thương nhớ, lo lắng khôn nguôi. Trên đường đi xứ, chẳng may ông mắc bệnh và qua đời. Linh cữu được đưa về nước, phu nhân họ Nguyễn đau đớn, viết bài văn tế chồng, trong đó ẩn ý muốn quyên sinh. Người nhà lo lắng khuyên can không được nên trông chừng bà rất cẩn thận. Thời gian trôi qua, phu nhân vẫn sống trong đau khổ, một hôm nằm mộng gặp được người chồng.)

Một hôm, phu nhân đốt đèn ngồi một mình... Nỗi thương tâm khiến phu nhân đờ đẫn, nhìn đâu cũng toàn thấy cảm sâu. Phu nhân càng thêm thê thảm, gục xuống bàn mà nước nỡ khiến cõi lòng chìm sâu vào cõi mê. Trong cơn dật dờ đó, thấy một người khăn vương đai rộng từ xa đến gần, nhìn kĩ hoá ra chính là chồng vậy. Phu nhân đón chào, mừng quá chảy nước mắt mà rằng:

Từ khi cách biệt đã bốn năm rồi, biết bao nỗi bi sầu, mộng hồn tan nát, không nơi nào là không tìm tung tích của lang quân, ấy thế mà lang quân chẳng có đoái hoài gì đến thiếp. Nếu bảo rằng trần gian và thiên thượng hai nơi cách biệt, thì sao Thuần Phi (3) có hội ngộ, Chức Nữ (4) lại tương phùng, vậy thì lang quân đối với thiếp rất là bạc tình!

Ông buồn nét mặt mà rằng:

- Ta từ khi về châu thiên đình, được trông coi việc bút nghiên, nơi thiên tào công việc nhiều, không có thì giờ đến thăm nàng, còn tấm lòng khăng khít thuỷ chung không bao giờ thay đổi.

Phu nhân muốn lưu ông ở lại tự tình. Ông vờ về nói:

Chết sống là lẽ thường xưa nay, hợp tan là tuần hoàn việc thế. Vĩ Ngọc Tiên (5) có duyên tái hợp, Dương Thái Chân (6) cơ ước lai sinh. Nàng không cần bị phiền vì nỗi hạc lánh gương ta, cái ngày chúng ta gặp nhau gần đến rồi.

Nói xong, có một trận thanh phong, không biết ông biến đi đâu mất. Phu nhân thương khóc chột tỉnh dậy, sai thị nữ ra xem trời đất chỉ thấy sương mù trắng mờ, đêm đã gần sáng rồi.

(Lược trích một đoạn: Sau đó, nhân một ngày cả nhà đi vắng, phu nhân đã quyên sinh. Bà được triều đình cho lập đền thờ, khắc chữ “*Trinh liệt phu nhân từ*”. Đền rất linh thiêng. Vài năm sau, có người thư sinh họ Hà hay thơ phú, ghé thăm đền và đề bài thơ. Bài thơ ngụ ý nói viên quan họ Đinh không có công trạng, nhờ người vợ thủy chung mà được thơm lây. Tối đó, khi về chỗ trọ, Hà sinh thấy có người con gái áo xanh đến báo có phu nhân mời tới trò chuyện. Đến một lầu son gác tía, Hà sinh mới hay phu nhân đó là chủ nhân ngôi đền. Phu nhân nói bài thơ của Hà sinh đề trên đền có ý chưa được đúng, xem thường tướng công của bà, nên kể rõ sự tình để Hà sinh thấu tỏ công đức của người chồng.)

Hà sinh nghe phu nhân nói xong, bỗng tỉnh ngộ, vội vàng đứng dậy tạ rằng:

- Tiểu sinh ham chơi sơn thủy, thích hứng rượu thơ, nhân lúc say sưa phóng bút viết bậy, thực sự biết đắc tội rất nặng với bậc tôn linh, nay tình nguyện nói lại nguyên văn để chuộc cái lỗi nói càn.

Phu nhân nói:

- Bằng lòng cho hoạ lại.

...

Mới viết xong hai câu, chợt nghe tiếng người con gái mặc áo vàng đứng ngoài điện bẩm rằng:

- Thượng đế có chiếu chỉ với phu nhân, hiện xe loan đã sắp sẵn đợi ở ngoài rồi. Phu nhân đi rảo bước xuống thêm, ngoảnh lại bảo Hà sinh:

- Tiên sinh sau này phát đạt. Nhưng phải cẩn thận lời nói...

Hà sinh đứng dậy vâng lệnh lui ra, bỗng thấy mây lành bao phủ, gió thoang thoang, phu nhân bước lên xe loan đi như bay...

(Theo Đoàn Thị Điểm*, Truyền kì tân phả, Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn,

NXB Giáo dục tr.344-362)

Chú thích:

* Đoàn Thị Điểm là nữ sĩ nổi tiếng của văn học trung đại Việt Nam. Bà là người được đánh giá là bậc nhất về sắc đẹp lẫn tài văn trong những nữ sĩ danh tiếng nhất, bên cạnh là Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan và Xuân Quỳnh. Bà là tác giả tập Truyền kì tân phả (chữ Hán), và tác giả của truyện thơ Chinh phụ ngâm (bản chữ Nôm - 412 câu thơ) - được bà dịch từ nguyên bản Chinh phụ ngâm khúc (viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn).

(1) *Vĩnh Thịnh: niên hiệu của Lê Dụ Tôn.*

(2) Nay thuộc xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Thuần Phi: vợ vua Thuần, Nga Hoàng và Nữ Anh hai chị em (con vua Nghiêu), đều lấy Thuần, khi mất làm thần sông Tương.

(4) Chức Nữ: Tích Ngưu Lang Chức Nữ, hàng năm được gặp nhau một lần vào ngày 7 tháng 7.

(5) Vĩ Ngọc Tiên: đời Đường, Vi Cao lúc hàn vi, ở trọ nhà họ Khương, chung tình với nàng Ngọc Tiên, Cao tặng nàng một cái vòng tay, hẹn 7 năm đến cưới làm vợ. Quá hạn không đến, nàng tự sát. Cách đó 13 năm, Cao được làm Tiết độ sứ Ba Thục, có người dâng một ca sĩ rất đẹp, tên Ngọc Tiên, Cao nhận rõ là diện mạo y như nàng Ngọc Tiên ngày trước.

(6) Dương Thái Chân: Dương Quý phi bị chết ở núi Mã Ngôi, sau lại tái sinh cùng với Đường Minh Hoàng kết làm vợ chồng lần nữa.

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 4; tự ghi câu trả lời cho câu 5 đến câu 6.

Câu 1. Nhân vật chính trong truyện Người liệt nữ ở An Ấp là ai?

- A. Phu nhân họ Nguyễn
- B. Đinh Hoàn
- C. Thụ sinh họ Hà
- D. Người con gái áo xanh

Câu 2. Dòng nào sau đây là lời nói của nhân vật phu nhân họ Nguyễn?

- A. Ta từ khi về châu thiên đình, được trông coi việc bút nghiên, nơi thiên tào công việc nhiều, không có thì giờ đến thăm nàng, còn tấm lòng khăng khít thủy chung không bao giờ thay đổi.
- B. Thượng đế có chiếu chỉ với phu nhân, hiện xe loan đã sắp sẵn đợi ở ngoài rồi.
- C. Tiên sinh sau này phát đạt. Nhưng phải cẩn thận lời nói.
- D. Phu nhân thương khóc chột tình dậy, sai thị nữ ra xem trời đất chỉ thấy sương mù trắng mờ, đêm đã gần sáng rồi.

Câu 3. Dòng nào sau đây không phải là nhận xét đúng về đặc điểm thể loại truyện truyền kì thể hiện trong văn bản?

- A. Sử dụng nhiều điển tích, điển cố.
- B. Con người cõi sống và cõi chết có thể tương giao, trò chuyện.
- C. Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, hoang đường.
- D. Nhân vật chính của truyện là thám tử chuyên phá án.

Câu 4. Chủ đề chính của truyện Người liệt nữ ở An Ấp là gì?

- A. Ca ngợi vị quan họ Đinh miễn cán, hi sinh vì việc nước.

- B. Ca ngợi tấm lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ ở An Ấp.
- C. Ca ngợi chàng thư sinh họ Hà hay thơ phú, biết nhận ra lỗi lầm và chuộc lỗi.
- D. Ca ngợi triều đình biết nhìn người, trân trọng người có tài, có nghĩa.

Câu 5. Cuộc gặp gỡ của phu nhân họ Nguyễn với Hà sinh giúp em hiểu thêm điều gì về người thiếu phụ An Ấp?

Câu 6. Từ văn bản *Người liệt nữ ở An Ấp*, em có suy nghĩ, tình cảm gì đối với số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc bài thơ *Quê của mẹ...* của tác giả Nguyễn Khánh Châu.

QUÊ CỦA MẸ...

*Tôi cùng mẹ trở về thăm quê ngoại
Nơi tuổi thơ mẹ lặn lội cơ hàn
Nơi ngoại tôi cứ mỗi vụ đông tàn
Tay cuốc đỏ, nơi đồng sâu cấy lúa.*

*Ở nơi đó, những ngày mẹ còn nhỏ
Đuổi bắt ve, nắng cháy những trưa hè
Bị ngoại mắng, đòn roi mẹ chẳng sợ
Vẫn đầu trần, chân sáo chạy khắp thôn.*

*Mẹ lớn lên... rồi bốn ba xuôi ngược
Xa quê nghèo, cũng rất ít về thăm
Nhưng trong tim kí ức những tháng năm
Quê hương đó - in sâu trong tiềm thức.*

(Theo Nguyễn Khánh Châu, Văn học và tuổi trẻ, số tháng 3 năm 2023, NXB Giáo dục Việt Nam, 2023, tr.45)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích truyện truyền kì *Người liệt nữ ở An Ấp* của Đoàn Thị Điểm ở phần Đọc hiểu.

ĐỀ SỐ 04

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Sè sè nắm đất bên đường,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: “Sao trong tiết thanh minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”
Vương Quan mới dẫn gần xa:
“Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi⁽¹⁾
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh⁽²⁾
Kiếp hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân thoát gãy cành thiên hương.⁽³⁾
Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu⁽⁴⁾ sa
“Đau đớn thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung⁽⁵⁾.
Phũ phàng chi bấy hoả công,
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.

Sống làm vợ khắp người ta,
Khéo thay thác xuống làm ma không chồng!
Nào người phượng chạ loan chung,
Nào người tiếc lục tham hồng⁽⁶⁾ là ai?
Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối vàng biết cho.
Làm rằm khăn vái nhỏ to,
Sụp ngòi đặt cỏ⁽⁷⁾ trước mộ bước ra.
Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và⁽⁸⁾ bông lau.
Rút trâm giắt sẵn mái đầu,
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn
Lại càng mê mẩn tâm thần
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài.

(Trích Truyện Kiều, Nguyễn Du, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2011, tr. 16 - 21)

Chú thích:

- (1) *Ca nhi*: người phụ nữ làm nghề hát xướng trong xã hội cũ.
- (2) *Yến anh*: ở đây chỉ khách làng chơi (táp nập tìm đến).
- (3) *Cành thiên hương*: chỉ người đẹp. Ý cả câu: Tuổi đang độ nửa chừng xuân thì người đẹp bỗng chết. *Thoắt*: bỗng, chợt.
- (4) *Châu*: tức *châu lệ*: chỉ nước mắt.
- (5) *Phượng*: chim phượng trống. *Loan*: chim phượng mái. *Loan phượng* trong văn học cổ được dùng để chỉ tượng trưng đôi lứa vợ chồng. Cả câu ý hỏi những khách làng chơi từng qua lại với Đạm Tiên ngày trước.
- (6) *Tiếc lục tham hồng*: ý nói luyến tiếc, ham mê nhan sắc của người đẹp.
- (7) *Đặt cỏ*: đặt chút lễ viếng.
- (8) *Một và*: một vài.

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 4; tự ghi câu trả lời cho câu 5 đến câu 6.

Câu 1. Dòng nào sau đây đúng khi nói về cuộc đời của nàng Đạm Tiên?

- A. Cuộc đời êm đềm, sống trong cảnh nhung lụa.
- B. Là ca nhi nổi tiếng, được mọi người trân trọng tài năng, nhan sắc.
- C. Là người phụ nữ tài sắc nhưng số phận hẩm hiu, bất hạnh.
- D. Là người đào hoa, nhiều đời chồng.

Câu 2. Từ nào sau đây là từ tượng thanh?

- A. Dầu dàu B. Lầm rầm C. Phôi pha D. Tàn ngần

Câu 3. Hai câu thơ *Đau đớn thay phận đàn bà Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung* được hiểu như thế nào?

- A. Là lời khẳng định Kiều và Đạm Tiên đều chung nhau ở phận đàn bà.
- B. Là lời khẳng định hễ là đàn bà thì đều phải chịu những đau đớn về thể xác.
- C. Là lời than về số phận bạc mệnh, bất hạnh của người phụ nữ.
- D. Là tiếng nói đòi công bằng của người phụ nữ.

Câu 4. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Miêu tả cảnh chị em Thúy Kiều đi chơi Thanh minh.
- B. Nói về cuộc đời bất hạnh của nàng Đạm Tiên.
- C. Thể hiện nỗi bất an, lo âu của Thúy Kiều trước tương lai.
- D. Thể hiện tâm trạng của Thúy Kiều trước số phận bi kịch của nàng Đạm Tiên.

Câu 5. Tác giả thể hiện tình cảm, thái độ gì qua đoạn trích trên?

Câu 6. Theo anh/chị, quan niệm *Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung* có còn đúng với xã hội hiện nay không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về vai trò của sự sẻ chia trong cuộc sống.

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận nêu cảm nghĩ về hình tượng người mẹ trong đoạn thơ sau:

*Con bị thương, nằm lại một mùa mưa
Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ
Nhà yên ắng, tiếng chân đi rất nhẹ,
Gió từng hồi trên mái lá ủa qua.*

*Nhớ vườn cây che bóng kín sau nhà
Trái chín rụng suốt mùa thu lộp độp
Những dãy bưởi sai, những hàng khế ngọt
Nhãn đầu mùa, chim đến bói lao xao...*

*Con xót lòng, mẹ hải trái bưởi đào
Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế
Khoai nướng, ngô bung, ngọt lòng đến thế
Mỗi ban mai tỏa khói ấm trong nhà.*

*Ba con đầu đang chiến đấu nơi xa
Tình máu mủ mẹ dồn con hết cả,
Con nói mở những núi rừng xa lạ
Tĩnh ra rồi, có mẹ, hoá thành quê.*

[...]

*...Ôi mẹ già trên bản vắng xa xăm trên hơn.
Con đã đi rồi, mấy khi trở lại?
Dắng dặc Trường Sơn những mùa gió trái
Những mùa mưa bạc trắng cả cây rừng!...*

*Con qua đâu thấy mái lá, cây vườn...
Cũng đất nước, phơ phơ đầu tóc mẹ...
Từng giọt máu trong người con đập khế
Máu bây giờ đâu có của riêng con?...*

1972

(Trích Mẹ, Bằng Việt, Thơ Việt Nam 1945 – 1975, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1970, tr. 373 – 374)

Chú thích:

Bằng Việt sinh năm 1941, nguyên quán xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Ông bắt đầu sáng tác thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Tác phẩm chính: Hương cây - Bếp lửa (1968), được viết cùng với Lưu Quang Vũ; Những gương mặt – Những khoảng trời (1973), Đất sau mưa (1977), Khoảng cách giữa lời (1984),... Thơ của Bằng Việt được đánh giá là trẻ trung, hồn nhiên và tài hoa với cảm xúc tinh tế, giọng điệu tâm tình, trầm lắng, suy tư và giàu triết lí. Ông sử dụng nhiều loại thơ không vần và các hình thức thơ đã có trong thơ Việt Nam và thế giới. Ngoài sáng tác thơ, ông còn dịch thơ và biên soạn một số từ điển văn học.

1.2. Dạng 2. Đọc hiểu văn bản; viết bài văn

* Bảng năng lực cấp độ tư duy, bản đặc tả ma trận

- Bảng năng lực cấp độ tư duy (Đã trình bày ở trang 10)

- Bản đặc tả ma trận

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	1. Văn bản nghị luận	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		2. Văn bản thông tin	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		3. Truyện truyền kì, truyện trình thám.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		4. Truyện thơ Nôm	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		5. Thơ song thất Đã trình bày ở lục bát, thơ tám chữ.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		6. Bi kịch	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	VIẾT	1. Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1	1	1	1	1
		2. Nghị luận về tác phẩm văn học	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		3. Viết bài văn thuyết minh	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		4. Viết truyện kể sáng tạo	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
Tổng				3TN	3TN 1TL	2TL	1TL
Tỉ lệ				22,5 %	35%	32,5 %	10%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%	

*** Đề**

ĐỀ SỐ 05

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

**TẢNG BĂNG TRÔI LỚN NHẤT THẾ GIỚI
DỊCH CHUYỂN SAU 37 NĂM**

A23a, tảng băng trôi lớn nhất thế giới và là một trong những tảng băng trôi lâu đời nhất, được phát hiện dịch chuyển sau 37 năm.



Tảng băng trôi lớn nhất thế giới, A23a, vào ngày 15-11-2023 –

Ảnh: NASAWorldview

Theo Hãng tin Reuters ngày 25-11, tảng băng trôi lớn nhất thế giới, A23a, đã tách khỏi Nam Cực và trên đà dịch chuyển lần đầu tiên sau hơn ba thập kỷ.

Nặng 1.000 tỉ tấn, rộng 4.000km (gấp 3 lần thành phố New York của Mỹ), A23a tách ra khỏi thềm băng Filchner-Ronne ở Tây Nam Cực vào năm 1986 và phần lớn bị mắc kẹt ở phần dưới đáy biển Weddell suốt từ đó đến nay. Theo Cơ quan khảo sát Nam Cực của Anh, ảnh vệ tinh gần đây cho thấy tảng băng trôi này đang trôi nhanh qua mũi phía bắc của Bán đảo Nam Cực, do lực đẩy của gió và dòng chảy mạnh. Nhà nghiên cứu sông băng Oliver Marsh, làm việc tại Cơ quan khảo sát Nam Cực, cho hay việc một tảng băng trôi có kích thước như thế này di chuyển là điều rất hiếm gặp, do đó các nhà khoa học sẽ theo dõi chặt chẽ quỹ đạo của nó. Khi tăng tốc, tảng băng khổng lồ này có thể sẽ trôi nhanh vào Hải lưu Vòng Nam Cực (một dòng hải lưu chảy theo chiều kim đồng hồ từ phía tây sang đông xung quanh Nam Cực), hướng về phía Nam Đại Dương, nơi có nhiều tảng băng trôi lớn đang trôi nổi. "Theo thời gian, A23a có thể mỏng đi một chút, cho phép nó nổi lên khỏi đáy đại dương và bị dòng hải lưu đẩy đi. Có khả năng nó

sẽ di chuyển tới đảo Nam Georgia", Oliver Marsh nói. Điều này sẽ gây rắc rối cho động vật hoang dã ở Nam Cực. Hàng triệu con hải cẩu, chim cánh cụt và chim biển sinh sản trên đảo cũng như tìm kiếm thức ăn ở vùng biển xung quanh sẽ bị ảnh hưởng.

Trước đó vào năm 2020, một tảng băng trôi khổng lồ khác được đặt tên 468 cũng khiến giới khoa học lo lắng khi trôi về hướng Nam Georgia, đe dọa nghiền nát các sinh vật biển và cắt đứt nguồn thức ăn. May thay kịch bản đó đã không xảy ra khi tảng băng trôi vỡ thành nhiều mảnh nhỏ. Các nhà khoa học đang hy vọng điều đó cũng sẽ xảy ra với A23a. Tuy nhiên như ông Marsh lo ngại: "Một tảng băng trôi khổng lồ như thế này có khả năng tồn tại khá lâu ở Nam Đại Dương mặc dù thời tiết ấm hơn nhiều. Nó có thể di chuyển xa hơn về phía bắc tới Nam Phi và gây gián đoạn hoạt động vận chuyển

(Theo Minh Anh, <https://tuoitre.vn/tang-bang-troi-lon-nhat-the-gioi-dich-chuyen-sau-37-nam-20231125143611536.htm>, Báo tuổi trẻ online ngày 25/11/2023)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 4; tự ghi câu trả lời cho câu 7 đến câu 9.

Câu 1. Xác định các yếu tố hình thức của văn bản thông tin được thể hiện trong văn bản.

- A. Nhan đề, đề mục, sapo, phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh).
- B. Nhan đề, sapo, phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh).
- C. Phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh), đề mục.
- D. Thông tin, nhan đề, sapo.

Câu 2. Các thông tin trong văn bản được tổ chức theo cách nào?

- A. Tổ chức thông tin theo trình tự thời gian.
- B. Tổ chức thông tin theo trình tự tầm quan trọng của vấn đề.
- C. Tổ chức thông tin theo trình tự nhân quả.
- D. Tổ chức thông tin theo trình tự so sánh.

Câu 3. Nội dung thông tin chính của văn bản là gì?

- A. Tảng băng trôi lớn nhất thế giới.
- B. Tảng băng trôi A23a.
- C. Tảng băng trôi lớn nhất thế giới dịch chuyển sau 37 năm.
- D. Tảng băng khổng lồ dịch chuyển.

Câu 4. Việc trích dẫn các số liệu trong văn bản có tác dụng gì?

- A. Tăng sức thuyết phục, nhấn mạnh vào độ rộng lớn của tảng băng.
- B. Tăng sức thuyết phục, cho thấy sức mạnh to lớn của tảng băng.
- C. Tăng sức hấp dẫn, nhấn mạnh vào độ rộng lớn của tảng băng.
- D. Tăng sức hấp dẫn, nhấn mạnh vào tác động của tảng băng.

Câu 5. Đây là hậu quả mà tảng băng A23a có thể gây ra?

- A. Gây rắc rối cho động vật hoang dã ở Nam cực.
- B. Gây gián đoạn hoạt động vận chuyển.
- C. Các loài động vật sẽ bị cắt đứt nguồn thức ăn.
- D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 6. Tác dụng của việc đưa thông tin về tảng băng A68 là gì?

- A. Cung cấp thêm thông tin về những tảng băng trôi ở Nam Cực.
- B. Tăng tính thuyết phục cho luận điểm, cho thấy sự nguy hại của tảng băng.
- C. Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
- D. Gợi ra hình ảnh tảng băng A23a trong tương lai.

Câu 7. Những câu trả lời của nhà nghiên cứu Oliver Marsh, giúp em hiểu thêm những điều gì về tảng băng A23a?

Câu 8. Từ nội dung văn bản, em hãy nhận xét về quan điểm của người viết.

Câu 9. Văn bản đã đặt ra vấn đề quan trọng nào cần giải quyết trong cuộc sống hiện nay? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

BÀI HỌC ĐẦU CHO CON

Đỗ Trung Quân

*Quê hương là gì hở mẹ
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều*

*Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay*

*Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông*

*Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè*

*Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tim giậu mỏng tơ
Là đỏ đôi bờ dâm bụi
Màu hoa sen trắng tinh khôi*

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ...*

(Cỏ hoa cần gặp, NXB Văn học, 1991)

Chú thích:

Đỗ Trung Quân sinh ngày 19-1-1955 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông là một nhà thơ tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại. Ngoài sáng tác văn học, Đỗ Trung Quân còn trình bày bìa sách, minh hoạ sách báo. Nhiều bài thơ của ông được phổ nhạc và được nhiều người yêu thích như Hương trầm, Quê hương, Phượng hồng.

Hoàn cảnh sáng tác cụ thể: Bài thơ lúc đầu được làm đề tặng bé Quỳnh Anh (con của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, khi đó mới một tuổi), đăng lần đầu năm 1986 ở báo Khăn quàng đỏ, tên bài thơ lúc đó là Bài học đầu cho con. Khi đăng bài này thì người biên tập có bỏ một vài đoạn và thêm một câu Sẽ không lớn nổi thành người ở cuối cùng.

ĐỀ SỐ 06

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

ĐỪNG VƯỢT KHÓ MỘT MÌNH

(1) Ý thức sâu sắc về mục đích sống, niềm hi vọng tràn đầy, niềm tin bền vững, niềm yêu thương và trân tích cực, lòng dũng cảm, tính kiên is an thần, that as cường và khả năng làm chủ thay đổi sẽ đưa bạn đi suốt hành trình dài của cuộc đời. a Tuy nhiên, không một ai độc hành trên đời này cả. Tôi đánh giá cao khả năng tự chăm sóc bản thân của tôi. Tôi đã nỗ lực để trở nên tự lập hết mức có thể. Nhưng tôi vẫn phụ thuộc vào những người xung quanh, và con người chúng ta, ai cũng phụ thuộc vào người khác ở mức độ đáng kể.

(2) Người ta thường hỏi tôi: “Dựa dẫm nhiều vào người khác chẳng phải rất cực sao?”. Và tôi thường trả lời: “Bạn thắng thần đấy”. Dù bạn có ý thức được hay không, nhưng rõ ràng bạn cũng phụ thuộc vào những người xung quanh bạn nhiều gần như tôi dựa vào những người xung quanh tôi. Có một số việc tôi phải cần đến sự giúp đỡ của người khác mới thực hiện được, nhưng không ai trên trái đất này lại đạt được thành công mà lại không khai thác những lợi ích từ sự sáng suốt, lòng tốt hoặc sự giúp đỡ của người khác.

....

(3) Bạn phải đủ khiêm nhường mới có thể tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác, cho dù đó là sự giúp đỡ từ một người chăm sóc, một người cố vấn, một thần tượng, hoặc một thành viên trong gia đình. Khi ai đó đủ khiêm nhường để tìm kiếm sự giúp đỡ, hầu hết mọi người đều đáp lại bằng cách chìa tay ra với người đó. Nếu bạn tỏ ra là người có tất cả mọi câu trả lời và bạn không cần bất cứ ai khác cả, thì bạn ít có khả năng thu hút sự ủng hộ và giúp đỡ từ người khác.

(4) Tất cả chúng ta đều cần có những mối quan hệ có thể khích lệ, giúp đỡ chúng ta trong khó khăn, thử thách. Tất cả chúng ta đều phải gắn bó với người ruột thịt. Để có được các mối quan hệ hiệu quả, chúng ta phải xây dựng lòng tin và phải chứng minh bản thân là người đáng tin cậy. Chúng ta phải hiểu rằng hầu hết mọi người về bản năng đều hành động theo lợi ích của bản thân, nhưng nếu bạn chứng tỏ cho người khác thấy rằng bạn quan tâm đến họ, thì hầu hết họ sẽ đối xử với bạn như bạn đã đối xử với họ.

(Theo Nick Vujicic, Sống cho điều ý nghĩa hơn, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2021, trang 86-88)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 6; tự ghi câu trả lời cho câu 7 đến câu 9.

Câu 1. Luận đề của văn bản trên là gì?

- A. Trong cuộc sống, con người cần biết dựa vào chính sức lực của mình để vượt qua khó khăn
- B. Trong cuộc sống, con người cần biết khiêm nhường khi gặp khó khăn.
- C. Trong cuộc sống, con người cần biết dựa vào sự giúp đỡ của mọi người để vượt khó.
- D. Trong cuộc sống, con người cần xây dựng lòng tin và chứng minh mình đáng tin cậy.

Câu 2. Câu văn “Ý thức sâu sắc về mục đích sống, niềm hi vọng tràn đầy, niềm tin bền vững, niềm yêu thương và trân trọng bản thân, thái độ tích cực, lòng dũng cảm, tính kiên cường và khả năng làm chủ thay đổi sẽ đưa bạn đi suốt hành trình dài của cuộc đời” có sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hoá. B. Điệp ngữ. C. So sánh. D. Liệt kê.

Câu 3. Trong các từ ngữ sau, từ ngữ nào không phải là từ Hán Việt?

- A. Độc hành. B. Hành trình. C. Ruột thịt. D. Khiêm nhường.

Câu 4. Trong văn bản, tác giả dùng lý lẽ *Nếu bạn tỏ ra là người có tất cả mọi câu trả lời và bạn không cần bất cứ ai khác cả, thì bạn ít có khả năng thu hút sự ủng hộ và giúp đỡ từ người khác để làm sáng tỏ cho luận điểm nào?*

- A. Bạn phải đủ khiêm nhường mới có thể tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác.
- B. Ai cũng phụ thuộc vào người khác ở mức độ đáng kể.
- C. Không ai trên trái đất này lại đạt được thành công mà lại không khai thác những lợi ích từ sự sáng suốt, lòng tốt hoặc sự giúp đỡ của người khác.
- D. Tất cả chúng ta đều cần có những mối quan hệ có thể khích lệ, giúp đỡ chúng ta trong khó khăn, thử thách.

Câu 5. Câu *Tuy nhiên, không một ai độc hành trên đời này cả được hiểu là gì?*

- A. Ai cũng cô độc một mình trên hành trình cuộc đời mình.
- B. Không ai phải đơn độc trong cuộc đời mà luôn có những người đồng hành.
- C. Ai cũng phải tự mình đi trên con đường đời của chính mình.
- D. Không ai có thể giúp mình trên hành trình dài rộng của cuộc đời.

Câu 6. Ý nào nêu đúng nhất thái độ của người viết về vấn đề được bàn?

- A. Phê phán việc dựa dẫm vào người khác trong cuộc sống
- B. Phê phán những người dựa vào mọi người để thành công
- C. Phản đối quan niệm chỉ dựa vào người khác ta mới có thể thành công
- D. Tán thành việc con người biết dựa vào người khác khi cần vượt khó

Câu 7. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp điệp ngữ trong đoạn (3).

Câu 8. Em có đồng tình với quan điểm: *Tất cả chúng ta đều cần có những mối quan hệ có thể khích lệ, giúp đỡ chúng ta trong khó khăn, thử thách không? Vì sao?*

Câu 9. Từ nội dung văn bản, em rút ra những bài học gì để giúp bản thân tìm kiếm sự hỗ trợ từ mọi người xung quanh?

Phần II. Viết

Viết bài văn phân tích truyện ngắn sau:

VÉ XEM XIẾC

- Tống Phú Sa*

(Lược trích: *Chị là người mẹ đơn thân, có đứa con trai 6 tuổi đang học mầm non, chuẩn bị vào lớp 1. Chị bán bánh mì rong để kiếm sống nên cuộc sống của hai mẹ con rất eo hẹp. Thường ngày, chị chỉ đưa con đến gần công trường, lặng lẽ đứng nhìn con vào lớp rồi mới đi bán hàng, chiều đến cũng chỉ đứng ngoài cổng đón đợi vì chị sợ các bạn nhỏ của con sẽ cười bộ dạng lếch thếch của người bán hàng rong khiến con chị buồn. Hôm đó là ngày con Tốt nghiệp, nên chị phải lẻ vào tận lớp đón con. Con chị rất vui vì được mẹ đón, còn vui hơn vì cậu được cô giáo thưởng quà và cho một chiếc vé đi xem xiếc. Tối đó chị đã dẫn con đi xem xiếc)*

Hai mẹ con người đàn bà đến sân vận động khi cửa vào đã đóng nghẹt người. Thăng bé nhảy chân sáo bên mẹ, thỉnh thoảng nó vượt lên trước, tay giơ cao tấm vé, miệng líu lo:

- Mẹ thấy chưa, đoàn xiếc này là “có nghề” lắm nhá! Người đi xem đông ời là đông... Không biết bọn thằng Bo, cái Nhím có được đi xem không mẹ nhỉ?

Thăng bé bồng nhỏ giọng, cầm lấy tay mẹ:

2 - Vào cổng rồi mẹ nhớ nắm chặt tay con, mẹ nhé! Con sợ mẹ con mình lạc nhau. Cô giáo bảo lạc mẹ là tội nhất...

Người đàn bà nhìn con rưng rưng. Gánh xiếc về quả là một ngày hội lớn của bọn trẻ. Ở đây, người ta bán vô số đồ chơi và quà ăn vặt của trẻ con. Thăng bé kín đáo nhìn những hình thù ngộ nghĩnh trên những quả bóng bay được bơm tròn căng. Nó lè lưỡi liếm môi khi đi qua hàng bóng ngộ chiền mớ. Chị vờ như không biết. Chị để mặc dòng nước lặng lẽ chuỗi trên khoé mắt.

Dòng người mỗi lúc một đông. Thăng bé dẫn chị vào cửa soát vé. Nó cẩn thận đặt tấm vé thăng thơm vào tay chị rồi nhanh chân chạy lên trước ngay sát cổng vào, đôi bàn tay nhỏ xíu đưa lên vẫy vẫy:

- Mẹ ơi, con ở đây!

Người đàn bà nhón chân, gật gật đầu rồi lách lên phía trước. Chị nghiêm trang chìa tấm vé xem xiếc mà con trai chị được tặng ở trường mầm non. Anh chàng soát vé bật cười, trả tấm vé cho chị:

Bà khốt ơi, đây là vé của trẻ con. Mà trẻ con cũng phải có người lớn đi kèm mới được vào! Người lớn muốn vào thì phải sang kia mua vé. Không biết bà ở đâu ra mà khốt thế không biết? song,

Anh chàng soát vé đẩy chị ra. Người đàn bà nghe sống lưng lạnh toát... Ôi! Con trai bé bỏng của chị, chị biết phải làm sao đây? Chị lần dây rút, kín đáo đếm lại số tiền trong đây. Những đồng tiền ít ỏi của chị đủ để mua một tấm vé vào xem xiếc. Nhưng còn ngày mai, ngày kia... chị không biết phải xoay xở thế nào cho cuộc sống của hai mẹ con. Người đàn bà đau đớn nhìn đôi mắt trong veo của con trai đang ngược vào phía trong. Chắc nó sốt ruột muốn nhanh lên ngồi ở hàng đầu để nhìn cho rõ... Lấy hết đảm, người đàn bà cúi xuống sát tai nó, giọng nghẹn lại:

- Bi ơi, mình về thôi con!

Trần Cổ hòng chị tắc nghẽn khi nhìn đôi vai buông thỏng, khuôn mặt buồn thiêu thất của thằng bé. Không kìm được, chị ghì lấy nó, đôi dòng nước mắt lặng lẽ rơi:

- Mẹ xin lỗi con, thứ lỗi cho mẹ, con nhé!

Thằng bé day mặt về phía chị, chỉ thoáng chốc, chỉ thoáng chốc thôi, khuôn mặt thằng bé đã ở trạng thái bình thường. Nó chạy trước chị một quãng, nói lớn để chị không thể nhận ra giọng nói đã méo xệch của mình, rằng, mẹ ơi, đoàn xiếc này cũng còn non nghề, ai mà thêm xem, nhĩ, mẹ nhĩ!

Người đàn bà cùng thằng con trai sáu tuổi đi về phía con đường có những ánh đèn. Sau lưng hai mẹ con tiếng loa phóng thanh ra rả về buổi xiếc thú chìm dần trong bóng tối.

(Theo Tống Phú Sa, Truyện ngắn hay 2015, 199
NXB Văn học, 2015, trang 243-258)

Chú thích

Tống Phú Sa sinh ngày 21 tháng 3 năm 1975 tại Hà Tĩnh. Bà là một nhà giáo, nhà văn người có nhiều truyện ngắn đăng trên các báo, tạp chí từ Trung ương phương. Trang viết của bà đầy chất hiện thực và thấm đẫm tính nhân văn.

ĐỀ SỐ 07

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

*Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đoá hồng đào hải buổi còn xanh
Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
Gối Du-tiên¹ hãy rành rành, song song.
Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng
Để thân này cỏ ửng tơ mảnh,
Đông quân² sao khéo bắt tình,
Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân.
Nào lúc tựa lầu Tần³ hôm nọ,
Cành liễu mảnh bẻ thua đương tơ
Mảnh xuân y⁴ hãy sờ sờ dấu phong.
Khi trưởng ngọc, lúc rèm ngà,
Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy,
Để thân này nước chảy hoa trôi⁵!
Hoa công sao khéo trêu người?
Bóng đèn tà nguyệt, như mùi kỷ sinh⁶!*

(Trích Cung oán ngâm khúc, Nguyễn Gia Thiều, in trong cuốn Cổ văn Việt Nam - Cung oán ngâm khúc, NXB Tân Việt, 1953, tr. 35)

*Chú thích:

Tóm tắt nội dung tác phẩm: Cung oán ngâm khúc là bài ca ai oán của người cung nữ có tài sắc, trước được vua yêu chuộng, nhưng chẳng bao lâu bị ruồng bỏ. Ở trong cung, nàng xót thương cho thân phận mình và oán trách nhà vua phụ bạc. Qua khúc ngâm, tác giả còn gửi gắm quan niệm của ông về cuộc đời bạc bẽo, phù du. Cả khúc ngâm dài 356 câu với một ngôn ngữ tài hoa, đài các, có nhiều chữ Hán và điển cố. Đoạn trích trên gồm 16 câu (từ câu 245 – 260). 1x neda väd

(1) Du tiên: là nơi cõi tiên.

(2) Đông quân: nghĩa bóng là vua

(3) Lầu Tần: là nơi phong lưu dư dả

(4) Xuân y: là áo đẹp, hoặc áo châu triều của các quan và các phi, tần trong cung
cấm

(5) Nước chảy hoa trôi: bởi câu Đường thi: “thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình” - nước trôi hoa rụng thấy vô tình.

(6) Có thể hiểu cả câu thơ: *Mang bóng đèn lập lòe dưới trăng tà để như bọn người sống gửi trên cõi đời này. Ý nói: cung nữ trách tạo hóa đã bày ra cảnh vàng son quyền quý để dụ dỗ nàng vào chốn đoạn trường.*

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 6; tự ghi câu trả lời cho câu 7 đến câu 9.

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

A. Lục bát. B. Song thất lục bát. C. Thất ngôn. D. Tự do.

Câu 2. Từ nào sau đây không phải là từ Hán Việt?

A. Hồng đào. B. Đông quân. C. Xuân y. D. Hoá công.

Câu 3. Đáp án nào đúng về biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau đây?

Hoả công sao khéo trêu người?

Bóng đèn tà nguyệt như mùi kỷ sinh.

A. So sánh. B. Ẩn dụ. C. Hoán dụ. D. Nhân hoá.

Câu 4. Em hiểu thế nào về nghĩa của thành ngữ “nước chảy hoa trôi” trong câu thơ “*Để thân này nước chảy hoa trôi!*”:

A. Chỉ sự chia lìa, xa cách. B. Chỉ sự tàn tạ của đời người.
C. Chỉ sự chung thủy của con người. D. Chỉ sự lưu luyến không rời xa.

Câu 5. Tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong hai câu thơ cuối là gì?

A. Cô đơn. B. Đau đớn. C. Phẫn uất. D. Nuối tiếc.

Câu 6. Dòng nào hiểu đúng về câu thơ: *Cảnh hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân?*

A. Cảnh hoa và trăng tàn là những cảnh vật khiến con người uất ức trong mùa xuân.

B. Cảnh hoa và trăng tàn là những cảnh vật khiến con người luôn nhớ về mùa xuân.

C. Cảnh hoa tàn dưới ánh trăng bực mình mỗi khi xuân đến.

D. Cảnh hoa dưới ánh trăng tàn uất ức nuối tiếc tình xuân.

Câu 7. Đoạn trích đã thể hiện thành công bút pháp tương phản đối lập giữa quá khứ và hiện tại. Em hãy nhận xét diễn biến tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bút pháp tương phản đối lập này.

Câu 8. Qua tâm trạng của người cung nữ trong đoạn trích, em hãy khái quát lên hình dung của mình về số phận của người cung nữ nói chung và bộ mặt của vua chúa trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ.

Câu 9. Viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến là một đề tài quen thuộc trong các tác phẩm văn học Việt Nam. Em hãy kể tên một vài tác phẩm thuộc đề tài trên và khái quát một vài vẻ đẹp của người phụ nữ thể hiện trong các tác phẩm đó.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Trong bài báo của trang songtre.com, ngày 03/08/2022 với tựa đề: “Đánh bạc online: những “cạm bẫy” tàn phá giấc mơ học đường” có viết: Thời gian gần đây hiện tượng đánh bạc online ngày càng xuất hiện tràn lan trên nhiều website cho phép người chơi đánh bạc dưới hình thức đặt cược ăn tiền. Trong đó, phải kể đến game “Tài - Xiu online”, khi thu hút lượng người chơi đông đảo, chủ yếu là học sinh, sinh viên, bất chấp những cảnh báo của cơ quan chức năng. Cũng từ đây, nhiều thanh thiếu niên bắt đầu sa lầy vào những canh bạc online, tàn phá giấc mơ học đường.

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về hiện tượng đánh bạc online ở lứa tuổi học sinh, sinh viên được nhắc tới trong bài báo trên.

ĐỀ SỐ 08

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NĂM HẠT CAM KHÔ

(trích)

Hạ tuần tháng chín. Những ngọn gió thu phân thổi vào dữ dội, suốt ngày gió thét mưa gào. Khi buổi chiều dần đến, cơn bão càng lồng lộn; trong ống khói, gió kêu khóc như một đứa trẻ. Sherlock Holmes ngồi trầm tư ở một phía lò sưởi, tra cứu những hồ sơ hình sự. [...]

[**Lược trích:** Chú và bố của Openshaw chết, được cho là do tự tử, tai nạn. Trước khi chết, hai người đều nhận được thư, trong đó có năm hạt cam khô và những ký tự K.K.K. Sau đó, chính Openshaw cũng nhận được thư và những thông tin như trên. Openshaw tìm đến nhờ Holmes giúp đỡ. Holmes nhận ra ngay thủ đoạn gây án của hung thủ. Holmes bảo Openshaw về ngay, làm theo những điều Holmes dặn, để tránh sự truy sát của kẻ thù. Trên đường về, Openshaw đã bị sát hại. Holmes quyết tìm ra bọn sát nhân.]

Holmes lấy từ trong chọn ra một quả cam, xẻ thành từng mảnh, rồi bóp cho những hạt cam rơi xuống bàn. Anh lấy năm hạt và nhét chúng vào một bì thư. Ở phía trên trong nắp phong bì, anh viết: “A.H gửi cho J.C”. Rồi anh dán lại, để địa chỉ người nhận: “Thuyền trưởng James Calhoun, tàu Lone Star, tiểu bang Georgie”.

- Lá thư sẽ đợi hắn khi hắn vào hải cảng - Anh cười khúc khích, nói: Lá thư sẽ cho hắn một đêm không ngủ. Hắn sẽ thấy rằng mọi sự vùng vẫy đều vô ích, như điều mà chàng trai Openshaw đã cảm nhận xưa kia.

Thuyền trưởng Calhoun là ai?

- Là thủ lĩnh của bọn đó.

- Anh tìm ra tung tích bọn chúng như thế nào?

Holmes lấy từ trong túi ra một tờ giấy lớn, đầy những cái tên và những con số chỉ ngày tháng.

- Tôi đã mất cả một ngày để xem xét nhiều tập hồ sơ cũ, theo dõi lộ trình sẽ đi của tất cả những tàu thủy đã cập bến Pondicherry vào tháng giêng và tháng hai năm 1883. Có 36 tàu trọng tải khá lớn được báo cáo là có mặt ở đó, trong những tháng này. Trong số đó, có một chiếc tàu tên là Lone Star đã lôi cuốn sự chú ý của tôi, bởi vì nó mang tên của một tiểu bang của Mỹ.

- Tôi nghĩ là tiểu bang Texas.

Cho đến giờ tôi cũng không biết chắc là tiểu bang nào. Nhưng tôi đã biết chắc rằng đó là một chiếc tàu gốc tại Mỹ.

- Sau đó, anh làm gì?

- Tôi lục soát những hồ sơ về Dundee và khi tôi thấy rằng chiếc thuyền buồm Lone Star có mặt tại đây vào tháng giêng năm 1885, thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Rồi tôi điều tra về những con tàu hiện đang nằm tại cảng London.

- Gì cơ?

- Tuần trước, con tàu Lone Star đã đến đây. Tôi đi xuống bến tàu và thấy rằng nó đã nhả neo từ sáng sớm hôm nay, trên đường đến Savannah. Tôi đánh điện tới Gravesend, và được biết rằng nó đã đi qua một thời gian trước đó, vì gió đang thổi về hướng đông, tôi chắc chắn rằng bây giờ nó đã đi quá Goodwins, và cách đảo Wight không xa.

- Rồi anh sẽ làm gì?

- Ô, tôi sẽ tóm cổ hắn [...], và điện tin hắn đã báo cho cảnh sát Savannah biết rằng cần phải bắt giữ ba tên này về tội mưu sát. quig asmloH údn asb mit wadogo tintin Tuy thế, kẻ mưu sát chàng trai Openshaw không bao giờ nhận được những hạt cam. Năm ấy, những cơn gió thu phân kéo dài rất lâu và khắc nghiệt. Chúng tôi mòn mỏi chờ tin con tàu Lone Star của Savannah, nhưng bất chìm tăm cả. Sau cùng, chúng tôi nghe nói rằng, ở một nơi nào đó ngoài xa khơi Đại Tây Dương, người ta thấy một cái cột buồm phía đuôi tàu bị vỡ tan, đang lắc lư trên sóng. Trên đó, có khắc "L.S". (Trích Thám tử Sherlock Holmes, Sir Arthur Conan Doyle, NXB Hồng Đức, 2018, tr. 300 - 317)

Hãy ghi vào bài làm chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng từ câu 1 đến câu 6; tự ghi câu trả lời cho câu 7 đến câu 9.

Câu 1. Văn bản Năm hạt cam khô thuộc thể loại nào?

- A. Truyện trinh thám B. Truyện cổ tích
C. Truyện truyền kỳ D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Nhân vật chính trong văn bản Năm hạt cam khô là ai?

- A. Openshaw B. Sherlock Holmes
C. Savannah D. James Calhoun

Câu 3. Trong văn bản, ai là nạn nhân?

- A. Chú của Openshaw B. Cha của Openshaw the
C. Chú và cha của Openshaw D. Chú, cha của Openshaw và chính Openshaw

Câu 4. Câu văn Tôi nghĩ là tiểu bang Texas thuộc loại câu nào?

- A. Câu ghép B. Câu rút gọn C. Câu đặc biệt D. Câu đơn

Câu 5. Chi tiết Anh lấy năm hạt và nhét chúng vào một bì thư thể hiện điều gì?

A. Sherlock Holmes đã sử dụng đúng thủ đoạn của hung thủ để trừng phạt hung thủ về mặt tâm lý.

B. Sherlock Holmes không thể hiểu được hành vi của hung thủ.

C. Sherlock Holmes đang tập làm thử hành vi của hung thủ.

D. Sherlock Holmes đang thử đặt mình vào hoàn cảnh của hung thủ.

Câu 6. Chi tiết Openshaw bị giết sau khi gặp Sherlock Holmes có giá trị gì?

A. Thể hiện sự man rợ, xảo quyệt của bọn sát nhân.

B. Thể hiện sự cố nằm ngoài tầm kiểm soát của Sherlock Holmes.

C. Làm cho tình huống truyện thêm kịch tính.

D. Cả A, B và C.

Câu 7. Nêu đặc điểm của không gian trong văn bản *Năm hạt cam khô*.

Câu 8. Theo anh/chị, Sherlock Holmes là người như thế nào?"

Câu 9. Nhận xét về cái kết của câu chuyện: *Chúng tôi mòn mỏi chờ tin con tàu Lone Star của Sanvannah, nhưng bắt chim tằm cá. Sau cùng, chúng tôi nghe nói rằng, ở một nơi nào đó ngoài xa khơi Đại Tây Dương, người ta thấy một cái cột buồm phía đuôi tàu bị vỡ tan, đang lắc lư trên sóng. Trên đó, có khắc "L.S"*.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích văn bản sau:

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

Theo sách "Giao Châu ký" của Triệu Vương thì ngài họ Phùng tên là Hưng. Đời đời cha truyền con nối làm tù trưởng ở châu Đường Lâm, gọi là Quan Lang; gia tư giàu có, sức rất là khỏe có thể bắt hổ vật trâu. Em là Hãi, cũng có sức khỏe có thể vác mười nghìn học đá hoặc thuyền nhỏ nặng một nghìn học đi hơn mười dặm. Những dân Di, Lạc đều nghe tiếng mà sợ.

Trong đời Đường Đại Lịch, nhân nước ta loạn, hai anh em bèn rủ nhau đi khắp các ấp láng giềng, họ đều xin theo cả, đến đâu cũng không có điều gì là không trôi chảy. Hưng đã thỏa chí bèn đổi tên là Cự Lão; Hãi đổi tên là Cự Lực. Hưng xưng là Đô quân; Hãi xưng là Đô bảo. Theo kế của Đỗ Anh Luân (còn viết là Hàn), người đất Đường Lâm, họ Phùng đem quân đi tuần hành ở các châu Đường Lâm, Trường Phong. Khắp nơi ai nấy đều theo. Uy danh đã vang dậy, bèn phao tin muốn đánh phủ Đô hộ. Khi đó quan Đô hộ là Cao Chính Bình đem quân dưới trướng đến đánh họ Phùng không nổi, tức giận thành bệnh mà chết. Phùng Hưng tiến vào phủ Đô hộ coi việc được bảy năm thì mất. Mọi người muốn lập Hãi. Nhưng người đầu mục phụ tá là Bồ Phá Lặc, sức có thể xô núi, xách đỉnh, dũng lực tuyệt vời, nhất định không nghe, lập con Hưng là An và đem quân chống lại Hãi. Hãi né tránh Bồ Phá Lặc, bỏ lên ở động Chu Nham, về sau không biết kết cục ra sao. An tôn Hưng làm "Bố Cái Đại Vương" vì nước ta thường gọi cha là bố gọi mẹ là cái, cho nên mới đặt tên ấy. An nổi nghiệp được hai 0 891 me la cat, cho năm, thì vua Đường Đức Tông phong Triệu Xương làm An Nam Đô hộ. Xương vào nước ta, sai sứ giả đem đồ lễ dân đi trước đến dụ dỗ An. An sắp xếp nghi vệ đầy đủ, dẫn mọi người ra hàng. Người của họ Phùng bèn tan tác đi hết.

Khi Hưng mới chết đã hiển linh, thường hiện hình trong đám dân quê. Nghìn xe vạn ngựa bay trên khoảng ngọn cây nóc nhà. Mọi người ngẩng lên thì thấy rực rỡ như mây kết năm màu, văng vẳng tiếng đàn sáo ở trên trời, lại có tiếng hò hét, bóng cờ tiếng trống, kiệu cang sáng rực, tất cả đều nhìn thấy được rành rành. Phàm trong thôn ấp có việc sợ hãi, việc vui mừng thì trước đã có bậc dị nhân ban đêm đến bảo cho người hào trưởng biết. Mọi nhà cho là thần, lập miếu ở phía Tây phủ Đô hộ mà thờ cúng, cầu tạnh cầu mưa, không có điều gì là không linh ứng. Phàm có sự hồ nghi về việc trộm cướp, về việc tranh chấp thì sắm lễ vật đến bái yết trước đền, rồi làm lễ minh thệ, bèn lập tức thấy họa hoặc phúc bày rõ ngay. Người thì buôn bán, sắm lễ vật cầu được nhiều lãi, đều có ứng nghiệm. Mỗi khi vào ngày tạ lễ, người nhiều như núi như biển, bánh xe chật đường. Miếu mạo nguy nga, lửa hương bất tuyệt.

Khi Ngô Tiên Chúa lập quốc, quân phương Bắc vào ăn cướp. Tiên Chúa lo lắng; đêm nằm mộng bỗng thấy một ông già đầu bạc, áo mũ nghiêm trang đẹp đẽ, quạt lông, gậy trúc tự xưng họ tên và nói rằng: “Ta đã đem vạn đội thần binh mai phục trước ở chỗ hiểm yếu, Chúa công mau mau tiến quân chống giặc đi, tức khắc, có sự âm trợ không nên lo ngại”. Đến trận đánh ở sông Bạch Đằng, đúng là thấy trên không trung có tiếng ngựa xe. Trận ấy quả nhiên thắng lớn. Tiên Chúa lấy làm lạ, xuống chiếu tôn tạo đền miếu to hơn quy mô cũ. Lại cho cờ quạt, chiêng trống, điệu múa, cỗ cúng thái lao để cảm tạ. Trải qua các triều đại thay đổi, đã trở thành lệ cổ. Năm Trùng hưng thứ

nhất hoàng triều, có sắc phong là “Phu Hựu Đại Vương”, năm Trùng hưng thứ tư, ban thêm hai chữ “Chương tín”. Năm Hưng Long thứ 20, lại ban thêm hai chữ “Sùng nghĩa”. Cho đến nay anh linh uy thể càng tăng, hương hỏa bất tuyệt.

(Theo Việt điện u linh, Lý Tế Xuyên, Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 3, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 882-883)

Chú thích:

Lý Tế Xuyên sống vào khoảng cuối thế kỉ XIII – nửa đầu thế kỉ XIV, chưa rõ quê quán, năm sinh và năm mất. Theo các tài liệu nghiên cứu, ông giữ chức Thủ đại tạng thư Hòa chính trưởng trung phẩm, Phụng ngự, An Tiêm lộ chuyển vận sứ thời Trần.

Việt điện u linh tập gồm 27 thiên, kể về công tích của 27 vị thần được tôn thờ trong các đền, miếu thời Lý – Trần với lời tựa của chính tác giả đề năm 1329.

2. Loại 2. Hình thức tự luận

2.1. Dạng 1. Đọc hiểu văn bản; viết đoạn văn; viết bài văn

* Bảng năng lực cấp độ tư duy, bản đặc tả ma trận

- Bảng năng lực cấp độ tư duy (Đã trình bày ở trang 10)

- Bản đặc tả ma trận

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	1. Văn bản nghị luận	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		2. Văn bản thông tin	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		3. Truyện truyền kì, truyện trình thám.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		4. Truyện thơ Nôm	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		5. Thơ song thất Đã trình bày ở lục bát, thơ tám chữ.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		6. Bi kịch	Đã trình bày ở b1				

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
2	VIẾT	1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội/ Viết đoạn văn cảm nghĩ về thơ	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1	1	1	1	1
		2. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1	1	1	1	1
		3. Viết bài văn phân tích tác phẩm văn học.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		4. Viết bài văn thuyết minh danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				

		5. Viết bài kể chuyện sáng tạo	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
Tổng				2TL	2TL	1TL	2TL
Tỉ lệ				22,5 %	35%	32,5 %	10%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%	

ĐỀ SỐ 09

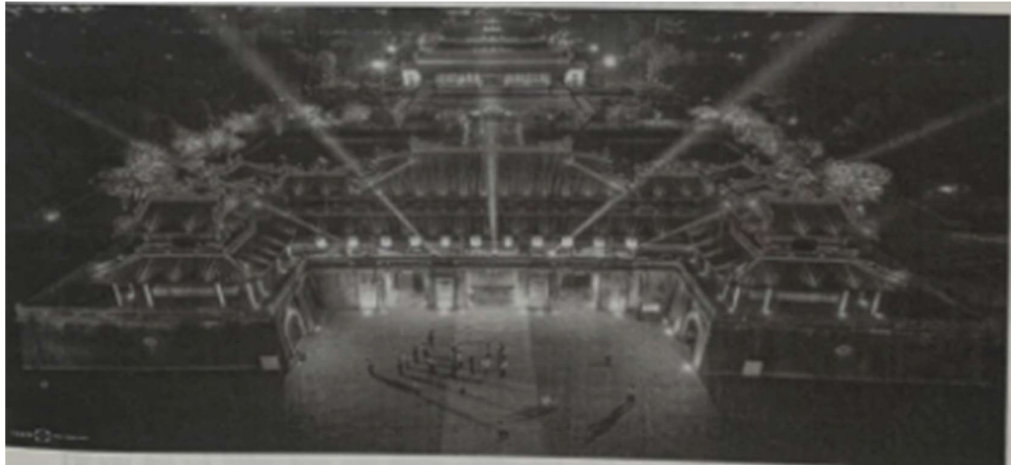
I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

QUẦN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ - DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI

(VOV5) - Với những giá trị mang tính toàn cầu của mình, quần thể di tích Cố đô Huế trở thành di sản văn hoá đầu tiên của Việt Nam được UNESCO ghi tên vào danh mục Di sản thế giới năm 1993.

Quần thể di tích Cố đô Huế nằm dọc hai bên bờ sông Hương thuộc thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh, là cố đô của Việt Nam dưới triều nhà Nguyễn, từ 1802 đến 1945. Với những giá trị mang tính toàn cầu của mình, quần thể di tích Cố đô Huế trở thành di sản văn hoá đầu tiên của Việt Nam được UNESCO ghi tên vào danh mục Di sản thế giới năm 1993.



Đại Nội Huế về đêm. Ảnh: khamphahue.com.vn

Năm 1306, sau cuộc hôn phối giữa công chúa Huyền Trân (Nhà Trần) với vua Chăm là Chế Mân, vùng đất Châu Ô, Châu Lý (gồm Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và một phần phía bắc Quảng Nam ngày nay) được lấy tên là Thuận Hoá. Vào nửa cuối thế kỷ 15, thời vua Lê Thánh Tông, địa danh Huế lần đầu tiên xuất hiện. Năm 1636, phủ Chúa Nguyễn đặt ở Kim Long (Huế), tới năm 1687 thì dời về Phú Xuân - thành Nội Huế ngày nay. Vào những năm đầu của thế kỷ 18, Phú Xuân trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của xứ "Đàng Trong". Từ năm 1788 đến 1801, Phú Xuân trở thành kinh đô của

triều đại Tây Sơn. Nhà sử học Lê Văn Lan cho biết: Các vị hoàng đế nhà Nguyễn, đặc biệt là hai vị hoàng đế đầu tiên là Gia Long và Minh Mạng đã rất có lý khi muốn Phú

Xuân, khi chuyển Phú Xuân thành kinh đô Huế của cả nước Đại Nam. Huế lúc đó có vai trò cực kỳ quan trọng của một trung tâm đầu não về mặt chính trị của cả nước. Một triều đình rất công phu được xây dựng, mà đứng đầu là các vị vua chuyên chế, rồi các bộ máy và các hạng mục kinh thành cũng đã được thiết kế và ổn định..

Từ năm 1802 đến 1945, Huế là kinh đô của nước Việt Nam thống nhất dưới sự trị vì của 13 đời vua nhà Nguyễn. Cũng vào thời gian này, tại đây đã hình thành các công trình kiến trúc lịch sử văn hoá có giá trị. Có thể kể đến ở phía bờ Bắc của con sông Hương là hệ thống kiến trúc biểu thị cho quyền uy của chế độ trung ương tập quyền Nguyễn gồm ba tòa thành: Kinh thành Huế, Hoàng thành Huế, Tử Cấm thành Huế lồng vào nhau, được bố trí đăng đối trên một trục dọc xuyên suốt từ mặt Nam ra mặt Bắc. Hệ thống thành quách ở đây là một mẫu mực của sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tinh hoa kiến trúc Đông và Tây, được đặt trong một khung cảnh thiên nhiên kỳ thú với nhiều yếu tố biểu tượng sẵn có tự nhiên đến mức người ta mặc nhiên xem đó là những bộ phận của Kinh thành Huế - đó là núi Ngự Bình, dòng Hương Giang, cồn Giã Viên, cồn Bộc Thanh [...]

Ngoài ra, những địa danh tô điểm thêm nét đẹp của quần thể di tích Cố đô Huế có thể kể đến là: Sông Hương, Núi Ngự, Chùa Thiên Mụ, Bạch Mã, Lăng Cô, Thuận An,... Tại phiên họp lần thứ 17 của Ủy ban Di sản thế giới tại Colombia năm 1993, UNESCO khi quyết định công nhận quần thể di tích Cố đô Huế là di sản văn hoá của nhân loại, đã khẳng định giá trị mang tính toàn cầu của quần thể di tích Cố đô Huế. Theo đó, quần thể di tích Cố đô Huế tiêu biểu cho những thành tựu nghệ thuật độc đáo, là những kiệt tác do bàn tay con người tạo dựng, có giá trị to lớn về mặt kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc.

(Thu Hoa - VOV5 20/5/2018)

<https://vovworld.vn/vi-VN/viet-nam-dat-nuoc-con-nguoi/quan-the-di-tich-co-do-hue-di-san-van-hoa-the-gioi-645392.vov>

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung thông tin của văn bản.

Câu 2. Xác định loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản và nêu vai trò của chúng trong việc cung cấp thông tin về di tích Cố đô Huế.

Câu 3. Văn bản Quần thể di tích Cố đô Huế - di sản văn hóa thế giới thể hiện những đặc điểm nào của kiểu văn bản giới thiệu một di tích lịch sử?

Câu 4. Phân tích mối quan hệ giữa nhan đề Quần thể di tích Cố đô Huế- di sản văn hóa thế giới với các thông tin cơ bản của văn bản?

Câu 5. Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hoá của nhân loại, thông tin này tác động tới em như thế nào? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình trong bài thơ sau:

NGÀY MỚI

<i>Tôi ra ngoài ngõ</i>	<i>Tôi sang chợ gạo</i>
<i>Tôi ra đồng xanh</i>	<i>Tình tang tôi hát</i>
<i>Đón ngày của tôi</i>	<i>Đong một mùa nó</i>
<i>Hải sương trên búp</i>	<i>Ru ngày của tôi</i>
<i>Thấy con chim nhỏ</i>	<i>Thấy người ta gói</i>
<i>Thấy nhựa đời tươi</i>	<i>Tôi gánh tôi vác</i>
<i>Đánh rơi gió đời</i>	<i>Thật thà đem cho</i>
<i>Xôn xao mừng giúp</i>	<i>Xênh xang lộc trời</i>

(Ngày mới, Nguyễn Bích Lan, Sống trong chờ đợi. NXB Phụ nữ Việt Nam, Trang 175)

Câu 2. (4.0 điểm)

Khi con người ở trong sa mạc, sẽ hiểu được nước và thực phẩm quý giá hơn vàng, bạc và kim cương rất nhiều. Khi gặp động đất và sóng thần, người ta sẽ hiểu, cho dù có bao nhiêu biệt thự hào hoa, khách sạn sang trọng, thì trong bàn tay vĩ đại của tự nhiên cũng chỉ là một đồng bùn đất...

(Mạc Ngôn, Theo Sound Of Hope, Minh Tâm biên dịch)

Từ vai trò và hiểm họa của thiên nhiên mà nhà văn Mạc Ngôn đề cập đến trong đoạn văn trên, em hãy viết bài văn nghị luận bàn về giải pháp hạn chế biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay.

ĐỀ SỐ 10

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM: BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM

(LĐTĐ) Nhắc đến những công trình kiến trúc độc đáo của Hà Nội không thể không nhắc đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám (tọa lạc tại số 58 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội). Trải qua hơn 1.000 năm với những biến thiên của lịch sử, Văn Miếu vẫn vẹn toàn được nét cổ kính, tôn nghiêm.

Công trình kiến trúc độc đáo

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một quần thể kiến trúc ấn tượng được xây dựng từ thời nhà Lý. Với bề dày lịch sử cùng với nét kiến trúc cổ độc đáo, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xem là một trong những di sản đặc biệt của quốc gia. Khu di tích này cũng là một trong những điểm du lịch Hà Nội nổi tiếng được du khách gần xa mến mộ.

Cũng giống như nhiều công trình khác, Văn Miếu - Quốc Tử Giám trải qua nhiều triều đại với những hưng thịnh, tàn suy cùng nhiều lần tu tạo, đổi tên mới có vị trí và không gian kiến trúc như hiện tại. Văn Miếu - Quốc Tử Giám không chỉ là một minh chứng lịch sử mà còn trở thành một biểu tượng văn hoá của Việt Nam.

Lối kiến trúc phương Đông với sự ảnh hưởng đậm đặc của Nho - Phật giáo thể hiện rõ nét trong từng chi tiết của không gian. Từ chất liệu (chủ yếu là gỗ lim, gạch nung và ngói mũi hài,...) cho đến những lớp ngói, hoa văn đều được trang trí một cách tỉ mỉ và sang trọng.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám được biết đến là trường đại học đầu tiên của khu vực Đông Nam Á xây dựng tại kinh thành Thăng Long xưa, đây là nơi hội tụ những giá trị văn hoá, lịch sử của dân tộc.

Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070 (đời vua Lý Thánh Tông) là nơi thờ các thánh hiền đạo nho (Khổng Tử, Mạnh Tử...). Năm 1076, Lý Nhân Tông lập thêm Quốc Tử Giám ở phía sau, ban đầu là nơi học của các hoàng tử, sau mở rộng thu nhận cả những học trò giỏi trong thiên hạ. Đến đời Vua Trần Minh Tông (1314 - 1329), nhà giáo Chu Văn An được cử làm quan Quốc Tử Giám Tư nghiệp (Hiệu trưởng) và thầy dạy trực tiếp cho các hoàng tử.

Năm 1370, sau khi ông mất, vua Trần Nghệ Tông đã cho thờ ở Văn Miếu bên cạnh Khổng Tử. Năm 2010, 82 bia đá các khoa thi tiến sĩ triều Hậu Lê và Mạc ở Văn Miếu Quốc Tử Giám - địa điểm du lịch Hà Nội duy nhất được công nhận là Di sản tư liệu thế giới thuộc Chương trình Ký ức thế giới của UNESCO.

Quần thể kiến trúc nơi đây bao gồm: Hồ Văn, khu Văn Miếu - Quốc Tử Giám và vườn Giám. Trong đó, kiến trúc chủ thể là Văn Miếu (nơi thờ Khổng Tử) và Quốc Tử Giám. Với hơn 700 năm hoạt động, đã đào tạo hàng nghìn nhân tài cho đất nước, Quốc Tử Giám là biểu tượng cho nền khoa cử thời phong kiến.

Không gian Văn Miếu được chia thành 5 lớp được gắn kết bởi các bức tường gạch có cửa thông. Khu vực thứ nhất từ Văn Miếu Môn (cổng vào Văn Miếu) vào là khu Nhập Đạo với 3 gian lợp ngói và 3 cổng chính là Đại Trung, Thành Đức và Đạt Tài.

Khu vực thứ 2 trong quần thể Văn Miếu là Khuê Văn Các. Sử sách ghi lại Khuê Văn Các được xây dựng từ năm 1805 với kiến trúc độc đáo - tượng trưng cho hình ảnh sao Khuê tỏa sáng trên bầu trời. Ngày nay Khuê Văn Các là hình ảnh biểu trưng cho Hà Nội cũng như nét đẹp văn hóa - kiến trúc Việt.

Tiếp theo Khuê Văn Các là khu Bia Tiến Sĩ. Nơi đây ghi danh 1.307 vị Tiến sĩ của các 82 khoa thi từ triều Lê (từ khoa thi 1442 đến thời Nguyễn). Bia Tiến Sĩ được chạm tinh xảo bằng loại đá xanh trên lưng rùa tượng trưng cho sự biết ơn, tôn trọng tới các bậc kỳ tài của đất nước. Khu vực thứ tư trong nội tự Văn Miếu Quốc Tử Giám là sân Đại bái. Trước đây nơi này thờ bài vị của 72 học trò xuất sắc của Khổng tử và thầy giáo nổi tiếng Chu Văn An. Cuối cùng là nhà Thái Học, chính là trường Quốc Tử Giám xưa. Tên Thái Học được vua Lê Hiển Tông đổi vào năm 1785 và được gọi cho đến ngày nay.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám có tường bao quanh xây bằng gạch Bát Tràng. Bên trong khung tường, những mái kiến trúc cổ ẩn hiện dưới cành lá sum suê của những tán cây cổ thụ khiến cho nơi đây mang một cảnh sắc hoàn toàn khác biệt với bên ngoài, tạo sự thu hút đặc biệt đối với du khách.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám bây giờ không chỉ là một địa chỉ tham quan, mà từng bước trở thành một không gian văn hóa với nhiều hoạt động phong phú, sinh động, điển hình như các chương trình giáo dục di sản, các cuộc triển lãm, trưng bày, các cuộc thi tìm hiểu, sáng tác về Văn Miếu - Quốc Tử Giám, về thầy giáo Chu Văn An - người thầy tiêu biểu của đất nước Việt Nam...

(Hà Phong, Báo Lao động Thủ đô, ngày 09/07/2023)

<https://laodongthudo.vn/bai-4-van-mieu-quoc-tu-giam-bieu-tuong-van-hoa-cua-viet-nam-158030.html>

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Phần sáo in đậm trong văn bản đã trình bày những thông tin cơ bản nào?

Nhắc đến những công trình kiến trúc độc đáo của Hà Nội không thể không nhắc đến Văn Miếu - Quốc Tử Giám (tọa lạc tại số 58 Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội). Trải qua hơn 1.000 năm với những biến thiên của lịch sử, Văn Miếu vẫn toàn được nét cổ kính, tôn nghiêm.

Câu 3. Văn bản Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Biểu tượng văn hoá của Việt Nam thể hiện những đặc điểm nào của kiểu văn bản giới thiệu một di tích lịch sử?

Câu 4. Phân tích mối quan hệ giữa nhan đề Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Biểu tượng văn hoá của Việt Nam với các thông tin cơ bản của văn bản.

Câu 5. Theo em di tích lịch sử Văn Miếu - Quốc Tử Giám có ý nghĩa gì với thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về bài thơ sau:

NHỚ NGOẠI

*Con về quê cũ trời thưa vắng
Ngõ cúc buồn tênh dậu cúc già
Bên thềm trầu úa không người hái
Cau đã mấy mùa quên trở hoa.*

*Nhớ xưa bóng ngoại nghiêng chiều nắng
Tóc trắng cùng mây trắng dưới trời
Xòe tay ngoại đếm từng thu cuối
Con nào hay biết mỗi thu vơi*

*Con đi mỗi bước xa, xa mãi
Dáng ngoại bên hiên. Nắng tắt dần
Lá nghiêng về cội con tìm ngoại
Tê tái chiều buông tìm góc sân*

(Nhớ ngoại, Bảo Ngọc, Giữ lửa, NXB Hội Nhà văn 2015, trang 62)

Câu 2. (4.0 điểm)

Làm việc nhóm từ lâu đã trở thành một hình thức làm việc hiệu quả ở các nước phương Tây nhưng ở Việt Nam, làm việc nhóm vẫn chưa phát huy được hết vai trò và giá trị của nó.

Từ vai trò và giá trị của làm việc nhóm, em hãy viết bài văn nghị luận bàn về cách cải thiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả cho người trẻ Việt Nam hiện nay.

ĐỀ SỐ 11

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Hi vọng và nguyện vọng không thể lẫn lộn với nhau được. Chúng ta có thể mang cùng một lúc hàng ngàn nguyện vọng đủ loại nhưng hi vọng thì chỉ có một mà thôi. Chúng ta mong muốn người mình đang đợi sẽ đến đúng giờ, mong muốn đỗ kỳ thi, hay mong cho do Rwanda tìm được nền hòa bình..., đây đều là những nguyện vọng cá nhân.

Hi vọng lại khác hẳn. Nó có liên quan mật thiết với ý nghĩa cuộc sống. Giả sử cuộc sống hoàn toàn không có đích đến nào, mà chỉ là chuyển giao một cơ thể thối rữa xuống lòng đất thì sống để làm gì chứ. Hi vọng, chính là tin rằng trong cuộc đời có ý nghĩa nào đó.

Hi vọng chẳng có liên quan gì đến học lực, tiền bạc, hay danh dự. Có thể coi hi vọng là bản chất của chúng ta, cũng chính là lòng yêu thương lẫn nhau, là con đường dẫn đến tình yêu và niềm kiêu hãnh của bản thân cũng như người khác. Nếu con cho rằng tiếp tục giận dỗi mẹ giúp được con thì con cứ làm vậy đi. Nếu đó là cách con bảo vệ niềm kiêu hãnh của bản thân thì đương nhiên con phải làm thế rồi. Nhưng rốt cuộc chúng ta biết đâu lại đều là những người ngày còn bé vì muốn thể hiện mình không nhận được đủ tình yêu từ mẹ, mà kiên quyết từ chối cái kem mẹ mua cho dù rất thích. Con hiểu không? Để thể hiện sự ghét bỏ, chúng ta chẳng biết cách nào ngoài từ chối những thứ chúng ta yêu thích, và rồi đều là những người bị tổn thương.

(Dù con sống thế nào, mẹ cũng luôn ủng hộ con, Gong Ji Young, NXB Thời đại, 2014, tr 134)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra luận đề của đoạn trích.

Câu 2. Để làm nổi bật luận điểm không thể trộn lẫn hi vọng với nguyện vọng, người viết đã dùng những lí lẽ nào?

Câu , 3. Em hiểu ý kiến: Để thể hiện sự ghét bỏ, chúng ta chẳng biết cách nào ngoài từ chối những thứ chúng ta yêu thích, và rồi đều là những người bị tổn thương như thế nào?

Câu 4. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau: Chúng ta mong muốn người mình đang đợi sẽ đến đúng giờ, mong muốn đỗ kỳ thi, hay mong cho do Rwanda tìm được nền hòa bình..., đây đều là những nguyện vọng cá nhân.

Câu 5. Rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất với em khi đọc đoạn trích trên.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân.

Câu 2. (4,0 điểm)

Phân tích bài thơ sau:

LỜI RU CỦA MẸ

<i>Lời ru ản nơi nào</i>	<i>Và khi con đến lớp</i>
<i>Giữa mênh mang trời đất</i>	<i>Lời ru ở cổng trường</i>
<i>Khi con vừa ra đời</i>	<i>Lời ru thành ngọn cỏ</i>
<i>Lời ru về mẹ hát</i>	<i>Đón bước bàn chân con</i>
<i>Lúc con nằm ấm áp</i>	<i>Mai rồi con lớn khôn</i>
<i>Lời ru là tấm chăn</i>	<i>Trên đường xa nắng gắt</i>
<i>Trong giấc ngủ êm đềm</i>	<i>Lời ru là bóng mát</i>
<i>Lời ru thành giấc mộng</i>	<i>Lúc con lên núi thăm</i>
	<i>Lời ru cũng gập ghềnh đồi</i>
<i>Khi con vừa tỉnh giấc</i>	<i>Khi con ra biển rộng</i>
<i>Thì lời ru đi chơi</i>	<i>Lời ru thành mênh mông.</i>
<i>Lời ru xuống ruộng khoai</i>	
<i>Ra bờ ao rau muống</i>	

(*Thơ Xuân Quỳnh*,

NXB Đồng Nai, 1997)

Chú thích:

Xuân Quỳnh (6 tháng 10 năm 1942 – 29 tháng 8 năm 1988), tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, là nhà thơ nữ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ. Bà nổi tiếng với nhiều bài thơ được nhiều người biết đến như *Thuyền và biển*, *Sóng*, *Thơ tình cuối mùa thu*, *Tiếng gà trưa*. Bà được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Nhà nước và Giải thưởng Hồ Chí Minh vì những thành tựu cho nền văn học Việt Nam. Thơ Xuân Quỳnh giàu cảm xúc với những cung bậc khác nhau như chính tính cách luôn hết mình của Xuân Quỳnh. Những bài thơ khi hạnh phúc đắm say, lúc đau khổ, suy tư của nhà thơ luôn gần gũi vì được viết với sự đầm thắm của một người phụ nữ vừa làm thơ vừa làm vợ, làm mẹ.

ĐỀ SỐ 12

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Lý do chủ yếu khiến nhiều đứa trẻ sống không có định hướng, không dám đưa ra mục tiêu và không hành động là vì chúng sợ thất bại. Nhiều em rất sợ thất bại, sợ mất mát, sợ mắc phải sai lầm và sợ cảm giác tội tệ. Chính nỗi sợ này cản trở chúng đặt ra những mục những tiêu chuẩn cao cho bản thân hoặc nỗ lực để thành công.

Tất cả chúng ta đều biết việc vô tình mắc phải sai lầm là điều bình thường và cần thiết trong quá trình học hỏi hoặc làm bất cứ việc gì. Chúng ta biết rằng thất bại tạm thời - nếu biết tận dụng đúng - chắc chắn sẽ trở thành tiền đề cho thành công lâu dài. Hầu hết trẻ em hành động vì bản thân chúng, vào lúc lúc này hay lúc khác. Tuy nhiên, khi chúng không đạt được mục tiêu, chúng sẽ bỏ cuộc, chúng sẽ tự biện hộ, đổ lỗi cho hoàn cảnh xung quanh, than phiền rằng chúng không có đủ điều kiện để thành công và sẽ không dám hành động nữa. Với các hành xử như thế, tôi dám đảm bảo rằng đứa trẻ không bao giờ làm nổi việc gì to tát trong cuộc sống.

Vậy những người thành công vượt bậc có sợ thất bại không? Có, họ sợ chứ, rất sợ nữa là khác. Chỉ có điều họ có khuynh hướng định nghĩa sự thất bại khác với nghĩa thông thường. Bất cứ khi nào họ làm hết sức mình nhưng không đạt được mục tiêu, họ không xem đó là thất bại mà coi đó là kinh nghiệm để học hỏi, để hoàn thiện bản thân. Sau đó họ sẽ tránh không mắc phải sai lầm tương tự bằng cách thay đổi phương pháp và làm lại từ đầu. Và cứ thế cho đến khi họ thành công. Đối với những người này, chỉ khi nào bỏ cuộc mới là sự thất bại thật sự.

(Con cái chúng ta đều giỏi, Adam Khoo & Gary Lee, Trần Đăng Khoa & Uông Xuân Vy, NXB Phụ nữ, 2016, tr176,177)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định luận đề của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: Tuy nhiên, khi chúng không đạt được mục tiêu chúng sẽ bỏ cuộc, chúng sẽ tự biện hộ, đổ lỗi cho hoàn cảnh xung quanh, than phiền rằng chúng không có đủ điều kiện để thành công và sẽ không dám hành động nữa.

Câu 3. Em hiểu câu: Chúng ta biết rằng thất bại tạm thời - nếu biết tận dụng đúng - chắc chắn sẽ trở thành tiền đề cho thành công lâu dài như thế nào?

Câu 4. Nêu nhận xét của em về cách lập luận của tác giả ở những câu văn sau:

Vậy những người thành công vượt bậc có sợ thất bại không? Có, họ sợ chứ, rất sợ nữa là khác. Chỉ có điều họ có khuynh hướng định nghĩa sự thất bại khác với nghĩa

thông thường. Bất cứ khi nào họ làm hết sức mình nhưng không đạt được mục tiêu, họ không xem đó là thất bại mà coi đó là kinh nghiệm để học hỏi, để hoàn thiện bản thân. Sau đó họ sẽ tránh không mắc phải sai lầm tương tự bằng cách thay đổi phương pháp và làm lại từ đầu. Và cứ thế cho đến khi họ thành công. Đối với những người này, chỉ khi nào bỏ cuộc mới là sự thất bại thật sự.

Câu 5. Từ khuynh hướng định nghĩa thất bại của người thành công trong đoạn trích, em hãy rút ra một bài học có ý nghĩa cho bản thân.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về sức mạnh của niềm tin vào bản thân trong cuộc sống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Phân tích bài thơ sau:

DẶN CON

*Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời dày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn*

*Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán*

*Nhà mình sát đường, họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào*

*Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vẫn xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này...*

Cửa Lục Thủy, 13–11–1991

(Dặn con, Trần Nhuận Minh, trích 100 bài thơ hay nhất thế kỉ XX, NXB Giáo dục, 2008, tr.61)

Chú thích

Trần Nhuận Minh sinh năm 1944, quê ở Hải Dương, hiện đang sống và viết tại Quảng Ninh. Ông là một gương mặt văn chương tiêu biểu, được bạn đọc đánh giá cao, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật lần thứ hai (2007) cho hai tập thơ Nhà thơ và hoa cỏ và Bản sonat hoang dã. Thơ Trần Nhuận Minh giản dị, hàm súc, giàu chất nhân văn....

ĐỀ SỐ 13

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai.
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia hã kiếp chàng vay (1)?*

*Những mong cả nước vui vầy
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách với.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng hã từng học lũ vương tôn (2).*

*Cớ sao cách trở nước non
Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu
Khách phong lưu đang chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên.*

*Nữ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan san để cách, hàn huyên cho đành (3)
Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã giục oanh già,
Ý nhi (4) lại gáy trước nhà lú lo.*

*Thuở đăng đồ (5) mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đông,
Phù dung lại đã bên sông bơ xờ*

(Theo Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm, Chinh phụ ngâm khúc, NXB văn học
2002, tr.35)

*** Chú thích:**

- (1) Vay: tiếng đệm của câu than thở.
(2) Vương tôn: con nhà giàu sang, cũng có nghĩa là người đi chơi xa không đỏi đến gia đình.
(3) *Quan san, hàn huyên*: (*quan*: ải, *san*: núi, *hàn*: lạnh, *huyên*: ấm), ý nói cách trở, không biết tin tức của nhau.
(4) Ý nhi: chim én (yến) thường làm tổ trong mái nhà.
(5) Đăng đồ: lên đường ra đi nơi xa.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm về số chữ, số dòng của thể thơ trong khổ thơ thứ nhất?

Câu 2. Tâm trạng của chinh phụ nảy sinh trong hoàn cảnh nào? Nêu một chi tiết giúp em nhận biết hoàn cảnh ấy?

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong đoạn thơ:

*Thuở lâm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.
Nay quyên đã giục oanh già,
Ý nhi lại gáy trước nhà lú lo.*

*Thuở đăng đồ mai chưa dạn gió,
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đông,
Phù dung lại đã bên sông bơ xờ*

Câu 4. Theo em nhan đề Chinh phụ ngâm khúc có phù hợp với nội dung tư tưởng của đoạn thơ trên không? Lý giải vì sao?

Câu 5. Đoạn thơ đã gửi gắm đến người đọc những thông điệp ý nghĩa nào?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý kiến: Chiến tranh là tội ác ghê gớm nhất với loài người trên Trái đất.

Câu 2. (4,0 điểm) Em hãy tưởng tượng và kể lại một truyện có yếu tố trinh thám (đã được học, được đọc) mà em được tham gia với vai trò người phá án.

ĐỀ SỐ 14

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

ĐI ĐI EM

*Rửa là hết! Chiều ni em đi mãi
Còn mong chi ngày trở lại Phước ơi!
Quên làm sao, em hỡi, lúc chia phôi
Bởi khác cảnh, hai đứa mình ghen nói.*

*Em len lét, cúi đầu, tay xách gói
Áo quần dơ, cặp chiếc nón le te
Vẫn chưa thôi, lời dlay dứt nặng nề
Hàng dây tiếng rửa nguyên trên miệng chủ!*

*Biết không em, nỗi lòng anh khi đó?
Nó toi bời, đau đớn lắm em ơi
Bàn chân em còn luyến tiếc không rời
Nơi em đã cùng anh vui phút chốc.*

*Những đêm tối, anh viết bài em học
Cho em quên bớt nỗi nhọc ban ngày
Nơi bao nhiêu âu yếm tuổi thơ ngây
Anh đã trút cho lòng em tất cả!
Em ngoái cổ nhìn anh ta chi trả
Thăm cho nhau đôi mắt ướt ly sầu
Biết làm sao, em hỡi, nói cùng nhau?
Tiếng chười mắng vẫn phun hoài, nhục nhã*

*Thì em hỡi! Đi đi, đừng tiếc nữa!
Ngại ngần chi? Nấn ná chỉ thêm phiền!
Đi đi em, can đảm bước chân lên
Ừ đôi khổ đâu phải là tội lỗi!*

*Anh mới hiểu: càng ngậm ngùi khổ tủi
Càng dày thêm uất hận của lòng ta
Nuôi đi em, cho đến lớn, đến già
Mâm hận ấy, trong lòng xương ống máu*

*Để thêm nóng mai kia hồn chiến đấu
Mà hôm nay anh đã nhóm trong lòng!*

Huế, tháng 2-1938 (Thơ Tố Hữu, NXB Thời đại, 2014, tr.32-34)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Bài thơ Đi đi em được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc trưng về cách gieo vần, ngắt nhịp của thể thơ trong khổ thơ thứ nhất.

Câu 2. Tìm những chi tiết miêu tả nhân vật em Phước lúc ra đi được khắc hoạ ở khổ thơ thứ hai.

Câu 3. Trong bài thơ, người anh đã hồi tưởng lại kỉ niệm với em Phước, qua đó cho thấy tình cảm người anh dành cho em Phước như thế nào?

Câu 4. Hãy phân tích tác dụng của việc điệp lại cụm từ đi đi em trong bài thơ.

Câu 5. Ngày nay, chúng ta đã được sống trong hòa bình, no ấm, nhưng vẫn còn đâu đó những mảnh đời, những thân phận cơ cực, nghèo khổ. Bài thơ Đi đi em giúp em bồi đắp những tình cảm, thái độ gì với những con người kém may mắn như vậy?

II. PHẦN VIẾT

Câu 1. (2,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng:

Tình thương là hạnh phúc của con người.

Từ đó, em hãy viết một đoạn văn nghị luận bàn về ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết về những cuộc chia ly, trong bài thơ Đi đi em của Tố Hữu có đoạn:

*Em ngoài cổ nhìn anh ta chỉ trả
Thăm cho nhau đôi mắt ướt ly sầu!
Biết làm sao, em hỏi, nói cùng nhau?
Tiếng chười mắng vẫn phun hoài, nhục nhã!*

*Đi Thì em hồi! Đi đi, đừng tiếc nữa!
Ngại ngần chi? Nấn nả chi thêm phiền!
Đi đi em, can đảm bước chân lên
Ừ đôi khó đâu phải là tội lỗi!*

(Đi đi em, Thơ Tố Hữu, NXB Thời đại, 2014, tr.32-34)

Và trong bài thơ Đêm lên đường, Nguyễn Văn Long cũng viết:

*Cơn mưa đêm như người bạn đi qua
Phút gặp mặt sau rất nhiều trăm trở
Phút chia tay gió dầy như hơi thở nom õng im
Giọt mưa lành đọng lại giữa bàn tay.*

*Biết nói thêm gì nữa với nhau đây
Đời rộng nhất là cuộc đời sáng tạo
Sẽ còn mưa, sẽ còn nhiều đông bão
Ta mang điều nghiêm trang ra đi.*

(Đêm lên đường (2), Thơ người lính, Nguyễn Văn Long, NXB Văn hoá dân tộc, HN, 1997, tr.215,216)

Em hãy viết một bài văn phân tích hai đoạn trích trên, từ đó chỉ ra nét giống nhau về nội dung của hai đoạn thơ.

Chú thích:

Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành (1920-2002), sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng ở Thừa Thiên - Huế. Ông là nhà thơ cách mạng lớn nhất Việt Nam trong thế kỷ XX. Ông đã đưa thơ chính trị đến trình độ rất trữ tình.

Đi đi em in trong tập thơ Từ ấy của nhà thơ Tố Hữu. Bài thơ là nỗi niềm, cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước giây phút chia ly người anh em của mình.

Nguyễn Văn Long là một người lính tham gia chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông hi sinh trong chiến trường Nam Bộ năm 1971.

Bài thơ Đêm lên đường được tác giả Nguyễn Văn Long viết năm 1971, sau bài thơ được tuyển chọn đưa vào tập Thơ người lính gồm 200 tác giả viết về người lính trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc.

ĐỀ SỐ 15

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

BÀN GIAO

Rồi ông sẽ bàn giao cho cháu

Bàn giao gió heo may

Bàn giao góc phố

Có mùi ngô nướng bay

Ông sẽ chẳng bàn giao những tháng ngày vất vả

Sương muối đêm bay lạnh mặt người

Đất rung chuyển, xóm làng loạn lạc

Ngọn đèn mờ, mưa bụi rơi

Ông bàn giao tháng giêng hương bưởi

Cỏ mùa xuân xanh dưới chân giày

Bàn giao những mặt người đầm nắng

Đắm yêu thương trên trái đất này

Ông chỉ bàn giao một chút buồn

Ngậm ngùi một chút, chút cô đơn

Câu thơ vừng gót làm người ấy⁽¹⁾

Ông cũng bàn giao cho cháu luôn.

(Theo Vũ Quần Phương)⁽²⁾

Văn nghệ quân đội Xuân Giáp Ngọ 2014, tr.86)

Chú thích:

(1) Câu thơ Cẩn rằng mà chịu thiệt, vừng gót để làm người.

(2) Vũ Quần Phương (sinh năm 1940) tên thật là Vũ Ngọc Chúc, quê cha ở Nam Định nhưng ông hầu như sinh sống và gắn bó cả đời với mảnh đất Hà Nội quê mẹ. Ông là một bác sĩ nhưng yêu thích văn chương, ông sáng tác thơ và viết phê bình văn học. Thơ ông giản dị, sâu sắc mà hóm hỉnh, khoa học, suy tưởng mà ấm áp trữ tình.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Trong bài thơ, nhân vật người ông sẽ bàn giao cho cháu những thứ gì?

Câu 2. Trích dẫn câu thơ có cụm từ vững gót làm người mà người ông muốn bàn giao cho cháu.

Câu 3. Ở khổ thơ thứ hai, có những thứ mà người ông chẳng bàn giao cho cháu. Theo em, vì sao người ông lại không muốn bàn giao cho cháu những thứ đó?

Câu 4. Hãy chỉ ra và phân tích biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ?

Câu 5. Chúng ta hôm nay đã nhận bàn giao từ thế hệ cha ông đi trước rất nhiều điều quý giá, thiêng liêng. Theo em, chúng ta cần có thái độ gì trước những điều được bàn giao ấy?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung phần Đọc hiểu, em hãy viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc thế hệ trẻ tự hào tiếp nối truyền thống cha anh.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ Bàn giao của Vũ Quần Phương ở phần Đọc hiểu.

ĐỀ SỐ 16

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

CHIM NGÓI

(Ngô Văn Phú)

<i>Không hiểu từ đâu</i>	<i>Mang theo ngọn gió mùa đông bắc đầu tiên</i>
<i>Cứ mùa thu</i>	<i>Mùa màng bỗng rực rỡ lên</i>
<i>Chúng bay về khắp cánh đồng,</i>	<i>những sắc màu đẹp nhất.</i>
<i>siêng năng nhặt đỗ,</i>	<i>Chúng đem những tinh chất xa xôi từ</i>
<i>Những đàn chim ngói,</i>	<i>hững khoảng trời</i>
<i>mặc áo màu nâu,</i>	<i>Về hoà với sức mỡ màu của đất.</i>
<i>đeo cườm ở cổ,</i>	
<i>chân đất hồng hồng,</i>	<i>Hương đồng, hi vọng tràn trong mắt,</i>
<i>như nung qua lửa.</i>	<i>những tiếng cười bay dọc xóm vui.</i>

Sao tôi thấy chúng giống những cô gái làng tôi,

Những cô gái báo hiệu những mùa màng bát ngát.

(Trích tuyển tập Thơ Việt Nam 1945 – 1975, NXB Tác phẩm mới, 1970, tr. 283)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 2. Chỉ ra những chi tiết, hình ảnh miêu tả vẻ bề ngoài của những đàn chim ngói mùa thu.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong hai dòng thơ:

Chúng đem những tinh chất xa xôi từ những khoảng trời

Về hoà với sức mỡ màu của đất.

Câu 4. Nhận xét về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình được thể hiện qua bài thơ.

Câu 5. Thông điệp sâu sắc nhất mà em rút ra qua bài thơ là gì? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc xác định mục tiêu trong cuộc sống.

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích nhân vật người cô trong đoạn trích sau:

Mỗi lần ra Hà Nội việc đầu tiên là tôi phải tới thăm bà cô tôi. Chẳng có quà cáp gì cả đến tay không, nhưng vẫn cứ phải đến. Vì bà là cái túi khôn của tôi mà. Năm nay các con bà sẽ làm lễ mừng thọ mẹ tám mươi tuổi. Các cụ nói: Năm mươi tuổi hiểu được mệnh trời. Người tám mươi tuổi lại vẫn minh mẫn, khôn ngoan, không chừng hiểu được cả then máy của Tạo hóa. Nói chuyện với bà tôi vẫn chần chừ chọn như ngày nào được hầu chuyện cụ Nguyễn. Nghĩa là vẫn phải uốn lưỡi trước khi hỏi, trước khi trả lời. [...]

Mùa xuân ở Hà Nội bao giờ cũng đẹp. Với tôi đã nhiều năm không được sống ở Hà Nội vào mùa xuân lại càng thấy đẹp. Một chút lạnh trong hơi gió tạt qua mặt. Một chút mưa bụi bay lầy rầy như có như không. Trời hơi tối, mặt đường hơi sẫm nhưng mặt người và quần áo rét họ mặc cứ sáng bừng lên những màu sắc tươi tắn. Đã có mùi son phấn và nước hoa bắt chợt thoảng qua ở một góc phố, trong một đám đông. Nói nhỏ đi, cười nhỏ hơn, ít nghe những câu chửi tục, những tiếng dèm tục. Giàu hơn trước nhiều, sang hơn trước nhiều, cứ cho là bề ngoài thì cũng vẫn rất đáng mừng. Chỉ có nhà bà cô tôi là ít thay đổi, hầu như không thay đổi. Vẫn mấy chiếc xe máy đã cũ, và vẫn còn nhiều xe đạp, loại xe đạp cà tàng từ những năm nào. Trời nắng các em đi xe máy, trời mưa đi xe đạp, đỡ phải rửa xe. Ăn mặc của bà cụ, của các em cũng chả có gì sang hơn, như trước đây, ngày trước với Hà Nội đã là sang, bây giờ là quá thường. Bây giờ con gái Hà Nội mặc quần chần đen, gót xẻ, có dải buộc dưới bàn chân, mặc măng tô lửng, hoặc đi bít tất đen dài, quần cộc, áo vét trùm qua hông. Đàn ông cũng diện lăm, áo vét tông các kiểu, thắt cà vạt đủ màu, giày đen, cứ như họ từ các đại sảnh bước ra. Không phải đâu, chỉ là quần áo thường ngày thôi, cũng giống như trước kia họ mặc áo bông xanh, quần ka ki vàng và đi dép nhựa. Chưa bao giờ tôi thấy người Hà Nội ăn mặc sang trọng như bây giờ. Chưa bao giờ tôi thấy phố xá chói lòa những tủ kính, những bảng hiệu và ánh sáng như bây giờ. Vậy mà một nhà giàu của Hà Nội có dư điều kiện để thay đổi lại không chịu thay đổi. Một đại gia đình gồm hai con trai, hai con dâu, một gái, một rể và những đứa con của họ vẫn sống chung dưới một mái nhà, ăn chung một bếp ăn. Thiên hạ thì chia ra, bà cụ lại gom vào. Vẫn rất êm thấm mới lạ chứ. Nếp nhà đã thẳng được tự do của cá nhân sao? Phải nói thêm, cái nếp nhà này cũng ít ai theo kịp. Người con dâu cả vốn là con gái Hàng Bò, đỗ đại học, là một cô gái kiêu hãnh, tự tin, không dễ nhân nhượng. Ai cũng nghĩ hai người đàn bà, một già một trẻ, cùng sắc sảo sẽ rất khó chấp nhận nhau. Vậy mà họ ăn ở với nhau đã mười lăm năm chả có điều tiếng gì.

Người chị của cô con dâu đến nói với bà cô tôi: "Bác chịu được tính nó thì con cũng phục thật đấy". Bà cãi chính: "Đúng là tôi có phần phải chịu nó nhưng nó cũng có phần phải chịu tôi, mỗi bên chịu một nửa". Bà bảo, con dâu là vàng trời cho, mình không có công đẻ ra nó, cũng không nuôi nó ăn học ngày nào, bỗng dưng nó về nhận mình là mẹ, sinh con đẻ cái cho dòng họ, càng đáng mọi việc từ trẻ đến già, không lẽ sống nó thì thôi còn hoạnh hộc nổi gì. Bà chiều quý, và tôn trọng các con dâu thật lòng nên cả hai nàng dâu đều tâm sự với mẹ chồng: "Con ở với mẹ còn thoải mái hơn ở nhà với mẹ con". Con rể và con gái được nhận nhà ở một khu tập thể, nhà chật, lại xa, con còn nhỏ. Nhưng anh con rể không muốn nhờ vả mẹ vợ, tự mình cũng thấy không tiện mà người ngoài nhìn vào càng không tiện. Bà biết thế nên bảo con rể: "Trong cái nhà của tôi có một phòng dành cho vợ anh. Cửa vợ anh tức là của anh. Cũng như mọi thứ của anh tức là của vợ anh. Chẳng lẽ anh bảo không phải". Năm ngoài khu phố có yêu cầu bà cụ báo cáo về nếp sống gia đình cho hàng phố học tập. Bà từ chối, khi tôi lại thăm, bà nói riêng: "Cái chuyện ấy ai cũng biết cả, chỉ khó học thôi". Tôi cười: "Lại khó đến thế sao?" Bà cụ nói: "Trong nhà này, ba đời nay, không một ai biết tới câu mày, câu tao. Anh có học được không?" À, thế thì khó thật. Theo bà cụ, thời bây giờ có được vài trăm cây vàng không phải là khó, cũng không phải là lâu, nhưng có được một gia đình hạnh phúc phải mất vài đời người, phải được giáo dục vài đời. Hạnh phúc không bao giờ là món quà tặng bất ngờ, không thể đi tìm, mà cũng không nên cầu xin. Nó là cách sống, một quan niệm sống, là nếp nhà, ở trong tay mình, nhưng nhận được ra nó, có ý thức vun trồng nó, lại hoàn toàn không dễ." [...]

(Trích *Nếp nhà*, Nguyễn Khải, *Tuyển tập Nguyễn Khải*, NXB Văn học, Hà Nội, tr. 206 – 209)

Chú thích:

Nguyễn Khải là một trong những cây bút xuất sắc trưởng thành sau Cách mạng tháng Tám 1945. Các tác phẩm của Nguyễn Khải đi sâu vào khai thác nhiều chủ đề trong cuộc sống, về nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới. Nhà văn có khả năng phát hiện vấn đề, khả năng phân tích tâm lý nhân vật, giọng văn đôn hậu, trầm lắng, chiêm nghiệm.

Ông sáng tác nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự, kịch. Trong đó, Nguyễn Khải để dấu ấn qua nhiều tác phẩm như: *Xung đột* (1959-1962), *Mùa lạc* (tập truyện ngắn, 1960), *Thời gian của người* (1985)...

ĐỀ SỐ 17

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Độc đoạn trích:

[...]

<i>Ôi đâu rồi những trò chơi tuổi trẻ</i>	<i>Những đêm ta nằm nghe mưa hát</i>
<i>Những tàu chuối bẹ dừa, những mảnh</i>	<i>mưa ơi</i>
<i>chòi nhỏ bé</i>	<i>Nghe mưa đập cành tre, nghe mưa</i>
<i>Những vết chân thơ ấu buổi đầu tiên</i>	<i>roi</i>
<i>Mấy tấm mo cau là mấy chiếc thuyền</i>	<i>tàu lá, thềm thì rào rạt vang xa...</i>
<i>Mưa cuốn đi rồi</i>	<i>Có lúc bỗng phong ba dữ dội</i>
<i>Chàng lộ vẻ kho quê nội,</i>	<i>Mưa đổ ào như thác dồn trăm lối</i>
<i>Mưa chảy xuống dòng sông quê nội,</i>	<i>Giấc mơ xưa có chớp giật, sấm</i>
<i>Sóng nước quê hương dào dạt chảy</i>	<i>gầm,</i>
<i>về khơi</i>	<i>Trang sử nhỏ nhà trường bỗng hoá</i>
<i>Chở những kỷ niệm xưa, chìm lắng</i>	<i>mưa giông</i>
<i>bốn phương trời</i>	<i>Nghe như tiếng của cha ông dựng</i>
<i>Và ta lớn tình yêu hoà bể rộng</i>	<i>nước</i>
<i>Con mưa nhỏ của quê hương ta đã</i>	<i>Truyền con cháu phải ngẩng cao</i>
<i>sống</i>	<i>mà</i>
<i>Nay vỗ lòng ta rung động cả trăm</i>	<i>bước</i>
<i>sông,</i>	<i>Nghe như lời cây cỏ gió mưa,</i>
<i>Ôi cơn mưa quê hương</i>	<i>Đang hát tiếp bài ca bất khuất</i>
<i>Mưa là khúc nhạc của bài ca êm mát</i>	<i>ngàn xưa...</i>

(Trích Nhớ mưa quê hương, Lê Anh Xuân, Thơ Việt Nam 1945 – 1975, NXB
Tác đồng tìm thành phẩm mới, 1970, tr. 379 – 380)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích.

Câu 2. Nêu những hình ảnh khơi gợi những trò chơi tuổi trẻ xuất hiện trong kí
ức

con mưa quê hương của nhân vật trữ tình.

Câu 3. Em hiểu nội dung của các dòng thơ sau như thế nào?

Con Con mưa nhỏ của quê hương ta đã sống

Nay vỗ lòng ta rung động cả trăm sông

Câu 4. Niệ quả của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong những dòng thơ
sau:

Trang sử nhỏ nhà trường bỗng hoá mưa giông

*Nghe như tiếng của cha ông dựng nước,
Truyền con cháu phải ngông cao mà bước*

Câu 5. Từ suy ngẫm của tác giả trong hai dòng thơ *Nghe như lời cây cỏ gió mưa/ Đang hát tiếp bài ca bất khuất ngàn xưa*, em này rút ra bài học về lẽ sống cho bản thân.

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về sự cần thiết của việc biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận phân tích truyện ngắn sau:

TRỞ VỀ

Thạch Lam

(Lược dẫn: Tâm và vợ về nghỉ mát ở nhà một người bạn ở vùng thôn quê, gần nhà chàng. Tâm đưa vợ đi ăn tiệm, bảo vợ đợi mình ở đó để chàng về qua nhà thăm mẹ già khoảng chừng một tiếng.)

Có đến năm, sáu năm nay, Tâm không về thăm quê nhà. Trong thời gian ấy, ở Hà Nội, Tâm gắng sức làm việc để giành một cái địa vị trong xã hội. Chàng lấy vợ, con một nhà giàu có, cũng không cho mẹ biết. Thỉnh thoảng chàng nhận được ở nhà quê gửi ra một bức thư mà chữ viết non nớt nguệch ngoạc, và lời lẽ quê kệch. Tâm chỉ đọc thoáng qua rồi không để ý đến. Sống trong hoàn cảnh giàu sang chắc chắn, Tâm không bao giờ nghĩ đến quê nhà nữa. Hoặc có nghĩ đến, chỉ để lại tự chế giễu mình, khi còn nhỏ, đã cho cái đời ở thôn quê là giản dị và sung sướng. Chàng mơ màng yêu một cô thôn nữ, và ước mong cùng nhau sống trong cảnh thanh bình dưới một túp lều tranh. Cái mộng ấy, bây giờ làm chàng khi nghĩ đến mỉm cười.

Không còn một cái liên lạc gì ràng buộc Tâm với thôn quê nữa. Những người họ hàng ở làng chỉ làm chàng sinh ghét, vì những sự đi lại nhờ vả lồi thối. Còn đối với mẹ chàng, Tâm tin rằng đã làm đủ bốn phận khi mỗi tháng gửi về giúp bà cụ một số tiền, chàng lại càng tin như vậy lắm, khi nghĩ đến những cái khó khăn chàng phải vượt qua có số tiền ấy. Bao nhiêu sự dối trá chàng phải cần đến để giấu không cho vợ biết! [...]

(Lược dẫn: Tâm về đến sân nhà. Bà mẹ mừng ứa nước mắt, hỏi han sức khỏe con trai, kể chuyện về Trinh – cô gái con bác cả hồi nhỏ vẫn hay chơi với Tâm. Một lát sau, Trinh sang chơi. Gặp lại Tâm, người thiếu nữ bẽn lễn, e lệ)

Tâm nhận thấy, ở thôn quê, người ta không thay đổi mấy, và tính tình vẫn giữ được y nguyên. Nhưng chàng, thì chàng thay đổi khác hẳn rồi. Những kỷ niệm cũ đối với chàng bây giờ thành ra trẻ con và vô vị. Tâm không thấy có sự tha thiết giữa chàng cảnh cũ nữa. Bây giờ, chàng không khi nào có cái ý tưởng điên rồ đi lấy một cô gái quê như Trinh để sống một cái đời tối tăm nghèo khổ.

Tâm lơ đãng nghe lời mẹ kể những công việc và cách làm ăn ngày một khó khăn ở làng. [...] Câu chuyện nhạt dần. Những câu hỏi và sự săn sóc của bà cụ về công việc của chàng chỉ làm cho Tâm khó chịu. Chàng trả lời qua loa lấy lệ.

(Lược dẫn: Nghĩ đến vợ đời, Tâm vội vàng chào bà mẹ để đi, mặc cho bà cụ khần khoản giữ con ở lại ăn bữa cơm trưa. Trước khi đi, Tâm mở ví lấy ra bốn tấm giấy bạc 5 đồng đưa cho mẹ).

Ra đến ngoài Tâm nhẹ hẫng mình. Chàng tự cho đã làm xong bốn phận.

Khi Tâm bước vào hàng cơm, vợ chàng vui mừng lộ ra nét mặt, vì không ngờ chàng chóng thế. Trời hãy còn sớm. Hai vợ chồng rủ nhau đi ngắm cảnh, đợi đến chiều mát sẽ đi ô-tô về hướng gió.[...]

Bỗng nhiên, Tâm giật lùi lại: Một bà cụ già khom lưng dựa bên một cô con gái, đi ra phía ga. Tâm nhận ra bà mẹ. Có lẽ bà cụ muốn được trông thấy con một lần nữa. Chắc bà tưởng Tâm đi xe hỏa. Chàng lộ vẻ khó chịu. Bà cụ còn ra đây làm gì? Tâm sợ lúc bà cụ lại khóc lóc, để cố giữ chàng lại. Hay nắm lấy áo chàng mà kể lể giữa chốn đông người. Chàng tưởng nghe thấy những câu bình phẩm to nhỏ, và trông thấy những cái mỉm cười chế giễu của mọi người. Vợ chàng sẽ nói thế nào?

- Thôi, chúng ta về ngay đi.

Tâm nói như người sốt ruột, giật cánh tay vợ rào bước mau.

Đợi bà cụ đi khuất đầu phố, Tâm và vợ trở lại nhà hàng trả tiền, rồi đánh xe ra ngoài. Máy chạy đều, cái xe êm ru bắt đầu lướt trên đất.

Khi đến chỗ quặt quả ga, bỗng nhiên Tâm thoáng thấy đứng bên cạnh đường, một bà cụ già khom lưng dựa vào một cô con gái. Chiếc xe chạy bắn vọt bừa lên quần áo hai người. Trong một giây, Tâm thấy cặp mắt đen láy của cô gái quē mở to ngạc nhiên nhìn mình.

Tâm không ngoảnh lại, chàng nghĩ đến bà mẹ, đến cô Trinh vẫn chơi đùa với chàng thuở nhỏ. Song những hình ảnh ấy như xa xăm lắm, và Tâm vẫn thấy đứng ở không bận tâm trí. Giữa những kỷ niệm ấy với Tâm, như có một cái bờ ngăn cản: xe ô tô, vợ chàng, cái đời sang trọng, sung sướng của chàng hiện giờ. Phong cảnh đồng ruộng hai bên đường vùn vụt trốn lại sau lưng như càng làm xa cách chàng với cảnh thôn quê cũ.

(Theo Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2008, tr. 22 – 28)

Chú thích:

Thạch Lam (1910-1942), tên khai sinh là Nguyễn Tường Lâm, là một người đôn hậu và rất đổi tinh tế. Ông có quan điểm văn chương lành mạnh tiến bộ, có biệt tài về truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam thường có sự hòa quyện giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn trữ tình. Do đó truyện ngắn của Thạch Lam thường không có cốt truyện đặc biệt, mỗi truyện ngắn giống như một bài thơ trữ tình đượm buồn.

Truyện ngắn *Trở về* là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Thạch Lam.

ĐỀ SỐ 18

ĐI. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

BÀ BÁN BÔNG CÔNG TRƯỜNG TÔI

(**Lược trích một đoạn:** Trước công trường nhân vật tôi có bà bán bông tóc bạc phơ, lưng hơi còng, rất hiền hậu. Bà bán hàng thường thêm bông cho lũ trẻ nên đứa nào cũng thích mua hàng của bà. Một hôm, thằng Tòng béo lớp tôi phao tin đồn là bà bán bông bị ho lao, có thể lây nhiễm. Thế là bọn bạn lớp tôi không còn ra mua hàng cho bà như trước. Tin đó truyền đi khắp trường, hàng bông của bà có khi ế đến mấy ngày không bán nổi. Thế rồi bà không bán bông ở công trường nữa. Tôi và lũ bạn cũng chẳng ai nhớ tới bà, chúng tôi lại chuyển sang mua ô mai, táo dầm.)

Một hôm mẹ tôi sai tôi ra chợ mua mở rau, tôi bỗng gặp bà bán bông, trông bà gầy nhiều, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới, bà chống gậy và đeo một cái bị đi vào hàng cơm, bà lấy trong bị ra một cái bánh mì khô và nói gì nho nhỏ với bà hàng cơm, nghe không rõ. Tôi chỉ nghe tiếng quát mắng to tướng của bà hàng cơm:

- Nướng nhanh lên mà đi cho khuất mắt. Trông người chả ra người, như con gà rù thế kia mà ám hàng người ta thì làm sao người ta bán được ...

Bà bán bông lật đặt đến gần bếp lò run rẩy nhét cái bánh mì vào phía dưới lò. Chứng kiến tất cả cái cảnh ấy tự nhiên tôi thấy thương bà quá. Tôi chạy lại gần bà, ấn vội vào tay bà số tiền mẹ tôi đưa mua rau rồi chạy vụt về. Tôi về nhà kể lại với mẹ tôi mọi việc, mẹ tôi không mắng tôi về việc ấy mà lại trách tôi chuyện khác kia. Mẹ bảo:

- Con giúp đỡ người nghèo là đúng, nhưng con thử nghĩ xem, với số tiền mua rau ấy bà già chỉ sống được một bữa, còn bữa sau thì sao? Đáng lẽ trước kia con và các bạn con đừng tung cái tin “bà bán bông họ lao” ra thì chắc bà vẫn sống được tử tế. Đằng này, vô tình con và các bạn con đã hại bà ấy. Các con chưa hiểu được đâu. Chưa hiểu được một người già mà phải đói khát thì khổ đến thế nào ... Mẹ còn nói nhiều nhiều nữa nhưng thấy tôi rân rân nước mắt nên mẹ thôi. Mẹ lại đưa tiền cho tôi đi mua rau.

Hôm sau đến lớp tôi kể cho các bạn nghe mọi sự việc, kể cả chuyện mẹ tôi đã mắng tôi như thế nào. Các bạn nghe mà ai cũng bùi ngùi cảm thấy mình có lỗi, bỗng có bạn lên tiếng:

- Thế ai bảo cậu Tòng là bà ấy họ lao?

- Ai bảo? Ai bảo?... – Tất cả nhao lên như muốn lên án Tòng.

- Tớ cũng chẳng nhớ. – Tòng trả lời yếu ớt. – Tớ nghe thấy thế.

- *Cậu nghe chưa chính xác mà đã nói. Cậu ác thế! Ác thế!*
- *Khổ thân bà ấy. – Một bạn nói. – Làm thế nào để giúp bà ấy bây giờ? Hay là góp tiền lại đem cho bà ấy.*
- *Làm thế chẳng được đâu. – Tôi nói. – Mẹ tớ bảo là khi bà ấy ăn hết số tiền mình cho thì bà ấy lại đói. Hay là khi nào tớ gặp bà ấy tớ sẽ bảo: “Bà cứ bán bỏng đi chúng cháu lại mua cho bà” mà tất cả chúng mình phải mua của bà ấy kia, bảo cả bọn lớp khác nữa.*
- *Ừ, phải đấy! – Một bạn nói. – Tất cả chúng mình đều mua.*
- *Tất cả.*
- Tất cả. – Các bạn đồng thanh tán thành. Có bạn lại còn đề ra mình sẽ ăn sáng bằng bỏng.*
- (...)

(Theo Xuân Quỳnh, Trời xanh của mỗi người,
NXB Kim Đồng, 2017, tr 99-106)

Thực hiện các yêu cầu sau:

- Câu 1. Truyện *Bà bán bỏng cổng trường* tôi được kể theo ngôi kể nào?
- Câu 2. Trong văn bản, nhân vật tôi bị mẹ trách vì điều gì?
- Câu 3. Từ những chi tiết miêu tả nhân vật bà bán bỏng khi tôi gặp bà ở chợ, em có nhận xét gì về hoàn cảnh hiện tại của bà lão? Nêu ảnh hưởng
- Câu 4. Qua những hành động và việc làm của nhân vật tôi sau khi chứng kiến hoàn cảnh của bà bán bỏng, em nhận thấy nhân vật tôi có những phẩm chất gì?
- Câu 5. Nếu em là nhân vật tôi trong truyện, em sẽ rút ra những bài học gì cho bản thân sau câu chuyện với bà bán bỏng ngô?

II. PHẦN VIẾT

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ sau:

KHÚC DÂN CA

Nguyễn Duy

*Con cò bay lả bay la
Theo câu quan họ bay ra chiến trường*

Nghe ai hát giữa núi non

Mà hương đồng cứ dập dờn trong mây

Nghìn năm trên dải đất này

Cũ sao được cánh cò bay la đà

Cũ sao được sắc mây sa

Cũ sao được khúc dân ca quê mình

Cò bay bằng cánh trắng tinh

Lúa thơm bằng phần hương lành ai ơi

Mây bay bằng gió của trời

Là ta ta hát bằng lời của ta.

(Thơ Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010, tr 59)

Câu 2. (4,0 điểm)

Hồ Gươm là một danh lam thắng cảnh, một di tích lịch sử nổi tiếng của Hà Nội và cả nước. Trước kia hồ có tên gọi là hồ Lục Thủy, cái tên Hồ Gươm (Hoàn Kiếm) mới có từ thời Lê, gắn liền với truyền thuyết Lê Lợi trả gươm cho Rùa Thần. Hồ có tổng diện tích 12ha, gắn liền với các công trình kiến trúc nổi tiếng khác như: Tháp Rùa (được xây dựng trong khoảng từ giữa năm 1884 đến tháng 4 năm 1886), Đền Ngọc Sơn (được xây trên nền cung Khánh Thụy cũ, thờ thần Văn Xương Đế Quân là ngôi sao chủ việc văn chương khoa cử và thờ Trần Hưng Đạo, vị anh hùng có công đánh thắng quân Nguyên thế kỷ 13.), Cầu Thê Húc (tên của cầu có nghĩa là “nơi đậu ánh sáng Mặt Trời buổi sáng sớm”), Đài Nghiên và Tháp Bút (được Nguyễn Văn Siêu cùng người dân Hà Thành đã xây dựng vào năm 1865).

Dựa vào những thông tin trên và những hiểu biết của bản thân, em hãy viết bài văn thuyết minh giới thiệu về di tích lịch sử, văn hoá Hồ Gươm.

ĐỀ SỐ 19

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

BÍ MẬT LÂU ĐÀI CỔ SHOSCOMBE

(Lược trích một phần: Một hôm, Mason, một huấn luyện viên ngựa ở công viên Shoscombe đến tìm Holmes nhờ giúp đỡ. Chủ của ông là Robert, người có đam mê đua ngựa, sống nhờ trong lâu đài cổ Shoscombe của người chị gái- phu nhân Phalder. Phu nhân rất thương em trai, ngày ngày khi đi dạo, phu nhân sẽ ghé để thăm ngựa và động viên em. Robert đặt cược tất cả gia tài vào con Hoàng tử, thậm chí cầm cả lâu đài Shoscombe cho các chủ nợ Do Thái. Khoảng 1 tuần nay phu nhân I chuồng ngựa dù thỉnh thoảng bà vẫn đi dạo trên xe ngựa, Robert cáu gắt dần con chó giống quý hiếm của chị tới Đêm đêm , lão Barnes, chủ quán ăn “Con Rồng và lão còn xuống hầm mộ gần lâu đài hàng tiếng đồng hồ. Qua theo dõi, Mason còn thấy trong hầm mộ có bộ xương khô. Holmes và cộng sự đã tới Shoscombe, trọ và tìm cách tiếp cận lão Barnes)

Sau khi ông chủ quán rời chúng tôi, Holmes nói với tôi: Trong tay chúng ta chỉ có vài lá bài, Watson à. Ván bài này không phải dễ chơi đâu. Nhưng trong một hai ngày, chúng ta có thể tìm ra đầu mối. Tôi tin rằng ngài Robert vẫn còn ở Luân Đôn. Tôi đề nghị tối nay chúng ta chui vào vùng cấm địa. Có vài chi tiết tôi muốn rà soát lại.

- Anh có giả thiết rồi à?

- Sơ sơ như vậy, Watson à. Một chuyện đã xảy ra cách đây khoảng tám ngày, làm xáo trộn sinh hoạt tại lâu đài Shoscombe. Chuyện gì à? Này, hãy xét lại người em chăm chút việc thăm viếng người chị tật nguyền, ông ấy tổng khứ con chó mà bà chị cưng. Con chó thuộc quyền sở hữu của bà ấy, Watson! Anh có thấy gì lạ không?

- Thù vật thôi?

- Có thể. Hoặc là... ờ... tôi lại thấy... Ta hãy nghiên cứu lại tình hình. Từ lúc cãi lộn cử tạm cho là có đi, mệnh phụ đổi thói quen, ở mãi trong phòng, có ra đi thì không ghé thăm chuồng ngựa nữa, rõ ràng nhất là đâm ra uống rượu. Nào, khớp nhau trăm phần trăm chưa.

...

- Còn chuyện ở nhà mồ...

- À còn cái nhà mồ dưới đất! Giả thiết rằng... đó là giả thiết động trời rằng... Ngài Robert thanh toán chị ruột mình?

- Chuyện gì động trời vậy?

- Đành rằng, ngài thuộc thế gia vọng tộc. Nhưng trong một đàn cừu, biết đâu lại chẳng có một con chiến ghê... Anh có ý kiến gì, Watson?

- Một khi mà anh chọn giả thiết kinh khiếp như vậy thì chuyện gì lại không được?
- Tôi định làm một thí nghiệm nhỏ vào ngày mai, Watson à.

Khoảng một hai giờ, chúng tôi đi dạo một vòng và anh xin được chủ quán cho dẫn theo con chó tinh khôn.

- Đây là vùng tử địa - Holmes nói. Khi chúng tôi tới trước cái cổng hai lớp song sắt có gắn huy hiệu của một dòng họ quý tộc.- Ông Barnes có cho biết, khoảng 12 giờ, bà mệnh phụ sẽ dùng ngựa đi dạo, và khi tới cổng, xe phải chạy chậm để chờ mở cổng. Xe chạy chậm lại, ngựa đi từng bước. Nhờ đó tôi có thể quan sát kỹ người trên xe. Một thiếu phụ trẻ, thân hình đều đặn, tóc vàng, ngồi bên trái. Bên phải là một bà lão, khăn choàng che khuất mặt và tai. Chắc chắn là một bà lão tật nguyên. Khi xe ra đường cái tôi ra hiệu lệnh. Xà ích ngừng xe lại. Tôi hỏi thăm ngài Robert.

Cùng lúc đó, Holmes rời nơi ẩn nấp, thả con chó trung thành ra. Con vật vui mừng, sủa vang, leo lên xe. Trong nháy mắt, nguồn vui cuống cuống của nó biến thành sự thịnh nộ đặng đặng sát khí, nó muốn xé tà áo bà lão.

- Cho chạy, cho chạy - Một giọng cứng cỏi ra lệnh.

Ngựa ăn roi, chiếc xe phóng đi nhanh. Hai chúng tôi còn lại trên lộ.

Đi - Thấy chưa Watson, kẻ sách của ta tốt đẹp - Holmes nói lớn và cột con chó lại - Nó làm tưởng là chủ nó, nhưng nó phát hiện người nào khác.

trên Chó chưa khi nào làm.

Chiến - Tiếng ra lệnh cho xe chạy là tiếng đàn ông - Tôi nói lớn.

- Đúng thế. Ta có thêm một lá bài mạnh trong tay. Nhưng còn phải đồ mò hoi nữa.

(Lược phần cuối: Holmes và Watson được Ma-son bí mật đưa xuống hầm mộ. Holmes phát hiện trong 1 hòm cổ có xác một người mới mất. Vừa lúc đó, Robert đi xuống, biết mọi chuyện đã bại lộ, hắn đành kể hết cho Holmes nghe về cái chết của người chị, hắn không giết bà mà chỉ là giấu nhem cái chết của bà vì sợ bọn chủ nợ đến đòi và tịch thu con Hoàng tử. Lão có nhân chứng là hai vợ chồng người nữ hầu của bà chị. Hôm bàn giao vụ việc cho cảnh sát, cuối cùng, Robert thắng giải đua, trả hết nợ nần, lo tang lễ chu đáo cho người chị).

Thực hiện các yêu cầu sau.

(Theo A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, Thám tử Sherlock Holmes, Toàn tập, Tập 2, NXB Hồng Đức, 2019, tr 564-581)

Câu 1. Dựa vào phần lược trích ở đầu văn bản *Bí mật lâu đài cổ Shoscombe*, hãy xác định địa điểm xảy ra vụ án.

Câu 2. Đặc điểm hệ thống nhân vật của thể loại truyện trinh thám được thể hiện như thế nào trong văn bản *Bí mật lâu đài cổ shoscombe*?

Câu 3. Trong văn bản, dựa vào đâu mà Holmes phán đoán người đi dạo hàng ngày trên xe ngựa không phải là phu nhân Phalder? Bằng cách nào Holmes đã phát hiện ra chân tướng sự việc? Qua đó, em thấy được những năng lực nào của Holmes?

Câu 4. Em hiểu câu nói: *Nhưng trong một đàn cừu, biết đâu lại chẳng có một con chiên ghe như thế nào?*

Câu 5. Trong cuộc sống, đôi khi có những sự thật bị che giấu, để tìm ra sự thật, chúng ta cần có những phẩm chất gì?

II. PHẦN VIẾT

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ sau:

MẸ ƠI

Thềm rêu thâm giữ dấu chân

Vách thâm giữ bóng

Chăn thâm giữ hơi

Chiều, con mắt lệ đầy vui

Giọt dài giọt vắng

Mẹ ơi, khóc thầm

Xưa hai đôi đũa một mâm

Giờ hai đôi đũa... con cầm một đôi

Còn một đôi đũa mồ côi

Nghẹn ngào con nuốt cho trôi chén buồn

(Theo Nguyễn Ngọc Hưng, 65 bài thơ hay dành cho thiếu nhi,
NXB Kim Đồng, 2022, tr.51)

Câu 2. (4,0 điểm). *Hạnh phúc không đến từ việc nhận lại mà là sự cho đi.* Viết bài văn nghị luận về *sự cho đi* trong cuộc sống hôm nay.

2.2. Dạng 2. Đọc hiểu văn bản; viết bài văn

* Bảng năng lực cấp độ tư duy, bản đặc tả ma trận

Bảng năng lực cấp độ tư duy (Đã trình bày ở trang 7)

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức.			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	1. Văn bản nghị luận	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1	3TL	2TL	2TL	
		2. Văn bản thông tin	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		3. Truyện truyền kì, truyện trình thám.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		4. Truyện thơ Nôm	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		5. Thơ song thất Đã trình bày ở lục bát, thơ tám chữ.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		6. Bi kịch	Đã trình bày ở b1				
2	VIẾT	1. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1	1	1	1	1
		2. Viết bài văn phân tích tác phẩm văn học.	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		3. Viết bài văn thuyết minh danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
		4. Viết bài kể chuyện sáng tạo	Đã trình bày ở Bản đặc tả dạng 1				
Tổng				2TL	2TL	2TL	1TL
Tỉ lệ				22,5 %	35%	32,5 %	10%
Tỉ lệ chung				57,5%		42,5%	

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

Lễ hội đền Trần Nam Định là lễ hội truyền thống được tổ chức tại Khu di tích đền Trần – chùa Phổ Minh phường Lộc Vương, Thành phố Nam Định và một số khu vực lân cận. Hàng năm, lễ hội đền Trần Nam Định thường diễn ra hai kỳ lễ hội tổ chức vào dịp đầu xuân (tháng Giêng) và mùa thu (tháng Tám) với quy mô rộng lớn, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân địa phương và du khách, bản hội ở khắp các vùng miền của đất nước tham gia. Do đó, chủ thể của Lễ hội đền Trần Nam Định bao gồm cộng đồng dân cư của làng Tức Mặc - nơi sáng tạo, bảo tồn của lễ hội và các làng xã lân cận trong khu vực có di tích liên quan đến nhà Trần mà đại diện là các thủ từ, thủ nhang, những thành viên của Ban quản lý di tích; những người thực hành nghi lễ và du khách thập phương.

Theo các tư liệu lịch sử, trước đây lễ hội xuân thường diễn ra trong 3 ngày từ 14 đến 16 tháng Giêng, với các nghi lễ: rước kiệu; khai ấn; rước nước, tế cá... Trong đó, lễ Khai ấn tổ chức vào giờ Tý đêm ngày 14 rạng sáng ngày 15 tháng Giêng hiện nay được mở rộng thành một nghi lễ riêng rất trọng thể. Lễ Khai ấn là một tục cổ truyền đã được nhân dân làng Tức Mặc gìn giữ, duy trì qua nhiều thế hệ. [...] mỗi nghệ là tộ)

Sau lễ hội xuân, tại không gian đền Trần - chùa Tháp còn diễn ra lễ hội mùa thu (Tháng Tám) với nhiều nghi lễ và sinh hoạt văn hóa dân gian phong phú, đa dạng. Trước kia, hội tháng Tám được dân làng cử hành trọng thể trong 3 ngày (từ ngày 19 đến ngày 21) tại đền Cố Trạch để kỷ niệm ngày mất của Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn – vị anh hùng dân tộc, được dân tộc Việt Nam tôn vinh làm Cửu Thiên Vũ Đế, là Đức Thánh Cha trong tín ngưỡng văn hóa dân gian Việt Nam (Tháng Tám giỗ Cha, Tháng Ba giỗ Mẹ). [...] Nghi lễ tổ chức trong hội tháng Tám gồm: lễ rước; lễ dâng hương; lễ tế nam quan, nữ quan... Ngoài ra, trong thời gian diễn ra lễ hội, tại di tích thường tổ chức các trò chơi dân gian, các hoạt động văn hoá, văn nghệ như: múa rồng, lân, sư tử, múa rối nước, đấu vật, biểu diễn võ thuật truyền thống, chọi gà, thi đấu cờ người...

Lễ hội đền Trần Nam Định có lịch sử tồn tại từ lâu đời, được tổ chức để tưởng niệm đến nguồn gốc Tổ tiên, các vị vua triều Trần và anh hùng dân tộc Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Về dự lễ hội, các du khách được tìm hiểu về lịch sử truyền thống vương triều Trần, đặc biệt là Hành cung Thiên Trường với các cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa, những đền trang, thái ấp của các vương tôn quý tộc, có vị thế như kinh đô thứ hai của quốc gia Đại Việt (sau kinh thành Thăng Long) vào thế kỷ XIII - XIV. Đồng thời, tìm hiểu về cách trị quốc an dân, những định hướng tư

tướng chính trị, quân sự, các chính sách quan trọng về đào tạo, trọng dụng nhân tài, chính sách trọng nông, khai hoang lấn biển... Đây là những bài học, kinh nghiệm hữu ích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Thông qua các hoạt động trong hội, có thể thấy được tư tưởng tình cảm của nhân dân, cộng đồng đối với những người có công với dân với nước, người anh hùng dân tộc. Đó chính là truyền thống “uống nước nhớ nguồn” mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam. Từ đó, khích lệ tinh thần đoàn kết, tình yêu thương gắn bó các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp. [...]

(Lễ hội Đền Trần Nam Định - Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 08/05/2019, Tổng hợp, biên tập Phạm Kim YẾN, https://baotangtinhnamdinh.vn/tin-tuc-growlogfbob_detail.aspx?id=59)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Lễ hội đền Trần Nam Định được tổ chức vào thời gian nào?

Câu 3. Nêu những hoạt động chính thường được tổ chức trong lễ hội đền Trần.

Câu 4. Ý nghĩa của việc tổ chức lễ hội đền Trần là gì?

Câu 5. Em hiểu nghĩa các từ Cha, Mẹ trong câu ca Tháng Tám giỗ Cha, Tháng Ba giỗ Mẹ như thế nào?

Câu 6. Quan điểm, thái độ của người đưa tin được thể hiện như thế nào qua văn bản trên? Chi tiết nào giúp em nhận ra điều đó?

Câu 7. Theo em, mỗi cá nhân chúng ta có phải là chủ thể của lễ hội không? Chúng ta cần phải làm gì để góp phần giữ gìn truyền thống văn hóa này của địa phương?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm) Viết bài văn phân tích bài thơ sau:

MÙA THU CHO CON

Nguyễn Hạ Thu Sương

*Nắng mùa thu như uơm vàng rót mật
Tiếng trống trường rộn rã bước chân vui
Niềm hân hoan trong ánh mắt rạng ngời
Con đến trường học bao điều mới lạ*

*Con hãy đi bằng đôi chân kiêu hãnh
Và con tìm mang ánh lửa tự hào
Con hãy cháy hết mình cho hoài bão
Với niềm tin của tuổi trẻ tươi hồng.*

*Con hãy nhớ giữa bộn bề cuộc sống
Nhận và cho, biết chia sẻ cho đời
Sống bao dung nhân ái với mọi người
Mở tấm lòng, tình yêu thương sẽ tới.*

*Con hãy nhớ trong muôn triệu lí do
Không có lí do cho sự chùn bước
Không nặng trong tâm những điều
Bởi quanh con đều là những yêu tin*

*Khi mệt mỏi con hãy ngồi lặng im
Về với mẹ và ôm cha một lát
Hãy thì thầm nói những điều thật nhất
Mọi ưu phiền sẽ tựa gió bay xa*

*Trời mùa thu xanh mắt con bao la
Trang sách mở ra chân trời phía trước
Hãy tự tin và vững chân con bước
Sống cho lý tưởng hoa trái lối con qua..*

(Nguyễn Hạ Thu Sương, Văn học và tuổi trẻ,
số tháng 9 năm 2023, NXB Giáo dục, 2023, tr.94)

Chú thích:

Nguyễn Hạ Thu Sương là một nhà giáo yêu thích thơ ca. Bài thơ Mùa thu cho con như lời của người mẹ viết cho con của mình khi bước vào một năm được đăng trên tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số tháng 9 năm 2023.

ĐỀ SỐ 21

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

(1) “*Lý tưởng hoá*” khiến bạn nâng ai đó lên thiên đường... Nhà phân tâm học Otto F. Kernberg cho rằng: “*Lý tưởng hoá* bao gồm việc phủ nhận các đặc điểm không mong muốn của đối tượng, sau đó nâng cao đối tượng bằng cách phóng chiếu ham muốn của bản thân lên họ”.

(2) Những đức tính tốt đẹp mà ta gán lên thần tượng thực chất lại phản ánh những điều mà ta khao khát bản thân mình có được. Nếu thường xuyên cảm thấy mình bị chèn ép và bất lực, ta có xu hướng tưởng tượng nên hình mẫu một con người mạnh mẽ khẳng khái, luôn chống lại những bất công trong xã hội, tưởng tượng mình được họ cứu giúp. Nếu ta là người thích sự phù phiếm, tưởng tượng của ta là những hình mẫu giàu có, phong lưu, sang chảnh... Đồng thời, chúng ta phủ nhận những đặc điểm mà mình không mong muốn ở thần tượng để tạo ra một con người lý tưởng, “xứng đáng” cho ta hâm mộ.

(3) Do đó, thần tượng trong mắt chúng ta vô cùng tuyệt vời, thậm chí còn được gán cho những khả năng và trí tuệ siêu phàm. Tuy nhiên, bất kể họ xuất sắc đến đâu, thì việc đặt một cá nhân lên chiếc bệ thờ mang tên “người hoàn hảo” đều sẽ khiến ta vỡ mộng. Trên đời không có ai hoàn hảo. Thần tượng có thể sở hữu những đặc điểm và tài năng đặc biệt, nhưng chắc chắn họ cũng có những điểm yếu, khuyết điểm và lỗi lầm như người bình thường. Khi mọi người có những hình mẫu để hướng tới, họ cảm thấy có động lực và niềm tin vào cuộc sống, nhưng sự lý tưởng hoá đối với bất cứ ai chắc chắn cũng sẽ dẫn đến thất vọng. Chúng ta có thể ngưỡng mộ, thậm chí bắt chước các khía cạnh của những người xuất sắc, nhưng việc tự tưởng tượng rồi tôn họ lên thành hình mẫu hoàn mỹ là một việc làm sai lầm.

(4) Thần tượng nên đứng từ xa để ngắm, nếu đến gần sẽ không còn hoàn hảo.

(Theo Lê Bảo Ngọc, Không phải sỏi nhưng cũng đừng là cừu,

NXB Thế giới, 2022, trang 228- 230)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Nêu luận đề của văn bản.

Câu 2. Trong văn bản, câu nói của nhà phân tâm học Otto F. Kernberg được trực tiếp hay gián tiếp? Dấu hiệu nào giúp nhận biết cách dẫn đó?

Câu 3. Trong đoạn (3), theo tác giả, khi ta thần tượng, lý tưởng hoá một người nào đó sẽ dẫn đến hậu quả gì?

Câu 4. Em hãy chỉ ra trong đoạn (1) đâu là cách trình bày khách quan và đâu là cách trình bày chủ quan?

Câu 5. Để làm sáng tỏ luận điểm Những đức tính tốt đẹp mà ta gán lên thần tượng thực chất lại phản ánh những điều mà ta khao khát bản thân mình có được người viết đã sử dụng những lý lẽ như thế nào? (Sirius tor of nó)

Câu 6. Em có đồng tình với quan điểm Thần tượng nên đứng từ xa để ngắm, nếu đến gần sẽ không còn hoàn hảo không? Vì sao?

Câu 7. Em sẽ làm gì để giúp bản thân không sa vào trạng thái lý tưởng hoá thần tượng?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích đoạn trích sau:

KIỀU NGUYỆT NGA TRƯỚC KHI ĐI CÔNG GIẶC Ô QUA*

(Trích Truyện Lục Vân Tiên)

Nguyễn Đình Chiểu

*Tới nay phận bạc là ta,
Nguyện cùng bức tượng trót đà chung thân(1)
Tình phu phụ nghĩa quân thân(2)
Nghĩa xa cũng trọn ơn gần cũng nên
Nghĩa tình nặng cả hai bên
Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chống
Sao sao một thác thời xong
Lấy mình báo chúa lấy lòng sự phu.(3)
Kiều công nương gởi đang lo
Nghe con than thở mấy câu thêm phiền
Kêu vào ngồi dựa trường tiên(4)
Lấy lời dạy dỗ cho tuyền thân danh:
“Chẳng qua là việc triều đình
Nào cha có muốn ép tình chi con”
Nàng rằng: “Còn kể chi con
Bơ vơ chút phận mắt còn quẩn bao
Thương cha tuổi học đã cao
E khi ấm lạnh buổi nào biết đâu(6)
Tuổi già bóng xế nhàn dâu (7)
Sớm xem tối xét ai hầu cho cha?”
Công rằng: “Chẳng sá việc nhà
Hãy an dạ trẻ mà qua nước người
Hôm nay đã tới mừng mười
Khả toan sắm sửa hai mươi tống hành”(8).
Nàng rằng: “Việc ấy đã đành
Còn lo hai chữ ân tình chưa xong*

*Con xin sang lạy Lục Ông
 Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên
 Ngõ cho ơn ngài vẹn tuyền
 Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau”
 Kiêu công biết nghĩ trước sau
 Dạy cho tiền bạc cấp hầu(9) đưa đi.
 Lục Ông ra rước một khi
 Nguyệt Nga vào đặt lễ nghi sẵn sàng
 Ngày lành giờ ngọ dâng đàn(10)
 Ăn chay nằm đất cho chàng Vân Tiên
 Mở ra bức tượng treo lên
 Trong nhà cho tới láng giềng đều thương.*

(Nguyễn Đình Chiểu, NXB Giáo Dục, 2002, trang 46- 48)

Chú thích:

* Nhan đề do người biên soạn sách đặt. bình

(1) *Chung thân*: trọn đời, cho đến khi chết.

(2) *Tình phu phụ*: tình vợ chồng.

Nghĩa quân thần: nghĩa vua tôi.

Ý cả câu: nghĩa vua tôi cũng như ân tình vợ chồng đều phải giữ gìn.

(3) *Báo chúa*: đền ơn chúa; *Sự phu*: thờ chồng.

Ý cả câu: chỉ có chết đi mới trọn được cả hai bề báo chúa, thờ chồng.

(4) *Trướng tiền*: trước màn.

(5) *Thân danh*: thân mình và danh dự

(6) Ý cả câu: không biết lúc nào khoẻ, lúc nào ốm.

(7) *Bóng xế nhành dâu*: bóng mặt trời còn gác lại trên ngọn cây dâu. Chỉ tuổi già. (8)

Tổng hành: tiễn đi.

(9) *Hầu*: người hầu.

(10) *Dâng đàn*: lên đàn tế lễ.

ĐỀ SỐ 22

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Một lời xin lỗi là biện pháp hữu hiệu nhưng việc xin lỗi đòi hỏi dũng khí rất lớn. Với bạn bè đã khó, với phụ huynh còn khó hơn. Bạn Lena, 17 tuổi, kể lại: “Kinh nghiệm cho em biết một câu xin lỗi có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với ba mẹ em. Dường như họ sẵn sàng tha thứ cho mọi lỗi lầm của em nếu em nhận lỗi và xin lỗi, nhưng việc đó không hề dễ chút nào. Một lần, mẹ đã gọi em ra nói chuyện về một điều em từng làm mà mẹ không đồng ý. Em không hề thừa nhận lỗi lầm của mình mà còn câu gắt như thể ba mẹ đã sai và đóng sập cửa phòng lại ngay trước mặt bà. Cửa vừa đóng lại, em liền cảm thấy khó chịu trong lòng. Em nhận ra có lẽ mình vốn đã biết mình sai từ đầu rồi, và cách hành xử của mình thật thô lỗ. Em tự hỏi mình nên ở lì trong phòng và hi vọng mọi thứ tự trôi đi hay nên đi xin lỗi mẹ. Em suy nghĩ khoảng hai phút rồi chọn điều khó hơn. Em tới phòng mẹ, ôm chầm lấy bà và nói cho bà biết em đã ân hận thế nào. Đó là điều tốt nhất em có thể làm. Ngay sau đó, mọi chuyện được hoá giải như chưa từng xảy ra khiến em cảm thấy nhẹ nhàng và thanh thản để có thể tập trung vào việc khác”.

Đừng để cái tôi quá lớn hay sự thiếu can đảm ngăn bạn xin lỗi những người từng vì bạn. Xin lỗi không đáng sợ như bạn nghĩ, và bạn sẽ cảm thấy rất tuyệt vời khi làm được điều đó. Khi bạn gây lỗi lầm với người khác, họ sẽ giương vũ khí lên để phòng thủ trước bạn trong tương lai, nhưng khi bạn nói được lời xin lỗi, họ sẽ thả vũ khí xuống và không muốn đấu đá với bạn nữa. Đã là con người, ta sẽ luôn phạm lỗi, vậy nên tôi nghĩ thói quen biết xin lỗi cũng là thói quen rất hữu ích.

(Trích 7 thói quen của bạn trẻ thành đạt, Sean Covey, NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, trang 180, 181)

Câu 1. Nêu luận đề của văn bản.

Câu 2. Trong văn bản, người viết cho rằng việc xin lỗi “Với bạn bè đã khó, với phụ huynh còn khó hơn”. Để làm sáng tỏ lí lẽ này, tác giả đã sử dụng bằng chứng nào?

Câu 3. Theo lời bạn Lena, sau khi bạn xin lỗi bố mẹ về lỗi lầm của mình, mình, bạn đã cảm thấy như thế nào?

Câu 4. Em hiểu câu nói *Đừng để cái tôi quá lớn hay sự thiếu can đảm ngăn bạn xin lỗi những người từng thất vọng vì bạn* như thế nào?

Câu 5. Khi bàn về vấn đề được nêu, tác giả bộc lộ thái độ gì? group noll

Câu 6. Em có đồng tình với quan điểm gợi ra từ văn bản: Các bạn trẻ cần có thói quen biết nói lời xin lỗi không? Vì sao?

Câu 7. Em rút ra được những bài học gì từ văn bản trên?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích truyện trình thám sau:

CÔ GÁI ĐI XE ĐẠP

(Trích Thám tử Sherlock Holmes)

A-thơ Cô-nan Đô-lơ

(Lược phần đầu: Violet Smith- giáo viên dạy nhạc có thói quen đi xe đạp, sống ở Surrey. Cô mất cha, sống cùng mẹ, có người chú lưu lạc ở Nam Phi. Có hai người nhận là bạn của chú cô đến gặp mẹ con cô báo tin chú đã chết và có nhờ họ giúp đỡ mẹ con cô. Woodley ve vãn cô còn ông Carruthers thì đáng tin hơn. Cô được mời đến dạy nhạc cho con gái Carruthers với mức lương cao. Một lần cô bị Woodley cưỡng hôn và được Carruthers giải cứu. Khi đạp xe về thăm mẹ, cô phát hiện có người theo dõi nên đến nhờ Holmes. Holmes yêu cầu trợ lý - nhân vật xưng “tôi”- bám sát cô gái nhưng cũng để mất dấu vết. Trợ lý đi tìm hiểu và biết kẻ sống trong lâu đài cũ gần vị trí mất dấu là Woodley và Williamson, một tu sĩ hoàn tục, bị tước giấy phép. Violet viết thư báo cô nghỉ dạy ở nhà Carruthers vì bị ông này cưỡng hôn và gã Woodley lại tới. Cô báo thứ bảy sẽ về với mẹ. Sáng thứ bảy, Holmes và trợ lý đến phục sẵn ở đoạn đường cô hay đi qua nhưng họ nhìn thấy cỗ xe ngựa không người lái.)

Muộn quá. Muộn mất rồi!- Holmes kêu lên khi hỗn hển bước tới bên tôi- Tôi đã không đi chuyển tàu trước. Đây là một vụ bắt cóc. Một vụ giết người!- Chặn đường!- Ghìm ngựa lại! Nhảy lên!

Holmes cho ngựa quay đầu lại, bồi cho nó một cú roi thật mạnh và chúng tôi lao trên đường. Khi ra khỏi khúc quanh, khoảng giữa toà nhà và cái trảng cỏ trước mặt chúng tôi, tôi nắm lấy cánh tay Holmes la lớn:

- Người đó kia!

Một người đi xe đạp chạy về hướng chúng tôi như một tay đua. Bất chợt ông ngừng bộ mặt nhiều râu lên, và cặp mắt long lanh nhìn chúng tôi chằm chặp.

- Hãy dừng lại!- Ông ta kêu lên khi đặt ngang chiếc xe đạp như muốn chặn đường chúng tôi. – Hãy ngừng lại!- Ông ta hét lên khi rút trong túi một khẩu súng lục- Hãy ngừng lại! Nếu không, tôi sẽ bắn chết con ngựa!

Holmes quăng dây cương cho tôi, nhảy xuống xe, hỏi ngay:

- Cô Violet Smith đâu?

Ông đang ở trong cỗ xe của cô ấy, ông hẳn phải biết cô ấy đang ở đâu.

Người có râu trả lời.

- Chúng tôi đã gặp cỗ xe này trên đường đi. Không có ai trên đó.

- Chúng tôi đã quay lại để tìm cách giúp cô ấy.

- Làm sao bây giờ?- Người lạ kêu lên với vẻ tuyệt vọng. Chúng bắt cô ấy, cái tên cướp Woodley và con người dê tiện kia!

Như một con thú bị hoảng hốt, ông ta chạy vùn vụt tới một lỗ hổng trong hàng giậu. Holmes theo sau ông và tôi theo sau Holmes...

Chúng tôi vội chạy xuống con đường mòn ngoằn ngoèo giữa những thân cây, khi đã tới lùm cây bao quanh ngôi nhà thì Holmes ngăn chúng tôi lại. Họ không vào nhà. Những dấu chân của họ quay sang hướng trái... Ở đây, bên cạnh những cây nguyệt quế!

Trong khi anh nói, tiếng kêu xé tai của một phụ nữ thoát ra từ một khu rừng trước mặt chúng tôi. Tiếng kêu bị làm cho tắt đột ngột..

Gà mê- Hãy theo tôi. Ou

- Hãy theo tôi. Quý ông! Muộn mất rồi!

Chúng tôi đột nhập vào một khoảng rừng trống. Ở đầu đằng kia, dưới bóng một cây sồi già, có ba người đang tụ lại. Một thiếu nữ tái mét, bị một tấm khăn tay bịt kín. Trước mặt cô là một gã côn đồ có hàm ria đỏ, hai chân đứng xoạc căng, một tay chống nạnh, tay kia vung vẩy một cái roi ngựa. Đứng giữa hai người là một ông già râu xám, có choàng một cái áo lễ, chắc chắn là vừa làm xong nghi lễ kết hôn, bởi vì khi chúng tôi tới thì ông ta nhét cuốn kinh thánh vào trong túi.

- Họ đã được làm lễ cưới. – Tôi đáp ứng.

- Lại đây! - Người hướng dẫn chúng tôi kêu lên - Các ông hãy lại đây!

Ông ta nhào vào trong chỗ rừng thưa, Holmes và tôi bám theo sát gót. Cô gái lao đảo vào thân cây, tìm một chỗ dựa. Mục sư Williamson cúi chào chúng tôi với thái độ mỉa mai và Woodley tiến lên phía trước, buông ra một tràng cười hóm hỉnh.

- Đằng ấy có thể gỡ bộ râu ra, Bob. Tớ nhận ra đằng ấy. Đằng ấy và mấy bò của đằng ấy đến đúng lúc để tớ giới thiệu bà vợ tớ.

- Phải. Ta là Bob Carruthers. Mi thừa biết là ta sẽ làm gì nếu mi ngược đãi cô ấy. - Muộn mất rồi, Bob. Cô ấy đã là vợ tôi. trên cá

- Không, cô ấy là vợ góa của mi!

Ông nổ súng, một vết máu hiện ra trên áo gilet của Woodley. Hấn người, thốt ra một tiếng kêu và té bật ngựa xuống, mặt tái xanh...

Williamson và Carruthers khiêng Woodley vào trong nhà. Tôi đến đỡ cô gái đang kinh hoàng, rồi đến khám cho tên ria đỏ.

- Y sẽ sống!

Thế nào - Carruthers kêu lên, nhảy ra khỏi ghế - Tôi lên gác kết liễu mạng sống của nó để cô thiếu nữ này, vị thiên thần này, khỏi bị ràng buộc suốt đời với tên vô lại.

- Không bao giờ cô ấy là vợ của Woodley. Trước hết Williamson tiến hành một lễ cưới “không hợp lệ”.

(...)

Các anh đã biết ông Ralph Smith bên Nam Phi. Và biết ông ta không còn sống được bao lâu nữa. Các ông đã tìm ra cô cháu gái ông ấy, là người sẽ được thừa hưởng gia tài... Đúng thế không?

Carruthers gật đầu.

(Lược đoạn cuối: Carruthers kể cho Holmes nghe toàn bộ sự việc, rằng chú của cô gái rất giàu có, ông sắp chết và không có con. Cô là người thừa kế duy nhất. Họ lên kế hoạch tìm cách kết hôn với cô để chiếm đoạt gia tài. Nhưng khi gặp Violet, Carruthers đã yêu cô nên không muốn thực hiện kế hoạch ban đầu. Cuối cùng, cô gái đã được thừa kế một tài sản lớn còn Williamson và Woodle phải vào tù.

(Theo A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, Thám tử Sherlock Holmes, Toàn tập, Tập 2, NXB

Hồng Đức, 2019, tr.204-223)

ĐỀ SỐ 23

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THÁNG NĂM CỦA BÀ

*Tháng năm có đàn chim ngói về ăn hạt trên cánh đồng bà ngoại
Trời thì xanh như không thể biếc hơn
Cháu đội nón đôi chân trần trên đất
Gặt về phơi cả ba tháng nhọc nhằn*

*Ba tháng nhọc nhằn nuôi mảy lớn lúa ơi
Hoa cỏ may đan chéo bàn chân bà tưới máu
Mồ hôi xuống như mưa là tháng sáu
Lưng bà còng lưng lúa trĩu như nhau*

*Bà ngoại trồng lúa, bà ngoại nhai trầu
Suốt một đời không đi ra ngoài mái đình bên nước
Nỗi vất vả ấy lấy gì mà đo được
Như hạt thóc nảy mầm trở bông*

*Tháng năm này cánh đồng bà có nhiều chim ngói không
Lưng bà mỗi ngày lại gầy hơn mặt đất
Cháu mong lắm được trở về đi gặt
Phơi giúp bà hạt giống để mùa sau*

(Bình Nguyên Trang, Chi em và chiếc bình pha lê biết,
NXB Hội nhà văn 2003, tr.87-88)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định đối tượng trữ tình của văn bản.

Câu 2. Liệt kê những hình ảnh xuất hiện trên cánh đồng bà ngoại vào thời điểm tháng năm.

Câu 3. Chỉ rõ cách gieo vần của tác giả trong đoạn thơ:

Ba tháng nhọc nhằn nuôi mảy lớn lúa ơi

Hoa cỏ may đan chéo bàn chân bà tưới máu

Mồ hôi xuống như mưa là tháng sáu

Lưng bà còng lưng lúa trĩu như nhau

Câu 4. Anh chị hiểu nội dung hai câu thơ sau như thế nào?:

Ba tháng nhọc nhằn nuôi mầy lớn lúa ơi

Hoa cỏ may đan chéo bàn chân bà tưới máu

Câu 5. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu thơ:

Mồ hôi xuống như mưa là tháng sáu

Lưng bà còng lưng lúa trĩu như nhau

Câu 6. Nội dung hai câu thơ *Cháu mong lắm được trở về đi gặt/ Phơi giúp bà hạt giống để mùa sau* gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì?

Câu 7. Từ bài thơ *Tháng năm của bà*, em hãy lí giải vì sao hình ảnh người bà luôn gắn liền với kí ức tuổi thơ của con người?

II. PHẦN VIỆT (4,0 điểm)

Phân tích truyện ngắn *Bát phở* của nhà văn Phong Điệp.

BÁT PHỞ

(*Lược trích một phần:* Nhân vật “tôi” đi ăn phở tại một quán phở khá ngon, có tiếng ở Hà Nội. Tôi tình cờ được chứng kiến câu chuyện của hai người cha đang đưa hai cậu con trai từ quê lên Hà Nội thi Đại học. Hai người bố sau khi đã trao đổi với nhau mất vài phút, họ cùng bước vào quán phở chỗ tôi đang ngồi).

Cả bốn người họ nhìn sang tôi, nhìn sang những bàn khác, rồi tần ngần nhìn tới nhìn lui cái biển ghi trên cửa quán.

- Phở bò nhé? Tái hay chín?

- Thêm cả quả trứng cho chắc bụng nhé?

. Hai cậu con nhè nhẹ gật đầu:

- Vâng, gì cũng được.

- Thế thì cho hai phở bò chín. Hai trứng

Thằng nhỏ chạy bàn vo cái khăn trong tay, tần ngần nhìn bốn người, ý chừng như muốn hỏi:

“Sao bốn người mà chỉ có hai bát?” Nó chạy ra chỗ ông chủ quán, chóng lòn:

“Hai bò!”

... Trong tích tắc, hai bát phở sóng sánh được bê ra, đặt trình trọng trên bàn.

“Chúng mày ăn đi”- Một trong hai người cha lên tiếng. Đoạn hai ông kéo xích cái ghế ra ngoài một chút, thì thầm nói chuyện với nhau. Đại loại ba cái chuyện mùa màng, bò đẻ, vải thiếu sứt giã... Rồi tới nữa là chuyện phòng trọ trên này sao đắt chi mà đắt. Sáng mốt ngủ dậy, mình phải trả phòng luôn, không là họ tính thêm một ngày nữa. ừ, Mình đợi chúng nó ngoài phòng thi, thi xong thì ra bến xe về luôn. Cần thì mua mấy tấm bánh mì, lên xe ăn tạm. Về đến quê rồi, chúng nó thích ăn gì, tha hồ ăn. Chứ trên này, chắc... chắc...

yo gnoz ned 10m it is noud, gró

Cuộc sống nơi đây hẳn là khác rất xa với nơi họ vẫn sống hàng ngày, nơi mà họ đang thon thót về đợt vải năm nay, con bò sắp đẻ lại lặn đùng ra ốm. Họ chỉ vừa lên đây vài ba bữa mà đã thấy lâu quá trời quả đất. Bộ quần áo chần chu nhất trong tủ quần áo của hai ông bố nông dân ấy, đều đã mang cả ra đây để mặc rồi. Những bộ quần áo không còn rõ màu sắc ban đầu của vải nữa. Nhưng dưới quê, chỉ có lẽ trọng họ mới mặc mà thôi.

Trong khi ấy, hai cậu con vẫn cặm cụi ngồi với bát phở của mình. Chúng không nói gì. Không cả dám khen một câu đại loại: “phở ở đây ngon quá”. Hàng phở này ngon thật. Tôi vốn sành ăn phở, những quán thế này không thật nhiều. Nhưng vì sao chúng không hồ hởi mà thốt ra một câu như thế?

Và tôi, không kìm nén được mình, cứ hướng sang phía bốn con người ấy. Bốn người ngồi lặng một góc giữa cái quán ồn ả. Người cha sẽ đợi những đứa con của mình ăn đến tận thìa nước cuối cùng, rồi lẳng lẳng moi cái ví bằng vải bông chần màu lam, cất trong ngực áo ra. Ông sẽ phải đếm một lúc cho những tờ hai nghìn, năm nghìn, mười nghìn để sao cho đủ ba mươi nghìn đồng, trả cho hai bát phở...

Hai cậu con trai lặng lẽ bên những người cha. Chúng nhìn những đồng tiền đi ra khỏi ví của cha. Trên gương mặt chúng hiện hơn nỗi âu lo, mỗi mệ. Những kì thi, những nẻo đường ngổn ngang phía trước... Hôm nay, chúng nợ cha ba mươi nghìn đồng. Cuộc đời này, chúng nợ những người cha hơn thế nhiều...

(Theo Phong Điệp, Văn học và Tuổi trẻ số tháng 5 (430+431) năm 2019,

NXB Giáo dục Việt Nam, trang 61-63)

Chú thích:

Nhà văn Phong Điệp tên thật là Phạm Thị Phong Điệp, sinh năm 1976 tại Nam Định. Truyện của Phong Điệp thường ít cảm xúc lai láng nghệ sĩ, mà tràn trề những câu văn miêu tả của người quan sát khách quan, nhẹ nhõm, dừng dừng nhưng lôi cuốn người đọc đến tận câu kết cuối cùng.

ĐỀ SỐ 24

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MỘT LÀNG THƯƠNG NHỚ

*Làng ấy, buồn ử rĩ một bên sông
Hồn thương nhớ đắm chìm trong dĩ vãng
Thuở phong lưu, sắc đời đầy tươi sáng
Tơ lụa vàng chói rạng khắp bao thôn
Dưới trời xanh, soi biếc cả tâm hồn
Dâu tằm tấp từ đồng ra đến bãi
Đi hái lá, buổi chiều về cô gái
Vẳng lời ca ân ái khúc xuân tình
Tiếng chim ca nô nức với bình minh
Người thôn nữ, thấy lòng như lụa mượt
[...]
Nhưng một hồi tơ lụa phải ra đi
Hàng ngoại hóa giết dần hàng nội hóa
Vẳng bóng kẻ sớm chiều đi hái lá
Dáng dâu mềm lả lướt đã nhường cho
Vẻ nặng nề không sắc của khoai ngô
Cỏ từ đây hắt hiu niềm nhớ tiếc
Những đôi lứa bỗng nhiên đành vĩnh biệt
Thôi còn đâu tha thiết với đường tơ
Việc hàng ngày vất vả, quả thô sơ
Đời lam lũ lấy gì thơ với mộng
Trước khung cửi nằm im chờ nhện đóng
Phận con tằm lỡ dở nghĩ mà thương
Bao trái tim goá bụa giữa tầm thường.*

(Trích Một làng thương nhớ, Tế Hanh, in trong Thơ Tế Hanh,

NXB Văn hoá thông tin, tr.29)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Tìm các từ thuộc trường từ vựng “nghề trồng dâu nuôi tằm” xuất hiện trong văn bản.

Câu 3. Nêu nội dung của văn bản.

Câu 4. Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình trước sự khác biệt của làng trong quá khứ và làng trong hiện tại.

Câu 5. Nhận xét về hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

Làng ấy, buồn ử rữ một bên sông

Hồn thương nhớ đắm chìm trong dĩ vãng

Câu 6. Đoạn thơ đã nhắc đến sự việc một làng nghề trồng dâu nuôi tằm truyền thống đang bị mai một dần. Từ sự việc trên, em hãy cho biết việc giữ gìn và phát triển làng nghề truyền thống có vai trò như thế nào đối với mỗi người và xã hội?

Câu 7. Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với quê hương của mình? Hãy chia sẻ những tình cảm đó trong một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Trong một bài báo ở trang cafef.vn (trang thông tin điện tử tổng hợp), ngày 30/4/2018, có viết: *Ở đời khó nhất là chọn lựa nhưng đứng trước một ngã rẽ, bạn nhất định phải đưa ra quyết định thông minh.*

Viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của em về sự lựa chọn đúng đắn khi đứng trước những ngã rẽ của cuộc đời.

ĐỀ SỐ 25

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Việt Nam
Đẹp tựa dòng suối trong
Trái tim hồng chảy máu
Bởi cuộc sống các bạn
Đau thương vì bom đạn
Của kẻ giết người
Nhưng đôi bàn tay
Vẫn không ngừng tranh đấu
Người bạn nhỏ Việt Nam
Vẫn nụ cười trên môi
Bạn không có bát cơm
Để xua cái đói xanh người
Bạn thiếu cả cốc nước
Để đuổi cái khát
Việt Nam! Việt Nam yêu dấu
Tôi dù ở nơi xa
Vẫn gần gũi với nhau, người tranh đấu
Tôi kêu gào thiết tha
Cả thế giới đòi thét vang
Tự do
Hạnh phúc
Cho Việt Nam.*

(Miraya Hilimet, Bức thư ngỏ Việt Nam, in trong phần chú thích của bài thơ Gửi bạn Chi Lê của tác giả Trần Đăng Khoa, in trong Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa. Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt I, NXB Lao động, 2004, tr.5)

Chú thích:

Miraya Hilimet 15 tuổi ở Santiago Chi Lê có bài thơ “Bức Thư Ngỏ Gửi Việt Nam” được đăng trên báo Thiếu niên Tiền phong số 524. Nhà thơ Trần Đăng Khoa đã viết bài thơ Gửi bạn Chi Lê để hồi đáp bức thư của Miraya Hilimet.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Tìm các từ ngữ, hình ảnh thể hiện hoàn cảnh của đất nước Việt Nam được nhắc tới trong bài thơ.

Câu 3. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu thơ:

*Bạn không có bát cơm
Để xua cái đói xanh người
Bạn thiếu cả cốc nước
Để đuổi cái khát*

Câu 4. Nhận xét hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu thơ:

*Việt Nam
Đẹp tựa dòng suối trong
Trái tim hồng chảy máu*

Câu 5. Nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ.

Câu 6. Những câu thơ cuối của bài thơ gợi cho em những suy nghĩ gì?

*Tôi dù ở nơi xa
Vẫn gần gũi với nhau, người tranh đấu
Tôi kêu gào thiết tha gia thất
Sao anh lại về vào lúc này?
Cả thế giới đòi thét vang
Tự do
Hạnh phúc
Cho Việt Nam...*

Câu 7. Từ bài thơ và liên hệ với kiến thức cuộc sống, em hãy nhận xét về một vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời kì chiến tranh. Trả lời trong một đoạn văn khoảng từ 5 – 7 câu.

Phần II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ sau:

THƯA THẦY

*Trước ngọn thước là con đường xa tắp
Bông hoa nào cũng có vẻ bình yên
Và em tin, qua cay đắng vẫn tin
Những ngọn suối không làm đau bóng lá*

*Đã vấp ngã, thưa thầy, nhiều vấp ngã!
Không ở đâu xa ở giữa con người
Em bước đi hoảng hốt nghĩ về thầy
Đời nhanh quá, vui buồn chưa kịp cũ*

*Đời nhanh quá, tóc thầy khói phủ
Giáo án chông chênh bão giạt đời thường
Cây trước cửa gió ở ngoài tay với
Thầy yêu trò vật vã với văn chương.*

(Hữu Thịnh, in trong Thương lượng với thời gian,

NXB Hội Nhà văn, 2005, tr.76)

* Chú thích: Hữu Thịnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thịnh (1942). Là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ của Hữu Thịnh chân thật, cảm xúc tinh tế, có nhiều tìm tòi, suy ngẫm chiêm nghiệm. Bài thơ Thưa thầy được viết năm 1981.

ĐỀ SỐ 26

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(**Lược dẫn:** Lượng đưa cho Phụng xem bức thư của em trai mình gửi tới. Trong thư, em trai báo cho Lượng biết làng Đông Triều của anh đang bị giặc càn quét; nhưng may mắn là bố mẹ còn sống cả. Vì hoàn cảnh chiến tranh nên bức thư người thân gửi rất lâu sau mới tới được tay Lượng, sau khi anh đã về thăm quê. Lượng kể cho Phụng nghe về hành trình về thăm quê của mình; gặp giặc phục kích, càn quét vào làng anh.)

Tôi chạy tắt vào cổng làng, thấy giao thông hào chi chít bèn nhảy xuống chạy về phía một ngôi nhà gạch để chọn một tử giác an toàn nhất, chĩa súng ra.[...]

Trời tối hẳn, tôi mới mò ra. Ngôi lâu chân tẻ, đi danh dẹo”), óc mẹt mọt. Hình ảnh Thu, Viên chập chờn trong đầu.

Đằng cuối làng có tiếng reo hò. Anh lửa hồng hồng trên các ngọn tre lá lẩn tẩn. Lại giặc chắc? Tôi nép vào một bức tường. Không! Tiếng cười, tiếng hát. Có lẽ của dân làng. Ô mà biết đâu không có thầy, mẹ, Chi, chú Lân ở đấy?

Tôi rảo căng, tay nghênh ngang khẩu Sten. Bỗng một tiếng thét ở một tường đổ bật ra:

- Ai? Đứng lại! Giơ tay lên!

Rồi một mồi lửa bùng lên. Một anh du kích chạy ra. Tôi nhận ra con cụ Điền Nam nhưng hắn chưa nhận ra tôi.

- Lượng đây! - Tôi nói.

Hắn vội ghé sát vào mặt tôi mà nhìn rồi reo âm lên:

- Ôi trời ôi! Anh Lượng! Anh về bao giờ thế! Sao anh lại về vào lúc này? Tôi nghe nói anh bị...bị đạn ở Lũng Vài rồi cơ mà! Hắn nắm chặt lấy tay tôi, nói liến thoắng.

Hắn trẻ quá, vẫn tươi vui như cũ. Máy anh du kích khác ủa ra. Toàn anh em thanh niên làng quen thuộc cả. Họ xoắn lấy tôi mà nói chuyện. Tôi cảm động quá không nói được nên lời. Ngày tôi đi làng mới có sáu tay súng mà bây giờ, theo lời họ, đã có hai trung đội thoát ly,

- Ô, anh về đúng lúc thắng trận! Chúng nó chỉ giết được hai con trâu, đốt cháy một cái chòi canh. Dân làng đang mổ trâu “ăn khao” ngay cuối làng, vui lắm! Anh đi đến cả thế đi! Anh mới về không rõ chứ cách xóm cuối làng độ ba trăm thước, địch đặt ba vi trí, chỉ rình bắn. Chúng nó đốt làng ta đã ba bốn lần. Bốn lần bị đốt, bốn lần làng làm lại. Cứ thế, giằng co mãi. Nhưng cóc cần, ngày lên núi ở, tối lại về khai hội, mít tinh, sản xuất, lo gì! Truyền kiếp cho nó cũng chẳng lập được hội tề

Anh du kích nói một thôi say sưa, nóng bỏng.

Chúng tôi kéo đến trước bãi cỏ nhà ông Xôi. Ba bốn đồng lửa sáng lòe. Trai làng đang mổ hai con trâu bị Pháp bắn. Người đông nghịt. Anh em giới thiệu tôi. Cả làng hoan hô. Thế là mấy tràng 12 li 7 ùng ục réo lên. Đạn đi đâu cả. Vẫn vui. Tôi kể lại mẩu trận chiến thắng ở Đông Bắc để làm quà. Dân làng lại hoan hô ầm ĩ. Thoảng có mấy tiếng xì xào:

- Lượng con ông Độ đấy mà. Đi vệ quốc(5) Việt Bắc có khác. Rắn rỏi đáo để. Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ chẳng còn.

Tôi lạnh người, rụng rời cả hai tay. Một anh du kích khoác tay tôi ra chỗ vắng thì thầm:

- Mấy lần Pháp bắt lập hội tề đều bị đánh lui. Chuyển thẳng trước nó về bắt được ông bà nhà, đem về dụ không được, bắn rồi. Chú Lân bây giờ yếu lắm. Ôm quặt quẹo luôn. Nó làm thư kí cho huyện đội cách đây chừng sáu cây. Nó bảo hỏi ông già còn sống, nó có gửi thư cho anh ba bốn lần mà chẳng thấy trả lời. mot trong còn

Đền Đầu tôi nóng cháy. Tôi muốn khóc mà không ra nước mắt.

(Lượng dẫn: Lượng tìm đường về nhà, tình cờ gặp lại Chi - người yêu của anh, bị giặc Pháp làm ô nhục, giờ cô là cán bộ phụ vận của Liên xã. Lượng và Chi định qua sông thăm Lân – em trai của Lượng, nhưng thấy tụi giặc đi tuần nên anh quyết định quay trở lại, không mạo hiểm. Lượng tạm biệt Chi và lên đường trở lại đơn vị ngay trong đêm.)

(Trích Thư nhà, Hồ Phương, Truyện ngắn Việt Nam thế kỉ XX, giai đoạn 1946 - 1975, Tập 3, NXB Kim Đồng, 2002, tr. 102 – 113)

Chú thích:

- (1) Tử giác: góc ở độ súng của kẻ địch không quay tới được.
- (2) Đi danh dạo: đi không vững, đi chập chững.
- (3) Hội tề: chính quyền tay sai của Pháp ở nông thôn.
- (4) Vệ quốc: tên gọi bộ đội hời kháng chiến chống Pháp.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, sau khi nhận tin bố mẹ mất, Lượng có phản ứng như thế nào?

Câu 3. Lượng nhận được thư nhà trong hoàn cảnh nào?

Câu 4. Nêu đặc điểm của không gian trong đoạn trích.

Câu 5. Em hiểu như thế nào về những câu văn sau: *Chúng nó đốt làng ta đã ba bốn lần. Bốn lần bị đốt, bốn lần làng làm lại. Cứ thế, giằng co mãi. Nhưng cóc cần, ngày*

lên núi ở, tối lại về khai hội, mít tinh, sản xuất, lo gì! Truyền kiếp cho nó cũng chẳng lập được hội tề

Câu 6. Qua các chi tiết về cái chết của bố mẹ Lượng, việc Chi bị giặc làm nhục, tác giả muốn thể hiện điều gì?

Câu 7. Từ nhân vật Lượng trong đoạn trích, anh/chị hãy rút ra một bài học về lẽ sống cho bản thân.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích đoạn thơ sau:

*Má ngã xuống bên lò bếp đỏ
Thằng giặc kia đứng ngó trừng trừng
Má già nhắm mắt, rưng rưng:
“Các con ơi, ở trong rừng U Minh.
Má có chết, một mình má chết
Cho các con trừ hết quân Tây!”
Thằng kia bỗng giậm gót giày
Đạp lên đầu má: “Mẹ mày, nói không?”
Lưỡi gươm lạnh toát kẻ hông
“Các con ơi! Má quyết không khai nào!”
Sức đâu như ngọn sóng trào thể
Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây thom!
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”*

*Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết bay, có các con tạo trăm vùng
Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng đước mạnh, như rừng tràm
thom
Thương ôi! Lòi má lưỡi gươm cắt rồi!

Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!
Nước non muôn quý ngàn yêu
Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.*

Đầu năm 1941

*(Trích Bà má Hậu Giang, Tố Hữu, Tác phẩm và lời bình,
NXB Văn học, 2011, tr. 29)*

Chú thích:

Tố Hữu (1920 – 2002), quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế, là một nhà thơ lớn của dân tộc, một nhà thơ tiêu biểu của dòng thơ cách mạng Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp thi ca của ông hòa quyện vào nhau trong từng bước đi của lịch sử và thời đại. Thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị sâu sắc, gắn với lẽ sống lớn, tình cảm lớn; mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Thơ ông có giọng điệu trữ tình ngọt ngào, đậm đà tính dân tộc trong hình thức thể hiện.

ĐỀ SỐ 27

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

Thuyên, Đồng là hai người bạn thân cùng ở một làng: Làng Mỹ Lý. Sau ba tháng vào tìm việc ở Nam Kỳ, hai người mới tìm được việc làm tạm ở ga Gò Đen. Ga này ở giữa con đường Sài Gòn - Mỹ Tho, một nơi được tiếng giàu nhất về ruộng lúa. Khách qua lại toàn là những dân quê ở hai vùng Thanh Truru và Bá Chẩn. Công việc của Thuyên, Đồng cũng không đến nổi vất vả lắm. Lúc còn là tên thất nghiệp lang thang đi tìm việc khắp Sài Gòn thì hai người ít khi nhớ đến quê hương. Nhưng lúc tìm ra việc thì tình quê hương lại dạt dào luôn trong tâm trí.

Những buổi nghỉ việc, hai người lại lững thững nắm tay nhau, đi trên con đường về làng Vân Thọ. Vì con đường này giống với con đường chính làng Mỹ Lý quá. Cũng hai hàng cây sấu đông chạy thẳng giữa đồng lúa chín, cũng cái miếu thánh xa xa và mấy đồng rom cao chót vót sau bụi tre già cuối xóm.

Đi trên quãng đường này, Thuyên, Đồng có cái cảm giác là sắp về nhà mình. Nhưng mỗi lúc qua khỏi cái cầu dài, hai người lại đứng nhìn nhau ngơ ngẩn. Vì trước mặt hai người, quang cảnh chung quanh đã đổi hẳn. Những cây dừa vươn mình trên dòng nước đục hay vài cô gái miền Nam bơi thuyền giữa đám lau già, không cho hai người tưởng tượng đến làng Mỹ Lý nữa.

Thuyên vòng tay nhìn ra xa, rồi lẩm bẩm:

- Ủ, uống thật, giá đến đây không gặp con sông này thì chúng mình đã tưởng về xóm Thạch Lũy rồi.

Đồng đưa tay chỉ một nếp nhà ngói bên vệ đường rồi nói tiếp:

- Còn cái nhà xinh xắn kia là biệt thự của cô Ái Thu làng mình.

Thuyên nhìn Đồng mỉm cười:

- Nhớ rõ ràng nhỉ, nhưng đất Nam Kỳ bốn mùa nắng gắt, có mùa thu đâu mà bảo có cô Ái Thu.

Trên phiến đá trắng bên vệ đường, hai người lại lẳng lặng quàng vai nhau ngồi xuống. Trời càng về chiều, gió càng lạnh. Hai người dần dần ngồi khít lại để truyền hơi ấm cho nhau.

Bóng tối từ từ lan rộng ra trên quãng đồng lúa chín; ở về dầu đã bắt đầu lấp lánh sau mấy hàng cây đen sẫm.

Như muốn tự dối, Thuyên vui vẻ bảo Đồng:

- Đồng ơi. Chúng ta hãy đi về ga Mỹ Lý nhanh đi chẳng tới rồi.

Không hề lộ vẻ ngạc nhiên, Đồng cất tiếng đáp:

- Ủ, chúng ta về ga Mỹ Lý.

Rồi như mọi chiều, Thuyên, Đồng lại vừa đi vừa hát huyền thuyên, đầu bài hát này nối đuôi bài hát khác.

(Trích Tình quê hương, Thanh Tịnh, Tổng tập Văn học Việt Nam, tập 33,
NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 837 - 838)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong những câu văn sau:

Thuyên nhìn Đồng mỉm cười:

- Nhớ rõ ràng nhỉ, nhưng đất Nam Kỳ bốn mùa nắng gắt, có mùa thu đâu mà bảo có cô Ái Thu.

Trên phiến đá trắng bên vệ đường, hai người lại lẳng lặng quàng vai nhau ngồi xuống.

Câu 2. Chỉ ra mối quan hệ giữa Thuyên và Đồng trong văn bản.

Câu 3. Theo đoạn trích, tại sao Thuyên và Đồng lại lững thững nắm tay nhau, đi trên con đường về làng Vân Thọ vào những buổi nghỉ việc?

Câu 4. Nhận xét về không gian trong đoạn trích.

Câu 5. Anh/Chị hiểu như thế nào về lời của Thuyên nói với Đồng: “Đồng ơi. Chúng ta hãy đi về ga Mỹ Lý nhanh đi chẳng tới rồi”?

Câu 6. Theo anh/chị, Thuyên và Đồng là những người như thế nào?

Câu 7. Qua văn bản, anh/chị hãy rút ra thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân và lí giải.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ sau:

NHẬT BÌNH YÊN TRONG KHU VƯỜN NĂM THÁNG

Lương Đình Khoa

Con muốn về thăm lại mảnh vườn xưa

Nơi yêu thương vương tháng ngày tuổi nhỏ.

Bốn phương trời, tìm đâu bình yên thế

Cùng mẹ cha mong ngóng bóng lặng thăm.

*Vườn êm đêm lấp lánh vàng ánh trăng
Kể con nghe những ân tình cổ tích
Nói với con: Những điều vinh quang nhất
Hơn được không năm tháng giữa yên bình?*

*Dấu cuộc đời là tìm nhớ giữa quên
Dấu gió sương vương đôi đường cách biệt
Tập mỉm cười trên những điều còn - mất
Sống an nhiên trên từng bước vô thường.*

*Cây và hoa vươn mình đón ánh dương
Hoa thơm hương tan muộn phiền hối hả
Cây hiên ngang có bao giờ gục ngã
Mẹ và cha năm tháng hãy an lòng*

*Xin mãi còn xanh mát ở trong con
Mảnh vườn xưa ấm êm tình cha mẹ
Đợi con về - như bao ngày thơ bé
Nhật bình yên gom hạnh phúc ngọt
Đất mẹ hiền và chiếc lá biếc xanh.*

(Theo Lương Đình Khoa, Văn học tuổi trẻ, số tháng 4 năm 2019,
NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr.71)

Chú thích:

Lương Đình Khoa sinh năm 1985, quê ở Hưng Yên. Lương Đình Khoa là một người yêu thơ và làm thơ từ nhỏ. Anh từng được biết đến với vai trò Bút trưởng của Bút nhóm Hương Nhãn (Hưng Yên) trên Báo Thiếu niên Tiền phong, khi còn là cậu học sinh Trường THPT chuyên Hưng Yên. Với khá nhiều bài đăng trên các mặt báo, bài phát trên sóng phát thanh dành cho thiếu nhi của Đài Tiếng nói Việt Nam từ những năm thế hệ 8X, 9X và cả hiện nay. 2000 - 2003, cái tên Lương Đình Khoa đã để lại dấu ấn trong lòng nhiều bạn trẻ thuộc

ĐỀ SỐ 28

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

BỮA CƠM THƯỜNG Ở TRONG BÀN NHỎ

*Chim ri mách lúa vàng chín rộ
Tu hú kêu vãi đỏ trùm cây
Tháng năm mười chín rồi đây
Ngày sinh nhật Bác nắng đầy tiếng chim...*

*Quê em nhỏ bốn bên khe suối
Người vắng qua chim tới chim lui
Khi vui ngắm núi làm vui
Khi buồn nhặt trái sim rơi đỡ buồn.
Trái mơ non quả tròn quả méo
Đời em như cỏ héo tử mùa
Con vua thì họ làm vua
Mình con nhà khó làm mưa ngoài ngành
Đầu mùa bới củ thay cơm
Cuối mùa nấu đọt măng nguồn thay khoai...*

*Từ có Bác cuộc đời chợt sáng
Bát cơm no tháng tám ngày ba
Cơm thơm ăn với cả kho
Công đức Bác Hồ, bản nhớ nghìn năm.
Bác thương dân chăm ăn chăm mặc
Em đi chợ đồng bằng bán hạt sa nhân
Tháng giêng may áo thêu quần
Tháng hai thấy hội mùa xuân hây còn.
Lớp bình dân cuối thôn em học
Người thêm khôn đất mọc thêm hoa
Chim khôn chim mùa chim ca
Bản em có Bác như nhà có trăng.*

*Muối lên rừng tay bung tay đặt
Bộ đội Bác lên rừng công tác, em thương
Khi xưa lên núi không đường tích
Giờ anh lên núi bản mừng đợi anh.
Ra vườn xanh hái nhành vải đỏ
Xuống ruộng vàng gặt bỏ lúa hương
Ngày vui nấu bữa cơm thường
Thết anh cán bộ lên mừng giúp dân.
Rừng xuân cái lá cũng xuân
Đức Bác vạn phần lại có công anh.*

Tháng 5-1954

(Chế Lan Viên, Gửi các anh,

NXB Văn nghệ, Hà-Nội, 1955, tr. 40-41)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định cách gieo vần trong khổ thơ đầu văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh mang màu sắc núi rừng trong văn bản.

Câu 3. Mô tả nhịp thơ trong những câu sau:

*Quê em nhỏ bốn bên khe suối
Người vắng qua chim tới chim
Khi vui ngắm núi làm vui
Khi buồn nhặt trái sim rơi đỡ buồn.*

Câu 4. Khi cuộc sống bản làng thay đổi, cảm xúc của nhân vật trữ tình có sự chuyển biến như thế nào?

Câu 5. Em hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đối được sử dụng trong đoạn thơ:

*Ra vườn xanh hái nhành vải đỏ
Xuống ruộng vàng gặt bỏ lúa hương
Ngày vui nấu bữa cơm thường
Thết anh cán bộ lên mừng giúp dân.*

Câu 6. Theo em, thái độ cần có trước sự đổi thay của cuộc sống là gì?

Câu 7. Phân biệt sự khác nhau về nhạc điệu giữa hai đoạn thơ sau:

*Chim khôn chim mùa chim ca
Bản em có Bác như nhà có trăng.
Muối lên rừng tay bung tay đặt*

Bộ đội Bắc lên rừng công tác, em thương

(Trích Gửi các anh, Chế Lan Viên)

Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.

(Trích Việt Bắc, Tố Hữu)

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Phân tích bài thơ sau:

BẾN ĐÒ ĐÊM TRẮNG

Mây tản mát ven trời trôi đón gió

Sao mơ hồ thừa bóng lẫn trong sương.

Sông lặng chảy một nguồn trăng sáng tỏ.

Bóng cô Hằng lơ lửng đứng soi gương.

Trên bến vắng chòm si ôm bọc đá,

Bờ đê cao không một bóng in người,

Gió se sẽ bước vào thăm khóm lá

Trước quán hàng vắng lặng bóng trăng soi.

Ngoài sông nước đỏ đây về chờ gió

Thuyền lênh đênh trong lớp khói sương mù

Ngồi mơ mộng đầu thuyền cô lái nhỏ

Khua trăng vàng trong nhịp hát hò đưa.

(Anh Thơ, *Bức tranh quê*, NXB Hội Nhà văn,

Hà Nội, 1995, tr. 40)

Chú thích:

Anh Thơ (1921 - 2005) tên khai sinh là Vương Kiều Ân, sinh tại Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xuất thân trong một gia đình công chức nhỏ. Tuổi thơ, Anh Thơ gắn bó với đồng ruộng quê hương. Anh Thơ sáng tác từ sớm, năm 17 tuổi với tập *Bức tranh quê* bà được nhận giải khuyến khích của Tự Lực Văn Đoàn. Giữa lúc phong trào Thơ mới đang diễn ra sôi nổi, Anh Thơ đã tìm đến thơ ca như một con đường giải thoát khỏi cuộc đời tù túng, buồn tẻ và tự khẳng định giá trị người phụ nữ trong xã hội đương thời. Anh Thơ có sở trường viết về cảnh sắc nông thôn, gợi được không khí và nhịp sống nơi đồng quê miền Bắc nước ta. Thơ bà thiên về tả cảnh bình dị quen thuộc: bờ tre, con đò, bến sông, với những nét vẽ chân thực, tinh tế thấm đượm tình quê đậm thắm pha chút băng khuâng buồn của Thơ mới.

ĐỀ SỐ 29

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

BÀI CA ĐÊM VƯỢT LỘ

*Ngồi lại đây trước lúc vượt qua đường
Trong ánh chiều một ngày hè sắp tắt
Đừng sốt ruột vì đường còn bóng giặc
Cứ yên lòng đêm nay ta sẽ qua
Hãy nghe chiều nhẹ xuống trong lòng ta
Với xao xác bầy chim bay về tổ
Trong đáy mắt những người chờ vượt lộ
Ngôi sao chiều đã mọc phía quê hương*

*Ngồi lại đây trên cỏ ướt hơi sương
Giọt nắng cuối cùng lung linh hình nốt nhạc
Nhìn môi bạn gọi thầm lên tiếng hát
Một giọng trầm giao cảm dọc hàng quân*

*Đêm râm ran tiếng bọn địch rất gần
Vòng tay mở ôm choàng vai bè bạn
Giọt mồ hôi cứ se dần thanh thảo
Đêm dịu dàng nép trán tỏa bình yên*

*Ngồi lại đây trong nỗi nhớ niềm quên
Bao giấc mơ của một thời đánh giặc
Chỉ còn lại một giấc mơ duy nhất
Những bàn chân bạt dẫy – vượt qua đường*

(Anh Ngọc, Sông núi trên vai, Trường ca,
NXB Phụ nữ, 1995, tr.24-25)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Liệt kê những từ láy được tác giả sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Cách gieo vần chủ yếu trong văn bản là gì?

Câu 3. Chỉ ra sự khác biệt về nhịp thơ giữa 3 câu thơ đầu và câu thơ cuối trong khổ thơ sau:

*Ngồi lại đây trước lúc vượt qua đường
Trong ánh chiều một ngày hè sắp tắt
Đừng sốt ruột vì đường còn bóng giặc
Cứ yên lòng đêm nay ta sẽ qua*

Câu 4. Tại sao tác giả lại sử dụng song hành 2 cụm từ vượt qua đường và vượt lộ trong bài thơ?

Câu 5. Kết cấu bài thơ giúp em hiểu gì về những cung bậc xúc cảm của người lính trên đường vượt lộ?

Câu 6. Từ giấc mơ của người lính trong 2 câu thơ cuối bài, em suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa khao khát cá nhân và lí tưởng cộng đồng?

Câu 7. Theo em, những hành trang cần có để vượt lộ là gì?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

- Phân tích bài thơ sau:

ĐÔI BÀN TAY MẸ

Trương Trọng Nghĩa

*Cầm tay mẹ đưa lên mũi
Con nghe mùi bùn non
Những ngày mẹ cấy đồng sâu ruộng cạn
Có mùi khét nắng những buổi trưa đổ lửa
Và mùi hoa bưởi thoang thoảng mẹ gọi đầu lúc chiều hôm
Có mùi tanh nồng của những con sặc con rô mẹ bắt ngoài đồng
Có hương gạo mới trên bếp hồng mỗi tối
Có mùi khói nồng nàn thơm rạ
Và mùi dầu phong thấp mẹ xoa mỗi đêm...
Bàn tay có ngón vắn, ngón dài
Nhưng tình thương mẹ dành cho đứa nào cũng vậy.*

*Đôi bàn tay suốt đời lam lũ
Suốt một đời mẹ chẳng đi đâu
Chỉ quanh quẩn, xóm làng ruộng rẫy...*

*Đôi bàn tay mẹ
Dầu đầy những vết chai lồi lõm như bờ ruộng tháng ba
Khi áp vào má bỗng thấy mình bé lại
Đôi bàn tay vuốt tóc con êm như ru...*

*Đôi bàn tay mẹ
Dầu ngón trở bám phèn
Ngón giữa lấm lem
Ngón út dính đầy mù chuối
Mẹ vẫn luôn dạy các con giữ mình sạch trong..*

(Trương Trọng Nghĩa, Những mảnh ghép không logic,
NXB Văn nghệ, Hội Văn học nghệ thuật Tiền Giang, 2006, tr.41-42)

Chú thích:

Trương Trọng Nghĩa sinh ngày 25/12/1983 tại huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nhà thơ Trương Trọng Nghĩa bắt đầu sáng tác thơ từ khi còn học trung học phổ thông và trưởng thành từ phong trào sáng tác văn học trẻ của tỉnh Tiền Giang. Nhà thơ Trương Trọng Nghĩa đã đoạt nhiều giải thưởng văn chương ở trong và ngoài tỉnh, có thơ được giới thiệu trên nhiều báo và tạp chí trên cả nước. Ngoài ra, anh còn tham gia viết báo và sáng tác vọng cổ. Anh đã in riêng hai tập thơ: Những mảnh ghép không logic (NXB Văn nghệ, 2006) và Bay lên từ cảnh đồng (NXB Văn hóa - anh thường thâm đắm triết lý nhân sinh. Văn nghệ, 2019). Trong thơ anh, cuộc sống Nam Bộ hiện lên rõ nét. Những vần thơ

Bài thơ Đôi bàn tay mẹ được in trong tập Những mảnh ghép không logic, NXB Văn nghệ, Hội văn học nghệ thuật Tiền Giang, 2006.

ĐỀ SỐ 30

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

[...]

Thuở con đi đánh giặc với trai làng
Mẹ rờ rẫm lên từng trang sách cũ
Con ở nhà thường đọc dưới đèn khuya
Mẹ gìn giữ những gì nhỏ nhất
Dăm hòn bi mấy cái lưỡi câu cùn.,
Chiếc điều rách phủ đầy bồ hóng
Đôi áo sờn để lại lúc con đi
Mẹ giấu kỹ trong chiếc hòm gỗ mộc
Sáng sáng hè mẹ lại đem phơi
Mẹ nhảm hát những câu ca ru trẻ
Vườn nhà ta hoa bi lại hoe vàng

Thôi mẹ đừng đi nữa mẹ ơi
Ngõ nhà ngắn nhưng lại dài thương nhớ
Mảnh sân vuông mấy phía chúng con đi
Chúng con đi trong màu xanh áo lính
Thương những cánh đồng bão sớm lúa đang non
Thương mẹ lội trong mưa chiều mờ đục
Tiếng ếch kêu vọng nước ao đầm
Giờ con đi trong vùng trời súng nổ
Vẫn còn nghe tiếng mẹ bẻ cành khô
Tiếng mẹ vấp bước chân qua cửa bếp
Tiếng mẹ ho khỏi lá bưởi cay sẽ

[...]

(Trích Mệnh lệnh, Nguyễn Quang Thiều, Những người lính của làng,
NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.16-17)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Chỉ ra một biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ sau:

*Mẹ gìn giữ những gì nhỏ nhất
Dằm hòn bi mấy cái lưỡi câu cùn
Chiếc điều rách phủ đầy bờ hóng
Đôi áo sờn để lại lúc con đi
Mẹ giấu kỹ trong chiếc hòm gỗ mộc
Sáng sáng hè mẹ lại đem phơi*

Câu 3. Đặc điểm dễ nhận thấy về cách gieo vần trong khổ thơ đầu là gì?

Câu 4. Qua hình ảnh người mẹ trong đoạn thơ sau, em hiểu như thế nào về tình cảm của người con?

*Thuở con đi đánh giặc với trai làng
Mẹ rờ rẫm lên từng trang sách cũ
Con ở nhà thường đọc dưới đèn khuya
Mẹ gìn giữ những gì nhỏ nhất con lại*

Câu 5. Việc kết lại đoạn thơ bằng âm thanh tiếng mẹ gọi cho em những suy nghĩ gì?

Câu 6. Theo em, mệnh lệnh với người lính trong chiến đấu là gì?

Câu 7. Với em, đâu là nguồn động lực có ý nghĩa to lớn nhất? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích truyện ngắn:

BUỔI SÁNG

Nguyễn Nhật Ánh

(**Lược một đoạn:** Tuấn đang ăn khoai và xem đàn ong làm tổ thì Tí Hoa qua chơi. Thấy Tí Hoa thèm mẩu khoai, Tuấn liền ăn vội. Nhưng sau đó biết bạn đói, Tuấn đã rất ân hận nên quyết định lấy tiền mẹ cho mua tập để mua bánh mì thịt cho bạn).

Tí Hoa trố mắt:

- Tiền mua tập sao anh lại đem ra mua bánh mì? Thế anh lấy tập ở đâu mà đi học?

Câu hỏi của Tì Hoa khiến Tuấn đâm lúng túng. Chẳng lẽ nó nói thật sợ dĩ nó lấy tiền mua tập đi mua bánh mì là do không nỡ nhìn Tì Hoa nhăn nhó vì đói?

Hơn nữa nó cũng không thể khai ra vừa nghe nhắc tới bánh mì thịt, bụng nó cũng đột nhiên đâm cồn cào dữ dội! Ngắc ngư một hồi, Tuấn gãi gãi đầu, giọng khò khà:

- Ôi giỏi! Không có tập mới thì kiếm những trang thừa trong đồng tập cũ đóng lại chứ lo gì! Nhà tao tập cũ cả khối!

Nghe vậy, Tì Hoa mới yên tâm đưa khúc bánh mì lên miệng.

Nhịn đói từ sáng đến giờ, Tì Hoa ăn ngấu ăn nghiêng. Nhoảng một cái, trong khi Tuấn mới cắn được một, hai miếng, khúc bánh mì trên tay Tì Hoa đã biến mất như có Tuấn, phép lạ. Vậy mà dường như nó vẫn còn thấy đói. Nó nhìn khúc bánh mì trên tay cắn môi hỏi:

- Sao anh ăn chậm rì vậy?

Đọc thấy vẻ thòm thèm trong mắt bạn, Tuấn chìa khúc bánh mì ra:

- Tao chả thấy ngon lành gì cả! Mà ăn giùm tao đi!

Tì Hoa mừng lắm. Nhưng nó vẫn không đưa tay ra, mà tròn mắt:

- Sao khi này anh bảo anh thích bánh mì thịt?

- Tao nói lộn! - Tuấn ngó lên trời - Tao thích bánh mì cả cơ! Còn bánh mì thịt là tao... ghét nhất trên đời!

Ngộ quá hén! Cái gì anh ghét thì em thích! - Tì Hoa hồn nhiên nhận xét, và nó hớn hờ thò tay cầm lấy khúc bánh mì Tuấn đưa - Vậy mà em tưởng anh cũng thích giống như em chứ!

Tuấn không nói gì. Nó kín đáo nuốt nước bọt đánh ực và cố không nghĩ gì đến chuyện “bánh mì thịt bánh mì cả” bằng cách đưa mắt nhìn về phía cây ổi xem bọn ong đã làm tổ đến đâu.

Nhưng cảnh ong làm tổ không hiểu sao bây giờ chẳng còn hấp dẫn Tuấn nữa. Nó cứ bị “ám ảnh” mãi về chuyện... bánh mì. Cuối cùng, không nhịn được, nó liền mặt sang phía Tì Hoa.

Lúc này khúc bánh mì trên tay Tì Hoa chỉ còn một mẩu bé tẹo. Thấy Tuấn nhìn chằm chằm mẩu bánh trên tay mình, Tì Hoa liền chìa ra:

- Anh ăn thử một miếng xem! Bánh mì thịt ngon thị mỡ mà anh chê!

- Ủ, để tao ăn thử xem nào!

Vừa nói Tuấn vừa hi hửng cầm lấy mẩu bánh thừa bỏ tọt vào miệng. Nó nhai chóp chép, nuốt ực một cái, rồi gật gù:

- Ủ, ngon ghê!

Nói xong, Tuấn cười toe. Ti Hoa cũng cười, và nói, giọng đắc thắng:

- Thấy chưa! Em đã bảo bánh mì thịt ngon tuyệt mà anh không tin!

(Út Quyên và tôi, Nguyễn Nhật Ánh NXB Trẻ, 2022, tr.92-97)

Chú thích:

Nguyễn Nhật Ánh sinh ngày 7 tháng 5 năm 1955 tại tỉnh Quảng Nam. Ông được coi là một trong những nhà văn thành công nhất viết sách cho tuổi thơ, tuổi mới lớn với hơn 100 tác phẩm các thể loại. Tên tuổi của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh gắn liền với các tác phẩm làm say lòng độc giả bao thế hệ như *Mắt biếc*, *Còn chút gì để nhớ*, *Hạ đỏ*, *Cô gái đến từ hôm qua*, *Chú bé rắc rối*,...

Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh cuốn hút độc giả bởi lối kể chuyện hóm hỉnh, giọng văn giản dị và trong trẻo. Đã đến với tác phẩm của ông, nhìn chung độc giả sẽ bị thu hút từ tựa sách đầu tiên cho đến trang cuối cùng cuốn sách.

II. GỢI Ý

ĐỀ SỐ 01

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4
Đáp án	A	D	C	B

Câu 5. (1,0 điểm)

- Nhan đề Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng Quảng Bình và vẻ đẹp xứng tầm di sản thế giới đã làm nổi bật và khái quát được nội dung của toàn văn bản.

- Vì từ nhan đề này, tác giả đã triển khai những điều làm nên Di sản thế giới Phong Nha Kẻ Bàng như: quần thể hang động có một không hai; hệ thống sông ngòi chằng chịt; khu vực rừng nhiệt đới nguyên sinh; giá trị văn hóa và lịch sử...các thông tin trong bài đều cung cấp thông tin của khu danh lam thắng cảnh này.

Câu 6. (1,0 điểm)

- Thông qua văn bản, em biết được Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng là một kì quan thiên nhiên thế giới, là một thế giới sống động với những quần thể hang động có một không hai; hệ thống sông ngòi chằng chịt; khu vực rừng nhiệt đới nguyên sinh có độ che phủ lên đến trên 96,2%...

Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng từ xưa đến nay và vấn đề bảo tồn di sản hiện - Ngoài ra, em còn muốn biết thêm về quần thể hang động, sự thay đổi của nay như thế nào.

PHẦN II: VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về bức tượng đài người lính Điện Biên trong bài thơ Giá từng thước đất (Chính Hữu).

Mở đoạn: Giới thiệu yêu cầu của đề.

Bài thơ Giá từng thước đất của nhà thơ Chính Hữu để lại trong em niềm xúc động sâu xa về bức tượng đài người lính Điện Biên mang vẻ đẹp hào hùng, bi tráng.

Thân đoạn:

- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về vẻ đẹp của bức tượng đài người lính Điện Biên. Hình ảnh bức tượng đài người lính Điện Biên hiện lên trong con người kẻ bên cái chết nhưng họ vẫn sống hết mình trong tình đồng chí, đồng đội. Hình ảnh bức tượng đài người lính Điện Biên là một biểu tượng về cuộc chiến tranh nhân dân. Đó là những người lính dù có phải hi sinh thì họ vẫn trong tư thế tiến công. Hình ảnh bức tượng đài người lính Điện Biên góp phần làm nổi bật chủ đề của tác phẩm: ca ngợi chiến dịch Điện Biên Phủ lẫy lừng của dân tộc và khẳng định cái giá của từng thước đất chính là máu của đồng đội đã đổ xuống. Hình ảnh bức tượng đài

người lính Điện Biên đã được tạc trong trái tim, khối óc của những người đồng chí, đồng đội và của muôn dân Việt Nam hôm nay và mai sau.

- *Nêu cảm nghĩ về những yếu tố nghệ thuật góp phần làm nên thành công của bức tượng đài người lính Điện Biên.* Thể thơ tự do với những câu dài ngắn khác nhau tạo nhịp điệu chắc khỏe khiến bài thơ mang âm hưởng hào hùng, bị tố tự sự và trữ tình kết hợp nhuần nhuyễn tạo sức hấp dẫn cho bài thơ; ngôn ngữ thơ giản dị, tạo ấn tượng sâu sắc có sức lay động, ám ảnh trong lòng người đọc. Những yếu tố nghệ thuật đã góp phần làm nên khúc tráng ca về Điện Biên.

Kết đoạn: *Khẳng định lại cảm nghĩ về hình ảnh thơ và ý nghĩa đối với bản thân.* Bài thơ Giá từng thước đất khắc họa thành công bức tượng đài người lính Điện Biên mang vẻ đẹp hào hùng và bi tráng. Bài thơ như lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh của các anh - những người đã ngã xuống để giành lấy từng thước đất cho dân tộc.

Câu 2 (4,0 điểm). **Viết bài văn nghị luận đề xuất giải pháp xây dựng văn hóa giao tiếp cho người trẻ trong thời kì hội nhập hiện nay.**

Mở bài. *Giới thiệu vấn đề và nêu tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề.* Thế kỷ thứ XXI với xu hướng hội nhập quốc tế, đang mở ra không ít những triển vọng phát triển văn hóa, giáo dục. Đồng thời, cũng đặt ra những thách thức to lớn đối với việc giữ gìn, xây dựng và phát triển văn hóa đặc biệt là văn hoá giao tiếp cho người trẻ.

Thân bài. *Triển khai vấn đề nghị luận:*

1. Giải thích vấn đề: Văn hóa giao tiếp là gì?

Văn hóa giao tiếp là một bộ phận trong tổng thể văn hóa nhằm chỉ quan hệ giao tiếp có văn hóa của mỗi người trong xã hội (giao tiếp một cách lịch sự, thái độ thân thiện, cởi mở, chân thành, thể hiện sự tôn trọng nhau...), là tổ hợp của các thành tố: lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, cách ứng xử...

2. Thực trạng, hậu quả và nguyên nhân về văn hóa giao tiếp của người trẻ trong thời kì hội nhập hiện nay:

- Thực trạng và hậu quả: Người trẻ thiếu sự tự tin hoặc tự tin thái quá trong giao tiếp; có thói quen đổ lỗi trong mọi hoàn cảnh, không quan tâm đến lễ nghĩa, phép lịch sự, cái tôi quá cao, nói nhiều và không biết cách lắng nghe người khác dẫn đến không tìm được điểm chung. Giao tiếp thiếu văn hóa sẽ gây ra rất nhiều ảnh hưởng đến vấn đề trong cuộc sống và công việc: gây ra sự hiểu lầm, mất động lực, mất thời gian và tiền bạc, mất quan hệ và niềm tin, mất đi nhiều cơ hội trong cuộc sống...

- Nguyên nhân: Do chúng ta chưa hiểu rõ vai trò, tầm quan trọng của giao tiếp có văn hóa quan trọng như thế nào. Chưa biết nói và nghe đúng cách: *Chúng ta có hai tai và một miệng để nghe nhiều hơn và nói ít hơn* (Epictetus). Bên cạnh đó, còn là do ảnh hưởng của thời đại số hóa, từ môi trường sống, gia đình, bạn bè.

3. Giải pháp khắc phục giải quyết vấn đề. Cách ứng xử có văn hóa trong giao tiếp không chỉ là một nghệ thuật chung sống, mà còn thể hiện các nguyên tắc đạo đức xã hội, một loại đạo đức đặc biệt về các quan hệ xã hội nên mỗi người cần trau dồi để trở thành người có văn hóa trong giao tiếp. oni - Giải pháp với các cấp ngành: Xây dựng được những chuẩn mực về văn hóa giao tiếp trong chương trình đào tạo từ mầm non đến đại học, cần có môn dạy về văn hóa giao tiếp bởi đây được xem như “cửa ngõ” vào đời, trang bị kiến thức mặt bằng văn hóa giao tiếp, môn học làm người đầu tiên. Trách nhiệm của cộng đồng xã hội giáo dục văn hóa giao tiếp không nên chỉ bó hẹp trong phạm vi nhà trường mà còn phải mở rộng phạm vi từ gia đình đến cộng đồng xã hội.

Giải pháp với các cá nhân. Rèn cho bản thân kỹ năng giao tiếp và hãy giao một cách có văn hóa đó là giữ phép lịch sự, có thái độ thân thiện, cởi mở, chân thành, thể hiện sự tôn trọng... Biết sử dụng ngôn ngữ hình thể để tạo hiệu quả tốt nhất như lời nói, cử chỉ, hành vi, ánh mắt, nụ cười, thái độ, cách ứng xử... Tạo một bầu không khí thân mật trong giao tiếp để không khí cuộc trò chuyện được cởi mở, thân tình. Trong cuộc giao tiếp để đạt được hiệu quả và thể hiện văn hóa giao tiếp chúng ta không những cần chú ý đến cử chỉ và lời nói mà còn cần chú ý và nhớ đến tên người giao tiếp với mình để thể hiện sự quan tâm, sự tôn trọng với người đối thoại...

Dẫn chứng: Quan niệm cách ứng xử có văn hóa qua câu tục ngữ Lời chào cao hơn mâm cỗ. Câu tục ngữ đó là sự đúc kết kinh nghiệm sống của nhân dân ta về cách ứng xử có văn hóa và phép lịch sự trong giao tiếp, với cộng đồng xã hội. Ý nghĩa sâu xa của câu tục ngữ đó là giá trị của cách ứng xử, thái độ giữa người và người còn quý hơn quyền lợi vật chất. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi...

Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề, rút ra bài học cho bản thân. Văn hóa giao tiếp là một nghệ thuật chung sống nên giáo dục văn hóa giao tiếp là rất quan trọng. Trong thời đại ngày nay, việc mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác, hòa nhập với thế giới bên ngoài là một điều tất yếu nên chúng ta phải biết gan đực khơi trong để chắt lọc được những tinh hoa văn hóa nhân loại nhưng vẫn giữ vững được cốt cách, bản lĩnh, bản sắc Việt Nam trong văn hóa giao tiếp.

ĐỀ SỐ 2

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4
Đáp án	C	B	D	A

Câu 5 (1,0 điểm)

- Việc tác giả đưa ra dẫn chứng về nhân vật truyền hình Nigella Lawson và nữ tác giả France Mayes có tác dụng:

+ Nhấn mạnh sức mạnh của niềm đam mê: Khi có niềm đam mê với công việc gì đó, con người dễ có được thành công và lan tỏa nguồn năng lượng tích cực cho mọi người.

+ Tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho lập luận.

+ Từ đó, tác giả muốn khuyên con người cần nuôi dưỡng cho mình một đam mê tích cực để không những có sức mạnh vượt qua gian khó mà còn giúp truyền lửa cho người khác.

Câu 6 (1,0 điểm)

- Em đồng ý với quan điểm *Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn nhất.*

- Vì:

+ Đam mê là ánh sáng dẫn đường giúp ta định hướng tương lai.

+ Đam mê tạo ra nguồn động lực to lớn, tiếp thêm cho ta sức mạnh, niềm tin, nghị lực để vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc đời.

+ Đam mê sẽ kiến tạo ra người có bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, giàu nhiệt huyết, sáng tạo để tự tìm ra con đường riêng mà bất chấp khó khăn.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về cách thức nuôi dưỡng niềm đam mê trong học tập của con người.

Mở đoạn. Giới thiệu vấn đề nghị luận. Không có đam mê, không có thiên tài (Theodor Mommsen). Trong học tập, niềm đam mê có vai trò đặc biệt quan trọng. Vậy cần làm thế nào để nuôi dưỡng niềm đam mê học tập trong mỗi con người?

Thân đoạn. Bày tỏ suy nghĩ. Có thể như sau:

- Đặt ra những mục tiêu học tập cụ thể. Mục tiêu giúp tập trung và định hướng được hành động. Khi đặt ra mục tiêu trong học tập, đừng ngần ngại thử sức với những thách thức mới, những mục tiêu lớn hơn so với năng lực của bản thân. Tạo ra một không gian học tập thoải mái và tích cực. Đó là một không gian yên tĩnh mà ở đó, người học không bị phân tâm bởi các yếu tố khác, toàn tâm cho việc học. Tìm kiếm sự hỗ trợ từ cộng đồng và gia đình. Gia đình động viên, khen thưởng con cái kịp thời trước những tiến bộ trong học tập, khơi dậy ở con khát vọng học tập. Cộng đồng cần làm tốt công tác khuyến học, khuyến tài, có chính sách ưu đãi với người tài....

- Dẫn chứng chứng minh: Hàng nghìn phát minh vĩ đại của Ê-đin-sơn ra đời một phần là do mẹ ông đã biết động viên, khuyến khích ông học tập, nghiên cứu...

Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề. Đam mê học tập không bao giờ phản bội con người. Muốn trở thành người học giỏi, được xã hội trọng dụng, bạn cần nuôi dưỡng niềm đam mê học tập, bởi Niềm đam mê còn quan trọng hơn trí thông minh (Ngô Bảo Châu).

Câu 2 (4,0 điểm): Phân tích bài thơ Cuộc kêu cảm hứng của Nguyễn Khuyến.

Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, nêu vấn đề nghị luận: Thơ ca là tiếng lòng người nghệ sĩ (Diệp Tiếp). Nhà thơ làm thơ để giải bày cảm xúc, tình cảm của mình. Điều này đúng với Nguyễn Khuyến. Bài thơ Cuộc kêu cảm hứng là nỗi đau, nỗi xót xa buồn tủi của Nguyễn Khuyến trước cảnh mất nước nhà tan.

Thân bài

*** Khái quát chung**

- *Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:* Nguyễn Khuyến là nhà thơ tiêu biểu của nền thi ca Việt Nam. Thơ của Nguyễn Khuyến luôn giàu cảm xúc với thiên nhiên, con người và quê hương. Cuộc kêu cảm hứng được viết vào thời gian Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn nơi Vườn Bưởi chốn cũ.

- *Khái quát vấn đề nghị luận:* Bài thơ là tâm sự của một tấm lòng yêu nước, thể hiện một tâm trạng đầy xót xa, đau buồn trước cảnh nước mất nhà tan. Bài thơ được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật gồm bốn phần đề, thực, luận, kết.

- Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ

+ **Nội dung:** Hai câu đề giới thiệu về tiếng cuộc kêu. Tiếng cuộc kêu khắc khoải, giọng cuộc lửng lơ gợi nỗi sâu thê thiết. Nghe tiếng cuộc kêu khiến nhà thơ nhớ đến hồn Thục đế - chuyện vua nước Thục mất nước, chết hoá thành con cuốc, suốt đêm ngày kêu rờn rã Thục quốc, Thục quốc! Ba chữ thác bao giờ thể hiện tâm trạng băn khoăn, ngơ ngác. Hai câu thực tập trung tả thực tiếng cuộc kêu. Tiếng kêu khiến máu chảy, khiến hồn tan mà cứ kêu hoài, kêu mãi, khắc khoải suốt năm canh, sáu khắc, từ ngày qua đêm. Nghệ thuật đối: Đêm hè vắng với bóng nguyệt mờ cùng với tính từ vắng, mờ làm nổi bật một đêm hè vắng vẻ với ánh trăng mờ ảo. Trong hoàn cảnh ấy, tiếng cuộc càng khắc khoải hơn, tê tái hơn. Hai câu luận luận bàn về âm thanh của tiếng cuộc. Hình thức hỏi: Có phải, hay là diễn tả những băn khoăn, day dứt trong lòng. Có phải tiếc xuân nên cuộc cất tiếng gọi? Hay là vì nhớ nước mà mình nằm mơ. Tác giả đã mượn tiếng cuộc để giải bày niềm thao thức của mình. Cuộc vì tiếc xuân mà kêu khắc khoải suốt đêm. Còn mình vì nhớ nước - nhớ chủ quyền của đất nước mà đêm đêm vẫn nằm mơ. Nghệ thuật đối rất chỉnh trong hai câu thơ: có phải - hay là, tiếc xuân - nhớ nước, đứng gọi - nằm mơ làm nổi bật tâm trạng nhớ nước sâu đậm của nhà thơ. Hai câu kết đã kết lại vấn đề bằng một lời tự hỏi, thể hiện tâm trạng bồi hồi không yên. Thâu đêm là suốt cả đêm; rờn rã là liên tục, không ngừng nghỉ; kêu ai đó là kêu ai, giục ai hay lời ai đó kêu gọi, thúc giục mình; ngẩn ngơ là bồn chồn không yên. Tiếng cuộc kêu liên tục khiến cho khách giang hồ bồn chồn không yên.

Thao thức suốt năm canh, đau xót, tủi buồn vì nước mất mà không biết phải làm gì nên mới ngẩn ngơ như thế!

+ Nghệ thuật: Victor Hugo từng nói Nghệ thuật chỉ làm ra những vần thơ còn trái tim mới làm nên tác phẩm thi ca. Nhưng nếu không có nghệ thuật thì có lẽ những vần thơ sẽ chỉ là những con chữ thô mộc. Xúc cảm sẽ là cội nguồn của thơ ca và ngôn ngữ, hình ảnh sẽ là nơi hội tụ của trái tim và tài năng người nghệ sĩ. Tâm trạng nhớ nước khắc khoải được thể hiện qua thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật điêu luyện, hàm súc; giọng thơ tha thiết thấm một nỗi buồn mênh mông. Bài thơ được viết bằng chữ Nôm với ngôn ngữ chọn lọc, gần gũi; hình ảnh đối xứng hài hoà; sử dụng nhiều từ láy: khắc khoải, lừng lơ, rờn rã, ngẩn ngơ...

- Đánh giá:

+ *Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ: Đọc một câu thơ hay nghĩa là ta bắt gặp tâm hồn một con người. Qua Cuộc kêu cảm hứng*, người đọc nhận ra một tấm lòng yêu nước không nguôi, một tâm trạng đầy bi kịch: xót xa đau buồn, tủi nhục vì nước mất nhà tan. Tâm trạng của Nguyễn Khuyến cũng chính là tâm trạng của cả một thế hệ nhà nho yêu nước mà bất lực trước thời cuộc lúc bấy giờ. Bài thơ giúp người đọc hiểu rõ hơn về cái tài của Nguyễn Khuyến, một nhà thơ của làng cảnh Việt Nam, có công lớn trong việc Việt hóa thơ Đường.

+ Mở rộng, so sánh: HS có thể so sánh với nỗi nhớ nước, thương nhà của Bà Huyện Thanh Quan qua bài thơ Qua Đèo Ngang.

Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ với người viết.

Thơ không chỉ đưa ra mà còn thức tỉnh (Chế Lan Viên). Bài thơ Cuộc kêu cảm hứng của Nguyễn Khuyến đã thức tỉnh trong mỗi người đọc tình yêu và ý thức trách nhiệm với quê hương đất nước. Chính điều đó đã làm nên sức sống lâu bền bài thơ lòng bạn đọc bao thế hệ.

ĐỀ SỐ 03

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4
Đáp án	A	C	D	B

Câu 5. (1,0 điểm). Cuộc gặp gỡ của phu nhân họ Nguyễn với Hà sinh giúp em hiểu thêm về người thiếu phụ An Ấp:

- Là người vợ rất thủy chung, yêu thương và tôn kính với chồng mình. Bà tìm mọi cách để giữ gìn thanh danh của chồng, ngay cả khi cả hai đã qua đời.
- Là người có tấm lòng khoan dung, độ lượng, không vì sự nông nổi, hỗn hào của Hà sinh mà đem lòng thù ghét.

Câu 6. (1,0 điểm). Từ văn bản *Người liệt nữ ở An Ấp*, em có suy nghĩ, tình cảm đối với số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa:

- Suy nghĩ về số phận và vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa:
 - + Chịu nhiều thiệt thòi khi phải lấy làm thê thiếp, phải chịu cảnh vợ chồng xa cách.
 - + Thủy chung, son sắt, một lòng một dạ với người chồng.
 - + Bao dung, vị tha, dẫu chết vẫn mong muốn những điều tốt đẹp cho chồng, cho mọi người.
- Tình cảm: Thấu hiểu, cảm thông và trân trọng người phụ nữ Việt Nam xưa.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc bài thơ *Quê của mẹ...* của tác giả Nguyễn Khánh Châu.

Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ *Quê của mẹ...* (nhân đề, tên tác giả); nêu ấn tượng chung. Bài thơ ca ngợi tình yêu quê hương sâu nặng và sự thấu hiểu, trân trọng nỗi niềm người mẹ khi phải xa quê.

Thân đoạn: *Bày tỏ cảm nghĩ về bài thơ.*

- *Cảm nghĩ về nội dung:* Khổ 1: Mở đầu bài thơ là lời tự sự mộc mạc của người con khi được cùng mẹ về thăm quê ngoại. Miền quê ấy là cả tuổi thơ nhọc nhằn của mẹ *Nơi tuổi thơ mẹ lận lộn cơ hàn*; là nơi có người bà chịu bao lam lũ, vất vả, hi sinh *Nơi ngoại tôi cứ mỗi vụ đông tàn - Tay cươc đỏ, nơi đồng sâu cấy lúa*. Hình ảnh thơ như ghim sâu vào tâm trí người con, người cháu xa quê là đôi bàn tay cươc đỏ, sưng lên vì cóng lạnh của người bà sau mỗi vụ cấy. Những dòng thơ thấm đẫm sự thấu hiểu, yêu thương của người con, người cháu với nỗi vất vả mưu sinh của mẹ, của bà. Tiếp mạch cảm xúc, quê hương còn gợi lại biết bao kỉ niệm ấu thơ của người mẹ. Đến đây, người con như hoá thân vào người mẹ để sống lại kí ức tuổi thơ với những lần đuổi bắt ve giữa trưa hè nắng cháy, dẫu bị mẹ đánh đòn vằn đầu trần, chân sáo chạy khắp thôn. Đến với khổ 3, tiếp mạch nguồn hoài niệm, người con viết về những tháng

năm trưởng thành và xa quê của mẹ cũng đọng đầy cảm xúc: *Mẹ lớn lên... rồi bốn ba xuôi ngược - Xa quê nghèo, cũng rất ít về thăm*. Trưởng thành và cuộc sống mưu sinh đã khiến mẹ phải rời xa ngoại, xa quê và rất ít về thăm. Ý thơ bồi ngùi thương cảm, còn nỗi buồn nào hơn khi con cái phải rời xa cha mẹ, xa mái ấm yêu thương. Hai câu cuối bài là lời khẳng định đinh ninh về một thứ tình cảm bất di bất dịch bất chấp mọi khoảng cách không gian, thời gian *Nhưng trong tim kí ức những tháng năm/ Quê hương đó - in sâu trong tiềm thức*.

- *Cảm nghĩ về một số đặc sắc nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ*: Thể thơ tám chữ với vần nhịp linh hoạt rất phù hợp để diễn tả tâm tình của người mẹ đối với quê hương, của người con đối với mẹ và miền quê của mẹ. Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị; hình ảnh thơ gần gũi, không cầu kì chau chuốt, đôi chỗ còn có phần đơn sơ, chân chất: đò roi mẹ chẳng sợ, đầu trần, chân sáo chạy khắp thôn.... Bài thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu cảm, tự sự đan xen miêu tả giúp cho người đọc dễ dàng hình dung hành trình và những xúc cảm của người con khi được theo mẹ về thăm quê ngoại. Nổi bật nhất trong bài thơ là biện pháp điệp ngữ nơi... gọi về một miền quê nơi gắn liền với ấu thơ đời mẹ, nơi có ngoại yêu thương tần tảo nhọc nhằn, nơi dấu sau này mẹ rất ít về thăm nhưng đã in sâu trong tiềm thức của mẹ.

Kết đoạn: *Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ. Quê của mẹ...* là tâm sự của một người con tha thiết yêu thương mẹ, yêu miền quê của mẹ. Với chức năng luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có, bài thơ bồi đắp cho người đọc tình yêu quê hương, tình mẫu tử thiêng liêng, sâu nặng.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích truyện truyền kì Người liệt nữ ở An Ấp của Đoàn Thị Điểm ở phần Đọc hiểu.

Mở bài: *Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận*. Ca ngợi người phụ nữ trong xã hội phong kiến, nữ sĩ Hồ Xuân Hương từng viết: Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn/ Mà em vẫn giữ tấm lòng son. Cùng mạch nguồn cảm hứng ấy, thiên truyện truyền kì Người liệt nữ ở An Ấp của Đoàn Thị Điểm viết về cuộc đời, số phận người phụ nữ họ Nguyễn đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bao thế hệ.

Thân bài:

* **Khái quát chung:** Giới thiệu vài nét về tác giả, thể loại truyện truyền kì, tập Truyện kì tân phả. Đoàn Thị Điểm - nữ sĩ được đánh giá là bậc nhất về sắc đẹp lẫn tài văn trong những nữ sĩ danh tiếng nhất của văn học Việt Nam. Truyện kì là thể loại văn xuôi tự sự trung đại có nguồn gốc từ Trung Quốc. Truyện kể về những chuyện kì lạ có yếu tố hoang đường, kì ảo nhưng lại phản ánh được những vấn đề của đời sống nhân sinh. Truyện kỳ tân phả của Đoàn Thị Điểm được đánh giá là một tác phẩm văn xuôi báo hiệu bước mở đầu của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa trong văn học Việt Nam ở thế kỷ 18. Tác phẩm gồm 6 câu chuyện. Trong đó có truyện Người liệt nữ ở An Ấp.

* **Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm**

- **Phân tích giá trị nội dung**

+ **Nêu tóm tắt nội dung chính.** Cốt truyện xoay quanh cuộc đời người con gái họ Nguyễn vừa đoan trang, vừa giỏi thủ thừa khâu vá, lại có tài văn thơ. Bà lấy làm lẽ

vị Tiên sĩ trẻ Đinh Hoàn. Đinh Hoàn đi sứ Trung Quốc rồi mất nơi đất Bắc. Phu nhân nhận tin đau đớn. Đến ngày giỗ đầu chồng, phu nhân đã dùng tám áo ông tặng ngày trước thắt cổ chết. Bà được triều đình cho lập miếu khắc chữ Trinh liệt phu nhân từ. Vài năm sau, có người họ Hà vào viếng đền, uống rượu, đề thơ có hai câu cuối ý chế giễu người chồng không có công trạng, nhờ vợ mà được thờ cúng. Hà sinh nằm mộng gặp phu nhân, biết mình đắc tội với bậc tôn linh nên xin hoạ lại bài thơ để chuộc lỗi. Khi tỉnh dậy, Hà sinh tắm gội chay sạch, đến ngôi đền liệt nữ sửa lại hai câu thơ cuối bài.

+ Phân tích chủ đề và vẻ đẹp hình tượng người liệt nữ An Ấp: Truyện ca ngợi tấm lòng thủy chung, son sắt một lòng một dạ với chồng của người liệt nữ ở An Ấp. Đó là người phụ nữ đoan trang, khéo léo, có tài thơ phú. Khi còn được ở bên cạnh Tiên sĩ Đinh Hoàn, bà luôn khuyên nhủ chồng để trở thành vị quan mẫu mực. Khi Đinh Hoàn đi sứ Trung Quốc và mất bên xứ người bà đau đớn, nhớ thương chồng nỗi thương tâm khiến phu nhân đờ đẫn, nhìn đâu cũng toàn thấy cảm sầu. Được gặp phu nhân sự tỏ bày niềm nhớ mong, đau khổ khi vợ chồng ly biệt Từ khi cách biệt đã bốn năm rồi, biết bao nỗi bi sầu, mộng hồn tan nát, không nơi nào là không tìm tung tích của lang quân. Cuộc gặp trong mộng mị và lời nói của chồng lúc chia tay càng thôi thúc người vợ đi đến quyết định quyên sinh để được tái ngộ với chồng. Điều đó thể hiện vừa tấm lòng chung thủy với chồng, vừa thể hiện khát vọng của người phụ nữ về một cuộc sống gia đình hạnh phúc, đoàn viên. Cái chết của người phụ nữ trung trinh ấy đã làm cảm động tất cả mọi người, triều đình còn cho phép lập đền thờ, ban tặng chữ Trinh liệt phu nhân từ và cho phép nhân dân thờ cúng. Ngay cả sau khi mất, người vợ ấy cũng luôn tìm mọi cách bảo vệ thanh danh của chồng. Khi thấy Hà sinh đề thơ có ý chế giễu, khinh mạn chồng, bà cho vời Hà sinh đến để đàm đạo, chuyện trò đầu cuối cho người kia hiểu rõ công đức của chồng. Lời lẽ thấu tình đạt lý khiến Hà sinh nhận ra lỗi lầm mà rằng Tiểu sinh ham chơi sơn thủy, thích hứng rượu thơ, nhân lúc say sưa phóng bút viết bậy, thực sự biết đắc tội rất nặng với bậc tôn linh, nay tình nguyện nài lại nguyên văn để chuộc cái lỗi nói càn. Sau đó tỉnh mộng, Hà sinh đã tìm đến ngôi đền người liệt nữ để sửa lại bài thơ đã đề trước đó. Truyện còn là tiếng nói tiếng nói tố cáo đối với xã hội phong kiến, cảm thương, xót xa cho số phận bất hạnh, khổ đau của người phụ nữ. Người con gái họ Nguyễn đầu xinh đẹp, nét na, giỏi giang là vậy cũng vẫn phải làm vợ lẽ, vẫn phải tìm đến cái chết khi tuổi xuân phơi phới. Khát vọng về hạnh phúc gia đình đơn sơ, bình dị nhưng người phụ nữ ấy chỉ có thể có được ở một cõi sống khác chứ không phải cõi trần. Từ đó, tác phẩm đã làm bật lên tấm lòng nhân đạo của nhà văn và lý giải vì sao tác phẩm của Đoàn Thị Điểm được đánh giá là báo hiệu bước mở đầu của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa trong văn học Việt Nam ở thế kỷ 18.

- Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm

+ Nghệ thuật xây dựng không gian, thời gian mang đặc trưng của truyện truyền kì. Trong truyện có sự đan xen giữa thế giới thực và thế giới mộng ảo. Ở đó, con người có thể trò chuyện được với người đã khuất. Thời gian trong truyện cũng mang đặc điểm riêng, con người có thể sống ở một cõi sống khác chứ không phải chỉ có cõi

trần. Chính những đặc điểm về không gian, thời gian đó đã tạo nên yếu tố kì ảo, tạo sự lôi cuốn, hấp dẫn cho câu chuyện.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật cũng mang đặc trưng của thể loại truyện kì. Nhân vật người chồng là vị quan mẫn cán, sau khi mất được thiên đình trọng dụng vào việc bút nghiên. Đặc biệt là nhân vật người vợ - nhân vật chính của truyện, không chỉ được khắc hoạ qua lai lịch xuất thân, lời nói, hành động mà còn qua các yếu tố kì ảo, siêu thực như việc bà được gặp và trò chuyện với chồng sau khi ông mất. Hay việc bà có thể chứng kiến rồi gặp gỡ giáo huấn người họ Hà. Và dù ở cõi trần hay cõi âm, người phụ nữ ấy đều ánh lên vẻ đẹp của tấm lòng chung thủy, trước sau như một với chồng, xứng đáng với danh hiệu Trinh liệt phu nhân mà triều đình và người đời phong tặng cho bà.

+ Đặc biệt thành công nhất trong truyện và việc xây dựng các yếu tố kì ảo, hoang đường đan xen yếu tố thực. Giữa thực và mộng, giữa âm và dương điều đó càng làm cho câu chuyện kể thêm li kì, hấp dẫn, đồng thời cũng góp phần thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm. Tin tức thất nỏ up ong ấn tán quan inh nội iod Ex IV tiếng kh

+ Ngôn ngữ kể chuyện cũng mang những đặc điểm riêng, có sự đan xen lời người kể chuyện với ngôn ngữ nhân vật. Trong đó, lời nhân vật có sử dụng nhiều điển tích, điển cố. Những điển xưa tích cũ không chỉ giúp không khí câu chuyện thêm phần cổ kính mà còn góp phần diễn đạt một cách sâu sắc nội dung của truyện.

** Đánh giá: Khái quát thành công của truyện, liên hệ mở rộng.*

từ yếu tố không gian, thời gian đến nhân vật, cốt truyện li kì, ... đã khắc hoạ thành công - Người liệt nữ ở An Ấp với những đặc trưng tiêu biểu của thể loại truyện truyện kì, hình tượng người liệt nữ trung trinh tiết liệt. Qua đó, thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm.

- Liên hệ các tác phẩm viết về số phận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa như: Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, Truyện Kiều của Nguyễn Du, ... để thấy những đóng góp và ý nghĩa riêng của truyện Người liệt nữ ở An Ấp.

Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận. Bài học bản thân.

Văn học luôn có sự bất tử riêng của nó quả không sai. Dẫu ra đời cách chúng ta hơn ba thế kỉ, Người liệt nữ ở An Ấp của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm vẫn làm thổn thức trái tim bạn đọc hôm nay. Truyện giúp ta thấu hiểu hơn về số phận nhiều thiệt thòi của người phụ nữ xưa, đồng thời trân trọng, ngưỡng mộ những vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất cao quý của họ.

ĐỀ SỐ 04

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4
Đáp án	C	B	C	D

Câu 5 (1,0 điểm). Tình cảm, thái độ của tác giả thể hiện qua đoạn trích:

- Đồng cảm, xót thương đối với những người phụ nữ hồng nhan, bạc mệnh nói riêng và thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung..
- Lên án những bất công của xã hội phong kiến chà đạp thân phận con người.
- Thể hiện ước mơ về một xã hội mà ở đó người phụ nữ được đối xử công bằng.

Câu 6 (1,0 điểm). HS bày tỏ ý kiến về quan niệm *Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*. Sau đây là một hướng trả lời:

- Quan niệm *Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung* không còn đúng với xã hội hiện đại ngày nay.

Lí giải: Vì xã hội hiện đại ngày nay đề cao quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Người phụ nữ không phải chịu những bất công, áp bức như trong thời kì xã hội phong kiến mà được làm chủ cuộc sống, số phận của mình. Người phụ nữ trong xã hội hiện đại đã và đang phát huy vai trò, giá trị của mình không chỉ trong gia đình mà còn ngoài xã hội, được nam giới và toàn xã hội ghi nhận.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nghị luận về vai trò của sự sẻ chia trong cuộc sống.

Mở đoạn: *Giới thiệu vấn đề nghị luận. Nơi lạnh nhất không phải Bắc cực. Nơi lạnh nhất là nơi thiếu vắng tình người. Sự sẻ chia yêu thương là điều vô cùng đẹp đẽ, giúp cuộc sống tốt đẹp hơn mỗi ngày.*

Thân đoạn: *Làm rõ vai trò, ý nghĩa của sự sẻ chia trong cuộc sống. Có thể như sau:*

Sự sẻ chia sẽ tạo nên sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn, hoạn nạn. Sẻ chia khó khăn với người khác đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho chính mình và những người xung quanh, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, mối hệ giữa người thân ái hơn. Sẻ chia tình yêu thương góp phần làm cho xã hội phát triển bền vững.

Dẫn chứng: Trong tác phẩm Chí Phèo (Nam Cao), đã thổi bùng lên khát khao hoàn lương trong Chí Phèo khi Chí đang trong hình hài của một con quỷ dữ. Hay trong tác phẩm Chiếc lá cuối cùng (O Hen-ri), chính sự sẻ chia, đồng đến sự cảm của người họa sĩ già Bơ-men đã giúp cô họa sĩ trẻ Giôn-xi hồi sinh, hướng sống thay vì

buông xuôi trước số phận. Hình ảnh những bình trà đá miễn phí, những tử bánh mì từ thiện, những quán cơm 0 đồng... đã trở thành một hình ảnh đẹp của rất nhiều con đường ở TP Hồ Chí Minh. Những mảnh thương quân đã dành số tiền của mình để mong chia sẻ phần nào những khó khăn cho những người lao động nghèo nơi đây. Đó là tình người xiết bao ấm áp của những đồng bào nơi thành phố mang tên Bác...

Kết đoạn: Khẳng định vấn đề. Rút ra bài học cho bản thân. Sự chia sẻ và tình yêu thương là điều quý giá nhất trên đời. Mỗi người cần biết cảm thông với nỗi đau của người khác, lan tỏa tình yêu thương để cuộc đời đẹp hơn mỗi ngày.

Câu 2. (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận nêu cảm nhận về hình tượng người mẹ trong đoạn trích *Mẹ của Bằng Việt*.

Mở bài: *Giới thiệu tác giả, tác phẩm; Nêu nhận xét khái quát về hình tượng người mẹ trong đoạn trích. Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp (Sóng Hồng). Những vần thơ giản dị trong bài thơ Mẹ của nhà thơ Bằng Việt đã bất tử hóa hình tượng người mẹ Việt Nam trong những năm tháng chống Mỹ ác liệt.*

Thân bài:

*** Khái quát chung:** *Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm. Khái quát về đẹp hình tượng người mẹ.*

- Bằng Việt là nhà thơ tiêu biểu của thơ ca hiện đại Việt Nam. Thơ của Bằng Việt ghi dấu trong lòng bạn đọc bởi hồn thơ trẻ trung, tài hoa, giọng điệu tâm tình, trầm lắng, suy tư và giàu triết lí. Bài thơ *Mẹ* được nhà thơ Bằng Việt sáng tác vào năm 1972, vào thời điểm ông tham gia công tác ở chiến trường Bình Trị Thiên. Bài thơ *Mẹ* ra đời như một đóa hoa chân phương giản dị mà thắm ngời tình mẹ.

- Hình tượng người mẹ hiện lên qua nỗi nhớ, sự hồi tưởng của nhân vật trữ tình, một người chiến sĩ đã được mẹ cứu mang, chăm sóc trong kháng chiến chống Mỹ. Đó là người mẹ nông dân vùng hậu cứ đảm đang, giàu tình yêu thương, hết lòng vì kháng chiến.

***Cảm nhận về đẹp của hình tượng người mẹ trong đoạn trích *Mẹ* (Bằng Việt)**

- Mở đầu đoạn trích, nhà thơ đã làm nổi bật tình huống làm sáng ngời vẻ đẹp của người mẹ: *Con bị thương, nằm lại một mùa mưa*. Người mẹ đã chăm sóc người chiến sĩ không chỉ một hai ngày mà suốt một mùa mưa và mẹ đã dành hết tình yêu thương cho người chiến sĩ ấy.

- Hình ảnh mẹ đảm đang, cần mẫn, sớm hôm tảo tần hiện lên gián tiếp qua những hình ảnh thiên nhiên xung quanh ngôi nhà: những vườn cây bóng kín, trái chín rụng suốt mùa, những dãy bưởi sai, những hàng khế ngọt, hương nhãn đầu mùa, tiếng lao xao của chim chóc... Đặc biệt hình ảnh mẹ hiện lên qua những dòng thơ gắn với tình yêu thương vô bờ mà mẹ dành cho người con xa lạ, chăm sóc cho anh từng miếng ăn giấc ngủ. Nhớ về mẹ, người chiến sĩ nhớ dáng người mẹ ân cần mà lặng lẽ, với tiếng

chân đi rất nhẹ. Mẹ thương người chiến sĩ, muốn anh có giấc ngủ trọn vẹn, yên tĩnh để sớm bình phục vết thương nên mẹ luôn dành những điều tốt nhất cho anh. Người chiến sĩ cảm thấy thật ngọt lòng, cái ngọt đó vừa là của vị giác, cũng là cái ngọt ngào mà người con cảm nhận được từ tấm lòng yêu thương của người mẹ nơi hậu cứ. Mỗi sớm mai mẹ nhóm bếp là thắp lên tình mẫu tử thiêng liêng, sưởi ấm lòng người chiến sĩ suốt mùa mưa lạnh. Để rồi, người chiến sĩ nhận ra nơi rừng núi xa lạ khi có mẹ bỗng hóa thành quê hương xiết bao thân thương, và bên mẹ, anh như ở bên gia đình mình.

- Vẻ đẹp của hình tượng người mẹ trong đoạn trích đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp của người mẹ Việt Nam trong kháng chiến qua chiêm nghiệm của người chiến sĩ ở khổ thơ cuối: bất cứ nơi vườn cây, mái lá nào trên khắp dải đất chữ S mà những người chiến sĩ đi qua đều thấp thoáng bóng dáng của những người mẹ yêu thương các anh như con ruột, dành cho các anh tình yêu thương vô bờ. Người chiến sĩ nhận ra: Từng giọt máu trong người con đập khê/ Máu bây giờ đâu có của riêng con?... Từ những người xa lạ, không máu mủ ruột thịt, tình yêu thương của mẹ đã cho anh được hồi sinh, cho anh sự sống, gắn kết với anh bằng tình mẫu tử thiêng liêng. Lời thơ bày tỏ tấm lòng tri ân sâu sắc của người chiến sĩ với mẹ.

*** Nghệ thuật thể hiện vẻ đẹp hình tượng người mẹ:** Thể thơ tám chữ; Hình tượng chọn lọc, gần gũi, quen thuộc; Ngôn từ bình dị, thâm trầm yêu thương; Giọng thơ êm ái, ngọt ngào, tha thiết; Các biện pháp tu từ (liệt kê, ẩn dụ, điệp, câu hỏi tu từ,...) được sử dụng linh hoạt, nhịp nhàng.

*** Đánh giá:** *Khái quát về vẻ đẹp hình tượng người mẹ.*

- Dòng hồi ức của nhân vật trữ tình giúp khắc họa nên trong đoạn trích một hình tượng người mẹ mang bao nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam đảm đang, ân cần, xiết bao ân tình. Hình tượng người mẹ trong đoạn trích hiện ra bình dị, chân chất, không tên, không tuổi, không rõ quê quán, người mẹ ấy cũng như bất kì người mẹ Việt Nam nào vừa dâng hiến những đứa con của mình cho Tổ quốc, vừa sẵn lòng yêu thương những người chiến sĩ khác như con ruột, hết lòng vì kháng chiến. Ad

- Qua hình tượng người mẹ trong đoạn trích, tác giả thể hiện tình yêu, niềm tôn kính, tự hào và biết ơn với biết bao người mẹ vô danh trên dải đất hình chữ S.

Kết bài: Nêu những ấn tượng của bản thân về tác phẩm, tác giả, vẻ đẹp của hình tượng người mẹ trong đoạn trích. Một tác phẩm không dừng lại ở dấu chấm sau cùng. Bài thơ Mẹ (Bằng Việt) đã thực sự mở ra những dư vang bất tận trong lòng người đọc. Vẻ đẹp của mẹ mãi bất tử trong trái tim mỗi người con và trong lòng cả dân tộc Việt Nam.

ĐỀ SỐ 05

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	C	A	D	A

Câu 7 (1,0 điểm)

- Những câu trả lời của nhà nghiên cứu Oliver Marsh, giúp em hiểu thêm:
 - + Sự biến đổi của tảng băng A23a theo thời gian. Nó sẽ tan ra ít một do sự của thời tiết, sau đó nó sẽ nổi trên đại dương và di chuyển.
 - + Hậu quả khi tảng băng di chuyển: gây ra nhiều rắc rối cho động vật và làm gián đoạn hoạt động vận chuyển.
 - + Dự báo trước về sự xuất hiện thêm những tảng băng giống như A23a.

Câu 8 (1,0 điểm)

- Quan điểm của người viết: cảnh báo nguy cơ về tảng băng trôi lớn nhất thế giới đang dịch chuyển sau 37 năm.
- Nhận xét: Người viết có quan điểm rõ ràng; có trách nhiệm trước cộng đồng; đưa tin trung thực khách quan

Câu 9 (1,0 điểm)

Vấn bản đã đặt ra vấn đề quan trọng cần giải quyết là: Sự nóng lên của trái đất và biến đổi khí hậu.

- Bởi: Sự xuất hiện của tảng băng A23a là do sự nóng lên của trái đất. Sự xuất hiện của tảng băng A23a sẽ gây ra nhiều hậu quả đến các loài động vật và hoạt động vận chuyển trên biển. Từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường tự nhiên, cuộc sống con người.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ Bài học đầu cho con, Đỗ Trung Quân.

Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm; yêu cầu của đề bài; nhận xét khái quát bài thơ. Người ta chỉ có thể tách con người ra khỏi quê hương, chứ không thể tách quê hương ra khỏi con người. Bài thơ Bài học đầu cho con của Đỗ Trung Quân là lạch suối mát trong của mạch nguồn ấy. Bài thơ để lại trong em những cảm xúc nhẹ nhàng, sâu lắng khi ngân nga cảm nhận từng vần thơ.

Thân bài:

* **Khái quát:** Dẫn dắt và giới thiệu tác giả, tác phẩm. *Nhà thơ là người thư kí trung thành của trái tim (Đuy-Belay).* Và Đỗ Trung Quân chính là người thư kí xuất sắc trên hành trình ghi lại xúc cảm của trái tim để gửi gắm vào thơ ca. Đỗ Trung Quân là nhà thơ tiêu biểu của nền thi ca Việt Nam hiện đại. Bài thơ *Bài học đầu cho con* được đăng lần đầu năm 1986 trên báo *Khăn quàng đỏ*. Nhan đề *Bài học đầu cho con* đã thể hiện rất rõ về đề tài, cấu tứ và cảm xúc chủ đạo của bài thơ.

*** Phân tích nét đặc sắc về mặt chủ đề, nội dung:**

- Khổ 1: Khổ thơ đầu là lời giới thiệu, gợi nhắc ta về tình cảm với quê hương.

Mở đầu bài thơ là câu hỏi của người con dành cho mẹ về khái niệm quê hương. Câu hỏi tu từ Quê hương là gì hở mẹ? được lặp lại hai lần, không chỉ là lời hỏi hồn nhiên của một em bé với mẹ mà còn ẩn chứa niềm khao khát muốn được tìm hiểu, khám phá về quê hương của mình. Những vế thơ sau như lời khẳng định: mà cô giáo dạy phải yêu, ai đi xa cũng nhớ nhiều đã thể hiện mối quan hệ gắn bó bền chặt, thiêng liêng giữa con người và quê hương.

- Khổ 2,3,4, 5: Cách định nghĩa về quê hương: Điệp ngữ quê hương là được lặp lại nhiều lần, khẳng định sự đa nghĩa về khái niệm của nó. Quê hương là ký ức, là linh hồn, là niềm thương nỗi nhớ không thể rời xa. Nhà thơ sử dụng kết hợp phép so sánh, liệt kê, quê hương là chùm khế ngọt, con điều biếc, cầu tre nhỏ, vàng hoa bi, để khẳng định quê hương là những gì thân thuộc, gần gũi nhất trong ký ức tuổi thơ mỗi người.

Khổ 6: Lời nhắc nhở hãy luôn nhớ về quê hương. So sánh quê hương như mẹ khẳng định quê hương chính là nơi nuôi chúng ta lớn khôn, trưởng thành để chống chọi với bão giông cuộc đời. Bài thơ có kết thúc mở, gợi trong tâm trí mỗi người đọc những suy ngẫm riêng về vai trò, trách nhiệm của bản thân với quê hương mình.

*** Phân tích nét đặc sắc về mặt nghệ thuật.** Thể thơ 6 chữ, nhịp thơ đều đặn, nhịp nhàng, gần như cả bài thơ chỉ có một nhịp 2/4. Vần: vần chân, vần liền xen vần cách. Ví dụ ở khổ đầu: mẹ- mẹ; yêu- nhiều. Hình ảnh thơ bình dị, thân quen: chùm khế ngọt, cầu tre nhỏ, con điều biếc,..., ngôn ngữ thơ giản dị mà hàm súc. Giọng điệu thơ tha thiết, trù mến. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp điệp ngữ, liệt kê, cấu trúc thơ vắt dòng rất đặc sắc.

*** Đánh giá:** Nhà văn Shelly đã khẳng định: *Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp trên đời thành bất tử*. Bài thơ Bài học đầu cho con đã bất tử hóa tình yêu quê hương, tình yêu gia đình thiêng liêng, cao đẹp. Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa một khám phá về nội dung và một phát minh về hình thức từ đó đã làm tỏa sáng cái tâm, cái tài của nhà thơ Đỗ Trung Quân.

Kết bài: Cảm xúc của em về bài thơ

Giữa mạch nguồn quê hương với những điểm sáng như: Quê hương của Tế Hanh, Quê hương của Giang Nam, bài thơ Quê hương của Đỗ Trung Quân vẫn khẳng định được nét đẹp riêng, độc đáo của bài thơ và để lại nhiều ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn em và bạn đọc bao thế hệ.

ĐỀ SỐ 06

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	C	A	B	D

Câu 7 (1,0 điểm)

- *Biện pháp tu từ điệp ngữ: đủ khiêm nhường*

- Tác dụng:

+ Biện pháp điệp ngữ tạo nhịp điệu, tạo liên kết, làm cho cách diễn đạt sinh động, hấp dẫn, lập luận thêm chặt chẽ, thuyết phục.

+ Nhấn mạnh, làm nổi bật vai trò của sự khiêm nhường trong việc tìm kiếm sự giúp đỡ của mọi người xung quanh: phải là người khiêm nhường mới nhận sự giúp đỡ từ người khác và khi khiêm nhường, ta cũng dễ dàng lấy được thiện cảm và nhận được sự giúp đỡ của mọi người.

+ Qua đó, nhắn nhủ mỗi chúng ta trong cuộc sống cần biết khiêm nhường, nhất là những lúc cần có sự hỗ trợ từ mọi người.

Câu 8 (1,0 điểm)

- Nêu quan điểm: Đồng tình/ không đồng tình/ hoặc đồng tình một phần.

- Lý giải:

* Đồng tình vì:

+ Trong cuộc sống, khó khăn, thử thách là điều con người không thể tránh khỏi.

+ Có những khó khăn, thử thách quá lớn, vượt quá khả năng xử lý của cá nhân, khi đó con người rất cần có sự đồng hành, giúp đỡ của mọi người xung quanh.

+ Ai ai trong cuộc sống cũng có ít nhất một người khác sẵn sàng giúp đỡ khi ta gặp khó khăn, thử thách, đó có thể là một lời nói, ánh mắt, cử chỉ động viên, khích lệ, hay một bàn tay nắm lấy tay ta để truyền cho ta động lực, sức mạnh tinh thần,...

+ ...

* Không đồng tình vì:

+ Không phải tất cả mọi người đều cần sự giúp đỡ của người khác khi gặp khó khăn, thử thách.

+ Có những người vô cùng tự lập, giỏi giang, bản lĩnh, họ đủ can đảm, sức mạnh để tự mình giải quyết khó khăn, thử thách của chính mình.

+ Con người cần dựa vào chính mình thay vì trông đợi sự giúp đỡ từ mọi người, đó mới là tự lực, tự lập đáng được trân trọng.

+

* Đồng tình một phần: Kết hợp các lý giải của hai quan điểm trên.

Câu 9 (1,0 điểm). Từ nội dung văn bản, em rút ra cho bản thân những bài học để giúp mình tìm kiếm sự hỗ trợ từ mọi người xung quanh như:

- Biết khiêm tốn, khiêm nhường;
- Không tự cao, tự đại;
- Biết trân trọng sự giúp đỡ của người khác;
- Cần yêu thương, gắn bó với mọi người xung quanh, đặc biệt là người thân ruột thịt;
- Cần xây dựng được lòng tin với mọi người về bản thân mình;

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích truyện ngắn Vẻ xem xiếc của nhà văn Tống Phú Sa.

Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận. Vũ trụ có nhiều kì quan, nhưng kì quan tuyệt phẩm nhất là trái tim người mẹ (Bernard Shaw). Tình mẫu tử, tình mẹ dành cho con luôn là tình cảm thiêng liêng, cao đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người. Trong mạch nguồn đề tài ấy, truyện ngắn Vẻ xem xiếc của Tống Phú Sa góp một dòng suối nhỏ, bồi đắp cho tâm hồn người đọc bao ý vị đẹp đẽ về tình cảm cao quý nhất trên đời.

Thân bài:

* **Khái quát chung:** Giới thiệu vài nét về tác giả, khái quát về giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm. Tống Phú Sa là người có nhiều truyện ngắn đăng trên các báo, tạp chí từ Trung ương đến địa phương. Trang viết của bà đầy chất hiện thực và thấm đẫm tính nhân văn. Truyện ngắn Vẻ xem xiếc được tuyển chọn đăng trong tuyển tập Truyện ngắn hay 2015 của nhà xuất bản Văn học. Truyện để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả về tình mẫu tử thiêng liêng, về tấm lòng cảm thương sâu sắc của nhà văn dành cho những mảnh đời nghèo khó cùng những giá trị nghệ thuật độc đáo.

* **Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm**

- Phân tích giá trị nội dung

+ Nêu tóm tắt nội dung câu chuyện. Câu chuyện kể về một người mẹ đơn thân, bán bánh mì rong để nuôi đứa con trai mới lên sáu tuổi. Ngày tổng kết tốt nghiệp mầm non, cậu bé được cô giáo tặng một vé xem xiếc miễn phí. Cậu bé vui sướng vì đây là lần đầu cậu được xem xiếc. Khi đến rạp, mẹ con chị mới biết chiếc vé chỉ dành cho trẻ em, mà trẻ em phải có người lớn đi cùng mới được vào. Chị không dám mạo hiểm bỏ ra số tiền duy nhất mình có để mua vé xem. Chị đành xin lỗi con trai, ôm con, giấu đi nước mắt. Cậu bé thất vọng nhưng nén nỗi buồn và nói gánh xiếc còn non nghệ, chẳng đáng xem.

+ Phân tích chủ đề và hình tượng các nhân vật. Truyện viết về tình mẫu tử thiêng liêng, cảm động của hai mẹ con người phụ nữ nghèo khổ. Đó là tình cảm của người

mẹ dành cho con. Dù nghèo khổ, ít học, nhưng người mẹ rất yêu thương con, muốn cùng con đi xem xiếc, hạnh phúc khi thấy con vui. Người đàn bà nhìn con rung rung; khi thấy con nhỏ thèm muốn những món đồ chơi, đồ ăn vặt bán ở khu vực xem xiếc, người mẹ vì không có tiền để mua cho con, đau lòng chỉ biết vờ như không biết. Chị để mặc dòng nước lặng lẽ chảy trên khoé mắt. Rồi khi biết tấm vé con được cô giáo phát trên lớp chỉ dành cho trẻ em, mà phải có người lớn mua vé vào cùng thì trẻ nhỏ mới được vào xem, người mẹ đau khổ tột cùng Ôi! Con trai bé bỏng của chị, chị biết phải làm sao đây? Chị chỉ biết xin lỗi đứa con bé bỏng và ôm nó vào lòng để giấu đi niềm xót xa, đau đớn. Không tìm được, chị ghì lấy nó, đôi dòng nước mắt lặng lẽ rơi:- Mẹ xin lỗi con, thứ lỗi cho mẹ, con nhé!...Đó còn là tình cảm của con dành cho mẹ. Đó là một cậu bé tuy mới 6 tuổi nhưng rất hiểu chuyện và yêu thương mẹ. Em ý thức được về gia cảnh của hai mẹ con, nên không bao giờ có đòi hỏi thái quá khiến mẹ phải khó xử. Khi nhìn thấy những thức quà bày bán la liệt, dù lè lưỡi liếm môi khi đi qua hàng bông ngô chiên mỡ hay rất thích thú với những món đồ chơi con trẻ nào cũng mong muốn sở hữu, cậu bé chỉ kín đáo nhìn những hình thù ngộ nghĩnh trên những quả bóng bay được bơm tròn căng.

Đặc biệt là lúc biết hai mẹ con không được vào xem xiếc, bao mong đợi, hi vọng như sụp đổ, nhưng cậu bé cũng không có phản ứng như thường thấy ở những đứa trẻ quen được nuông chiều. Ngược lại, em cố gắng tỏ ra bình tĩnh, thậm chí không thèm, không cần vào xem xiếc nữa để mẹ không đau lòng. *Thằng bé day mặt về phía chị, chỉ thoáng chốc, chỉ thoáng chốc thôi, khuôn mặt thằng bé đã ở trạng thái bình thường. Nó chạy trước chị một quãng, nói lớn để chị không thể nhận ra giọng nói đã méo xệch của mình rằng, mẹ ơi, đoàn xiếc này cũng còn non nghề, ai mà thèm xem, nhi, mẹ nhi!*

+ Truyện còn thể hiện tấm lòng cảm thương, sẻ chia, trân trọng của nhà văn với những mảnh đời nghèo khổ: Thương cho tình huống éo le, không thể mua nổi tấm vé xem xiếc cùng con của người mẹ. Thương cho con trẻ không được hưởng những niềm vui thơ ấu giản đơn, bình dị nhất. Trân trọng tình mẫu tử thiêng liêng của người mẹ, sự hiểu chuyện đến đáng thương của cậu con trai. Thấp thoáng trong truyện còn có cái nhìn phê phán kín đáo mà sâu sắc với những người dửng dưng, vô cảm trước sự nghèo khổ, ít học của người khác ở nhân vật người bán vé.

- Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm

+ Nghệ thuật xây dựng cốt truyện, tình huống truyện: Vé xem xiếc của Tống Phú Sa không chỉ khiến người đọc rung rung cảm động trước tình cảm của hai mẹ con người mẹ đơn thân, mà truyện còn lôi cuốn người đọc ở những đặc sắc về nghệ thuật. Trước hết là nghệ thuật xây dựng cốt truyện, tình huống truyện. Cốt truyện đơn giản, gần gũi đời thường, xoay quanh cuộc sống của hai mẹ con người phụ nữ bán bánh mì rong.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Truyện còn thành công ở nghệ thuật xây dựng nhân vật, nhất là nhân vật cậu con trai chủ yếu được khắc họa qua phương diện lời nói, hành động. Diễn tả niềm vui sướng của cậu bé khi được đi xem xiếc, nhà văn miêu tả cử chỉ, hành động, lời nói của cậu: nhảy chân sáo, tay giơ cao tấm vé, miệng líu lo: Mẹ thấy chưa, đoàn xiếc này là “có nghề” lắm nhá! Người đi xem đông ời là

đông. Đặc biệt, câu nói của cậu bé với mẹ khi biết rằng mẹ không thể mua vé cho em vào xem xiếc rằng, mẹ ơi, đoàn xiếc này cũng còn non nghề, ai mà thèm xem, nhi, mẹ nhĩ thực sự làm nhói tim người đọc. Dường như hoàn cảnh sống đã khiến em phải trưởng thành hơn trước tuổi, em cố nén nỗi buồn, nỗi thất vọng vào giọng nói đã méo xệch đi của mình để mẹ không phải khổ tâm, day dứt.

+ Ngoài ra, để làm sáng lên tư tưởng chủ đề của truyện, nhà văn còn thành công ở nghệ thuật miêu tả tâm lý, đặc biệt là tâm lý người mẹ. Tài năng của nhà văn thể hiện rõ nhất trong đoạn miêu tả sự đấu tranh tư tưởng của người mẹ khi biết rằng phải mua mới được vào xem xiếc. Chi tiết chị lần dây rút, kín đáo đem lại số tiền trong đây, cùng những câu văn miêu tả lời nói, cử chỉ, tâm trạng nhân vật Cổ hòng chị tắc nghẽn khi nhìn đôi vai buồng thông, khuôn mặt buồn thiu thất của thằng bé. Không kìm được, chị ghì lấy nó, đôi dòng nước mắt lặng lẽ rơi đã chạm vào trái tim người đọc. Nếu Nghệ thuật miêu tả tâm lý là thước đo tài năng của người nghệ sĩ thì với đoạn truyện này, Tống Phú Sa xứng đáng là một người nghệ sĩ tài năng.

+ *Vé xem xiếc* còn cuốn hút người đọc ở cách dẫn chuyện, kể chuyện tự nhiên. Ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm sâu sắc, chân thực, lời cuốn.

*** Đánh giá:** *Khái quát thành công của truyện ngắn Vé xem xiếc, liên hệ mở rộng.*

- Vé xem xiếc với những thành công đặc sắc về nghệ thuật của thể loại truyện ngắn như nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, cách khắc họa nhân vật, nhất là qua nghệ thuật miêu tả tâm lý, ... đã diễn tả thành công tình cảm mẫu tử thiêng liêng của hai mẹ con người phụ nữ bất hạnh. Qua đó, thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc, thấm đẫm nỗi thương người, thương đời của cây bút nữ Tống Phú Sa.

- Liên hệ các tác phẩm viết về số phận của người phụ nữ Việt Nam trong văn học hiện đại như: Cánh đồng bất tận của Nguyễn Ngọc Tư, Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, ... để thấy những đóng góp và ý nghĩa riêng của truyện ngắn Vé xem xiếc.

Kết bài: Khái quát lại vấn đề nghị luận. Bài học bản thân.

Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng là sự tôn vinh con người qua những hình thức nghệ thuật độc đáo. Truyện ngắn Vé xem xiếc của Tống Phú Sa đã thức dậy trong lòng người đọc những xúc cảm thiêng liêng cao đẹp về tình mẫu tử cùng với những ấn tượng riêng về tài năng nghệ thuật của nhà văn.

ĐỀ SỐ 07

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A		B	C	D

Câu 7 (1,0 điểm)

- Đoạn thơ sử dụng bút pháp tương phản đối lập giữa quá khứ và hiện tại: . để đảm

+ Thời điểm quá khứ. Tháng ngày hạnh phúc khi còn được vua yêu chuộng nên cuộc sống trở nên tươi đẹp hơn.

+ Thời điểm hiện tại: Tháng ngày buồn tẻ, phần uất khi bị vua rẻ rúng, ruồng rẫy.

- Tâm trạng của nhân vật trữ tình:

+ Buồn tủi, cô đơn khi nhớ về những ngày tháng hạnh phúc trong quá khứ.

+ Đau xót cho hiện tại khi bản thân ngày một tàn tạ, héo úa.

+ Phần uất, trách móc nhà vua, trách móc xã hội, cuộc đời đã đưa đẩy mình vào tình cảnh hiện tại.

Câu 8 (1,0 điểm)

- Khái quát về tâm trạng người cung nữ trong đoạn trích: Vừa buồn tủi, cô đơn khi nhớ về những ngày tháng hạnh phúc trong quá khứ vừa đau xót cho hiện tại khi bản thân ngày một tàn tạ, héo úa, đồng thời là tâm trạng phần uất, trách móc nhà vua, trách móc xã hội, cuộc đời đã đưa đẩy mình vào tình cảnh hiện tại.

- Từ tâm trạng của người cung nữ, em hình dung được về số phận của người cung nữ nói chung và bộ mặt của vua chúa trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ:

+ Số phận người cung nữ: bất hạnh, bị kịch: mua vui cho vua chúa, chôn vùi tuổi thanh xuân của mình trong cấm cung; cuộc đời của họ chìm nổi; hạnh phúc hay khổ đau của họ tùy thuộc vào sự sủng ái của vua - Nếu may mắn được vua để ý, sủng hạnh thì được người khác hầu hạ, sống trong vinh hoa phú quý, còn nếu không được vua sủng hạnh thì họ sẽ phải chịu cảnh ghẻ lạnh, sống trong cung vua cho tới già thì đưa về quê để chờ chết.

- Bộ mặt của vua chúa lúc bấy giờ: độc ác, tàn nhẫn, chà đạp lên quyền sống con người. Chính chế độ đa thê và tục tuyển cung tần mĩ nữ tàn bạo của vua chúa đã vô tình gây ra hàng nghìn số phận bi thương trong xã hội.

Câu 9 (1,0 điểm)

- Một số tác phẩm viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến: *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Bánh trôi nước*, *Chuyện người con gái Nam Xương*, ...

- Khái quát về đẹp của người phụ nữ trong các tác phẩm đã kể:

- + Tài sắc vẹn toàn, hiếu thảo, thủy chung như Thuý Kiều trong *Truyện Kiều*
- + Luôn có khao khát về hạnh phúc và tình yêu lứa đôi như người cung nữ trong *Chinh phụ ngâm*
- + Luôn thủy chung, son sắt như nhân vật trữ tình em trong *Bánh trôi nước*
- + Đằm đằm, vị tha, giàu tình yêu thương như Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng đánh bạc online ở lứa tuổi học sinh, sinh viên.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề. Dân gian thường có câu: “Làm trai cờ bạc thì chùa/Rượu làng thì uống, rượu mua thì đừng” để răn dạy con người không nên ham mê cờ bạc. Thế nhưng, trong thời đại công nghệ số hiện nay, thực trạng đánh bạc online - một hình thức đánh bạc trong thế giới ảo đã để lại những hậu quả đáng tiếc, nhất là đối với học sinh, sinh viên. Đúng như tựa đề bài báo trên trang songtre.com, ngày 03/08/2022: Đánh bạc online: những “cạm bẫy” tàn phá giấc mơ học đường.

Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận theo trình tự hợp lí, chẳng hạn:

- Giải thích: Đánh bạc online là việc các đối tượng nạp tiền vào game trực tuyến bằng bất cứ hình thức nào và thực hiện việc đánh, thu tiền ảo về thông qua những trò chơi đó. Hoặc vẫn là hành vi đánh bạc thông thường nhưng sử dụng mạng online để đánh bạc. Đánh bạc online ở lứa tuổi học sinh, sinh viên ngày càng trở nên phổ biến.

- Thực trạng: Tình trạng đánh bạc online đang nở rộ với hình thức tinh vi, quy rộng khắp cả nước, thậm chí xuyên biên giới. Theo thống kê của một bài viết trên báo tayninh.gov.vn, ngày 29/2/2024: Trong khoảng 03 năm trở lại đây, lực lượng Công an toàn quốc đã đấu tranh triệt phá hơn 2.000 vụ đánh bạc và tổ chức đánh bạc trên không gian mạng. Trong đó, số lượng học sinh, sinh viên tham gia đánh bạc online ngày càng lớn, đặc biệt độ tuổi tham gia đánh bạc online ngày càng trẻ hoá. Đánh bạc online diễn ra ở cả học sinh THPT, THCS.

- Nguyên nhân gây ra vấn đề:

+ Khách quan: Sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là sự bùng nổ của công nghệ thông tin khiến hành vi đánh bạc trên không gian mạng ngày càng mở rộng với nhiều hình thức tinh vi hơn. Sự phổ biến của việc sử dụng điện thoại di động là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến hành vi đánh bạc online ngày càng lan rộng. Học sinh có thể được gia đình cho phép sử dụng điện thoại di động từ tiểu học nên việc tiếp cận và bị dụ dỗ bởi các hình thức đánh bạc online là điều dễ hiểu. Nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, con người cũng phải lao vào vòng xoáy của nền kinh tế ấy nên thời gian dành cho gia đình càng hạn hẹp, sự quan tâm của bố mẹ dành

cho con cái ngày càng ít đi. Nhiều học sinh sống trong thế giới “ảo” còn nhiều hơn thế giới thực nên dễ sa đà vào các hình thức đánh bạc online một cách mất kiểm soát. Nhà trường chưa thật chú trọng và chưa có biện pháp xử lý nghiêm khắc, triệt để với vấn đề học sinh đánh bạc online. Các lực lượng xã hội còn chủ quan với tệ nạn xã hội nguy hiểm này.

+ Chủ quan: Do nhận thức còn hạn chế nên dễ bị kẻ xấu lôi kéo, dụ dỗ, thậm chí khi mới tham gia còn không nhận thức được đó là hình thức cờ bạc. Do tư tưởng ham ăn lười làm nên tạo điều kiện cho các trò đỏ đen có cơ hội phát triển. Một phần là do tâm lý lứa tuổi, thích thể hiện cái tôi, thích ăn chơi thể hiện đẳng cấp và kiếm tiền để đáp ứng nhu cầu ăn chơi của bản thân,...

- Hậu quả: Giống như nội dung bài báo ở đề bài đã đề cập đến, hậu quả đầu tiên và nặng nề nhất chính là việc học tập bị lơ đãng, gián đoạn; gây ảnh hưởng đến tương lai dài phía trước. Nếu tệ nạn này kéo dài sẽ kéo theo những hệ lụy khác: nghiện cờ bạc vì tâm lý càng mất càng muốn gỡ nên các con bạc sẽ càng lún sâu vào cạm bẫy, khi không đủ điều kiện để theo sẽ nợ nần, vay tín dụng đen hoặc trộm cắp, lừa đảo người khác. Có thể vướng vào vòng lao lý khi vi phạm các điều khoản theo quy định của pháp luật. Gia đình điêu đứng, kiệt quệ vì những món nợ khổng lồ, gây mất hạnh phúc gia đình. Xã hội trì trệ, kém phát triển; nhiều tệ nạn xã hội phát sinh gây mất trật tự an ninh xã hội.

- Giải pháp:

+ Tuyên truyền mạnh mẽ về tác hại và dấu hiệu của các tệ nạn xã hội nói chung và đánh bạc online nói riêng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Lồng ghép giáo dục về tệ nạn xã hội này trong các chương trình ngoại khoá của trường học, coi nó là một vấn đề có tầm quan trọng và cấp thiết. Nhà trường tổ chức nhiều sân chơi lành mạnh cho học sinh để hạn chế việc học sinh sử dụng thời gian tham gia những trò vô bổ. Gia đình nên dành nhiều thời gian hơn để quan tâm đến con em mình. Nhà trường, gia đình và xã hội cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau để đẩy lùi tệ nạn nguy hiểm này.

+ Bản thân mỗi con người nên rèn luyện cho mình một lối sống lành mạnh, cố gắng tiếp thu kiến thức về kỹ năng sống mỗi ngày, quan tâm đến người xung quanh, những vấn đề xã hội để có một thái độ, một cái nhìn tỉnh táo khi đứng trước cuộc đời.

- Dẫn chứng: Trong một bài báo trên trang tuoitrethudo.vn, ngày 13/5/2018 có viết: Theo chia sẻ của lãnh đạo Đại học Bách khoa Hà Nội, mỗi năm có tới 700-800 sinh viên của trường bị buộc thôi học. Số sinh viên bị thôi học phần lớn do mải chơi, ham mê cờ bạc, game online chứ không phải chương trình học quá khó.

- Bài học nhận thức: Học sinh chúng ta nên có những nhận thức đúng đắn về tệ nạn xã hội đánh bạc online, cần tránh xa tệ nạn này và có những hành vi can ngăn phù hợp nếu phát hiện bạn bè của mình tham gia vào tệ nạn đáng sợ này.

Kết bài: *Khẳng định lại vấn đề và nêu thông điệp.*

Tệ nạn đánh bạc online ngày càng phổ biến trong giới học sinh, sinh viên và trở thành vấn nạn của xã hội. Đây là tiếng chuông cảnh tỉnh tới gia đình, nhà trường và tới toàn xã hội. Xã hội cần có biện pháp cụ thể để ngăn chặn tình trạng trên. Với chính mỗi sinh viên, học sinh hãy nhận thức đúng và nỗ lực vượt qua những tệ nạn ấy. Chúng ta hãy cùng chung tay vì một xã hội phát triển lành mạnh.

ĐỀ SỐ 08

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu (Mỗi câu 0,5 điểm)	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	D	A	D

Câu 7 (1,0 điểm). Đặc điểm của không gian trong văn bản *Năm hạt cam khô*:

- Không gian hẹp, trong cuộc sống sinh hoạt của một thám tử: *Sherlock Holmes* ngồi trầm tư ở một phía lò sưởi, tra cứu những hồ sơ hình sự.

- Không gian rộng; qua các địa danh, quốc gia: Pondicherry, Texas, London, Mỹ,...

- Không gian mang tính hành trình của vụ án: Được thể hiện qua việc Openshaw đến tìm Sherlock Holmes để giúp đỡ điều tra về cái chết của chú và cha mình, việc Openshaw bị sát hại trên đường về nhà, việc Sherlock Holmes trực tiếp đi điều tra vụ án.

- Không gian đa dạng, biến đổi linh hoạt: Từ không gian cận cảnh, chi tiết đến không gian bao la rộng lớn, từ không gian đất liền đến không gian biển cả, từ không gian nước Anh đến không gian nước Mỹ.

Câu 8 (1,0 điểm).

- Sherlock Holmes là một người cẩn mẫn, nghiêm túc trong công việc, chịu khó tìm tòi, nghiên cứu những vấn đề liên quan đến công việc của mình.

- Sherlock Holmes là một thám tử có óc phán đoán nhanh, linh nhạy; phân tích sắc sảo, logic. Chỉ cần một vài thông tin, Sherlock Holmes đã nắm được tình hình của vụ án, đã tìm ra được tung tích của hung thủ.

- Sherlock Holmes là một thám tử quyết tìm ra sự thật; căm phẫn và quyết tiêu diệt Hail opub ido medijem gnoz noul gnúđ cái xấu, cái ác.

Câu 9 (1,0 điểm)

- Cái kết của câu chuyện: Chúng tôi chờ đợi bọn sát nhân bị bắt, bị pháp luật trừng trị; nhưng vẫn không thấy thông tin nào về bọn chúng. Bọn sát nhân có những dấu hiệu bị tai nạn ngoài khơi giữa Đại Tây Dương.

- Nhận xét về cái kết của câu chuyện: Cái kết đột ngột, bất ngờ, để lại nhiều phỏng đoán cho người đọc. Cho thấy bọn sát nhân mặc dù chưa bị pháp luật trừng trị thì cũng bị luật trời trừng phạt. Cái kết mang đến bài học về lẽ sống thiện ác ở đời; theo lẽ nhân quả, báo ứng.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích văn bản *Bố Cái Đại Vương* của Lý Tế Xuyên.

Mở bài: Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại, nhận xét chung về truyện: *Bố Cái Đại Vương* là một trong những truyện truyền kỳ đặc sắc, thuộc Việt điện u linh của

Lý Tế Xuyên. Tác phẩm vừa mang những yếu tố thực, vừa mang những yếu tố kỳ diệu, hấp dẫn. môn

Thân bài: Có thể triển khai vấn đề nghị luận như sau:

*** Khái quát chung:** Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm. Khái quát vấn đề nghị luận.

- Lý Tế Xuyên sống vào khoảng cuối thế kỉ XIII – nửa đầu thế kỉ XIV, chưa rõ quê quán, năm sinh và năm mất. Theo các tài liệu nghiên cứu, ông giữ chức Thủ đại tạng thư Hỏa chính trưởng trung phẩm, Phụng ngự, An Tiêm lộ chuyển vận sứ thời Trần, *Việt điện u linh tập* gồm 27 thiên, kể về công tích của 27 vị thần được tôn thờ trong các đền, miếu thời Lý – Trần với lời tựa của chính tác giả đề năm 1329.

Bổ Cái Đại Vương là một trong 27 thiên của *Việt điện u linh tập*, làm nổi bật hình ảnh *Bổ Cái Đại Vương Phùng Hưng* trong lịch sử dân tộc. Tác phẩm làm nổi bật chủ đề Ca ngợi công ơn, công đức của những anh hùng dân tộc, những người có công với dân với nước. Trong tâm thức của dân tộc, các anh hùng luôn sống mãi, thậm chí được linh thiêng hóa thành các vị phúc thần. Đây là một chủ đề nổi bật trong *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên.

*** Phân tích, đánh giá các đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản:**

- Phân tích giá trị nội dung: Tóm tắt nội dung. Phân tích chủ đề, hình tượng nhân vật.

+ Tác phẩm làm nổi bật chủ đề: Ca ngợi công ơn, công đức của những anh hùng dân tộc, những người có công với dân với nước. Trong tâm thức của dân tộc, các anh hùng luôn sống mãi, thậm chí được linh thiêng hóa thành các vị phúc thần. Đây là một chủ đề nổi bật trong *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên.

+ Nhân vật *Bổ Cái Đại Vương Phùng Hưng*: Cách giới thiệu quen thuộc của văn học dân gian với đầy đủ họ tên, quê quán, xuất thân: *họ Phùng tên là Hưng; đời đời cha truyền con nối làm tù trưởng ở châu Đường Lâm, gọi là Quan Lang*; gia tư giàu có. Được làm nổi bật với những nét hơn người về sức khỏe: *có thể bắt hổ vật trâu*. Nhấn mạnh uy danh: *Những dân Di, Lão đều nghe tiếng mà sợ. Được mọi người đồng tình ủng hộ, tin theo; đánh giặc, lập nên công trạng lớn. Khi qua đời thì hiển linh như một vị phúc thần phù trợ nhân dân, đất nước*.

+ Những nhân vật khác: Xuất hiện nhiều nhân vật phụ khác như Phùng Hải, Cao Chính Bình, Bồ Phá Lặc, An, dân Di, Lão, Đường Đức Tông, Triệu Xương, dân quê, Ngô Tiên Chúa... Tất cả các nhân vật trên đều xoay quanh, làm nổi bật vai trò, vị trí của nhân vật *Bổ cái đại vương Phùng Hưng*.

→ Nhân vật *Bổ Cái Đại Vương Phùng Hưng* được người kể chuyện phác họa qua dòng chảy của thời gian: Từ khi còn sinh thời tạo lập nên những chiến công hiển hách đến khi chết hiển linh thành vị phúc thần, đến cả thời Ngô Tiên Chúa lập quốc; xuất hiện trong những không gian khác nhau - từ không gian cõi trần đến không gian cõi tâm linh.

- Phân tích những đặc sắc về nghệ thuật: Nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc: Nhân vật Bô Cái Đại Vương Phùng Hưng được xây dựng trên những nét vừa thực vừa ảo. Những nét thực thể hiện Bô Cái Đại Vương Phùng Hưng là một nhân vật lịch sử.

Những nét kì ảo thể hiện Bô cái đại vương Phùng Hưng đã được thần thánh hóa, linh thiêng hóa. Cốt truyện li kì, hấp dẫn, kết hợp cả yếu tố thực và yếu tố kì ảo; sử dụng ngôi kể thứ ba, trần thuật với điểm nhìn của người kể chuyện ở ngôi thứ ba. Điều đó mang lại cái nhìn về nhân vật được khách quan, tổng thể, bao quát.

*** Đánh giá:**

Văn bản Bô Cái Đại Vương được Lý Tế Xuyên xây dựng trên nền tảng những yếu tố của lịch sử kết hợp hài hòa với các yếu tố kỳ ảo để làm nổi bật vẻ đẹp, vị thế của người anh hùng dân tộc Phùng Hưng.

Thái độ của nhân dân, tác giả đối với Bô Cái Đại Vương Phùng Hưng: Đó là thái độ biết ơn, kính ngưỡng đối với người anh hùng dân tộc.

Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân. Văn bản truyện truyền kì đã xây dựng thành công hình tượng Bô Cái Đại Vương – người anh hùng dân tộc. Thế hệ trẻ hiện tại cần có cái nhìn hướng về tiền nhân với lòng biết ơn, trân trọng, sống xứng đáng với truyền thống của dân tộc,...

ĐỀ SỐ 09

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Nội dung thông tin của văn bản

- Giới thiệu chung về Cố đô Huế.
- Giới thiệu lịch sử hình thành và cấu trúc của Cố đô Huế.
- Giới thiệu Cố đô Huế được UNESCO công nhận quần thể di tích Cố đô Huế là di sản văn hoá của nhân loại (năm 1993)

Câu 2 (0,5 điểm):

- Loại phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản là: Hình ảnh.
- Vai trò: cung cấp hình ảnh một cách trực quan, làm người đọc dễ hình dung hơn về di tích Cố đô Huế cụ thể là hình ảnh Đại Nội Huế về đêm.

Câu 3 (1,0 điểm): Những đặc điểm của kiểu văn bản giới thiệu một di tích lịch sử thể hiện trong văn bản là:

- Mục đích viết: Cung cấp thông tin về Quần thể di tích Cố đô Huế- di sản văn hóa thế giới.
- Cấu trúc: Có đầy đủ 3 phần: mở đầu, nội dung, kết thúc.
- Về hình thức: Sử dụng các đề mục để làm nổi bật thông tin chính; sử dụng từ ngữ chuyên ngành; hình ảnh minh họa; yếu tố miêu tả...
- Cách trình bày thông tin: Theo trật tự thời gian.

Câu 4 (1,0 điểm):

- Mối quan hệ giữa nhan đề và các thông tin cơ bản của văn bản chặt chẽ logic.
- + Các thông tin cơ bản trong văn bản đều cung cấp thông tin về di tích lịch sử Cố đô Huế và tập trung làm rõ nhan đề Quần thể di tích Cố đô Huế- di sản văn hóa thế giới.
- + Nhan đề Quần thể di tích Cố đô Huế- di sản văn hóa thế giới đã làm nổi bật và khái quát được nội dung của toàn văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm): Thông tin: Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là di sản văn hoá của nhân loại, tác động tới em (Tác động đến tình cảm, nhận thức và hành động, HS có thể tham khảo gợi ý theo hướng sau.)

- + Em cảm thấy tự hào, yêu mến vì đất nước mình có di sản văn hóa được thế giới công nhận.
- + Em nhận thấy mình cần phải có trách nhiệm tìm hiểu và góp phần bảo vệ các di sản văn hóa của đất nước. Vì đó là trách nhiệm của công dân đối với di sản của đất nước.
- + Nếu có cơ hội em sẽ quảng bá di sản văn hóa Huế tới bạn bè trong và ngoài nước. Vì em mong muốn mọi người biết đến Huế và thu hút khách du lịch đến Huế.

+ Em sẽ tuyên truyền tới mọi người về việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản Cố đô Huế. Vì đây là việc làm thiết thực để bảo vệ, giữ gìn và phát huy những giá trị của di sản.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình trong bài thơ Ngày mới (Nguyễn Bích Lan)

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận. Bài thơ “Ngày mới” của nhà thơ Nguyễn Bích Lan để lại trong em niềm xúc động sâu xa về tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình.

Thân đoạn:

- Cảm xúc, suy nghĩ về tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình trong bài thơ.
- + Tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình thể hiện qua không gian nghệ thuật độc đáo. Đó là không gian của ngày mới tràn đầy năng lượng sống tích cực.
- + Tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình thể hiện qua niềm tin vào cuộc sống để tạo ra nguồn năng lượng sống trong mỗi người: đông một mùa no, người ta gói thật thà đem cho.
- + Tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình khiến bài thơ ngân lên những giai điệu đẹp về cuộc sống: Tình tang tôi hát/Ru ngày của tôi. Mỗi ngày mới là một bản hòa ca mà mỗi chúng ta hãy tận hưởng theo cách của riêng mình.
- Tình yêu cuộc sống của nhân vật trữ tình được diễn đạt qua hình thức nghệ thuật độc đáo.
- + Thể thơ bốn chữ được sử dụng rất hiệu quả. Những câu thơ bốn chữ có nhịp điệu, nhạc điệu hồn nhiên và trong trẻo khiến bài thơ mang âm hưởng của một bài đồng dao.
- + Yếu tố tự sự và trữ tình kết hợp nhuần nhuyễn tạo sức hấp dẫn cho bài thơ.
- + Đại từ nhân xưng tôi đứng ở vị trí đầu ba khổ thơ và được lặp lại sáu lần trong bài thơ cho thấy nhân vật trữ tình chủ động đón nhận những thanh âm của cuộc đời trong niềm vui hân hoan và trong niềm tin vào những điều tốt đẹp ở đời.

Kết đoạn: Khẳng định lại cảm nghĩ và ý nghĩa đối với bản thân.

Bài thơ *Ngày mới* gửi tới người đọc thông điệp về tình yêu cuộc sống, giúp ta biết yêu, biết trân trọng từng khoảnh khắc của cuộc sống, có thêm năng lượng sống tích cực mỗi ngày.

Câu 2 (4,0 điểm). *Khi con người ở trong sa mạc, sẽ hiểu được nước và thực phẩm quý giá hơn vàng, bạc và kim cương rất nhiều. Khi gặp động đất và sóng thần, người ta sẽ hiểu, cho dù có bao nhiêu biệt thự hào hoa, khách sạn sang trọng, thì trong bàn tay vĩ đại của tự nhiên cũng chỉ là một đống bùn đất...*

(Mạc Ngôn, Theo Sound Of Hope, Minh Tâm biên dịch)

Từ vai trò và hiểm họa của thiên nhiên mà nhà văn Mạc Ngôn đề cập đến trong đoạn văn trên, em hãy viết bài văn nghị luận bàn về giải pháp hạn chế biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề, nêu tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề.

Biến đổi khí hậu là thách thức lớn nhất mà nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt trong thế kỷ 21. Chính vì vậy chúng ta cần tìm m chế biến đổi khí hậu ở Việt Nam hiện nay.

Thân bài:

1. Giải thích vấn đề: Biến đổi khí hậu là gì? Biến đổi khí hậu là thuật ngữ được dùng để chỉ sự thay đổi của khí hậu do tác động chủ yếu của con người làm thay đổi các thành phần của khí quyển trái đất. Nói một cách dễ hiểu, biến đổi khí hậu chính là sự thay đổi của hệ thống khí hậu từ sinh quyển, khí quyển, thủy quyển tới thạch quyển trong hiện tại và tương lai.

2. Thực trạng, hậu quả và nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam:

- Thực trạng: Việt Nam đang phải đối mặt với thực trạng biến đổi khí hậu đáng lo ngại và các tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt hơn: nhiệt độ trung bình ngày càng cao, mực nước biển trung bình tăng mỗi năm là 03-05mm. Biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ đến chất lượng cuộc sống, sức khỏe và tuổi thọ con người.

- Nguyên nhân: Bên cạnh nguyên nhân khách quan do tại của tự nhiên thì lối sống của con người có tác động rất lớn đến việc biến đổi khí hậu. Từ cách sử dụng điện, cách chúng ta di chuyển, những thứ chúng ta ăn và những thứ chúng ta vứt bỏ... tất cả ảnh hưởng đến khí hậu. Theo thống kê những người giàu nhất chịu trách nhiệm lớn nhất: 1% dân số giàu nhất toàn cầu phát thải lượng khí nhà kính nhiều hơn so với mức của 50% dân số nghèo nhất.

3. Giải pháp khắc phục giải quyết vấn đề: Từ các thực trạng và nguyên nhân dẫn đến cần phải có giải pháp toàn diện và thống nhất để khắc phục biến đổi khí hậu.

- Đối với Nhà nước và các cơ quan hữu quan:

+ Cần có tầm nhìn dài hạn về biến đổi khí hậu từ đó có kế hoạch cụ thể để giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu đến đời sống con người như: xây dựng các trạm giám sát biến đổi khí hậu và cơ sở dữ liệu về giám sát biến đổi khí hậu..

+ Phân tích, đánh giá, theo dõi những biểu hiện của biến đổi khí hậu để có những giải pháp kịp thời.

+ Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu tầm vĩ mô để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả nhất.

- Đối với cá nhân mỗi người:

+ Lối sống của chúng ta có tác động sâu sắc đến hành tinh của chúng ta. Lựa chọn cách sống của chúng ta có ý nghĩa quan trọng. Khoảng 2/3 lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu liên quan đến con người. Năng lượng chúng ta sử dụng, thực phẩm chúng ta ăn và cách chúng ta di chuyển đều có thể tạo nên sự khác biệt. Vì vậy chúng

ta hãy bắt đầu thay đổi lối sống. Hãy sống tối giản, “sống xanh”, thân thiện với môi trường, trồng cây xanh...sẽ giúp giảm thiểu vấn đề biến đổi khí hậu.

+ Hiện nay các ngành năng lượng, thực phẩm và giao thông vận tải đóng góp khoảng 20% lượng khí thải từ lối sống. Vậy nên chúng ta hãy tiết kiệm năng lượng, sử dụng phương tiện ít ô nhiễm, chọn sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đi xe đạp hoặc đi bộ, hạn chế thực phẩm từ thịt.

Dẫn chứng: Hiện nay xu hướng ăn thuần chay là xu hướng thời thượng, nước Đức có khoảng 8 triệu người không còn ăn thịt, 70% dân số ở độ tuổi lao động quan tâm đến chế độ ăn thuần chay; Châu Âu ước tính khoảng 75 triệu người đã có chế độ ăn hoàn toàn dựa trên thực vật. Ở Việt Nam nhiều bạn trẻ chọn ăn chay để đảm bảo sức khỏe và bảo vệ môi trường...

+ Mua sắm thông minh lựa chọn sản phẩm bền vững, thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng tái tạo tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên

+ Lên tiếng, kêu gọi người khác cùng tham gia hành động, giúp mọi người nhận thức đúng và hành động đúng về biến đổi khí hậu.

Kết bài: Khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề, rút ra bài học cho bản thân.

Biến đổi khí hậu hiện nay đang diễn biến vô cùng phức tạp và gây ra những tác động không nhỏ đến với kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Vì vậy chúng ta hãy cùng nhau hành động đẩy lùi biến đổi khí hậu, bảo vệ trái đất ngôi nhà chung của chúng ta.

ĐỀ SỐ 10

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Thuyết minh

Câu 2 (0,5 điểm): Phần sapo in đậm trong văn bản đã trình bày những thông tin: Giới thiệu về vị trí địa lí, lịch sử tồn tại và là công trình kiến trúc độc đáo, cổ kính, tôn nghiêm của di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Câu 3 (1,0 điểm): Những đặc điểm của kiểu văn bản giới thiệu một di tích lịch sử thể hiện trong văn bản là:

- Mục đích viết: Cung cấp thông tin về kiến trúc độc đáo của Văn Miếu - Quốc Tử Giám

- Cấu trúc: Có đầy đủ 3 phần.

- + Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

- + Phần nội dung: Giới thiệu các nội dung liên quan đến kiến trúc, lịch sử hình thành, vẻ đẹp, cảnh quan,...của Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

- + Phần kết thúc: Nhận xét khái quát về giá trị của Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Về đặc điểm hình thức.

- + Sử dụng các đề mục để làm nổi bật thông tin chính như là: nhan đề, sapo.

- + Một số từ ngữ chuyên ngành.

- + Yếu tố miêu tả.

- Cách trình bày thông tin theo trật tự thời gian và phân loại đối tượng.

Câu 4 (1,0 điểm): Mối quan hệ giữa nhan đề và các thông tin cơ bản của văn bản rất chặt chẽ logic.

- Các thông tin cơ bản trong văn bản đều cung cấp thông tin về di tích lịch sử Văn Miếu - Quốc Tử Giám và tập trung vào kiến trúc độc đáo để làm rõ nhan đề Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Biểu tượng văn hoá của Việt Nam.

- Nhan đề Văn Miếu - Quốc Tử Giám: Biểu tượng văn hoá của Việt Nam đã làm nổi bật và khái quát được nội dung của toàn văn bản.

Câu 5 (1,0 điểm): Ý nghĩa của di tích lịch sử Văn Miếu - Quốc Tử Giám đối với thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay.

- Giáo dục thế hệ trẻ hiểu được truyền thống hiếu học và khát vọng đạt được đỉnh cao tri thức của dân tộc.

- Những thông điệp cha ông ta gửi lại ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám vẫn còn nguyên giá trị về giáo dục, đào tạo, trọng dụng hiền tài và từ đó đặt ra vấn đề về nghĩa vụ, trách nhiệm của hiền tài đối với nhân dân, đối với đất nước.

- Nhấn nhủ tới thế hệ trẻ về tinh thần học tập, giữ gìn, phát huy những giá trị, truyền thống tốt đẹp của lịch sử dân tộc.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về bài thơ Nhớ ngoại (Bảo Ngọc)

Mở đoạn: Giới thiệu tác phẩm, tác giả; Nêu cảm nghĩ chung. Thơ là tiếng lòng (Diệp Tiếp). Bài thơ Nhớ ngoại của tác giả Bảo Ngọc để lại trong tôi niềm xúc động sâu xa về tiếng lòng của người cháu dành cho ngoại của mình.

Thân đoạn: Trình bày cảm nghĩ về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

- Cảm nghĩ về nội dung bài thơ: Xuyên suốt bài thơ là nỗi nhớ khôn nguôi về ngoại khi trở về ngôi nhà xưa của ngoại. Hình bóng ngoại cứ vương vấn mãi trong từng cảnh vật khiến nhân vật trữ tình rung rung một nỗi niềm xúc động.

+ Nỗi nhớ về ngoại trào dâng mãnh liệt khi nhân vật trữ tình cảm nhận thấm thía sự xa cách muôn trùng. Câu thơ Dáng ngoại bên hiên. Nắng tắt dần với dấu chấm giữa dòng thơ như một tiếng nấc nghẹn ngào của nhân vật trữ tình khi nhớ đến dáng ngoại bên hiên nhà xưa nhưng nay đã không còn. Nỗi ngậm ngùi xót xa còn được kết đọng trong hai câu thơ cuối với hình ảnh thơ có sức lay động lòng người: Lá nghiêng về cội con tìm ngoại/ Tê tái chiều buông tóm góc sân.

+ Bài thơ đã thức dậy tình cảm gia đình, tình cảm với ngoại thiêng liêng cao quý trong mỗi người. Miên kí ức về ngoại luôn đẹp đẽ, xúc động mỗi khi ta chạm đến.

- Cảm nghĩ về những nghệ thuật đặc sắc của bài thơ: Thể thơ thất ngôn: Những câu thơ bảy chữ ngắt nhịp 4/3 khiến bài thơ mang giọng điệu trữ tình sâu lắng. Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị, giàu sức gợi hình, gợi cảm. Ngôn ngữ thơ bình dị, tự nhiên, thấm đẫm yêu thương. Các biện pháp tu từ nhân hóa, ẩn dụ, liệt kê,... được sử dụng linh hoạt, nhịp nhàng, hiệu quả...

Kết đoạn: Khái quát cảm nghĩ về bài thơ.

Bài thơ *Nhớ ngoại* của tác giả Bảo Ngọc là bài thơ hay, dạt dào cảm xúc, đã khắc họa rõ nét tâm trạng của nhân vật trữ tình, qua đó làm thức dậy những tình cảm đẹp trong mỗi chúng ta.

Câu 2 (4,0 điểm). Làm việc nhóm từ lâu đã trở thành một hình thức làm việc hiệu quả ở các nước phương Tây nhưng ở Việt Nam, làm việc nhóm vẫn chưa phát huy được hết vai trò và giá trị của nó.

Từ vai trò và giá trị của làm việc nhóm, em hãy viết bài văn nghị luận bàn về cách cải thiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả cho người trẻ Việt Nam hiện nay.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề và nêu tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề. - Tiến mà. Trong thời đại số hoá, làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm quan trọng nhất mà những người trẻ Việt Nam cần phải rèn luyện. Vậy giải pháp nào để cải thiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả cho người trẻ Việt Nam hiện nay?

Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận:

1. Giải thích vấn đề: Kỹ năng làm việc nhóm là gì? Kỹ năng làm việc nhóm (hay Teamwork skills) là khả năng hợp tác và tương tác hiệu quả với các thành viên khác

là trong một nhóm để đạt được mục tiêu chung, thường diễn ra trong các cuộc thảo luận, dự án, cuộc họp hay các hoạt động hợp tác khác. Bao gồm khả năng giao tiếp, hợp tác, thích ứng, lãnh đạo, giải quyết xung đột và nhiều khía cạnh khác liên quan đến việc làm việc nhóm.

2. Thực trạng, hậu quả và nguyên nhân dẫn đến việc kỹ năng làm việc nhóm của người trẻ ở Việt Nam chưa hiệu quả:

- Trong học tập, việc trao đổi nhóm cũng mang nặng tính hình thức chưa có sự kết hợp, phát huy sức mạnh của tinh thần tập thể. Trong công việc: Chưa có tinh thần tập thể, chưa phát huy được tác dụng, nhiều nhóm được thành lập nhưng không duy trì được lâu dài. Vì thế dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, xung đột trong nhóm; hiệu quả công việc thấp, không hoàn thành nhiệm vụ nhóm. (A) USTH (Euripides).
đượ - Nguyên nhân: Do tâm lý của nhiều người trẻ Việt Nam quá đề cao cái tôi, chưa biết chia sẻ, chưa biết tôn trọng sự khác biệt. Ý thức thiếu tự giác, tính ỷ lại của một số người cũng gây hậu quả đến tinh thần làm việc chung. Bên cạnh đó còn là do năng lực lãnh đạo của người đứng đầu chưa cao, cách thức tổ chức chưa hiệu quả, chưa giao được nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, chưa khuyến khích được tinh thần làm việc của các thành viên.

3. Giải pháp khắc phục giải quyết vấn đề:

- Giải pháp chung:

+ Xác định mục tiêu chung, thống nhất cách thức hoạt động, lắng nghe ý kiến đối phương, tạo cơ hội để các thành viên giao tiếp, chia sẻ ý kiến từ đó tăng sự gắn kết bền chặt, tạo mối quan hệ thân tình cởi mở cùng hoàn thành nhiệm vụ chung một cách tốt nhất.

+ Xây dựng một môi trường làm việc có kỷ luật, chuyên nghiệp, trưởng nhóm phải làm gương.

- Giải pháp đối với cá nhân:

+ Cần có ý thức xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè, đồng nghiệp, không ngừng học tập rèn luyện các kỹ năng cần thiết như kỹ năng hợp tác, kỹ năng thấu hiểu, cảm thông, kỹ năng ra quyết định..

+ Sẵn sàng nhận nhiệm vụ và không ngại bày tỏ quan điểm đóng góp ý kiến cho nhóm.

+ Luôn có tinh thần cầu thị, học hỏi từ những thành viên khác trong nhóm, mở rộng kiến thức để tự tin hơn trong công việc.

Dẫn chứng về kỹ năng làm việc nhóm trong học tập: Các thành viên trong nhóm chia sẻ kiến thức, chia nhiệm vụ mỗi bạn làm đề cương một nội dung học tập rồi chia sẻ cho nhau; tạo động lực cùng nhau học tập để đạt mục tiêu; học cùng nhau và dạy nhau là cách học hiệu quả...

Kết bài: Khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề, rút ra bài học cho bản thân.

Kỹ năng làm việc nhóm là vô cùng quan trọng đối với tất cả mọi người đặc biệt là những người trẻ Việt Nam. Vì vậy, hãy rèn luyện nhiều hơn mỗi ngày để trở thành một người có thái độ và tác phong làm việc chuyên nghiệp, để thành công trong công việc và cuộc sống.

ĐỀ SỐ 11

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Luận đề của đoạn trích: Bàn về niềm hi vọng

Câu 2 (0,5 điểm): Để làm nổi bật luận điểm hi vọng khác với nguyện vọng, người viết đã dùng những lí lẽ:

- Có thể mang cùng một lúc hàng ngàn nguyện vọng nhưng hi vọng thì chỉ có một mà thôi.
- Hi vọng có liên quan mật thiết với ý nghĩa cuộc sống.

Câu 3 (1,0 điểm): Ý kiến *Để thể hiện sự ghét bỏ, chúng ta chẳng biết cách nào ngoài từ chối những thứ chúng ta yêu thích, và rồi đều là những người bị tổn thương* được hiểu là:

Sự ghét bỏ: không yêu thích một ai/việc gì đó, thậm chí là ruồng rẫy, dứt bỏ. Từ chối những thứ chúng ta yêu thích: chối từ, không đồng ý trước những thứ mà mình rất thích. Bị tổn thương: mất mát, đau đớn.

- Câu nói đã khẳng định: Cách để thể hiện sự ghét bỏ một ai đó là nói lời chối từ với những điều mà họ làm cho mình dù là điều mình yêu thích. Điều này gây ra tổn thương, khổ đau cho chính mình và cả đối phương.

- Từ đó, tác giả khuyên đừng cố từ chối những điều mà mình yêu thích chỉ vì ghét bỏ một ai đó. Điều đó sẽ làm cho mọi người tổn thương.

Câu 4 (1,0 điểm)

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê những nguyện vọng cá nhân: *mong muốn người mình đang đợi sẽ đến đúng giờ, mong muốn đỗ kỳ thi, mong cho do Rwanda tìm được nền hòa bình.*

- Tác dụng: Nhấn mạnh rằng con người có thể có rất nhiều nguyện vọng cùng một lúc. Đó đều là những nguyện vọng cao đẹp của cá nhân. Giúp câu văn giàu nhịp điệu, sinh động, hấp dẫn.

Câu 5 (1,0 điểm): Học sinh nêu thông điệp có ý nghĩa với bản thân và lí giải. Sau đây là một gợi ý:

- Thông điệp có ý nghĩa nhất với em là: Cần sở hữu một niềm hi vọng có ý nghĩa.
- Vì: Niềm hi vọng cho ta cuộc sống có lí tưởng, có đích đến để không cảm thấy lạc lõng trong những bộn bề cuộc đời. Hi vọng còn tạo sức mạnh, động lực để ta vượt thử thách và được là chính mình với những suy nghĩ đích thực của mình...

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân.

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: Duy chỉ có gia đình, người ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại tai ương của số phận. (Euripides). Câu nói đã khẳng định được vai trò của gia đình đối với mỗi người.

Thân đoạn: Bày tỏ suy nghĩ. Có thể như sau:

- Gia đình là môi trường đầu tiên có ảnh hưởng rất quan trọng đến sự hình thành và phát triển thể chất, tính cách, tâm hồn của mỗi cá nhân. Gia đình dạy con người biết ăn, biết nói, biết đi; dạy những bài học đầu tiên để làm người. Gia đình là tổ ấm mang lại các giá trị hạnh phúc; là chỗ dựa tinh thần vững chắc trong cuộc sống, là chốn về bình yên sau những vất vả gian lao, là nơi luôn rộng mở, khoan dung sau những sai lầm vấp ngã. Một gia đình hạnh phúc là tiền đề để tạo nên những con người khỏe mạnh về thể xác, lành mạnh về tâm hồn. Gia đình là cầu nối đưa cá nhân đến với xã hội. Một gia đình hạnh phúc sẽ góp phần hình thành nên nhân cách tốt cho những công dân của xã hội.

- Dẫn chứng chứng minh: Elon Musk trở thành một doanh nhân và nhà phát triển công nghệ nổi tiếng là nhờ có sự ủng hộ của gia đình. Bố mẹ ông đã quyết định chuyển từ Nam Phi đến Canada định cư để con có điều kiện học hành tốt, khuyến khích sự sáng tạo trong ông ngay từ khi còn rất nhỏ, hỗ trợ động viên khi ông lập các công ty PayPal, Tesla và SpaceX, Musk...

Kết đoạn: Gia đình không phải là một điều quan trọng, mà nó là tất cả mọi thứ. (Michael J. Fox). Bạn hãy cố gắng lấp đầy ngôi nhà của mình bằng tình yêu. Khi đó bạn sẽ có một gia đình đúng nghĩa.

Câu 2 (4,0 điểm): Phân tích bài thơ Lời ru của mẹ (Xuân Quỳnh).

Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tên tác phẩm, tác giả; nêu vấn đề nghị luận. Puskin cho rằng: Linh hồn là ấn tượng của một tác phẩm. Cây cỏ sống được là nhờ ánh sáng, chim muông sống được là nhờ tiếng ca, một tác phẩm sống được là nhờ tiếng lòng của người cầm bút. Bài thơ Lời ru của mẹ hấp dẫn bao thế hệ bạn đọc nhờ tiếng lòng của Xuân Quỳnh - tiếng lòng của người mẹ yêu thương con, dành hết những gì đẹp đẽ nhất cho luôn mong mỏi con bình yên và hạnh phúc.

Thân bài

* **Khái quát chung:** Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và khái quát vấn đề Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ. Thơ bà giàu cảm xúc với những cung bậc khác nhau như chính tính cách luôn hết mình của bà. Lời ru của mẹ là một trong những bài thơ nổi tiếng của Xuân Quỳnh dành cho thiếu nhi, được in trong tập Thơ Xuân Quỳnh (1997). Bài thơ thể hiện tình yêu thương vô bờ bến của mẹ dành cho con. Bài thơ gồm năm khổ. Mỗi khổ nêu một ý nghĩa của lời ru.

* **Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.**

- Nội dung: Khổ 1: Mẹ ấp ủ yêu thương trong những tháng ngày hoài thai và chào đón con ra đời bằng lời ru ngọt ngào, ấm áp. Từ lấy mệnh mang làm nổi bật sự vang ngân của lời ru, niềm hạnh phúc khi con chào đời. Khổ 2: Lời ru của mẹ bồi dưỡng tâm hồn con. Lời ru là tấm chăn ấm áp đưa con vào giấc ngủ êm đềm, đưa con

đến với giấc mộng đẹp. Nhờ đó mà con có tâm hồn nhạy cảm, nhiều mơ mộng. Khổ 3: Mẹ nuôi dưỡng hình hài con. Khi con thức giấc, lời ru đi chơi, xuống ruộng khoai, ra bờ ao rau muống. Bằng nghệ thuật hoán dụ (lời ru chỉ người mẹ), đoạn thơ đã làm nổi bật hình ảnh người mẹ vất vả, lam lũ với ruộng đồng. Các động từ xuống, ra gọi lên hình ảnh người mẹ luôn tay luôn chân. Mẹ chăm sóc con từng bữa ăn, nuôi con khôn lớn từng ngày bằng sự tận tảo, cần mẫn. Khổ 4: Mẹ quan tâm đến việc phát triển trí tuệ cho con trong những tháng ngày tuổi thơ. Khi con đến tuổi đi học, lời ru chờ con nơi công trường, thành ngọn cỏ mềm nâng bước chân con đến trường. Đọc đoạn thơ, ta như thấy được sự hồi hộp, niềm hi vọng của mẹ vào việc học hành của con. Khổ 5: Mẹ đồng hành, chở che, dõi theo, giúp con vững bước trên đường đời vô vàn gian truân, thử thách. Khổ thơ kéo dài thêm hai câu như kéo dài lời ru của mẹ. Đường xa nắng gắt là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho những khó khăn, thử thách trên đường đời. Khi con lớn khôn, con sẽ phải đối mặt với những khó khăn, thử thách, lời ru của mẹ sẽ thành bóng mát làm dịu đi những nắng gắt. Lời ru theo con trên mọi nẻo đường lên núi thăm, ra biển rộng. Khổ thơ có sự hài thanh đặc biệt: năm câu thơ đầu nhiều thanh trắc, đến câu cuối lại toàn thanh bằng tạo ra sự hài hòa như mong ước của mẹ về tương lai bình yên, thành công của con. Mẹ mong con sau những *gập ghềnh* trên đường đời, cuộc đời con sẽ thành *mênh mông*.

- Nghệ thuật: *Thơ ca bắt rễ từ lòng người và nở hoa nơi từ ngữ* (Chế Lan Viên). *Lời ru của mẹ* đã nở hoa nơi từ ngữ khi sử dụng thành công thể thơ năm chữ; giọng điệu tha thiết, trù mẫn; lời thơ tự nhiên, giàu tính biểu cảm; hình ảnh thơ giản dị, gần gũi với tuổi thơ của con; từ lời ru được lặp lại hai lần trong bốn khổ đầu, ba lần trong khổ cuối nhấn mạnh lời ru của mẹ theo con suốt cuộc đời; biện pháp tu từ hoán dụ, ẩn dụ, so sánh... được sử dụng rất hiệu quả.

Đánh giá:

- Khẳng định giá trị nội dung, nghệ thuật bài thơ: *Lời ru của mẹ* là những suy tư, trải nghiệm lắng sâu và cảm động về tình mẫu tử: mẹ yêu thương vô bờ bến, hi sinh tất cả vì con, mong mỗi con bình yên, hạnh phúc và thành công. Bài thơ thể hiện rõ phong cách thơ Xuân Quỳnh, gợi những niềm rung động sâu xa trong lòng người đọc.

- Mở rộng, so sánh: Học sinh so sánh với các bài thơ viết về tình mẫu tử như: *Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa* (Nguyễn Duy), *Mây và sóng* (Ta-go)... để thấy được dấu ấn riêng của Xuân Quỳnh.

Kết bài: Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ với người viết. *Thơ hay là thơ giản dị, xúc động, ám ảnh* (Trần Đăng Khoa). Bài thơ *Lời ru của mẹ* của Xuân Quỳnh thật giản dị về hình thức nhưng lại rất *xúc động, ám ảnh* với người đọc nhiều thế hệ.

ĐỀ SỐ 12

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Luận đề của đoạn trích: Nỗi sợ thất bại.

Câu 2 (0,5 điểm): Câu văn sử dụng các biện pháp tu từ:

- Phép điệp: “chúng”, “chúng sẽ”;
- Liệt kê: Liệt kê các hành động của đứa trẻ khi chúng không đạt được mục tiêu đề ra: *bỏ cuộc, tự biện hộ, đổ lỗi cho hoàn cảnh xung quanh, than phiền rằng chúng không có đủ điều kiện để thành công, không dám hành động nữa.*

Câu 3 (1,0 điểm): Câu nói *Chúng ta biết rằng thất bại tạm thời - nếu biết tận dụng đúng - chắc chắn sẽ trở thành tiền đề cho thành công lâu dài* được hiểu là:

- Thất bại tạm thời: thất bại chỉ là một tình trạng tạm thời, không phải là một kết quả cuối cùng. Tận dụng: sử dụng đến hết mọi khả năng có được, không bỏ phí. Tiền đề: điều kiện ban đầu.
- Câu nói đã khẳng định: Thất bại là một tình trạng tạm thời, không phải là một kết quả cuối cùng. Nếu biết sử dụng đúng nó sẽ là điều kiện ban đầu để đạt được thành công bền vững, lâu dài.
- Câu nói khuyên con người đừng sợ thất bại, hãy coi thất bại là tiền đề để thành công.

Câu 4 (1,0 điểm):

- Cách lập luận của tác giả: Đưa ra luận điểm rõ ràng: người thành công có sợ thất bại nhưng họ định nghĩa thất bại theo cách khác. Đưa ra dẫn chứng cụ thể: cách người thành công chinh phục mục tiêu. Đi đến kết luận: với người thành công, bỏ cuộc mới là thất bại.
- Nhận xét: Lập luận của tác giả trong đoạn văn trên rất logic, chặt chẽ và thuyết phục, giúp người đọc hiểu rõ cách người thành công đối diện với thất bại.

Câu 5 (1,0 điểm)

- Người thành công định nghĩa thất bại: Bỏ cuộc mới là thất bại thực sự.
- Bài học: HS rút ra 01 bài học. Có thể tham khảo một trong các bài học sau:
- + Khi chưa đạt được mục tiêu đề ra, đừng nản lòng buông xuôi, hãy tìm ra con đường khác.
 - + Nếu bỏ cuộc bạn không bao giờ làm được điều gì, đó là sự thất bại vĩnh viễn.
 - +.....

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về sức mạnh của niềm tin vào bản thân trong cuộc sống.

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Hãy sống theo niềm tin của mình và bạn có thể xoay chuyển cả thế giới* (Henry David Thoreau). Câu nói đã khẳng định sức mạnh của niềm tin vào bản thân trong cuộc sống.

Thân đoạn: Bày tỏ suy nghĩ. Có thể như sau:

- Niềm tin vào bản thân giúp chúng ta xác định được giá trị, năng lực của bản thân mình. Từ đó ta có định hướng phát triển cho bản thân, tự tin khẳng định bản thân mình. Niềm tin vào bản thân là động lực giúp ta vượt qua những khó khăn, thử thách trong

cảm ta hướng về phía trước. Niềm tin vào bản thân giúp ta yêu bản thân, sống lạc quan, cuộc sống. Khi tin vào bản thân sẽ làm được, mọi khó khăn, thử thách không thể ngăn vui vẻ. Từ đó mà biết yêu thương, bao dung với mọi người, có thể lan tỏa lối sống tích cực cho cộng đồng.

- Dẫn chứng chứng minh: Nick Vujic không có tứ chi nhưng luôn tin rằng Tôi là một điều kì diệu. Chính niềm tin đó đã giúp Nick có động lực vượt qua những khó khăn ghê gớm trong cuộc sống, làm được tất cả các việc mà người bình thường làm được, hơn nữa còn trở thành một diễn giả nổi tiếng lan tỏa những giá trị sống tốt đẹp cho cộng đồng.

Kết đoạn: Walt Disney cho rằng: *Điều kỳ diệu sẽ xảy ra khi bạn biết tin tưởng vào bản thân. Nếu bạn có thể ước mơ. Bạn có thể làm được. Bạn hãy thử xem!*

Câu 2 (4,0 điểm): Phân tích bài thơ **Cuộc kêu cảm hứng** của Nguyễn Khuyến.

Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu tên tác phẩm, tác giả và nêu vấn đề. Bàn về thơ, Giáo sư Hà Minh Đức cho rằng: *Thơ không chấp nhận triết lí khô khan, chất triết lí trong thơ là triết lí từ cuộc sống với những tình cảm cụ thể*. Điều này đúng với bài thơ Dặn con của Trần Nhuận Minh. Bài thơ gửi gắm những triết lí sâu sắc về cách đối nhân xử thế trong cuộc sống. Những triết lí ấy được bắt nguồn từ tình yêu, sự quan tâm... của người cha dành cho con mình.

Thân bài

* Khái quát chung. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm; khái quát vấn đề:

- Trần Nhuận Minh là một gương mặt văn chương tiêu biểu, được bạn đọc đánh giá cao, từng được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật lần thứ hai. Thơ ông giản dị, hàm súc, giàu chất nhân văn. Dặn con được viết ngày 13-11-1991 tại cửa Lục Thủy. Bài thơ được vinh dự chọn in trong tập 100 bài thơ hay nhất thế kỉ XX, xuất bản năm 2008.

- Bài thơ gồm bốn khổ, là lời dặn con của cha, từ đó gửi gắm những triết lí sâu xa.

* **Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

Nội dung: Lời cha dặn con đầu tiên của cha: *Không ai muốn là người hành khất*, vì lí do bất khả kháng họ mới phải tha hương xin ăn khắp chốn. Vì vậy, con không được chế giễu, kinh thường họ, dù họ hôi hám úa tàn. Tác giả gọi người ăn xin là hành khất (từ Hán Việt) thể hiện thái độ tôn trọng. Hai tính từ hôi hám úa tàn đã dựng lên chân dung tiêu tụy, khốn khổ của người hành khất, qua đó thể hiện sự cảm thông sâu sắc. Tiếp đó, cha tỉ mỉ dặn con rằng: Khi người hành khất đến nhà, con bớt chút giúp đỡ họ, điều đó cũng không đáng là bao, nó không làm cho con nghèo túng đi. Nhưng con không được phép hỏi quê hương của người hành khất. Với cách nói quả quyết không bao giờ được, người cha muốn con hiểu đây là điều cấm kị. Vì điều đó sẽ khơi lên nỗi đau, sự tủ nhục trong họ. Ở khổ 3, người cha còn nhắc nhở con: con chó nhà mình cứ

thấy ăn mày là cần, con phải dạy nó theo phép nhà mình, nếu không thì bán nó đi. Qua đây, ta thấy được sự tinh tế của người cha. Ông dạy con những điều nhỏ nhất, buộc con phải tìm cách xử lí ổn thỏa mọi vấn đề. Khổ thơ cuối cùng, người cha muốn con hiểu về lẽ sống, về quy luật của cõi nhân sinh: cuộc sống của mình bây giờ tạm là no đủ cần biết giúp đỡ người khác để sau này chẳng may cuộc đời xoay vần, ta lâm vào hoàn cảnh, ta sẽ được mọi người giúp đỡ: Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bổ sau này. Khổ thơ vừa như lời khuyên về lẽ sống của cha dành cho con, vừa như là tuyên ngôn sống của tác giả: sống phải biết chia sẻ và yêu thương.

- Nghệ thuật: Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung (Lêônit Lêônốp). Những lời dặn con của cha được thể hiện qua một phát minh về hình thức. Thể thơ sáu chữ hiện đại với nhịp điệu chậm rãi. Giọng điệu chân thành, nhẹ nhàng, giàu xúc cảm, sâu lắng. Hình ảnh thơ dung dị, tự nhiên. Từ ngữ có sự kết hợp các từ thuần Việt với các từ Hán Việt hợp lí. Sử dụng thành công phép điệp cấu trúc, nhân hóa...

*** Đánh giá:**

- Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ: Dặn con là lời dặn dò chân thành, tha thiết của người cha đối với con về lòng nhân ái, sự bao dung, sẻ chia, đồng cảm..., về cách ứng xử đúng đắn, có văn hóa trước những số phận bất hạnh, kém may mắn trong cuộc đời; đồng thời thể hiện sự chiêm nghiệm sâu sắc, tinh tế của nhà thơ về giá trị của việc cho đi, của lối sống tình nghĩa, thương người, thương đời... Qua đó, ta thấu hiểu được tấm lòng yêu thương, sự quan tâm dạy dỗ của người cha, thấy được phong cách sáng tác của Trần Nhuận Minh. Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của người cha Trần Nhuận Minh mà là tiếng lòng của nhiều bậc cha mẹ.

- Mở rộng, so sánh: Học sinh so sánh với các bài thơ cùng đề tài như: Nói với con của Y Phương để thấy được dấu ấn riêng của Trần Nhuận Minh.

* **Kết bài:** Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mĩ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ với người viết. Dặn con của Trần Nhuận Minh là trang sách, đám mây ngũ sắc trong lòng nhiều độc giả bởi những bài học nhân văn sâu sắc mà bài thơ đem lại. Có lẽ vì thế mà nó xứng đáng trở thành một trong số bài thơ hay nhất của thế kỉ XX.

ĐỀ SỐ 13

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm)

- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ song thất lục bát.
- Đặc điểm về số chữ, số dòng của thể thơ trong đoạn thơ thứ nhất:
 - + Khổ thơ gồm 4 dòng thơ.
 - + Gồm một cặp lục bát và một cặp thất ngôn.

Câu 2 (0,5 điểm)

- Tâm trạng của người chinh phụ nảy sinh trong hoàn cảnh: hai vợ chồng xa cách vì người chồng đi chinh chiến nơi xa lâu chưa có tin tức gì.

- Chi tiết giúp em nhận biết hoàn cảnh ấy: *Thiếp trong cánh của chàng ngoài chân mây/ Nào ngờ đôi ngả nước mây cách với/ Có sao cách trở nước non/...*

Câu 3 (1,0 điểm). Biện pháp điệp ngữ được sử dụng đoạn thơ: *Thuở...chưa... Hỏi ngày về...nay...* Tác dụng:

- Tạo liên kết, tạo nhịp điệu tha thiết, khắc khoải cho lời thơ, làm cho lời thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, gợi hình gợi cảm, tăng hiệu quả diễn đạt.

- Nhấn mạnh, làm nổi bật khoảng cách thời gian của hai vợ chồng: ngày đi, người chồng ước hẹn sẽ trở về khi ước nẻo quyên ca, chỉ độ đào bông - đó là mùa xuân tươi đẹp; nhưng giờ quyên đã giục oanh già, đào đã quyến gió đông - mùa đông đã đến mà người chồng vẫn chưa có tin tức gì.

+ Qua đó, thể hiện nỗi nhớ nhung, mong ngóng và lo lắng của người chinh phụ cho người chồng. Đồng thời nói lên tâm lòng cảm thương, chia sẻ của nhà văn với tình cảnh nỗi niềm người chinh phụ.

Câu 4 (1,0 điểm). Theo em nhan đề Chinh phụ ngâm khúc rất phù hợp với nội dung tư tưởng của đoạn thơ trên. Lý giải:

- Nhan đề được hiểu là: Khúc ngâm của người phụ nữ có chồng đi chinh chiến ở xa.

- Nội dung tư tưởng của đoạn thơ là: diễn tả nỗi buồn của người chinh phụ do chiến tranh mà phải xa cách chồng, không có tin tức của chồng, nàng phải sống trong cô đơn, sầu nhớ, lo lắng. Tâm trạng của người phụ nữ đã trở thành một khúc bi ca, buồn sầu.

Câu 5. (1,0 điểm). Đoạn thơ đã gửi gắm đến người đọc những thông điệp ý nghĩa: Đồng cảm với số phận bi kịch, đáng thương của con người (người phụ nữ) trong xã hội cũ.

- Lên án tố cáo chiến tranh phi nghĩa khiến con người phải hứng chịu biết bao nỗi buồn khổ, mất mát.

- Yêu quý, trân trọng và có ý thức gìn giữ cuộc sống hoà bình mà mình đang có.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung phần đọc hiểu, viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý kiến Chiến tranh là tội ác ghê gớm nhất với loài người trên Trái đất. ý

Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. Nói về tội ác của chiến tranh, có ý kiến cho rằng Chiến tranh là tội ác ghê gớm nhất với loài người trên Trái đất. Ý kiến thật đáng để chúng ta phải suy ngẫm.

Thân đoạn: Bày tỏ suy nghĩ theo gợi ý như sau:

- Giải thích: Chiến tranh là hoạt động đấu tranh giữa các nước, các giai cấp, các lực lượng chính trị có lợi ích địa vị đối lập nhau nhằm đạt được lợi ích về kinh tế hay chính trị. Ý kiến đã khẳng định hậu quả ghê gớm, khủng khiếp mà chiến tranh gây ra cho nhân loại.

- Bàn luận: Vì sao chiến tranh là tội ác? Chiến tranh không mang lại bất cứ điều tốt đẹp cho con người. Không có tai họa nào khủng khiếp bằng chiến tranh. Không có nỗi sợ hãi nào đáng sợ hơn cuộc sống có chiến tranh và không có tự do. Nó gây ra những tổn thất to lớn cho cả kẻ thắng và người thua. Chiến tranh mang lại đau thương, chết chóc, đói nghèo, bệnh tật và sự hủy diệt khủng khiếp. Không những tài sản bị mất mát mà sinh mệnh con người cũng hết sức mong manh. Chiến tranh còn gây ra nỗi đau khủng khiếp về tinh thần: ám ảnh về cái chết, mất mát người thân, gia đình bị ly tán, dư chấn thời hậu chiến. Chiến tranh làm ô nhiễm môi trường, tàn phá thiên nhiên, phá hủy các công trình văn minh, làm suy thoái kinh tế và mất bản sắc văn hóa dân tộc...

- Dẫn chứng: Ở thế kỉ XX, dân tộc Việt Nam đã phải đối mặt với hai cuộc chiến tranh xâm lược là kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Hai cuộc kháng chiến đã khiến hàng triệu con người Việt Nam phải hy sinh, đất nước bị tàn phá, hậu quả chiến tranh kéo dài (như bệnh nhân chất độc màu da cam)... Ở thế kỉ XXI, thế giới đang phải chứng kiến cuộc chiến chưa hồi kết của Nga và Ukraine, hậu quả không chỉ là thiệt hại về người và của cho các bên liên quan trực tiếp, mà còn ảnh hưởng đến bầu không khí chính trị, nền kinh tế của thế giới bởi đây là hai quốc gia cung cấp dầu mỏ và khí đốt lớn cho châu Âu và thế giới.

- Giải pháp ngăn chặn và hạn chế các cuộc chiến tranh: Nhân loại cần đoàn kết, chung tay bảo vệ hoà bình thế giới. Lên tiếng để chống lại chiến tranh dưới mọi hình thức. Các cường quốc cần nhận thấy vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn hoà bình của nhân loại; cần thấy những tổn thất, tội ác ghê gớm mà chiến tranh gây ra để có ý thức ngăn chặn nguy cơ chiến tranh...

- Bàn luận mở rộng: Phê phán những tổ chức, cá nhân, những nguyên nhân gây ra chiến tranh.

Kết đoạn: Khẳng định vấn đề. Chiến tranh là tội ác ghê gớm nhất với loài người trên Trái đất. Bởi vậy, bảo vệ hoà bình, chống lại chiến tranh là nhiệm vụ của mọi

người, mọi quốc gia dân tộc. Chúng ta cần biết trân trọng, gìn giữ nền hoà bình ta đang có, lên tiếng phản đối chiến tranh.

Câu 2 (4,0 điểm). Em hãy tưởng tượng và kể lại một truyện có yếu tố trinh thám mà em được tham gia với vai trò người phá án.

Mở bài: *Giới thiệu được bối cảnh (thời gian, không gian), nhân vật và câu chuyện được kể.* Tôi là Conan - một thám tử bị một tổ chức bí mật cho dùng một loại thuốc

khiến tôi phải sống trong hình hài của một cậu nhóc tiểu học. Tôi sống cùng gia đình thám tử Mori - một người bạn của bố mẹ tôi. Hôm nay là tối thứ bảy, Ran - con gái thám tử Mori muốn bí mật sắp xếp một bữa tiệc tại một nhà hàng mới mở để cho bố mẹ có cơ hội gặp nhau. Nhưng mẹ Ran đã không tới. Tại đây, chúng tôi đã gặp hạ sĩ Chiba, trung sĩ Takagi và thiếu úy xinh đẹp Sato. Họ cùng được mời đến dự tiệc của anh Emoto Masashi - một huấn luyện viên thể thao. Và một chuyện bất ngờ đã xảy ra.

Thân bài: *Diễn biến câu chuyện*

Bữa tiệc còn chưa kết thúc, Emoto Aya - cô họa sĩ 28 tuổi là chị của chủ nhân bữa tiệc Masashi cáo từ ra về. Masashi ngăn chị:

- Còn sớm mà, chị ở lại lát em đưa chị về.
- Để bé Kato ở nhà một mình chị lo lắm - Emoto Aya trả lời.

Kato là cậu bé 5 tuổi, em họ của chị em Emoto Aya, vì bố mẹ cậu đi công tác nước ngoài nên gửi cậu cho Emoto Aya một thời gian.

- Chị lại lo chuyện tấm card mà Kato được tặng à? - Masashi hỏi.

Đến đây, câu chuyện qua lại của hai chị em họ thu hút mọi người. Theo phản xạ nghề nghiệp, trung sĩ Takagi hỏi về tấm card là thế nào, Masashi kể:

- Cách đây mấy hôm, Kato khoe nó được tặng một tấm card rất hiếm trên thị trường. Tôi hỏi ở đâu nó có thì nó bảo được người ta cho. Đó là một ông râu quai nón ở đầu nó c nó tình cờ gặp ở trạm xe bus.

Nghe đến đó, tôi tò mò lên tiếng:

- Chuyện xảy ra cũng bình thường mà, có thể người kia không biết giá trị của tấm card nên cho cậu bé thôi.

Masashi tiếp lời:

- Nếu chỉ có thế thì không đáng nói, đằng này, người đàn ông ngần ngại mời Kato về nhà hẳn, hẳn nói hẳn là thầy bói, hẳn hỏi Kato những thông tin về ngày sinh của chị em tôi, về cả chỗ cất thư từ, tài liệu của chúng tôi nữa.

- Như vậy là có chuyện rồi, tên râu quai nón này chắc chắn có ý đồ mờ ám gì. - Tôi lên tiếng - Vậy Kato có biết nhà hẳn hay có nói thêm gì không?

- Kato không nhớ địa chỉ nhà hắn, đứa trẻ 5 tuổi không chú ý đến điều đó, nhưng Kato có nói một thông tin là trong khi hắn vào nhà vệ sinh, điện thoại thông báo có tin nhắn, cậu bé tò mò mở ra thì nghe rõ giọng nói của tôi mời người đó đến dự tiệc tối nay.

Tôi nóng ruột cắt ngang lời Masashi:

- Anh mời những ai? Tối nay họ có mặt ở đây cả không ạ?

Masashi bảo anh mời ba người bạn là Rokuda Takuji - một nhạc sĩ nghèo, Hikiya Kodona - nhà tạo mẫu búp bê và Satsuka - người sưu tập tiền giấy, nhưng hôm nay họ đều có lý do vắng.

Tôi hấp tấp lên tiếng:

- Thế là họ đều biết tối nay chị Emoto Aya vắng nhà và Kato ở nhà một mình? Không ổn rồi, chị Emoto Aya hãy đưa mọi người về nhà chị ngay thôi.

Về đến nhà chị Emoto, mọi chuyện xảy ra đúng như tôi dự đoán, Kato đã bị bắt cóc, tên bắt cóc để lại lời nhắn trên màn hình vi tính “TA TẠM GIỮ THẮNG NHÓC EM HỌ CÁC NGƯỜI. HÃY CHUẨN BỊ SẴN MỘT TRIỆU YÊN TIỀN CHUỘC... KHÔNG ĐƯỢC BÁO CẢNH SÁT, CẢI LỜI TA SẼ GIẾT THẮNG BÉ!”

Trong khi các anh chị cảnh sát có mặt ở đó trao đổi thông tin, tôi trấn an chị Emoto:

- Chị đừng quá lo lắng, có lẽ thủ phạm không làm gì chú nhóc đâu. Bởi vì hắn có thể là bạn của anh Masashi. Vụ này không quá khó, anh chị hãy kể chi tiết các sự việc để ông thám tử đại tài Mori đây giải quyết cho.

- Đúng thế, ta có thể giúp lắm chứ - bác Mori huyênh hoang tiếp lời.

Thế là họ kể lại chi tiết sự việc hôm bé Kato đi học về muộn và được cho tấm card quý hiếm kia. Trong đó có chi tiết là tin nhắn thoại mời dự tiệc của anh Masashi và trong khi ở nhà tên râu quai nón, Kato nói tivi phát một trận bóng chày rất tệ nhạt. Bác Mori suy đoán:

- Nhất định kẻ bắt cóc là một trong ba người bạn của cậu. Cậu gọi điện cho họ vào những thời điểm nào, căn cứ vào đó có thể xác định họ là ai trong số ba người.

Masashi nói rằng anh gọi cho người bạn nhạc sĩ Rokuda lúc quá trưa, gọi cho người bạn tạo mẫu búp bê lúc xế chiều và gọi cho người bạn sưu tập tiền giấy lúc 7 giờ tối. Trong khi như lời Kato, sau khi hắn biết cậu bé nghe được tin nhắn thoại, đã lập tức đưa cậu bé về, lúc đó khoảng 8 giờ tối.

- Như vậy, nghi phạm lớn nhất chính là người bạn sưu tập tiền giấy. - Bác Mori kết luận trong khi các anh chị cảnh sát còn đang suy đoán. Tôi nhận thấy những điểm khả nghi nên đề xuất:

- Bây giờ, anh Masashi hãy đưa em và hai anh chị cảnh sát qua nhà ba người bạn của anh, coi như ta đi tiệc về, anh ghé thăm tình hình của họ xem tại sao họ không

đến dự tiệc. Bác Mori cũng những người khác hãy ở nhà trực điện thoại vì đây là vụ bắt cóc tổng tiền, thủ phạm có thể gọi điện yêu cầu giao tiền.

Mọi người đều ủng hộ ý kiến của tôi, chúng tôi lập tức đến nhà từng người bạn. Đầu tiên là nhà anh nhạc sĩ Rokuda, chúng tôi mong được anh cho nghe bài hát mới, vào nhà, tôi thấy anh ta mua rất nhiều vé số, anh ta hỏi anh Masashi:

- Lần trước, tôi gửi cho anh mấy tờ vé số, anh đã xem chưa?

- Có trúng đâu mà xem.

Chúng tôi ra về, Masashi còn nói với thêm:

- Cậu kiểm tra thùng thư chưa? Tôi thấy thùng thư nhà cậu đầy ắp thư đấy.

- Thế à, tôi sẽ xem ngay đây.

Đến nhà người bạn thiết kế búp bê, qua trò chuyện tôi thấy rõ anh này là kẻ háo sắc. Anh ta mới mua hộ anh Masashi mấy hộp card và có vẻ họ đều rất mong sẵn được tấm card có hình “Nữ hoàng khoai tây” đang được rao bán với giá 800 yên.

Nhà cuối cùng - cũng là nhà người khả nghi hơn cả, chúng tôi thực sự bị choáng ngợp bởi bộ sưu tập tiền giấy rất quý của anh ta. Anh ta hỏi Masashi:

- Tôi vừa gửi trả cho cậu ba vạn yên đã vay bằng tiền mặt. Cậu đã nhận được chưa? - Tôi nhận rồi. Chỗ bạn bè, cậu cần cứ giữ mà tiêu, đâu cần trả tôi sớm thế. -

Masashi nói.

Chúng tôi ra về, anh Masashi nói với chúng tôi:

- Đây, các cậu đã tiếp xúc với cả ba người, họ đều là người tử tế đúng không nào. Họ không thể nào là thủ phạm bắt cóc bé Kato được.

Về đến nhà anh Masashi, các anh chị cảnh sát một mực hướng đối tượng khả nghi vào anh chàng sưu tập tiền cổ, vì anh này đang nợ như chúa chổm và thời gian anh ta nhận tin nhắn khớp với thời gian bé Kato được đưa về nhà. Nhưng còn một manh mối cần quan trọng, là trận bóng chày mà cậu bé đã xem khi ở nhà tên râu quai nón, tôi đề xuất ý kiến nhờ các anh chị cảnh sát tìm hiểu các trận bóng diễn ra vào ngày 26 tháng 3, ngày mà Kato gặp gã râu ria kia. Trong khi cả nhóm đang bàn tán xôn xao về các trận bóng diễn ra hôm đó thì Kato bất ngờ trở về, cậu bé bình an vô sự, cậu bé kể chính người đàn ông râu quai nón dẫn cậu về, nhưng khi cậu bé quay trở lại nhà tìm người râu quai nón trả lại tấm card mà anh Masashi bảo là rất quý, không được tự tiện nhận, thì không thấy chú ấy đâu, chỉ thấy một anh mặt mũi nhợt nhạt, ngồi bất động bên bồn nước.

Thấy Kato trở về vô sự, Masashi nói với chúng tôi:

- Em chúng tôi đã trở về bình an, mọi chuyện có thể kết thúc ở đây. Có lẽ là trò đùa của một người bạn nào đó muốn gây bất ngờ cho tôi mà thôi. Cảm ơn mọi người đã vất vả.

Thiếu úy xinh đẹp Sato - người chỉ huy trong số những cảnh sát có mặt đã lên tiếng cho rằng đây là vụ bắt cóc tổng tiền, không thể dễ dàng cho qua, hơn nữa trước đó cô đã gọi điện báo cáo vụ việc với cấp trên, đã có lệnh khám xét nhà ba nghi phạm.

Trong khi mọi người còn đang tranh luận sôi nổi, anh Masashi và người chị gái đều muốn khép lại mọi chuyện. Tôi nhớ tới chi tiết tất chân của Kato ướt sũng, chi tiết

người thanh niên mặt tái xanh trong nhà tên râu quai nón, tôi suy đoán chuyện không hay, nên tôi đã nói nhỏ với trung sĩ Takagi, bảo anh hãy lập tức đến nhà người bạn nhạc sĩ của anh Masashi.

Sự tranh luận của thiếu úy Sato và anh Masashi vẫn chưa kết thúc. Masashi một mực cho rằng em cậu bình yên, chị em cậu cũng không mất mát gì, nên không nhất thiết phải truy cứu mất thời gian.

Thiếu úy trẻ nói:

- Cậu có mặt đây, chính là tờ vé số trúng giải độc đắc mà anh bạn nhạc sĩ đã gửi tặng cậu tuần trước. Khi Kato nói tên râu quai nón hỏi em về chỗ cất thư từ, cậu đã đoán ra, và cậu muốn gỡ tội cho cậu bạn ấy bằng cách đưa lại vé số cho cậu ta để cậu ta thả bé Kato.

Masashi chống chế yếu ớt:

- Nếu tôi đưa vé số hay trao đổi gì với Rokuda thì cô và cậu nhóc này đã thấy rồi chứ.

Anh ta chỉ sang tôi, lúc này tôi thấy mình cần lên tiếng:

- Anh Masashi, anh đã ra hiệu cho người bạn của mình trước khi ra về khi dặn anh này hãy kiểm tra thùng thư.

Lúc này, biết rằng mọi chuyện đã bại lộ, Masashi thú thật:

- Rokuda là một người tốt, cậu ấy và chúng tôi chơi với nhau từ nhỏ, chúng tôi ước mơ lớn lên đều là nhạc sĩ, rồi cuối cùng chỉ có cậu ấy bám trụ với ước mơ, cậu ấy túng quẫn, và những tấm vé số kia vốn là của cậu ấy. Tôi muốn mọi chuyện êm thấm nên...

- Tôi rất tiếc, bắt cóc trẻ em, tổng tiền, đe dọa giết người là những tội không nhỏ. Trung sĩ Takagi, liên lạc ngay về trụ sở yêu cầu lệnh bắt khẩn cấp với tên nhạc sĩ. - Thiếu úy Sato nói to và nhìn quanh tìm trung sĩ dưới quyền.

- Thừa chị, này giờ em không thấy anh Takagi đâu cả - Ran lên tiếng.

- Về ngay trụ sở! Sato quát to và lấy máy gọi điện cho cấp trên.

Vừa về đến trụ sở cảnh sát, cả nhóm chúng tôi đã thấy xe áp giải phạm nhân về đến nơi, khi anh Takagi chạy tới, tên nhạc sĩ đã suýt mất mạng vì cắt tay tự vẫn bên bồn nước. Cấp trên khen Takagi đã nhanh trí lập công lớn, thiếu úy Sato lo lắng ra mặt khi thấy cấp dưới khắp người dính máu, chị chỉ thở phào khi biết là máu của tên thủ phạm khi anh Takagi cố gắng đi cấp cứu.

Lúc này, Sato mới hỏi Takagi:

- Sao anh đoán được Rokuda là thủ phạm, và tại sao anh biết hắn tự vẫn mà đến kịp thời vậy?

- Tất cả là nhờ cậu nhóc Conan này móc nối, cậu ta bảo đã thấy Masashi nói với Rokuda hãy xem thư, tức là mấy tờ vé số anh ta tặng Masashi đã trúng thưởng lớn, và Masashi khéo léo trả lại cho anh ta bằng cách để vào thùng thư.

- Thế còn chuyện trận đấu bóng chày, nếu khung giờ Masashi gọi cho Rokuda là gay rượt đuổi cần 7- 6, không thể coi là trận đấu tẻ nhạt được.

Lúc này, tôi mạnh dạn cắt lời:

- Đó là trận đấu khai mạc, mà trận khai mạc thì là trận giao hữu, không có tính đối kháng, em đã xác nhận lại với Kato, cậu bé nói khi đấu, cầu thủ hai bên còn cười với nhau vui vẻ lắm, vậy nên em đoán ra là trận lúc 10 giờ đến 2 giờ chiều, trùng khung giờ với thời gian Masashi nhắn tin cho Rokuda.

- Vậy sao anh ta nhận được vé số rồi lại tìm cách tự vẫn?- Sato tiếp.

- Có lẽ là một trí thức, biết việc xấu của mình bị bại lộ, anh ta xấu hổ mà tìm đến cái chết. May mà anh Takagi đến kịp thời, không là hắn sẽ chết vì mất máu.

- Conan, em giỏi lắm, lớn lên, nhất định em sẽ là một thám tử đại tài hoặc một cảnh groud sát phá án cừ khôi.- Sato xoa xoa đầu tôi nói.

- Chuyện, thằng nhóc này ở với tôi bao năm, mà tôi là ai - thám tử đại tài lừng danh Mori, người nổi tiếng với các vụ án được xử khi... ngủ gật.

Nghe bác Mori huyênh hoang mà tôi không khỏi buồn cười, bác ta đâu biết rằng tất cả những vụ án bác đã phá được nhờ ... ngủ gật đều là chiêu trò của Conan tôi.

Kết bài. Tôi đã từng được tham gia phá nhiều vụ án, nhưng ở vụ án lần này, tuy sự việc không quá rắc rối, hậu quả chưa có gì nghiêm trọng nhưng cũng giúp tôi nghiệm ra rằng đôi khi sự túng quẫn có thể đẩy người ta đến những quyết định sai lầm, những hành động phạm pháp. Và đồng thời tôi cũng rất trân trọng tình bạn chân thành của anh chàng huấn luyện viên thể thao dành cho người bạn, chính sự tử tế của anh đã cảm hoá người bạn, giúp người bạn nhận ra lỗi lầm của mình mà không làm hại cậu bé vô tội.

ĐỀ SỐ 14

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Bài thơ *Đi đi em* được viết theo thể thơ tám chữ. Đặc trưng về cách gieo vần, ngắt nhịp của thể thơ tám chữ trong khổ thơ thứ nhất:

- Vần chân: ơ - phơi
- Ngắt nhịp linh hoạt: 3/5 đan xen 3/3/2.

Câu 2 (0,5 điểm). Những chi tiết miêu tả nhân vật em Phước lúc ra đi được khắc hoạ ở khổ thơ thứ hai:

- *Em len lét, cúi đầu, tay xách gói.*
- *Áo quần dơ, cặp chiếc nón le te.*

Câu 3 (1,0 điểm). Trong bài thơ, người anh đã hồi tưởng lại kỉ niệm với em Phước, qua đó cho thấy tình cảm người anh dành cho em Phước:

Người anh rất thương yêu em Phước, thấu hiểu những bất hạnh của em phải đi làm công ở đợ khi còn rất nhỏ.

Muốn tìm cách bù đắp phần nào cho em bằng việc dạy em học chữ, mang đến cho em những niềm vui trong học tập để quên bớt nhọc nhằn, vất vả em phải trải qua.

Câu 4 (1,0 điểm). Tác dụng của việc điệp lại cụm từ *đi đi em* trong bài thơ:

- Tạo liên kết, tạo nhịp điệu giục giã, làm cho lời thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, gợi hình gợi cảm, tăng hiệu quả diễn đạt.
- Nhấn mạnh, làm nổi bật nhan đề của bài thơ, cũng là mong muốn của nhà thơ dành cho em Phước: cô vũ em hãy mạnh mẽ, quyết tâm bước đi, rời xa nơi mà em thường xuyên bị mắng chửi nhục nhã, bị hành hạ, bóc lột sức lao động.
- Qua đó, thể hiện tình thương yêu, sự thấu hiểu, đồng cảm của nhà thơ Tố Hữu với em Phước và rộng ra là với những kiếp người nghèo khổ, bất hạnh trong cuộc đời.

Câu 5 (1,0 điểm). Bài thơ *Đi đi em* giúp em bồi đắp những tình cảm, thái độ với những con người kém may mắn như:

- Biết cảm thông, thương xót những con người nghèo khổ, bất hạnh;
- Giúp đỡ, sẻ chia, động viên họ về vật chất, tinh thần trong khả năng của mình.
- Không chế giễu, khinh miệt hay ruồng rẫy họ;

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Có ý kiến cho rằng: *Tình thương là hạnh phúc của con người. Viết một đoạn văn nghị luận bàn về ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống.*

Mở đoạn: *Giới thiệu vấn đề nghị luận. Có ý kiến cho rằng Tình thương là hạnh phúc của con người. Câu nói đã giúp ta nhận thức được ý nghĩa lớn lao của tình yêu thương trong cuộc sống.*

Thân đoạn: *Bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của tình yêu thương. Có thể như sau:*

- Tình yêu thương giúp sưởi ấm tâm hồn những con người cô đơn, đau khổ, bất hạnh, truyền cho họ sức mạnh, nghị lực để vượt lên hoàn cảnh. Tình yêu thương còn tạo nên sức mạnh cảm hoá kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối; mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin và cơ hội để có cuộc sống tốt đẹp hơn. Tình yêu thương giúp con người làm những điều tốt đẹp, đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội. Là cơ sở xây dựng một xã hội văn minh, nhân ái, con người sẽ sống thật sự hạnh phúc. Tình yêu thương không chỉ có ý nghĩa với con người, tình yêu thương còn cần thiết đối với cả muôn vật, muôn loài, với thiên nhiên, môi trường. Thiếu tình yêu thương, con người sẽ trở nên vô cảm, đáng sợ bởi *Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương...*

- Dẫn chứng: MC Quyền Linh - một nghệ sĩ, người dẫn chương trình nổi tiếng của Việt Nam, là một người giàu tình yêu thương; suốt nhiều năm qua, chú đã âm thầm giúp đỡ, ủng hộ cho những mảnh đời còn nhiều bất hạnh, cơ cực trong xã hội, giúp họ vượt qua khó khăn, sống tốt hơn. Quang Linh - một Vlogger khá nổi tiếng, người đem những hạt giống yêu thương ra thế giới; câu chuyện anh nhận nuôi cậu bé Lôi - một em bé châu Phi nghèo khổ, cho em một cuộc sống tốt đẹp hơn đã được cộng đồng ủng hộ tích cực...

Kết đoạn: *Khẳng định ý nghĩa của tình yêu thương; rút ra bài học cho bản thân. Tình thương là hạnh phúc của con người. Bởi thế, mỗi chúng ta hãy biết bồi đắp cho mình tình yêu thương để sống hạnh phúc hơn mỗi ngày. Yêu thương cha mẹ, người thân; yêu quý, giúp đỡ bạn bè; chia sẻ về vật chất, tinh thần để giúp đỡ những người kém may mắn trong cuộc sống;...*

Câu 2 (4,0 điểm). **Viết bài văn phân tích hai đoạn trích trên (hai đoạn trích nói về cảnh chia ly trong bài thơ Đi đi em của Tố Hữu và bài thơ Đêm lên đường của tác giả Nguyễn Văn Long), từ đó chỉ ra nét giống nhau về nội dung của hai đoạn thơ.**

Mở bài: Giới thiệu hai đoạn thơ và nêu nhận xét khái quát. Nhà văn Nguyễn Minh Châu từng quan niệm: Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm, trong đó tâm điểm chính là con người. Quả thật, văn học luôn lấy con người làm tâm điểm của cuộc sống, thông qua đó để thể hiện cách nhìn nhận hiện thực, thái độ tình cảm của của người nghệ sĩ. Hai đoạn thơ nói về cảnh chia ly trích trong bài thơ Đi đi em của Tố Hữu và bài thơ Đêm lên đường của tác giả Nguyễn Văn Long cũng nằm trong quy luật ấy.

Thân bài

* Khái quát: Giới thiệu đôi nét về hai tác giả và tác phẩm... Tố Hữu là cây đại thụ của thơ ca cách mạng Việt Nam. Nguyễn Văn Long lại là một người lính trong

kháng chiến chống Mỹ, ông đã chiến đấu và hi sinh trên chiến trường Nam Bộ những năm lửa đạn. Đi đi em của Tổ Hữu và Đêm lên đường của Nguyễn Văn Long được ra đời ở hai thời đại, hai hoàn cảnh khác nhau nhưng có nhiều điểm gặp gỡ về đề tài, nội dung cảm xúc

*** Phân tích hai đoạn thơ.**

- Phân tích đoạn thơ trong bài Đi đi em của Tổ Hữu:

+ Phân tích nội dung chủ đề, tâm trạng của nhân vật trữ tình của đoạn thơ: Đoạn thơ là sự đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia của nhà thơ với những con người khổ đau, bất hạnh. Điều đó được thể hiện qua tâm trạng, nỗi niềm của kẻ ở lại (người anh - nhà thơ Tổ Hữu) và người ra đi - em Phước. Trong phút giây ly biệt, hai anh em đều không giấu được nỗi niềm lưu luyến, xót xa em ngoài cổ nhìn anh, đôi mắt ướt ly sầu. Nỗi buồn thương họ chỉ biết gửi trao trong ánh mắt, bởi họ biết nói sao khi những tiếng mắng chửi, rửa nguyên, xua đuổi của chủ vẫn phun hoai, nhục nhã. Nhà thơ đã thốt lên những lời giục giã: Đi đi, đừng tiếc nữa, Đi đi em, can đảm bước chân lên. Nhà thơ thúc giục Phước liên tiếp và vô cùng dứt khoát, mạnh mẽ như tiếp cho em sức mạnh của hành động. Lời thúc giục đó càng mạnh mẽ và hiệu quả bởi nhà thơ còn kết hợp phân tích, giảng giải cho em nhận ra lẽ sống trên đời, nhận ra giá trị làm người để giúp em trút sạch khổ đau, tủi nhục, kiêu hãnh hướng về phía trước. Bài thơ không chỉ là lời chia sẻ, thúc giục của nhà thơ với em Phước mà cũng là lời chia sẻ, thúc giục đến với tất cả mọi người cần lao. Từ đó, khơi lên ở con người khát vọng tranh đấu và muốn tìm được con đường giúp họ thoát khỏi cuộc đời tăm tối, lầm than.

+ Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật: Thể thơ tám chữ với sự linh hoạt về vần nhịp, đặc biệt là cách ngắt nhịp độc đáo. Mỗi nhịp ngắt thành một câu văn, khi là câu cảm thán, lúc là câu cầu khiến đan xen câu hỏi đã tạo ra giọng điệu nhanh, mạnh mẽ, au noai da dứt khoát rất phù hợp để diễn tả lời giục giã, thôi thúc, khích lệ của nhà thơ với em Phước. Sự kết hợp khéo léo phương thức biểu cảm với yếu tố tự sự biến lời thơ thành lời tâm sự, truyện trò của hai anh em phút chia xa. Đặc sắc nhất là việc sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ như xoáy sâu vào nỗi niềm kẻ đi người ở; nghệ thuật điệp ngữ nhắc đi nhắc lại động từ chỉ hành động Đi đi rồi lại Đi đi em vừa thể hiện sự đồng cảm, thấu hiểu, động viên của nhà thơ với em nhỏ lúc rời đi, vừa làm nổi bật chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

- Phân tích đoạn thơ trong bài Đêm lên đường của Nguyễn Văn Long:

+ Phân tích nội dung chủ đề, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Đoạn thơ là cuộc hội ngộ và chia ly của đôi bạn chiến sĩ tạm biệt quê hương để ra chiến trường. Cuộc gặp và chia ly diễn ra giữa cơn mưa. Đôi bạn là hai người lính, họ cùng từ biệt nhau và từ biệt quê hương ra đi vào quân ngũ. Cơn mưa đêm như nhân chứng cho cuộc hội ngộ vội vã giữa hai người. Phút gặp mặt sau rất nhiều trăn trở. Giây phút tạ từ, những người lính chẳng thể nói thành lời bao nỗi niềm trăn trở. Họ tự nhủ lòng, tự nhủ với nhau rằng Đời rộng nhất là cuộc đời sáng tạo/ Sẽ còn mưa, sẽ còn nhiều dông bão Hình ảnh Sẽ còn mưa, sẽ còn nhiều dông bão ẩn dụ để chỉ những khó khăn, thách thức sẽ phải trải qua trên chặng đường rộng nhất ấy. Nhưng không vì

thể mà con người ngại bước, chùn chân. Câu thơ cuối đoạn trích như một lời thề quyết tâm đầy thiêng liêng của các anh lính trẻ: Ta mang điều nghiêm trang ra đi. Hình ảnh ấy cũng là vẻ đẹp chung của cả thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, giống như lời thơ của Phạm Tiến Duật từng viết:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai.

+ Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật: Thể thơ tám chữ vận điệu linh hoạt, nhưng câu thơ cuối rút lại chỉ có bảy chữ như dồn nén cảm xúc, như khẩu lệnh lên đường ngắn gọn mà đầy trang nghiêm, tự hào. Những hình ảnh thiên nhiên được sử dụng trong thơ như mưa, gió, bão dông vừa làm cho khung cảnh buổi lên đường thêm ấn tượng, gợi nhớ; vừa là những hình ảnh mang nghĩa biểu tượng sâu sắc. Đoạn thơ sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật như điệp ngữ: Phút gặp mặt. phút chia tay nhấn mạnh khoảnh khắc gặp gỡ, chia ly tuy ngắn gọn, chốc lát nhưng đọng đầy cảm xúc; biện pháp ẩn dụ qua những hình ảnh mưa, dông bão nhấn mạnh những gian khổ, thử thách con người sẽ phải trải qua sau khi bước chân đi. Nhưng tất cả đã cho thấy quyết tâm lên đường của người chiến sĩ yêu nước, quả cảm.

- So sánh điểm giống nhau về nội dung của hai đoạn thơ.

+ Cả hai đoạn thơ đều viết về cuộc chia ly giữa những con người từng gắn bó thân thiết: đoạn thơ của Tố Hữu là cuộc chia ly của nhà thơ - người anh với em Phước - một em bé mồ côi bất hạnh, bị chủ nhà đuổi đi; đoạn thơ của tác giả Nguyễn Văn Long là cuộc chia tay của những người lính ở cùng một miền quê lên đường chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

+ Cảm xúc phút chia xa cũng có nhiều điểm gặp gỡ: những người trong cuộc đều bịn rịn, lưu luyến không nói hết thành lời. Tố Hữu viết Biết làm sao, em hỡi, nói cùng nhau, Nguyễn Văn Long cũng ngậm ngùi Biết nói thêm gì nữa với nhau đây. Tình cảm của kẻ ở người đi đều chỉ biết gửi trao qua ánh mắt Thăm cho nhau đôi mắt ướt ly sầu (Đi đi em) hay cái nắm tay Giọt mưa lạnh đọng lại giữa bàn tay (Đêm lên đường).

+ Đặc biệt, cả hai đoạn thơ, cảm xúc phút chia tay đã trở thành động lực để thôi thúc con người hành động. Người anh trong bài thơ của Tố Hữu giục giã, thôi thúc người em mạnh mẽ bước đi, không nên bịn rịn, nuối tiếc quá khứ đau thương, nhục nhã. Còn trong trang thơ của mình, tác giả Nguyễn Văn Long cũng động viên đồng đội như tự hứa với chính mình dẫu gió mưa dông bão đang chờ, hãy cứ mang một niềm nghiêm trang ra đi.

+ Thơ là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của cảm xúc. Cả hai đoạn thơ xét cho cùng đều là tiếng lòng, là tình cảm chân thành, tha thiết nhất của các nhà thơ trước cuộc đời và con người. Với tài năng và tấm lòng của mình, họ đã dựng lên những cuộc buồn thương mà không hề bị lụy, tràn đầy tinh thần lạc quan, ý chí mạnh mẽ, chia tay kiên cường.

Khái quát: *Khái quát thành công về nội dung, nghệ thuật của hai đoạn thơ. Khẳng định những nét chung về nội dung của cả hai bài.* Hai đoạn thơ tuy ra đời trong những hoàn cảnh, thời đại khác nhau, là tâm tư nỗi niềm của hai con người khác nhau, nhưng đều đạt được những thành công nhất định về nội dung và nghệ thuật, đều chạm đến trái tim của bạn đọc bao thế hệ. Đặc biệt, cả hai đoạn trích có những điểm gặp gỡ, tương đồng về nội dung rất đáng chú ý là cùng viết về những cuộc chia tay, cùng có những cảm xúc rung rung khó nói hết thành lời và cùng biến cảm xúc chia ly thành hành động quyết tâm hướng tới những điều tốt đẹp.

Kết bài: *Khẳng định giá trị của hai đoạn thơ. Rút ra bài học, thông điệp ý nghĩa cho bản thân sau hai đoạn trích.* Hai đoạn thơ trên đã góp vào thành công chung của từng bài thơ, khẳng định giá trị vượt thời gian của hai thi phẩm. Nghệ thuật nằm ngoài quy luật của sự băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết có lẽ là như vậy. Hai nhà thơ - những người cha đẻ của hai tác phẩm đều đã đi về cát bụi, nhưng những tác phẩm của họ bất tử với thời gian, còn mãi trong lòng độc giả yêu thơ muôn đời. Cả Đi đi em của Tố Hữu và Đêm lên đường của Nguyễn Văn Long đều bồi đắp cho người đọc những tình cảm tốt đẹp về lòng yêu thương con người và tình yêu với quê hương, đất nước.

ĐỀ SỐ 15

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Trong bài thơ *Bàn giao*, nhân vật người ông bàn giao cho cháu những thứ sau: gió heo may; góc phố có mùi ngô nướng bay; tháng giêng hương bưởi - cỏ mùa xuân xanh dưới chân giày; những mặt người đầm nắng - Đầm yêu thương trên trái đất này; một chút buồn; ngậm ngùi một chút, chút cô đơn; câu *thơ vừng gót làm người*.

Câu 2 (0,5 điểm). Câu thơ có cụm từ vừng gót làm người mà người ông muốn bàn giao cho cháu là: Cẩn rằng mà chịu thiệt, vừng gót để làm người.

Câu 3 (1,0 điểm). Người ông chẳng bàn giao cho cháu vì:

- Những thứ đó là những dấu hiệu của sự lam lũ, vất vả: những tháng ngày vất vả; sương muối đêm bay lạnh mặt người; của cuộc sống chiến tranh, loạn lạc, đau thương: đất rung chuyển, xóm làng loạn lạc; ngọn đèn mờ, mưa bụi rơi mà thế hệ ông đã phải trải qua, ông không muốn cháu phải hứng chịu những điều ấy.

- Vì ông rất yêu thương cháu, mong cháu và thế hệ của cháu được sống cuộc sống hoà bình, ấm no, hạnh phúc.

Câu 4 (1,0 điểm)

- Biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ: *Bàn giao*

- Tác dụng:

+ Tạo liên kết, tạo nhịp điệu, giúp cho cách diễn đạt trở nên sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn.

+ Từ *bàn giao* được điệp đi điệp lại xuyên suốt bài thơ, từ nhan đề tới từng khổ thơ, đã nhấn mạnh nội dung chủ đề của bài thơ, nhấn mạnh những điều mà người ông muốn và không muốn bàn giao, trao gửi lại cho người cháu.

+ Qua đó, thể hiện tình cảm yêu thương, mong muốn tốt đẹp mà người ông - cũng là thế hệ đi trước dành cho người cháu - thế hệ sau.

Câu 5. (1,0 điểm). Chúng ta cần có thái độ trước những điều được bàn giao ấy là:

- Biết ơn những gì thế hệ cha ông đã để lại cho mình;

- Trân trọng, tự hào về những điều đó;

- Có ý thức gìn giữ, bảo vệ những thứ đã được nhận bàn giao từ thế hệ trước.

- Cần cố gắng phát huy những gì đã được tiếp nhận để tiếp tục bàn giao cho những thế hệ mai sau;

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Từ nội dung phần **Đọc hiểu**, em hãy viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc thế hệ trẻ tự hào tiếp nối truyền thống cha anh.

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận. Trong bài thơ Tiếng hát sang xuân, nhà thơ Tố Hữu đã tự hào đúc kết: Lớp cha trước, lớp con sau Đã thành đồng chí, chung câu quân hành... Chính sự tiếp nối thế hệ đã tạo nên sức mạnh giúp dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Điều đó cũng gợi nhắc ta suy nghĩ về ý nghĩa của việc thế hệ trẻ tự hào tiếp nối truyền thống cha anh.

Thân đoạn: *Bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của việc thế hệ trẻ tự hào tiếp nối truyền thống cha anh.*

Thế hệ cha anh đi trước đã nối tiếp nhau để làm nên những truyền thống tốt đẹp, những thành tựu đáng tự hào. Việc thế hệ trẻ tự hào tiếp bước các thế hệ đi trước là đang viết tiếp truyền thống vẻ vang của dân tộc. Thế hệ trẻ biết tự hào tiếp bước thế hệ đi trước còn là biểu hiện của lối sống uống nước nhớ nguồn. Thế hệ cha anh đã không tiếc hi sinh để gìn giữ, bảo vệ những điều thiêng liêng, đẹp đẽ cho con cháu ngày nay, thế hệ trẻ tự hào tiếp bước người đi trước để không phụ công ơn của biết bao người. Sự tiếp nối thế hệ còn tạo ra sức mạnh cho thế hệ trẻ, sức mạnh cho dân tộc; giúp thế hệ trẻ có mục tiêu, có động lực để phấn đấu, cố gắng gìn giữ và phát huy những thành tựu thế hệ cha anh để lại. Nếu thế hệ trẻ không biết tự hào tiếp bước thế hệ đi trước sẽ dễ đánh mất bản sắc, truyền thống của dân tộc mình...

- Dẫn chứng: Tự hào về truyền thống anh dũng đánh giặc cứu nước của cha ông, thế hệ trẻ ngày nay rất nhiều người đã tình nguyện tham gia nghĩa vụ quân sự, ngày đêm canh gác biên đảo quê hương, bảo vệ chủ quyền và độc lập dân tộc. Tiếp nối truyền thống hiếu học của dân tộc, thế hệ trẻ ngày nay ra sức học tập, phát huy trí tuệ để cống hiến cho đất nước, cho nhân loại với những tấm gương hiếu học thành tài được cả thế giới thừa nhận như Giáo sư Ngô Bảo Châu, thần đồng Đỗ Nhật Nam...

Kết đoạn: *Khẳng định ý nghĩa của việc tự hào và tiếp nối thế hệ cha anh; Rút ra bài học cho bản thân từ vấn đề bàn luận.* Thế hệ trẻ hôm nay cần tự hào và tiếp bước cha anh để góp phần bảo vệ, xây dựng non sông đất nước ngày càng giàu đẹp, sinh vi với các cường quốc năm châu. Mỗi người cần có ý thức tìm hiểu về lịch sử dân tộc, tôn trọng, tự hào trước những thành quả mà thế hệ đi trước đã để lại, ra sức học tập, sáng tạo trong lao động sản xuất để xứng đáng với sự trao gửi của thế hệ cha anh.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích bài thơ **Bàn giao** của tác giả **Vũ Quần Phương** ở phần **Đọc hiểu**.

Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm. Nêu nhận xét khái quát bài thơ. Nói về dấu ấn cá nhân trong sáng tạo nghệ thuật, Lê Đạt từng quan niệm: Mỗi công dân có một dạng vân tay/ Mỗi nhà thơ có một dạng vân chữ. Quả đúng là trong địa hạt thi ca, giữa muôn vàn tên tuổi, nhà thơ muốn thành công nhất định phải có lối đi riêng, Vũ Quần Phương đã làm được điều ấy. Bài thơ Bàn giao được Vũ Quần Phương viết ra thể hiện tình cảm yêu thương, những ước mong mà người ông muốn gửi lại cho người cháu, đồng thời cũng là sự trao gửi của thế hệ đi trước với thế hệ đi sau.

Thân bài

*** Khái quát:** Đề tài tình cảm gia đình, tình cảm ông cháu và nhan đề bài thơ. Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới. Vì thế cùng viết về đề tài tình cảm gia đình, tình cảm ông cháu, nhưng Bàn giao của Vũ Quần Phương đã đem đến cho người đọc những cảm nhận mới mẻ, thú vị ngay từ nhan đề. Bàn giao vừa bao hàm nghĩa trao lại, gửi lại vừa là giao trách nhiệm, giao nghĩa vụ.

*** Phân tích bài thơ.**

- Phân tích nội dung chủ đề của bài thơ: Bài thơ là sự bàn giao thế hệ, gửi gắm bao tình cảm, bao mong ước của ông dành cho cháu và thế hệ của cháu. Bài thơ mở ra như lời tâm tình của người ông với đứa cháu nhỏ Rồi ông sẽ bàn giao cho cháu. Điệp ngữ bàn giao kết hợp với thủ pháp liệt kê gọi ra những vật chất ông sẽ bàn giao lại cho đứa cháu của mình: gió heo may, góc phố có mùi ngô nướng bay. Đó là tất cả những gì thân thuộc của thiên nhiên, của mảnh đất nơi ông cháu ta gắn bó. Những thứ ông muốn bàn giao cho cháu còn là những gì thuộc về giá trị tinh thần, tuy không thể cầm nắm được nhưng rất đổi quan trọng, thiêng liêng. Ông muốn bàn giao lại cho cháu mùa xuân – mùa đẹp đẽ nhất trong năm, mùa khởi đầu cho những điều mới mẻ, tốt lành. Ở đó, có hương bưởi, có cỏ non xanh dưới chân giày. Ông còn muốn gửi trao lại cho cháu cả những mặt người đầm nắng - Đầm yêu thương trên trái đất này. Đó là những người thân yêu của cả ông và cháu, đó cũng có thể là tất cả những người cháu sẽ gặp, cháu sẽ quen trên trái đất này. Họ là những con người tắm nắng gọi mưa, lam lũ vất vả những mặt người đầm nắng, nhưng họ cũng là những con người tình nghĩa, giàu yêu thương, giàu lòng nhân ái đầm yêu thương. Cảm động biết bao trước những điều ông bàn giao cho cháu, đó đều là những gì sẽ giúp cho cuộc đời cháu được hạnh phúc hơn, ý nghĩa hơn. Người ông còn quyết định, sẽ bàn giao thêm cho cháu: một chút buồn, một chút ngậm ngùi, cô đơn và cả câu thơ vững gót làm người. Tuy có những cung bậc cảm xúc con người không mong muốn như nỗi buồn, sự cô đơn nhưng ông muốn cháu hiểu rằng đó là những giá trị không thể thiếu của cuộc sống, chính nó sẽ là động lực để cháu vững gót làm người. Ý thơ gọi ta liên tưởng tới câu thơ của nhà thơ Lưu Quang Vũ: Nếu tất cả đường đời đều trơn láng/ Thì chắc gì ta đã nhận ra ta? Bên cạnh những thứ ông muốn bàn giao cho cháu, còn có những thứ không nên bàn giao, không được phép bàn giao. Sự xuất hiện hàng loạt hình ảnh gợi sự liên tưởng sương muối, đất rung, loạn lạc, ngọn đèn, mưa bụi gợi cuộc sống lam than, cơ cực những tháng ngày vất vả, đó là chiến tranh loạn lạc, đau thương. Đó là những điều ông kiên quyết sẽ chẳng bàn giao cho cháu.

- Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: Thể thơ tự do, những câu thơ dài ngắn không đều, với sự linh hoạt về vần nhịp, giọng điệu chân thành, tha thiết rất phù hợp để diễn tả tâm tình của ông dành cho cháu, khiến bài thơ như lời chuyện trò của người ông. Ngôn ngữ, hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi. Có những hình ảnh là biểu tượng của vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp con người... Tất cả đã làm nổi bật những điều mà ông muốn gửi trao, muốn bàn giao cho cháu. Đặc sắc nhất là việc sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ. Trong đó đặc biệt là nghệ thuật điệp ngữ nhắc đi nhắc lại động từ chỉ hành động bàn giao như sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ bài thơ.

Thể hiện tình cảm dào dạt, tấm lòng yêu thương của người ông dành cho người cháu của mình, cũng là của thế hệ đi trước muốn dành lại cho thế hệ sau.

- Đánh giá: *Khái quát thành công về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. Liên hệ mở rộng.*

+ Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác (Xuân Diệu) thì Bàn giao của Vũ Quần Phương là một bài thơ như vậy. Thể thơ tự do, ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi, các biện pháp tu từ đã góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của bài thơ: những gửi trao của thế hệ đi trước dành cho thế hệ sau.

+ Nếu trong bài thơ Truyện cổ nước mình, nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ viết: Đời cha ông với đời tôi! Như con sông với chân trời cách xa thì đến với bài thơ Bàn giao, Vũ Quần Phương đã giúp người đọc nhận ra một sợi dây bền chặt để kết nối thế hệ, kết nối đời cha ông với đời ta, chính là thông qua những tài sản vật chất và tinh thần vô giá mà người đi trước đã bàn giao lại cho chúng ta hôm nay.

*** Kết bài:** *Khẳng định giá trị của bài thơ. Rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân.* Thời gian huỷ hoại các lâu đài nhưng làm giàu những vần thơ. Với những giá trị về nội dung và nghệ thuật đặc sắc, Bàn giao xứng đáng là món quà vô giá nhà thơ Vũ Quần Phương bàn giao cho người đọc. Từ đó bồi đắp cho chúng ta thái độ, tình cảm trân trọng, giữ gìn và ý thức phát huy những gì mà thế hệ cha ông đã để lại.

ĐỀ SỐ 16

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm): Nhân vật trữ tình là nhân vật tôi

Câu 2 (0,5 điểm): Những chi tiết, hình ảnh miêu tả vẻ bề ngoài của những đàn chim ngói mùa thu là: mặc áo màu nâu; đeo cườm ở cổ; chân đất hồng hồng.

Câu 3 (1,0 điểm)

- Biện pháp nhân hoá: Chúng (những đàn chim ngói mùa thu) đem những tinh chất xa xôi từ những khoảng trời về hoà với sức mỡ màu của đất.

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh những đàn chim ngói siêng năng, chăm chỉ, quần quýt với mùa màng, làm đẹp thêm cho những cánh đồng mùa thu.

+ Thể hiện sự gắn bó, tình yêu của nhân vật trữ tình dành cho những đàn chim ngói trên cánh đồng quê hương.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, gợi cảm xúc.

Câu 4 (1,0 điểm)

- Nhân vật trữ tình có tâm hồn yêu thiên nhiên, gắn bó với thiên nhiên; có cách cảm nhận thiên nhiên tinh tế, giàu cảm xúc. Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình được thể hiện qua việc cảm nhận vẻ đẹp và ý nghĩa của những đàn chim ngói bay đến những cánh đồng vào mùa thu.

- Nhận xét về đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình: Đó là một tâm hồn đẹp đẽ, tinh tế, được bắt nguồn từ sự quan sát, gắn bó và giao cảm với thiên nhiên. Trước vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình, em nhận thấy mình cần phải biết yêu thiên nhiên và trân trọng thiên nhiên quanh mình hơn.

Câu 5 (1,0 điểm) HS chia sẻ một thông điệp sâu sắc qua đoạn trích và lí giải. Có thể:

- Cần giao cảm với thiên nhiên, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

- Cần biết trân trọng và bảo vệ thiên nhiên quanh mình.

- Yêu quý và gắn bó với quê hương.

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ ý kiến của em về ý nghĩa của việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống.

- **Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận. Hai ngày quan trọng nhất của cuộc đời là ngày bạn được sinh ra và ngày bạn biết được vì sao mình có mặt ở trên đời (Mark Twain). Để cuộc đời mỗi người thực sự có ý nghĩa thì chúng ta cần phải xác lập được mục tiêu cuộc đời, nhất là trong những năm tháng thanh xuân. Vậy việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống đem lại những ý nghĩa to lớn nào?

- **Thân đoạn:** Làm sáng tỏ ý nghĩa của việc xác lập mục tiêu trong cuộc sống. Có thể như sau:

+ Nếu ví cuộc đời mỗi người là một con tàu thì mục tiêu chính là bánh lái của con tàu đó, giữ cho con tàu luôn thẳng bằng để vượt qua mọi phong ba bão táp. Việc xác định được mục tiêu giúp mỗi người biết mình cần làm gì, nắm rõ hướng đi của chính mình, từ đó đề ra kế hoạch phù hợp để thực hiện.

+ Xác định mục tiêu rõ ràng sẽ giúp ta nuôi dưỡng đam mê, có thêm niềm tin và sức mạnh để mạnh mẽ đương đầu với những khó khăn, thử thách, vươn lên và hướng tới những gì tươi sáng nhất, chinh phục mọi kế hoạch đã đặt ra.

+ Khi xác định được mục tiêu cuộc đời mình theo từng giai đoạn ngắn hạn hoặc dài hạn sẽ giúp khơi dậy những khả năng vốn ngủ say trong ta, phát huy hết sức mạnh nội tại, tiềm ẩn, giúp ta trở thành một con người ưu tú; hướng ta tới một lối sống tích cực có giá trị.

+ Xác định được mục tiêu sẽ giúp ta kết nối với những người cùng chí hướng, sẽ giúp truyền cảm hứng cho những người khác, khiến họ cũng trở nên sống có hoài bão và lí tưởng hơn. Nếu mỗi người đều biết cách đặt ra mục tiêu rõ ràng và phấn đấu thực hiện, sống và cống hiến hết mình thì xã hội sẽ phát triển, tiến bộ nhanh chóng.

+ HS lựa chọn dẫn chứng để làm sáng tỏ những lí lẽ đã đưa ra. Ví dụ:

++ Bill Gates – doanh nhân nổi tiếng về cuộc cách mạng máy tính cá nhân trước khi thành công với nó, ông đã đặt ra những mục tiêu nhất định. Ông đã từng tuyên bố, sẽ trở thành triệu phú vào năm 30 tuổi, và thực tế vào năm 31 tuổi, ông đã trở thành tỷ phú. Chính nhờ việc xác lập mục tiêu đúng đắn, Bill Gates đã giúp cả nhân loại sử dụng phần mềm tiện ích và hữu hiệu cho máy tính. mai ai biết tới c

++ Lê Minh Châu sinh năm 1991, là nạn nhân của chất độc da cam. Anh có niềm đam mê hội họa từ nhỏ nhưng với khuyết tật ở chân và một cánh tay khiến anh không thể cầm bút vẽ. Thế nhưng anh đã xác định rõ mục tiêu cuộc đời mình là theo đuổi niềm đam mê hội họa. Điều đó giúp anh vượt qua khó khăn và sự tự ti đó, 17 tuổi anh đã tự mở phòng tranh riêng và nuôi sống bản thân bằng các tác phẩm của mình.

++ Với mục tiêu kiểm chứng lòng người, khám phá giới hạn của bản thân, chàng trai Hồ Nhật Hà đã bắt đầu hành trình đi bộ xuyên Việt khi trong túi chỉ có vốn vụn 100.000 đồng, vừa đi, vừa kiếm thêm tiền. Hành trình đi bộ xuyên Việt của anh kéo dài 113 ngày đêm chỉ với 100.000 đồng và 1 cây đàn guitar; bắt đầu từ ngày 18/10/2017 xuất phát tại dinh Độc Lập TP. Hồ Chí Minh đến ngày 8/2/2018 anh đã hoàn thành chuyến đi xuyên Việt bằng đường bộ tại địa điểm Lũng Cú, Hà Giang.

- **Kết đoạn:** Một mục tiêu đã đặt ra đúng là đã đạt được nửa chặng đường (Zig Ziglar). Ngay bây giờ, mỗi chúng ta hãy xác lập mục tiêu đúng đắn cho chính mình và theo đuổi nó đến cùng. Đó là cách để chúng ta sống một cuộc đời rục rờ và có ý nghĩa.

Câu 2. (4,0 điểm): Viết bài văn phân tích nhân vật người cô trong đoạn trích truyện Nếp nhà (Nguyễn Khải).

Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm. Nêu vấn đề nghị luận. Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người (Nguyễn Minh Châu). Mỗi nhà

văn cần bắt rễ sâu vào hiện thực cuộc sống, phải đắm mình vào cuộc sống, lắng nghe hơi thở và nhịp đập của đời sống biến đổi từng giây để chắt lọc những gì tinh túy nhất đem vào trang viết của mình. Đến với truyện ngắn Nếp nhà, nhà văn Nguyễn Khải đã giúp người đọc khám phá ra vẻ đẹp của con người đất kinh kì qua hình tượng nhân vật người cô.

Thân bài

***Khái quát chung:** *Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và hình tượng người cô.*

- Nguyễn Khải là một cây bút giỏi quan sát chuyện đời, chuyện người, say mê giảng giải, triết lí về mọi sự bằng một tư duy phân tích sắc sảo. Nét độc đáo ở những trang viết của ông là mối quan hệ giữa chuyện người với chuyện mình, giữa chuyện đời với cái tôi trải nghiệm. Nếp nhà là một sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Khải trong thời kỳ đổi mới. Nếp nhà là nơi Nguyễn Khải gửi gắm những điều mình suy ngẫm và chiêm nghiệm về vấn đề bảo tồn những giá trị cốt lõi của truyền thống dân tộc.

- Được kể theo ngôi thứ nhất, đoạn trích trong truyện Nếp nhà đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật người cô với vẻ đẹp trong cả suy nghĩ và hành động vượt qua qua bao biến cố thăng trầm của đất nước, đó là một người phụ nữ tự tin, am tường nhân thế, luôn có ý thức giáo dục con cháu gìn giữ những giá trị truyền thống.

*** Phân tích nhân vật người cô trong đoạn trích:**

Vẻ đẹp của người cô được làm rõ dưới điểm nhìn của nhân vật tôi. Đó là sự kết tinh vẻ đẹp trí tuệ của một con người Hà Nội qua mối quan hệ xã hội và môi đình, để mỗi lần gặp gỡ là nhân vật tôi thêm một lần ngỡ ngàng về túi khôn này.

- Trong mỗi đang chuyển mình theo nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, người cô không chạy theo quan hệ xã hội: Người cô cùng gia đình sống trong thời buổi xã hội những sự thay đổi hào nhoáng về vẻ bề ngoài, mà vẫn giữ cốt cách của người Hà Nội

xưa. Trong cái nhìn của người cháu (nhân vật tôi), nếp sống của gia đình người cô có phần đối lập với số đông mọi người. Dân tình đang chạy theo son phấn, nước hoa, khoác lên người những bộ quần áo kiêu cách mới (con gái Hà Nội mặc quần chèn đen, gót xẻ, có dải buộc dưới bàn chân, mặc măng tở lưng, hoặc đi bút tất đen dài, quần cộc, áo vét trùm qua hông; đàn ông cũng diện lăm, áo vét tông các kiểu, thắt cà vạt đủ màu, giày đen). Vậy mà một nhà giàu của Hà Nội như nhà người cô có dư điều kiện để thay đổi lại không chịu thay đổi: Vẫn mấy chiếc xe máy đã cũ, và vẫn còn nhiều xe đạp, loại xe đạp cà tàng từ những năm nào. Trời nắng các em đi xe máy, trời mưa đi xe đạp, đỡ phải rửa xe; cách ăn mặc của cô cùng các con cũng chẳng có gì sang hơn, như trước đây.

- Trong mối quan hệ gia đình: Vẻ đẹp người Hà Nội trong người cô thể hiện ở việc gìn giữ nếp nhà. Một đại gia đình ba thế hệ cùng sống chung dưới một mái nhà, ăn chung một bếp ăn, có đủ cả dâu, rể mà lại rất êm thấm. Có lẽ chính người cô là sợi dây kết nối bền chặt các thành viên trong gia đình, để dưới con bão táp của nền kinh

tế thị trường, khi nhiều giá trị truyền thống bị lung lay thì nếp nhà của gia đình bà vẫn tồn tại bền vững bao năm nay.

+ Trong mối quan hệ với các nàng dâu, bà có suy nghĩ thật công tâm qua câu nói: Đúng là tôi có phần phải chịu nó nhưng nó cũng có phần phải chịu tôi, mỗi bên chịu một nửa. Câu nói đó cho thấy tư tưởng tiến bộ của người cô về mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu, muốn mối quan hệ ấy tốt đẹp thì cả hai bên cùng phải vun đắp. Bà tâm niệm con dâu là vàng trời cho, mình không có công để ra nó, cũng không nuôi nó ăn học ngày nào, bỗng dưng nó về nhận mình là mẹ, sinh con đẻ cái cho dòng họ, cáng đáng mọi việc từ trẻ đến già nên bà không bao giờ hoạnh hộc con dâu, luôn tôn trọng các con dâu thật lòng nên nhận được sự yêu quý từ hai nàng dâu: Con ở với mẹ còn thoải mái hơn ở nhà với mẹ con. *singed bod nav ju sig goudn odv al noul o*

+ Còn với con rể, bằng cái nhìn sâu sắc của người từng trải, bà vô cùng tinh tế khi thấu hiểu suy nghĩ của con rể, dùng lời khuyên con rể, con gái về ở cùng để thuận tiện cho công việc, chăm sóc con cái mà không khiến cho con rể thấy tự ti, xấu hổ khi phải nhờ vả bên nhà vợ.

+ Bà đưa ra lí do giúp nếp nhà của gia đình bà vẫn tồn tại bền vững dù hoàn cảnh xã hội, thời thế có thay đổi. Lí do đó chỉ gói gọn trong một việc tưởng chừng giản đơn mà thật khó thực hiện biết bao: Trong nhà này, ba đời nay, không một ai biết tới câu may, câu tao. Bà quan niệm hạnh phúc của một gia đình không phải tự nhiên mà có, nó phải được các thành viên trong gia đình có ý thức vun trồng, thế hệ này truyền lại cho thế hệ tiếp theo.

=> Những suy nghĩ, lời nói và hành động của người cô cho thấy ở bà một trí tuệ sâu sắc, vượt lên khỏi những vật chất tầm thường của cuộc sống, một người mẹ coi trọng hạnh phúc gia đình, biết tôn trọng các con, dùng sự chân thành để đối xử với các con.

*** Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật người cô trong đoạn trích**

- Kể chuyện theo ngôi thứ nhất với điểm nhìn chủ yếu là điểm nhìn của người kể chuyện.

- Xây dựng nhân vật: Nhân vật được tô đậm ở suy nghĩ, lời nói và hành động; khắc họa qua lời kể, tả của người kể chuyện.

- Giọng điệu khách quan khi trần thuật.

- Ngôn ngữ giản dị, cá thể hóa (lời nói của người cô logic, rõ ràng thể hiện sự sắc sảo, thông minh, tự tin, am tường nhân thế).

*** Đánh giá**

- Đoạn trích trong truyện ngắn Nếp nhà (Nguyễn Khải) đã thể hiện vẻ đẹp của một người phụ nữ Hà Nội trong xã hội buổi giao thời. Đó là vẻ đẹp của trí tuệ hơn người, sự am tường nhân thế, luôn trân trọng và nâng niu những giá trị truyền thống văn hoá người Hà Nội.

- Đoạn trích thể hiện quan niệm về con người, niềm tin vào sự trường tồn theo thời gian của những nét đẹp văn hóa truyền thống của nhà văn Nguyễn Khải.

- Đoạn trích truyền cho người đọc lẽ sống, phong cách sống đẹp, ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn các giá trị truyền thống. địa của

Kết bài: Khẳng định giá trị của truyện ngắn, ý nghĩa của tác phẩm với người viết.

Một truyện ngắn hay vừa là chứng tích của một thời, vừa là hiện thân của một chân lí giản dị của mọi thời. Truyện ngắn Nếp nhà (Nguyễn Khải) là một tác phẩm như thế. Khi cơn lốc dữ dội của nền kinh tế thị trường đã và đang làm xói mòn đi nếp sống của Hà Nội ngàn năm văn hiến thì cũng không thể làm lay chuyển ý thức của những con người luôn tin vào những giá trị văn hoá bền vững của Hà Nội không thể mất đi. Họ chính là những hạt bụi vàng của mảnh đất Hà Nội thương yêu.

ĐỀ SỐ 17

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Thể thơ tự do

Câu 2 (0,5 điểm). Những hình ảnh khơi gợi những trò chơi tuổi trẻ xuất hiện trong kí ức cơn mưa quê hương của nhân vật trữ tình: *những tàu chuối bẹ dừa; những mảnh chòi nhỏ bé; những vết chân thơ ấu; mấy tấm mo cau.*

Câu 3 (1,0 điểm). Nội dung của các dòng thơ:

Cơn mưa quê hương mang theo bao kỉ niệm tuổi thơ của nhân vật trữ tình đã chảy xuống dòng sông quê nội, rồi sông đổ ra biển khơi, mang kỉ niệm trang trải khắp muôn phương.

- Dù đang công tác, chiến đấu xa quê hương nhưng những kỉ niệm tuổi thơ cùng cơn mưa quê hương vẫn làm rung động trái tim nhân vật trữ tình.

- Bộc lộ sự gắn bó của nhân vật trữ tình với quê hương – nơi gắn với những cơn mưa đã tắm mát suốt tuổi thơ nhân vật trữ tình.

Câu 4 (1,0 điểm). Biện pháp tu từ so sánh: So sánh tiếng mưa quê hương dữ dội khi phong ba - với — *tiếng của cha ông dựng nước.*

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự dữ dội của những cơn mưa giông quê hương giống như sự của sức mạnh dân tộc bao đời.

+ Thể hiện những liên tưởng độc đáo cùng niềm tự hào, tình yêu đất nước cao cả, thiêng liêng của tác giả.

+ Làm cho lời thơ thêm sinh động, giàu hình ảnh, gợi cảm xúc, tăng hiệu quả biểu đạt.

Câu 5 (1,0 điểm)

- Suy ngẫm của tác giả trong hai dòng thơ: Lời cây cỏ gió mưa hòa vào bản hùng ca lịch sử oai hùng của đất nước.

- Rút ra một bài học về lẽ sống phù hợp. Có thể theo hướng: Cần tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc; cần noi gương, tiếp bước các thế hệ cha anh đi trước để bảo vệ Tổ quốc; phải phát huy những giá trị truyền thống cao đẹp của quê hương, dân tộc, luôn gắng cao đầu mà bước;...

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về sự cần thiết của việc biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống.

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề nghị luận. Cơ hội không đến với những người đợi chờ, mà đến với những người hành động. Cơ hội tuy chỉ là những khoảnh khắc nhỏ, nhưng chúng có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong cuộc đời bạn. Vì vậy, việc nắm bắt cơ hội trong cuộc sống có ý nghĩa vô cùng to lớn với mỗi người.

Thân đoạn: *Làm sáng tỏ sự cần thiết của việc biết nắm bắt cơ hội trong cuộc sống. Có thể như sau:*

- Cơ hội là điều kiện thuận lợi, thời điểm hội tụ những điều thích hợp cho chúng ta tận dụng và tạo ra những thành công cho bản thân. Cơ hội không phải lúc nào cũng xuất hiện, do đó việc nắm bắt được những cơ hội sẽ mang đến cho chúng ta niềm tin, niềm hi vọng để ta đạt được mục đích. Biết nắm bắt cơ hội là chìa khóa để mở ra cánh cửa của thành công. Biết nắm bắt cơ hội giúp chúng ta tận dụng các điều kiện thuận lợi để hiện thực hóa mục tiêu đã đặt ra, từ đó đạt được thành công mong muốn. Hơn nữa, việc chủ động nắm bắt cơ hội còn tạo ra cho chúng ta một sức mạnh to lớn và động lực để ta vượt qua những thử thách, khó khăn trong cuộc sống. Biết nắm bắt cơ hội giúp bạn phát triển kỹ năng và kinh nghiệm. Khi bạn tận dụng cơ hội, bạn sẽ gặp những thử thách mới và phải đối mặt với những khó khăn mới giúp ta rèn luyện bản thân, tích lũy được kinh nghiệm, nâng cao chuyên môn. Nắm bắt cơ hội giúp bạn mở rộng mạng lưới quan hệ và kết nối. Cơ hội thường xuất hiện khi bạn có mối quan hệ và kết nối với người khác. Nếu bạn tận dụng cơ hội để gặp gỡ và kết nối với những người thành công, bạn sẽ có cơ hội học hỏi và lấy cảm hứng từ họ.

- Dẫn chứng chứng minh: Thuở thiếu thời Picasso là một họa sĩ vô danh, nghèo túng ở Paris. Đến lúc chỉ còn 15 đồng bạc, ông quyết định đánh canh bạc cuối cùng. Ông thuê sinh viên đạo các cửa hàng tranh và hỏi: “Ở đây có bán tranh của Picasso không?”. Chưa đầy một tháng tên tuổi của ông đã nổi tiếng khắp Paris, tranh của ông bán được và nổi tiếng từ đó. Những tháng ngày bôn ba nơi xứ lạ, Nguyễn Tất Thành thử sức trong mọi công việc: làm thuê, làm thợ bánh, phụ giúp đầu bếp, cào tuyết ở trường học, đốt lò ở hầm, làm dọn dẹp và rửa bát đĩa làm đồ giả cổ, vẽ quạt, lọ hoa, chao đèn... Nhờ đó, Người trau dồi vốn ngoại ngữ, thấu hiểu đời sống dân nghèo, nắm rõ bản chất tư bản và càng thêm vững vàng đến với con đường chính trị đúng đắn...

Kết đoạn: Người đạt được thành công không phải là người không bao giờ thất bại, mà là người không bao giờ từ bỏ tìm kiếm cơ hội mới. Do đó, mỗi chúng ta hãy làm cho mỗi ngày trở nên ý nghĩa bằng cách tận dụng những cơ hội nhỏ xung quanh mình.

Câu 2. (4,0 điểm): Viết bài văn phân tích truyện ngắn Trở về (Thạch Lam).

Mở bài: *Giới thiệu tác giả, tác phẩm; yêu cầu của đề bài. Thạch Lam từng quan niệm: Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn. Đến với truyện ngắn Trở về, Thạch Lam đã dùng sức mạnh của thứ khí giới thanh cao kia để giúp con người thức tỉnh, nhận ra những sai lầm trong cách sống của con người hiện đại.*

Thân bài:

***Khái quát chung:** *Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm.*

- Thạch Lam là một cây bút có biệt tài về truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam thường có sự hòa quyện giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn trữ tình. Do đó

truyện ngắn của Thạch Lam thường không có cốt truyện đặc biệt, mỗi truyện ngắn giống như một bài thơ trữ tình đượm buồn.

- Truyện ngắn Trở về là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Thạch Lam, được in lần đầu trong tập Gió đầu mùa, NXB Đời nay, Hà Nội, 1937.

*** Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm**

- Phân tích giá trị nội dung

+ Tóm tắt cốt truyện: Truyện được kể theo ngôi thứ ba, xoay quanh chuyến về thăm nhà của nhân vật Tâm – một chàng trai vốn sinh ra ở vùng quê nghèo, lên Hà Nội

học hành, làm việc, đã giành được một cái địa vị trong xã hội, lấy được vợ con nhà giàu. Tuy nhiên, cuộc sống thượng lưu chốn thị thành xa hoa khiến Tâm dần muốn chối bỏ quê hương và những người thân của anh ta. Xa cách 5, 6 năm trời, nay mới có dịp về thăm nhà, nhưng chỉ khoảng 1 tiếng, Tâm đã vội vã chào mẹ để đi. Ra khỏi nhà, Tâm thấy nhẹ người khi cho rằng đã làm xong bổn phận. Mặc cho nhìn thấy mẹ anh ra tận ga để mong trông thấy con trai lần nữa, Tâm vẫn ngồi trên xe, không ngoảnh lại, hoàn toàn xa cách với cảnh thôn quê cũ.

+ Phân tích chủ đề, hình tượng nhân vật: Truyện ngắn Trở về (Thạch Lam) đã đặt ra những trăn trở về lối sống của một bộ phận con người thời hiện đại, mãi mê chạy theo danh lợi mà quên đi những điều xưa cũ, chối bỏ quá khứ của chính mình. Nhân vật chính của truyện là nhân vật Tâm. Đã có thời Tâm cho rằng cuộc sống ở thôn quê là giản dị và sung sướng. Chàng đã mơ mộng sẽ yêu và lấy một cô thôn nữ, cùng nhau sống trong cảnh thanh bình dưới một túp lều tranh. Nhưng có lẽ ám ảnh với những cơ cực, thiếu thốn thừa thãi ấu nhen khi có dịp lập nghiệp ở Hà Nội, Tâm dần quên đi gốc gác của mình, chối bỏ cả những gì vốn thân thuộc nhất với anh ta trước đây. Những thay đổi trong lối sống, suy nghĩ của Tâm thể hiện qua chuyến về thăm nhà sau 5, 6 năm xa cách: Tâm tự chế giễu cái ước mơ thừa xưa lấy cô gái thôn quê, sống cuộc đời đạm bạc của mình; giờ đây chàng không khi nào nghĩ đến cái ý tưởng điên rồ ấy nữa. Tâm cũng xa cách với chính người mẹ già của mình khi không hề để ý đến những lá thư bà cụ gửi, coi đó chỉ là những lời quê kệch. Tâm cho rằng mỗi tháng gửi về cho bà cụ một số tiền là đã làm đủ bổn phận của một người con, nên 5, 6 năm nay Tâm chưa hề về thăm mẹ. Chuyến về thăm chóng vánh chưa đầy một tiếng. Nếu với người mẹ già, đó là những giây phút cảm động đến ứa nước mắt thì với Tâm đó là làm xong bổn phận. Chi tiết cuối truyện càng tô đậm hơn sự đổi thay của lối sống con người khi mãi miết chạy theo danh lợi, tiền bạc: Khi biết mẹ già ra tận ga để tiễn mình, thay vì cảm động, Tâm còn cảm thấy khó chịu với điều ấy. Khi cùng vợ đi ngang qua mẹ và cô Trinh, anh ta dừng dừng khi thấy chiếc xe chạy bắn vọt bùn lên quần áo hai người. Thạch Lam đã làm nổi bật sự suy đồi đạo đức của con người trong xã hội khi đồng tiền lên ngôi, phản ánh sự tha hóa nhân cách bằng ngòi bút đầy tinh tế. Nhà văn bày tỏ kín đáo tác giả cũng ngầm phê phán xã hội trọng vật chất; phê phán những kẻ ham chạy theo danh lợi mà quay lưng lại với quá khứ, với những người thân yêu của mình.

- Phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm

+ Nghệ thuật xây dựng cốt truyện, tình huống truyện: Cốt truyện đơn giản, không có tình tiết gây căng thẳng nhưng vẫn gây ấn tượng với người đọc bởi tình huống truyện tâm lý. Truyện xoay quanh dòng tâm trạng của nhân vật Tâm trong chuyến về thăm nhà; từ đó giúp người đọc khám phá sâu hơn những suy nghĩ, tính cách, sự đổi thay của nhân vật, làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện.

+ Truyện kể theo trật tự thời gian tuyến tính nhưng đan xen một số hồi ức của nhân vật và một số chi tiết bất ngờ, lôi cuốn người đọc.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật được khắc họa qua hành động, lời nói và đặc biệt là qua nghệ thuật miêu tả tâm lý. Cái tài của nhà văn là miêu tả được những giây phút giao tranh mơ hồ giữa sự lên tiếng của trái tim nơi chút tình quê còn sót lại với lý trí đã bị vật chất sai khiến, cám dỗ. Trong suy nghĩ của Tâm, đâu đó hình ảnh của cảnh thôn quê cũ, của những người anh đã từng gắn bó suốt thời ấu thơ thấp thoáng hiện lên, đó là người mẹ già, là cô Trinh – nhưng ngay sau đó tất cả đã bị lấn át, nhòa mờ đi bởi những gì xa hoa của cuộc sống chốn thượng lưu.

+ Ngôn ngữ giản dị, dùng từ tinh tế, chọn lọc.

***Đánh giá:**

- Với những thành công đặc sắc về nghệ thuật, truyện ngắn *Trở về* đã khắc họa mặt trái của lối sống hiện đại khi con người mãi chạy theo những vật chất phù phiếm mà quên lãng đi những giá trị cốt lõi, đó là quê hương và gia đình. Qua đó, truyện ngắn thể hiện những suy ngẫm, trăn trở sâu sắc của nhà văn về hiện thực xã hội; gióng lên hồi chuông cảnh báo con người cần trân trọng, giữ gìn những điều xưa cũ, làm tròn chữ hiếu với những bậc sinh thành.

- Liên hệ các tác phẩm viết về sự đổi thay về lối sống con người, chạy theo lối sống vật chất trong văn học hiện đại như: *Tướng về hưu*, *Không có vua* (Nguyễn Huy Thiệp), *Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng),... để thấy được những đóng góp của nhà văn Thạch Lam.

Kết bài: *Khẳng định giá trị của truyện ngắn, ý nghĩa của tác phẩm với người viết.* Quả thực, với *Trở về* trang văn của Thạch Lam đã góp phần tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, đồng thời làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn. Có lẽ vì thế mà sau hơn nửa thế kỷ, chúng ta vẫn thấy đầy đủ cái dư vị và nhã thú khi đọc văn Thạch Lam.

ĐỀ SỐ 18

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Ngôi kể thứ nhất

Câu 2 (0,5 điểm). Nhân vật tôi bị mẹ mắng vì: tôi đã cùng các bạn trong lớp tung tin bà bán bỏng họ lao, khiến không còn ai mua bỏng làm bà mất đi kế sinh nhai.

Câu 3 (1,0 điểm). Từ những chi tiết miêu tả nhân vật bà bán bỏng khi tôi gặp bà ở chợ, em có nhận xét về hoàn cảnh hiện tại của bà lão là bà rất nghèo khổ, tội nghiệp: bà gầy yếu, ăn mặc rách rưới, bà phải tay bị tay gậy đi lang thang xin ăn, bữa ăn của bà chỉ có chiếc bánh mì cũ mang theo trong bị.

Câu 4 (1,0 điểm). Qua những hành động và việc làm của nhân vật tôi sau khi chứng kiến hoàn cảnh của bà bán bỏng, em nhận thấy nhân vật tôi có những phẩm chất

- Có tấm lòng nhân hậu, biết yêu thương, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn;
- Biết nhận ra lỗi lầm của mình khi cùng các bạn tung tin bà bán bỏng bị ho lao;
- Có trách nhiệm khắc phục lỗi lầm mình phạm phải;

-...

Câu 5 (1,0 điểm). Nếu em là nhân vật tôi trong truyện, sau câu chuyện với bà bán bỏng ngô, em sẽ rút ra những bài học:

- Biết được hậu quả khôn lường của những tin đồn không có căn cứ;
- Không nên tung tin đồn nhảm về bất cứ ai, bất cứ điều gì;
- Phải có trách nhiệm với những việc làm sai trái của mình;
- Biết yêu thương, kính trọng, giúp đỡ những người già cả, những người khó khăn trong cuộc sống.

- ...

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ Khúc dân ca của tác giả Nguyễn Duy.

Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề. Bài thơ Khúc dân ca thể hiện tình cảm gắn bó, mến yêu tha thiết của Nguyễn Duy với khúc dân ca - truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc.

Thân đoạn: Bày tỏ cảm nghĩ về bài thơ.

- Cảm nghĩ về nội dung: Cảm hứng của bài thơ được gợi ra từ hình ảnh cánh cò trong câu quan họ. Nhân vật trữ tình là một người lính đang chiến đấu xa quê hương, câu hát về cánh cò gợi nhớ hương đồng - nổi nhớ quê hương da diết. Từ cánh cò gợi nhớ, gợi thương, nhân vật trữ tình đã nghĩ về sức sống bền bỉ vượt thời gian, trường

tồn vĩnh cửu của những giá trị tinh thần gọi ra từ câu hát: Nghìn năm trên dải đất này
Cũ sao được cánh cò bay la đài Cũ sao được sắc mây sa
Cũ sao được khúc dân ca quê
mình. Bài thơ khép lại bằng những lời khẳng định đầy tự hào về câu hát quê hương.
Như một chân lý bất diệt: cò bay bằng cánh, lúa thơm bằng phần hương lành, mây
bay bằng gió; còn ta hát bằng lời của ta. Ba tiếng lời của ta vang lên tự hào biết mấy.
Câu dân ca là điệu hồn dân tộc, con người Việt Nam sẽ mãi giữ gìn lời ca ấy như giữ
gìn bảo vệ từng tấc đất ông cha.

- Cảm nghĩ về một số đặc sắc nghệ thuật: Thể thơ lục bát với vận nhịp uyển
chuyển, nhịp nhàng. Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị vừa là biểu tượng cho quê hương
đất nước tươi đẹp, vừa là hình ảnh đặc trưng của những câu hát dân ca: cánh cò, mây,
hương lúa, núi non. Lối từ láy tượng hình kết hợp với giai điệu hát ru quen thuộc Con
cò bay la bay la gọi liên tưởng bài thơ cũng là một khúc dân ca quê mình. Các biện
pháp tu từ đặc sắc đã tạo sự liên kết, nhịp điệu nhịp nhàng từ đó làm nổi bật giá trị
vượt thời gian của những khúc hát dân ca.

Kết đoạn: Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ. Bài thơ là lời ca cất lên từ
tình yêu tha thiết với khúc hát quê hương qua những dấu hiệu nghệ thuật tiêu biểu của
thể thơ dân tộc. Khúc dân ca bồi đắp trong ta niềm tự hào về những giá trị văn hoá
tinh thần ngàn đời của dân tộc.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn thuyết minh giới thiệu di tích lịch sử, văn hoá Hồ Gươm.

Mở bài: Giới thiệu khái quát về Hồ Gươm (vị trí, nguồn gốc, khái quát giá trị
Nhà thơ Nguyễn Minh Phú từng viết: Hồ Gươm xanh in bóng một khoảng trời/ Có
phải xưa, viên ngọc của sao rơi/ Mà ở đó thành trái tim Hà Nội (Hồ Gươm). Hồ Gươm
đã trở thành niềm tự hào của người Hà Nội - một lăng hoa xinh xắn giữa lòng thủ đô,
là điểm đến không thể bỏ qua của du khách gần xa khi tới thăm Hà Nội.

Thân bài

- Lần lượt trình bày các đặc điểm của di tích lịch sử Hồ Gươm.

+ Nguồn gốc: Hồ Gươm là một nhánh cũ của sông Hồng đổi dòng mà thành.

+ Tên gọi: Thuở xa xưa, do nước hồ quanh năm xanh ngát nên hồ tên là Lục
Thủy. Tên gọi Hồ Hoàn Kiếm bắt đầu vào khoảng thế kỉ 15 gắn với truyền thuyết Rùa
thần đòi gươm.

+ Đặc điểm kiến trúc, cảnh quan:

++ Hồ có tổng diện tích 12ha, là hồ nước ngọt tự nhiên của thành phố. Gắn liền
với hồ là các công trình kiến trúc mang ý nghĩa văn hoá, tâm linh rất độc đáo như
Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, Đài Nghiên, Tháp Bút,...

++ Tháp Rùa được xây dựng vào khoảng cuối thế kỉ 19, từ giữa năm 1884 đến
năm 1886. Nằm ở trung tâm hồ, trên gò Rùa, tháp có ba tầng và một đỉnh có nét như
một vọng lâu vuông vức. Hai tầng đầu có kiến trúc giống nhau, gồm nhiều ô cửa hình
vòm. Chiều dài có ba cửa, chiều rộng hai cửa. Tầng ba chỉ có một cửa hình vòm.

++ Đền Ngọc Sơn nằm ở phía Bắc hồ, trên đảo Ngọc, được xây trên nền cung Khánh Thụy cũ. Đền Ngọc Sơn thờ thần Văn Xương Đế Quân là ngôi sao chủ việc văn chương khoa cử và thờ Trần Hưng Đạo.

++ Cầu Thê Húc là cây cầu nổi từ bờ ra đền Ngọc Sơn do danh sĩ Nguyễn Văn Siêu cho xây dựng năm 1865. Cầu được làm bằng gỗ rất thô sơ và được sơn màu đỏ, được thiết kế cong cong và uốn lượn như hình con tôm. Cầu hướng về phía Đông phía mặt trời mọc, bởi vậy, tên gọi của cây cầu có nghĩa là *nơi đậu ánh sáng Mặt Trời buổi sáng sớm*.

++ Tháp Bút, Đài Nghiên: Trên núi Ngọc Bội, nhà nho Nguyễn Văn Siêu cho xây một tháp đá, đỉnh tháp hình ngọn bút lông dựng ngược, thân tháp có khắc ba chữ "Tả Thanh Thiên" (viết lên trời xanh), ngày nay người ta thường gọi đó là Tháp Bút. Đài Nghiên là một cửa cuốn, trên có đặt một cái nghiên mực bằng đá hình nửa quả đào bổ đôi theo chiều dọc, có hình ba con ếch đội.

- Các giá trị nổi bật của di tích lịch sử Hồ Gươm: Hồ được xem như biểu tượng của Thủ đô, là nhân chứng lịch sử với bề dày trầm tích văn hóa, là một trong số những địa điểm du lịch nổi tiếng thu hút du khách thập phương, đặc biệt là du khách nước ngoài. Hồ Gươm không chỉ có ý nghĩa đặc biệt về tinh thần, văn hóa và lịch sử, mà hệ sinh thái của hồ cũng rất đặc biệt, không nơi nào có được. Hồ Gươm còn là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca nhạc họa.

- Cung cấp thông tin về tình trạng bảo tồn, cách thức tham quan di tích Hồ Gươm: Môi trường cảnh quan bị ô nhiễm do lượng rác xả ra nhiều, tình trạng gây hư hại các kiến trúc, chất lượng nước, các loại thủy sinh, động vật trong lòng hồ Hoàn Kiếm vẫn chưa được nghiên cứu để có biện pháp bảo tồn, bảo dưỡng... Cần có các biện pháp đồng bộ, quyết liệt và lâu dài để bảo tồn và khai thác các giá trị khu vực hồ Hoàn Kiếm.

Kết bài: *Khái quát về ý nghĩa, giá trị của di tích lịch sử văn hoá Hồ Gươm. Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của người viết về di tích lịch sử. Đưa ra lời mời tham quan (nếu cần).* Nhà thơ Trần Tuấn Khải từng ngợi ca về hồ Hoàn Kiếm:

*Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn,
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?*

Với những giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hoá, kiến trúc và cảnh quan, Hồ Gươm xứng đáng là điểm đến lý tưởng với bất kì ai khi đặt chân tới thủ đô Hà Nội.

ĐỀ SỐ 19

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Vụ án xảy ra ở: lâu đài cổ Shoscombe, gần công viên Shoscombe.

Câu 2 (0,5 điểm). Đặc điểm hệ thống nhân vật của thể loại truyện trinh thám:

- Có các nhân vật đặc trưng của truyện trinh thám: thám tử Holmes, người báo án là Mason, nghi phạm là Robert.

- Trong đó, nhân vật chính là thám tử Sherlock Holmes.

Câu 3 (1,0 điểm)

- Holmes phán đoán dựa vào các chi tiết sau trong lời kể của Mason

- + Người em chấm dứt việc thăm viếng người chị tật nguyền, ông ấy tổng khứ con chó mà bà chị cưng. Con chó thuộc quyền sở hữu của bà ấy.

- + Mệnh phụ thói quen, ở mãi trong phòng, có ra đi thì không ghé thăm chuồng ngựa nữa, đâm ra uống rượu.

- Để phát hiện ra chân tướng sự việc, Holmes đã dùng cách sau: Holmes mượn con chó của lâu đài chặn xe ngựa chở phu nhân đi dạo và kiểm chứng người ngồi trong xe không phải chủ nhân của nó. Kẻ giả danh phu nhân đã phải lên tiếng đề ra lệnh cho xe chạy.

- Qua đó, em thấy được những năng lực của Holmes: Là người có óc phán đoán, suy luận rất lo-gíc; Là người rất thông minh;

Câu 4 (1,0 điểm). Câu nói Nhưng trong một đàn cừu, biết đâu lại chẳng có một con chiên ghê được hiểu là:

- Đây là câu nói của Holmes với người cộng sự khi nhắc đến Robert - nghi can trong vụ việc ông đang giải quyết.

- + Robert dù thuộc dòng dõi quý tộc cao quý, nhưng vẫn có thể chính là kẻ dám làm ra những chuyện xấu xa.

- + Qua đó thể hiện sự phán đoán tinh nhạy, sự suy luận rất lo-gíc và mắt nhìn người đầy kinh nghiệm của Holmes.

Câu 5 (1,0 điểm). Trong cuộc sống, đôi khi có những sự thật bị che giấu, để tìm ra sự thật, chúng ta cần có những phẩm chất:

- Có lòng trung thực, tôn trọng sự thật và khao khát tìm kiếm sự thật;

- Có lòng dũng cảm, dám đối mặt với thử thách khó khăn để tìm ra sự thật; đối diện với sự thật;

- Không vì vật chất, tình cảm hay sự đe dọa mà che giấu sự thật, bao biện sự dối trá,

- Biết nhờ đến sự giúp đỡ của mọi người xung quanh, thậm chí là cảnh sát;

- Cần có óc phán đoán, suy luận lo-gíc, có căn cứ...

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về bài thơ **Mẹ ơi!** của Nguyễn Ngọc Hưng.

Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm. Nêu khái quát cảm nghĩ về bài thơ. Có nhạc sĩ tài hoa Trịnh Công Sơn từng nói: Không có bài hát nào đủ nói về Mẹ... Mất mẹ

là mất đi một tài sản lớn nhất trong toàn bộ sự giàu có của một đời người. Quả thật như Niềm hạnh phúc gì lớn lao nhất trong cuộc đời là được sống trong tình yêu thương của mẹ, và không có nỗi đau khổ, hụt hẫng nào bằng nỗi đau mất mẹ. Cũng chung cảm xúc ấy, nhà thơ Nguyễn Ngọc Hưng đã viết lên thi phẩm Mẹ ơi! để thể hiện tình cảm thương nhớ, xót xa của người con khi mất mẹ.

Thân đoạn: *Bày tỏ cảm nghĩ về bài thơ.*

- Cảm nghĩ về nội dung: Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ nỗi nhớ đến nỗi đau mất đi người mẹ thân yêu. Khổ thơ đầu là nỗi nhớ thương da diết của người con về mẹ. nhớ khiến người con nhìn đâu cũng thấy bóng hình của mẹ: Thềm rêu thăm giữ dấu chân; Vách thăm giữ bóng; Chăn thăm giữ hơi. Bởi thế mà nước mắt con lại rung rung chảy: Chiều, con mắt lệ đầy vui- Giọt dài giọt vắng- Mẹ ơi, khóc thầm. Hai tiếng Mẹ ơi như tiếng gọi tha thiết tự trong tim con với nỗi nhớ thương mẹ khắc khoải. Khổ thơ thứ hai, nỗi nhớ thương được đẩy lên đến cao trào, thành nỗi mất mát, hụt hẫng không gì bù đắp được. Tình cảm của người con được đặt trong một hoàn cảnh cụ thể là bữa ăn: Xưa hai đôi đĩa một mâm - Giờ hai đôi đĩa... con cầm một đôi. Bữa ăn là khoảnh khắc đoàn viên của cả gia đình, bao chuyện buồn chuyện vui của các thành viên đều được kể. Ở đây, hoàn cảnh của con càng đặc biệt khi nhà chỉ có một mẹ một con nương tựa, dựa vào nhau để sống. Hình ảnh đối lập gợi nỗi đau nhói lòng: xưa hai đôi đĩa – Giờ ... con cầm một đôi. Đôi đĩa mẹ vẫn thường ăn giờ thiếu bàn tay mẹ, thành đôi đĩa mồ côi. in qua mẹ 8 thiếu bàn tay mẹ, thà Chuyện đôi đĩa hay chính là con đó, mất mẹ rồi con bơ vơ, cô cút giữa cuộc đời. Bài n n thơ khép lại trong nước nở nghẹn ngào: Nghẹn ngào con nuốt cho trôi chén buồn. Không còn mẹ, bữa cơm cũng chẳng còn niềm vui, chén cơm con chan cùng nước mắt, chén sầu, chén tủi. Nỗi lòng người con mất mẹ cũng là nỗi niềm của bao người con bất hạnh trong cuộc đời.

- Cảm nghĩ về một số đặc sắc nghệ thuật. Bài thơ đặc sắc ở thể thơ độc đáo với sự đan xen các thể loại khác nhau. Khổ thơ đầu là thể thơ tự do, vần nhịp linh hoạt phù hợp với giọng thơ than của người con; đến khổ thứ hai lại là thể thơ lục bát với vần nhịp uyển chuyển, nhịp nhàng rất phù hợp để diễn tả nỗi đau xót xa của người con khi mẹ. Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị kết hợp với phương thức biểu cảm đan xen tự sự càng làm lời thơ thêm thâm thía, lắng đọng. Ấn tượng nhất là việc sử dụng các pháp tu từ. Biện pháp liệt kê kết hợp điệp ngữ ở những dòng thơ đầu: thềm rêu, vách,

chấn thâm giữ... Cho thấy nỗi nhớ mẹ đến da diết của người con, hình bóng mẹ xuất hiện ở bất cứ đâu, bất cứ vật gì con chạm tới. Biện pháp nhân hoá, ẩn dụ ở khổ thơ cuối thực sự khiến người đọc nhói lòng, hình ảnh đôi đũa mồ côi hay chính là sự mất mát không gì bù đắp được của con khi con không còn mẹ.

Kết đoạn: *Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ.* Bài thơ từ nỗi nhớ tha thiết, nỗi đau đón khôn nguôi của người con mất mẹ.

Câu 2 (4,0 điểm).

* Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.

Albert Einstein, nhà phát minh vĩ đại của nhân loại từng nói: Giá trị của một người nên được nhìn nhận bởi những gì họ đã làm mà không phải là những gì họ có thể nhận. Thật vậy, cho và nhận vốn là những điều ta thường gặp, thường làm trong cuộc sống. Nhưng để trở thành một con người thực sự có giá trị thì mỗi chúng ta cần phải học cách cho đi bởi Hạnh phúc không đến từ việc nhận lại mà là sự cho đi. Vì thế sự cho đi luôn là vấn đề mà chúng ta cần quan tâm trong cuộc sống hiện nay.

*** Thân bài**

- Biểu hiện của lối sống cho đi:

+ Sự cho đi có thể biểu hiện dưới nhiều hành động có ý nghĩa như: Cho đi tiền bạc, vật chất của mình để quyên góp và ủng hộ tới những người có hoàn cảnh cơ cực; Giúp đỡ, đồng cảm và sẻ chia với những sự mất mát, đau thương của người khác; Cho đi sự cảm thông về tinh thần với những người xung quanh,...

+ Dù cho đi tiền bạc, vật chất hay tinh thần, cũng đều xuất phát từ tấm lòng thân ái, không vụ lợi hay tính toán cho bản thân.

- Ý nghĩa của sự cho đi: Sự cho đi sẽ mang lại hạnh phúc cho con người.

+ Khi ta biết cho đi, san sẻ những gì ta có với người khác ta sẽ giúp cho những người được nhận, nhất là những người đang trong hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ có thêm động lực, sức mạnh vật chất và tinh thần để vượt qua nghịch cảnh. Giúp họ có thêm niềm tin vào cuộc sống để mạnh mẽ vươn lên. Ai từng rơi vào tình cảnh khốn cùng, từng được nhận tấm lòng, sự giúp đỡ của người khác mới thấy hết được giá trị của lòng tốt, sự san sẻ, yêu thương, sự cho đi đáng quý nhường nào.

+ Khi ta cho đi là khi ta biết tiếp nối và phát huy truyền thống tương thân tương thương người như thể thương thân của dân tộc. Tự ngàn đời, ông cha ta đã luôn sống và ái, cư xử với nhau theo quan niệm Lá lành đùm lá rách, một người vì mọi người và ngược lại, chính điều đó đã tạo nên sự gắn kết cộng đồng, là nguồn gốc của tinh thần đoàn kết, của sức mạnh dân tộc để nhấn chìm mọi bè lũ cướp nước, vượt qua mọi thử thách mà thiên nhiên mà con người mang tới.

+ Đặc biệt, khi ta trao đi, bản thân ta sẽ nhận được nhận về những thứ vô giá bởi Cho đi mà không đòi nhận lại là niềm vui lâu dài. Đó đôi khi là nụ cười hạnh phúc, là lời cảm ơn chân thành của những người được ta cho tặng. Đó là niềm vui khi ta mình làm được một việc tốt, có ích cho người, có ích cho đời. Đó là sự thanh thản, nhẹ nhõm

nhóm trong tâm hồn - cũng là trạng thái tuyệt vời nhất của hạnh phúc. Biết cho đi là khi con người đã biết vượt lên trên thói ích kỉ tầm thường, sự đố kỵ, ghen tị nhỏ nhen - nguồn cơn của biết bao đau khổ trong cuộc đời.

+ Trao đi những điều tốt đẹp, thiện lành cũng chính là con người đang tạo phúc cho chính mình và thế hệ sau. Như lời người cha Trần Nhuận Minh từng dặn con trong cách cư xử với người ăn xin:

Lòng tốt gửi vào thiên hạ

Biết đâu nuôi bố sau này

(Dặn con)

+ Biết cho đi còn là biểu hiện của tình yêu thương - chất keo gắn kết tình đời, tình người. Nó sẽ góp phần tạo ra một xã hội nhân ái, tốt đẹp, đáng sống. Ở đó, con người đối xử với nhau bằng sự thấu hiểu, sẻ chia, đùm bọc. Ngược lại, nếu thiếu đi tình thương, nếu con người ai ai cũng chỉ bo bo muốn nhận về thì khi đó, sự ích kỉ, sự tư lợi sẽ giết chết con người như có người từng đúc kết Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương.

Dẫn chứng chứng minh:

+ Câu chuyện thu hoạch mùa màng của người nông dân Do Thái là một minh chứng cho việc hạnh phúc đến từ sự cho đi. Ở vùng nông thôn tại Israel, khi đến mùa thu hoạch hoa màu, họ sẽ để lại phần hoa quả không thu hoạch ở 4 góc ruộng vì họ tin rằng bất cứ ai cũng có quyền hưởng thụ chúng. Họ làm vậy vừa xuất phát bởi tín ngưỡng, vừa để giúp đỡ những người nghèo khổ đi qua vừa cho chim chóc trong tự nhiên cũng tìm về làm tổ trên khắp các cánh đồng.

+ Bill Gates là cái tên không còn xa lạ với nhiều người. Ông đã sáng lập quỹ từ thiện Melinda Gates Foundation - là một quỹ từ thiện lớn nhất thế giới nhằm nâng cao chăm sóc y tế, giảm đói nghèo trên toàn cầu, hỗ trợ tiếp cận công nghệ thông tin tiên tiến tại Mỹ.

+ Cô bé Hải An mắc căn bệnh hiểm và qua đời khi mới 7 tuổi. Những ngày tháng cuối đời, em đã có nguyện vọng được hiến tặng giác mạc của mình với hi vọng sẽ giúp cho những bạn nhỏ khác có được đôi mắt sáng lành lặn. Sau khi nguyện vọng được chấp thuận, cô bé đã ra đi rất nhẹ nhàng, thanh thản với nụ cười mãi nở trên môi. Và sự thật, Hải An đã mang đến ánh sáng cuộc đời cho hai bạn nhỏ khác. Câu chuyện về sự cho đi của Nguyễn Hải An đã để lại cho chúng ta không chỉ là đôi mắt sáng ngời, mà còn là ánh sáng của niềm tin cuộc sống, của sự lan tỏa những điều tốt đẹp.

Bàn luận mở rộng:

- Có cho đi thì sẽ có nhận về. Người được nhận cần biết trân trọng, những giá trị tinh thần, vật chất mà mình nhận được, biến nó thành động lực để có thể sống tốt hơn.

- Người xưa vẫn dạy rằng “Cho không bằng cách cho”, hạnh phúc chỉ thực sự đến với những ai cho đi một cách chân thành và vô tư, cho đi mà không nghĩ sẽ được nhận về những gì.

- Thật đáng phê phán những người cậy có chút điều kiện hơn người khác, cho người mà như bố thí, ban ơn, khiến người được nhận cảm thấp kém. Hay những người luôn toan tính, mưu mô với lối suy nghĩ cho đi một nhận lại mười.

Bài học bản thân:

- Mỗi người hãy học cách trao đi thay vì chỉ biết nhận về. Không phải đợi đến khi ta có điều kiện vật chất mới có thể cho đi. Ta có thể cho bằng cách san sẻ thời gian của bản thân để giúp đỡ người thân những công việc nhà; bằng cách kiên nhẫn lắng nghe tâm sự của bạn bè, cho họ những lời động viên, an ủi hay những lời khuyên chân thành khi họ gặp trắc trở, phiền muộn; hay cho đi bằng việc chia sẻ những vật chất nhỏ nhỏ trong khả năng của bản thân và gia đình để giúp đỡ những mảnh đời còn bất hạnh trong cuộc sống... Và luôn tâm niệm “cho đi mà không ghi nhớ”.

- Chúng ta hàng ngày được nhận rất nhiều ân tình của mọi người xung quanh. Cũng hãy học cách đón nhận vui vẻ, trân trọng với ý thức “nhận về mà không lãng quên”. Chỉ nên nhận lấy những cái mình cần, không tham lam, vụ lợi hay lạm dụng lòng tốt của người khác. Nhận lại để tồn tại và cống hiến nhiều hơn chứ không phải để hưởng thụ. Con người hạnh phúc nhất và thành công nhất khi biết cống hiến vì một mục đích nằm ngoài sự thỏa mãn ích kỉ cá nhân.

Kết bài: *Khẳng định vấn đề bàn luận. Rút ra khẩu hiệu hành động.*

Hạnh phúc không đến từ việc nhận lại mà là sự cho đi thật là một phương châm sống đáng để chúng ta hướng tới. Mỗi người chúng ta hãy biết tìm cho mình hạnh phúc thực sự từ việc biết cho đi. Hãy biết cho đúng người, đúng cách và biết nhận về đúng cách, đúng người. Cuộc sống luôn công bằng. Ai biết cho đi sẽ nhận về những hạnh phúc vô giá. Ngược lại, những ai chỉ biết nhận mà không bao giờ cho sẽ không bao giờ có được thành công và hạnh phúc trong cuộc sống này.

ĐỀ SỐ 20

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Phương thức biểu đạt chính của văn bản: thuyết minh

Câu 2 (0,5 điểm). Lễ hội đền Trần Nam Định được tổ chức vào thời gian: Đầu xuân (từ ngày 14 đến 16 tháng Giêng); Mùa thu (từ ngày 19 đến ngày 21 tháng Tám)

Câu 3 (0,5 điểm). Những hoạt động chính được tổ chức trong lễ hội đền Trần là: *rước kiệu; khai ấn; rước nước, tế cả*

Câu 4 (1,5 điểm). Ý nghĩa của việc tổ chức lễ hội đền Trần là:

- Tưởng niệm đến nguồn gốc Tổ tiên, các vị vua triều Trần và anh hùng dân tộc Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn

- Các du khách được tìm hiểu về lịch sử truyền thống vương triều Trần, đặc biệt là Hành cung Thiên Trường với các cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa, những điều trang, thái ấp của các vương tôn quý tộc, có vị thế như kinh đô thứ hai của quốc gia Đại Việt (sau kinh thành Thăng Long) vào thế kỷ XIII – XIV.

- Các du khách được tìm hiểu về cách trị quốc an dân, những định hướng tư tưởng chính trị, quân sự, các chính sách quan trọng về đào tạo, trọng dụng nhân tài, chính sách trọng nông, khai hoang lấn biển.... Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm hữu ích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam. - Khích lệ tinh thần đoàn kết, tình yêu thương gắn bó các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp.

Câu 5 (1,0 điểm). *Em hiểu các từ Cha, Mẹ trong câu ca: Tháng Tám giỗ Cha, Tháng Ba giỗ Mẹ là:*

- Cha là Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn/ Trần Hưng Đạo. Mẹ là Thánh Mẫu Liễu Hạnh/ Bà chúa Liễu Hạnh/ Công chúa Liễu Hạnh.

- Đó là các bậc thánh nhân có công xây dựng và bảo vệ đất nước, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho muôn dân.

Câu 6 (1,0 điểm)

- Quan điểm, thái độ của người đưa tin: Tôn trọng, tự hào về truyền thống văn hóa này của địa phương. Mong muốn nhiều người hiểu biết và đến được lễ hội.

- Những chi tiết biểu hiện: Tác giả đã cung cấp rất chi tiết về thời gian, địa điểm, ý nghĩa của lễ hội với cách viết trang trọng (HS có thể nêu cụ thể).

Câu 7 (1,0 điểm)

- Mỗi cá nhân chúng ta là chủ thể của lễ hội.

- Chúng ta cần phải làm những việc sau để góp phần giữ gìn truyền thống văn hóa này của địa phương: Tôn trọng truyền thống văn hóa này của địa phương; Quảng bá lễ hội này đến với bạn bè trong nước và thế giới; Có thái độ văn minh, lịch sự khi đi lễ hội.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).

Viết bài văn phân tích bài thơ *Mùa thu cho con*, Nguyễn Hạ Thu Sương

Mở bài: *Giới thiệu tác giả, tác phẩm. Nêu nhận xét khái quát về nội dung của bài thơ.*

Thơ là cảm hứng kì diệu của tâm hồn và trên đời có những điều chỉ nói được bằng thơ. Có lẽ bởi thế mà một người mẹ - một nhà giáo yêu thơ Nguyễn Hạ Thu Sương đã viết lên thi phẩm Mùa thu cho con. Bài thơ được đông đảo bạn đọc yêu thơ đón nhận vì nó đã nói hộ nỗi niềm của biết bao bậc làm cha mẹ, là lời trao gửi ân cần, thăm thía của cha mẹ với con khi bước vào năm học mới chắt chứa biết bao tin yêu, kì vọng.

Thân bài

** Khái quát chung: Giới thiệu vài nét về tác phẩm. Thu là thơ của đất trời, thu thơ của lòng người nhưng mỗi người lại có một cảm nhận khác nhau về mùa thu. Quả là đúng như vậy, đến với một đề tài không mới, nhưng tác giả Nguyễn Hạ Thu sương lại viết cho con của mình khi bước vào một năm học mới, được đăng trên tạp chí Văn học tượng bởi thi phẩm Mùa thu cho con. Bài thơ như lời của người mẹ và tuổi trẻ, số tháng 9 năm 2023 - đúng dịp tựu trường của học sinh cả nước*

*** Phân tích bài thơ.**

- Phân tích nội dung chủ đề của bài thơ: Bài thơ là những tâm tình, những lời nhắn nhủ của cha mẹ đến con cái trước thời khắc rất hệ trọng, thiêng liêng là khi con bắt đầu một năm học mới, một hành trình chinh phục ước mơ, tích lũy tri thức để bước vào đời.

+ Khổ thơ đầu là khung cảnh không gian, thời gian của buổi tựu trường. Hình ảnh so sánh Nắng mùa thu như uơm vàng rót mật gợi không gian mùa thu rực rỡ, ngọt ngào. Những từ láy rộn rã, hân hoan kết hợp với những hình ảnh bước chân vui, ánh mắt rạng ngời đã diễn tả được niềm vui sướng, hân hoan của lớp lớp học trò khi đón chào năm học mới. Cổng trường mở ra, năm học mới bắt đầu, một hành trình mới đầy hứa hẹn đang đón chờ con Con đến trường học bao điều mới lạ. Những lời thơ vừa là sự tin yêu của các bậc phụ huynh đặt vào trường lớp, vừa là sự đồng hành, cổ vũ của cha mẹ với chặng khởi đầu của con cái mình.

+ Ba khổ tiếp theo là những lời ân cần trao gửi, dặn dò của cha mẹ với con trước thềm năm học mới. Cha mẹ mong con tự tin, tự hào bước đi để chinh phục ước mơ. Hình ảnh đôi chân kiêu hãnh ẩn dụ cho sự tự lập, tự tin vào chính mình; con tim mang ảnh lửa tự hào, cháy hết mình cho hoài bão ẩn dụ cho nhiệt huyết, cho sức trẻ tràn đầy. Bằng cách nói hình ảnh đầy ẩn ý, cha mẹ đang khích lệ con hãy mạnh mẽ, tự tin vững bước. Và dù cháy hết mình cho hoài bão, nhưng con không được quên việc trau dồi những giá trị quan trọng: biết chia sẻ cho đời, sống bao dung nhân ái với mọi người, mở tâm lòng. Tiếp nối lời căn dặn, cha mẹ khích lệ con luôn mạnh mẽ tiến lên.

Hãy xem nhẹ những điều mất được để đôi chân mạnh mẽ tiến lên. Câu thơ cuối đoạn tiếp cho con *niềm tin vào cuộc đời Bởi quanh con đều là những yêu tin.*

+ Khổ 5: Dẫn dò con bước đi, nhưng cha mẹ không quên nhắc nhở con về một nơi để con có thể trở về bất cứ lúc nào, đó là mái nhà yên ấm, nơi có mẹ có cha. Cha mẹ

không chỉ cho con những lời khuyên dạy, cha mẹ còn chỉ cho con cách sống làm người, cho con một điểm tựa vô giá cả về vật chất và tinh thần.

+ Khổ 6: Bài thơ khép lại là bầu trời thu đầy hứa hẹn: Hình ảnh trời mùa thu xanh, trang sách mở ra chân trời phía trước mở ra bao ước vọng. Đó là bầu trời cao rộng để con được thỏa sức tung bay. Vậy nên con Hãy tự tin và vững chân con bước với một niềm tin tưởng lạc quan rằng nếu biết sống cho lý tưởng thì hoa trái lối con qua. Những lời thơ ấm áp những tin yêu trao gửi của bậc cha mẹ với mái trường, với các con.

- Luận điểm 2: Phân tích một số đặc sắc về nghệ thuật:

+ Thể thơ tám chữ, với sự linh hoạt về vần nhịp, không bị gò bó về vần, chủ yếu là vần chân, vần liền; có khổ dù không có vần như khổ thơ đầu tiên nhưng vẫn rất nhịp nhàng bởi mạch liên kết của nội dung, cảm xúc. Giọng điệu thơ chân thành, tha thiết, là lời dẫn dò nhưng không lên gân lên cốt mà thủ thủ rất phù hợp để diễn tả tâm tình của cha mẹ dành cho con cái trước thềm năm học mới.

+ Ngôn ngữ, hình ảnh thơ là sự kết hợp giữa những hình ảnh gần gũi, giản dị như: nắng mùa thu, tiếng trống trường, trang sách với những hình mang ý nghĩa biểu tượng đầy hàm ý sâu xa đôi chân kiêu hãnh, con tim mang ánh lửa tự hào, cháy hết mình cho hoài bão, tuổi trẻ tươi hồng, tình yêu thương sẽ tới, những điều mất được, những yêu tin đã góp phần truyền tải một cách đầy đủ, thấm thía những ước mong của cha mẹ muốn gửi gắm tới con cái của mình.

+ Bên cạnh đó là việc sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ: điệp ngữ, biện pháp ẩn dụ đã góp phần làm nên tính hàm súc, đa nghĩa cho bài thơ.

* **Khái quát:** Khái quát nội dung, nghệ thuật của bài thơ. Liên hệ mở rộng.

Kết bài: Khẳng định giá trị của bài thơ. Rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân. Giá trị của một bài thơ đôi khi không nằm ở mốc thời gian năm tháng, mà ở khả năng chạm tới trái tim người đọc của nó. Mùa thu cho con của tác giả Nguyễn Hạ Thu Sương là áng thơ còn tươi nguyên màu mực, nhưng nếu ai đã đọc một lần thì hẳn sẽ không thể araa doc lật qua mà tay sẽ dừng, mắt sẽ đọc và tâm trí sẽ không ngừng ngẫm nghĩ về những điều mà nhà thơ gợi ra. Bài thơ thức tỉnh chúng ta về vai trò của nhà trường, của gia đình và đặc biệt là tình yêu thương của cha mẹ.

ĐỀ SỐ 21

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Luận đề: Vấn đề lý tưởng hoá thần tượng.

Câu 2 (0,5 điểm)

- Câu nói của nhà phân tâm học Otto F. Kernberg được: dẫn trực tiếp.
- Dấu hiệu nhận biết cách dẫn trực tiếp: Trích nguyên văn, đặt trong dấu ngoặc kép.

Câu 3 (0,5 điểm). Trong đoạn (3), theo tác giả, khi ta thần tượng, lý tưởng hoá một người nào đó sẽ dẫn đến hậu quả: Khiến ta vỡ mộng. Dẫn đến thất vọng.

Câu 4 (1,0 điểm)

- Cách trình bày khách quan: Nhà phân tâm học Otto F. Kernberg cho rằng: Lý tưởng hoá bao gồm việc phủ nhận các đặc điểm không mong muốn của đối tượng, sau đó nâng cao đối tượng bằng cách phóng chiếu ham muốn của bản thân lên họ.

- Cách trình bày chủ quan: “Lý tưởng hoá” khiến bạn nâng ai đó lên thiên đường.
Câu 5 (1,5 điểm). Để làm sáng tỏ luận điểm người viết đã sử dụng những lý lẽ: Nếu thường xuyên cảm thấy mình bị chèn ép và bất nạt, ta có xu hướng tưởng tượng nên hình mẫu một con người mạnh mẽ, khẳng khái, luôn chống lại những bất công trong xã hội, tưởng tượng mình được họ cứu giúp.

- Nếu ta là người thích sự phù phiếm, tưởng tượng của ta là những hình mẫu giàu có, phong lưu, sang chảnh.

- Đồng thời, chúng ta phủ nhận những đặc điểm mà mình không mong muốn ở thần tượng để tạo ra một con người lý tưởng, “xứng đáng” cho ta hâm mộ.

Câu 6 (1,0 điểm). Nêu ý kiến: Đồng tình/ Không đồng tình/ Đồng tình một phần.

* Lý giải:

Đồng tình: Thần tượng cũng là con người, nên họ cũng có những hạn chế, khuyết điểm, lỗi lầm nhất định. Ta chỉ nên đứng từ xa ngắm nhìn họ để thấy những điểm tích cực, tốt đẹp ở họ. Nếu đến gần, nhìn quá kĩ, thấy quá nhiều thì sẽ dễ dẫn đến thất vọng.

* **Không đồng tình:** Đã là thần tượng thì họ sẽ đẹp hoàn mỹ, dù đứng gần hay đứng xa, ta vẫn thấy họ hoàn hảo. Khi ta thần tượng ai đó, thì dù họ có một chút khiếm khuyết, lỗi lầm ta vẫn thấy yêu quý, ngưỡng mộ họ. Ai cũng mong được đến gần thần tượng của mình.

* **Đồng tình một phần:** Kết hợp lý lẽ của hai quan điểm trên.

Câu 7 (1,0 điểm). Cách giúp bản thân không sa vào trạng thái lý tưởng hoá thần tượng:

- Nhận thức được thần tượng cũng là con người và đều có khiếm khuyết.
- Biết ngưỡng mộ và học hỏi những điều tốt đẹp từ thần tượng.

- Không cô suý, tôn sùng cả những hạn chế, khuyết điểm, lỗi lầm của thần tượng.
- Không a dua theo bạn bè để hâm mộ thần tượng một cách mù quáng, thiếu lý trí.

- Cần có mục tiêu, lý tưởng sống đúng đắn và cố gắng hết sức để thực hiện điều đó để mình được là chính mình, là phiên bản tốt nhất của bản thân thay vì chạy theo một hình mẫu để trở thành phiên bản tồi của người khác.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích đoạn trích Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Ô Qua, trích Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu.

Mở bài: Giới thiệu và nêu nhận xét khái quát. Nguyễn Đình Chiểu là Danh nhân văn hoá, là nhà văn, nhà thơ lớn của Việt Nam. Thơ văn của ông chủ yếu được viết nhằm cổ vũ tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm và truyền bá tư tưởng, đạo lý làm người.

Đoạn trích Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Ô Qua cho thấy tình cảnh đáng thương và những nét đẹp tâm hồn, phẩm chất đáng quý của nàng Kiều Nguyệt Nga.

Thân bài

*** Khái quát chung:** Vị trí, khái quát nội dung đoạn trích.

- Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm tiêu biểu của thể loại truyện thơ Nôm thế kỷ XIX. Truyện kể về cuộc đời, số phận của hai nhân vật chính là chàng Lục Vân Tiên và nàng Kiều Nguyệt Nga. Tác phẩm được chia thành ba phần là: Gặp gỡ, Lưu lạc và Đoàn tụ. Trong đó, đoạn trích “Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Ô Qua” trích từ phần thứ hai của tác phẩm.

- Sau khi được Lục Vân Tiên cứu khỏi tay bọn cướp Phong Lai, Kiều Nguyệt Nga đã thề tự nguyện gắn bó với chàng suốt đời, nàng còn tự tay hoạ một bức hình Vân Tiên Tể tướng, mang theo bên mình. Vì thế, nàng đã khước từ hôn ước với con trai viên quan bị hấn tâu vua bắt nàng đi cống giặc Ô Qua. Đoạn trích thể hiện nỗi niềm, tâm trạng và những hành động, việc làm của Nguyệt Nga trước khi bị giải đi cống giặc.

*** Phân tích đoạn trích:**

- Phân tích nội dung, chủ đề của đoạn trích. Đoạn truyện thơ trước hết là tiếng nói cảm thương cho tình cảnh éo le, tình duyên trắc trở không được như ý nguyện của Kiều Nguyệt Nga.

+ Lời độc thoại nội tâm thể hiện nỗi trăn trở của người con gái khuê các thảo hiền, hiếu hạnh. Nàng đã tự thề nguyện gắn bó cả đời với chàng Lục Vân Tiên. Thế mà giờ đây, lệnh vua ban xuống bắt nàng phải trở thành cống vật cho kẻ thù để giữ hoà khí cho đất nước. Bởi vậy, nàng mới khổ tâm day dứt không biết làm thế nào để vẹn cả tình vợ chồng và nghĩa trung quân. Vì thế nàng đành phải nghĩ đến cái chết: *Lấy mình báo chúa lấy lòng sự phu.*

+ Đoạn truyện thơ còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn cao quý, những phẩm chất của nàng Nguyệt Nga. Đó là người con gái nét na, thảo hiền. Nàng thương cha tuổi học đã cao, những khi ẩm lạnh ốm đau. Câu hỏi tu từ như nỗi niềm quặn thắt trái tim người n con hiếu thảo “Sớm xem tôi xét ai hầu cho cha?”. Đó là người con gái thủy chung, ân nghĩa. Nàng mong mong muốn được trả nghĩa Vân Tiên, nàng muốn sang nhà Lục Ông- cha của chàng Vân Tiên để xin phép được Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên và hẹn ở kiếp sau Phòng sau xuống chốn huỳnh tuyền gặp nhau. Hành động tình nghĩa, tấm

lòng thủy chung sắt son của nàng đã làm xúc động lòng người, từ gia quyến họ Lục đến hàng xóm láng giềng đều cảm kích, xót xa cho nàng.

~> Kiều Nguyệt Nga thủy chung, hiếu thảo xứng đáng là hình mẫu lý tưởng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, đúng như lời thơ Đồ Chiểu viết ngay khi mở đầu trang truyện “Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình”. Qua đó, kín đáo phê phán những thế lực xấu xa đã dồn đẩy người con gái chung trinh ấy vào con đường phải tuân tiết để bảo toàn tình yêu và nhân phẩm của mình.

- Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật.

++ Thành công về thể loại: Truyện Lục Vân Tiên nói chung và đoạn trích Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Ô Qua nói riêng thuộc thể loại truyện thơ Nôm, được viết theo thể lục bát, vần nhịp uyển chuyển, nhịp nhàng rất phù hợp để kể chuyện, kể việc, và biểu đạt mọi cung bậc tâm trạng của con người một cách tinh tế, khéo léo.

++ Thành công ở nghệ thuật xây dựng nhân vật: Truyện thành công ở nghệ thuật xây dựng nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính Kiều Nguyệt Nga. Ở đây, nhân vật vừa được khắc hoạ ở phương diện bên ngoài, qua lời nói, hành động. Từ đó, Nguyễn Đình Chiểu đã dựng lên một hình mẫu lý tưởng về người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa: nét na, hiếu thảo, thủy chung, trọng ân tình.

++ Nghệ thuật kể chuyện, dẫn chuyện: Đoạn truyện thơ sử dụng kết hợp lời dẫn chuyện, kể chuyện với lời nhân vật, trong đó lời nhân vật vừa có đối thoại, vừa có độc thoại nội tâm giúp câu chuyện thêm sống động, chân thực, gần gũi, giúp thể hiện tính cách, vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật một cách thuyết phục, rất gần với nghệ thuật kể chuyện của truyện hiện đại.

++ Đoạn trích còn đặc biệt thành công ở phương diện ngôn ngữ: Ngôn ngữ chữ Nôm giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân. Đoạn trích không sử dụng điển cố điển tích của văn học cổ hay văn học Trung Quốc càng khiến cho lời thơ thêm mộc mạc, gần gũi, dễ dàng được nhân dân đón nhận và yêu mến, truyền tụng. Để rồi người ta đọc thơ Vân Tiên, ngâm thơ Vân Tiên, diễn Lục Vân Tiên ở mọi lúc, mọi nơi.

* **Đánh giá:** Khái quát thành công về nội dung, nghệ thuật và liên hệ mở rộng.

- Đoạn thơ Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Ô Qua là đoạn trích tiêu biểu cho tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên. Đoạn trích kết tinh những đặc sắc về cả nội dung và nghệ thuật của thể loại truyện thơ Nôm: Thể thơ lục bát dân tộc, ngôn ngữ giản dị,

nôm na, nhân vật điển hình cho vẻ đẹp phẩm chất, đức hạnh của người phụ nữ phong kiến nà, hiếu thảo, thủy chung.

- Những tác phẩm ùng với những tác phẩm viết về số phận người phụ nữ trong xã hội xưa như Bánh trôi nước của Hồ Xuân Hương, Truyện Kiều của Nguyễn Du,... để thấy được vai trò, đóng góp của trích đoạn Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Qua nói riêng, Truyện Lục Vân Tiên nói chung.

Kết bài: *Khẳng định đóng góp của đoạn trích. Ý nghĩa của tác phẩm với bản thân:*

Với những thành công về nội dung, nghệ thuật, đoạn trích Kiều Nguyệt Nga trước khi đi cống giặc Ô Qua đã góp phần vào thành công chung của tác phẩm, đưa Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu trở thành một trong những áng truyện thơ Nôm đặc sắc và được yêu mến bậc nhất trong nền văn học dân tộc. Hình tượng nàng Kiều Nguyệt Nga trở thành biểu tượng cho tấm lòng chung trinh, hiếu thảo, giúp người đọc chúng ta hôm nay thêm trân trọng, tự hào về những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

ĐỀ SỐ 22

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Luận đề: Bàn về lời xin lỗi.

Câu 2 (0,5 điểm). Đề làm sáng tỏ lí lẽ việc xin lỗi Với bạn bè đã khó, với phụ huynh còn khó hơn, tác giả đã sử dụng bằng chứng là câu chuyện của bạn Lena, 17 tuổi.

Câu 3 (0,5 điểm). Theo lời bạn Lena, sau khi bạn xin lỗi bố mẹ về lỗi lầm của mình, bạn đã cảm thấy: Ngay sau đó, mọi chuyện được hoá giải như chưa từng xảy ra khiến em cảm thấy nhẹ nhàng và thanh thản để có thể tập trung vào việc khác. môm rănin

Câu 4 (1,5 điểm). Em hiểu câu nói *Đừng để cái tôi quá lớn hay sự thiếu can đảm ngăn bạn xin lỗi những người từng thất vọng vì bạn là:*

- Cái tôi - lòng tự trọng tự ái và sự thiếu can đảm - nhút nhát, sợ hãi chính là những rào cản lớn khiến bạn không thể nói lời xin lỗi những người bạn từng làm họ thất vọng.

- Do vậy, không nên để cái tôi quá lớn hay sự thiếu can đảm cản bước bạn nói lời xin lỗi.

- Câu nói là lời khuyên sâu sắc, thấm thía: cần biết hạ thấp cái tôi, đồng thời phải dừng về mình. cảm, can đảm để nói lời xin lỗi khi ta phạm lỗi lầm hay làm ai đó thất

Câu 5 (1,0 điểm). Thái độ của tác giả khi bàn về vấn đề:

- Thái độ coi trọng ý nghĩa, sự cần thiết của lời xin lỗi.

- Mong muốn các bạn trẻ rèn luyện thói quen biết nói lời xin lỗi.

Câu 6 (1,0 điểm). Học sinh đưa quan điểm bản thân: Đồng tình/Không đồng tình/ Đồng tình một phần và lý giải:

* Nếu đồng tình:

- Là con người, nhất là người trẻ, việc mắc lỗi lầm hay làm ai đó thất vọng là không thể tránh được.

- Biết nói lời xin lỗi đúng lúc sẽ giúp bạn duy trì các mối quan hệ tốt đẹp, được mọi người bao dung, đón nhận, yêu thương.

- Lời xin lỗi sẽ giúp chính bản thân bạn cảm thấy nhẹ nhõm, thanh thản. da *
Nếu không đồng tình:

- Lời nói không quan trọng bằng hành động.

- Làm sai, phạm lỗi lầm thì một lời xin lỗi không giải quyết được vấn đề. nơi giành

* Nếu đồng tình một phần: Kết hợp lý lẽ của hai quan điểm trên.

Câu 7 (1,0 điểm): Cách giúp bản thân không sa vào trạng thái lý tưởng hoá thân tượng:

- Nhận thức được thân tượng cũng là con người, mà con người thì không ai hoàn

hảo cả.

- Biết ngưỡng mộ và học hỏi những điều tốt đẹp từ thần tượng.
- Không cô suý, tôn sùng cả những hạn chế, khuyết điểm, lỗi lầm của thần tượng.
- Không a dua theo bạn bè để hâm mộ thần tượng một cách mù quáng, thiếu lý

trí.

- Cần có mục tiêu, lý tưởng sống đúng đắn và cố gắng hết sức để thực hiện điều đó để mình được là chính mình, là phiên bản tốt nhất của bản thân thay vì chạy theo một hình mẫu để trở thành phiên bản tồi của người khác.

- ...

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm). *Viết bài văn phân tích truyện Cô gái đi xe đạp, trích Thám tử Sherlock Holmes của A-thơ Cô-nan Đoi-lơ.*

Mở bài: Giới thiệu vấn đề. Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới (Mác-xen Prux). Nhận định đó hoàn toàn xác đáng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn. Và A-thơ Cô-nan Đoi-lơ đã tái tạo cho chính mình một đôi mắt mới với tác phẩm trinh thám nổi tiếng thế giới - Sơ-lốc Hô-m (Sherlock Holmes). Truyện Cô gái đi xe đạp là một lát cắt trên hành trình phá án của Hô-m. Truyện đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

Thân bài

*** Khái quát chung:** *Giới thiệu vài nét về tác giả, giá trị nội dung, nghệ thuật tác phẩm.*

- A-thơ Cô-nan Đoi-lơ là nhà văn người Scotland. Ông nổi tiếng toàn thế giới với thể loại truyện trinh thám với nhân vật chính là Sơ-lốc Hô-m (Sherlock Holmes) - nhân vật huyền thoại lung lay nhất trong thế giới truyện trinh thám của văn học nhân loại cho đến nay.

- Truyện trinh thám là loại truyện kể về quá trình điều tra các vụ án với những tình tiết bí ẩn, li kì. Người phá án thường là những người có khả năng suy luận lô-gic, óc phán đoán tài tình, nhanh nhạy. Truyện ngắn Cô gái đi xe đạp đã dẫn người đọc đến với một vụ án li kì để cảm nhận năng lực phá án bậc thầy của Sơ-lốc-Hô-m cùng tài năng nghệ thuật của nhà văn.

*** Phân tích giá trị nội dung và một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật tác phẩm**

- Phân tích giá trị nội dung:

+ Nội dung chính của tác phẩm: Câu chuyện kể về việc Hô-m (Sơ-lốc Hô-m) phá vụ án mà nhân vật chính là một cô gái có thói quen đi xe đạp. Cô gái này có quen 1 biết hai người tự giới thiệu là bạn của người chú đã sang Nam Phi nhiều năm không có tin tức. Một người là Woodley thô lỗ, luôn tìm cách ve vãn cô gái khiến cô rất ác cảm. như Người kia là Carruthers thân thiện hơn, đã mời cô gái đến làm gia sư dạy

nhạc cho con ca gái của mình. Nhưng mỗi cuối tuần, khi đạp xe ra ga về thăm nhà, cô thường thấy có một người lạ đạp xe theo sau cô, nhiều lần cô tìm cách giáp mặt nhưng đều mất dấu tích. Cô nhờ Hòm can thiệp đảm bảo an toàn. Lần trở về cuối cùng sau khi cô quyết định nghỉ việc dạy nhạc ở nhà Carruthers, cô đã bị tên Woodley bắt cóc và cưỡng ép cô làm lễ thành hôn với hắn. Hòm cùng cộng sự và Carruthers đã đến kịp thời để giải thoát cô gái. Những kẻ phạm pháp đã bị trừng trị thích đáng.

+ Phân tích chủ đề, hình tượng nhân vật. Truyện làm nổi bật tài năng phá án nhanh chóng và hiệu quả của thám tử lừng danh Sơ-lốc Hòm. Hòm là người có óc phán đoán logic. Nhận được thư của Violet, bằng dự cảm, Hòm nhận thấy sự chẳng lành, ông và cộng sự đã lên đường đến đợi sẵn ở trắng cỏ, nơi cô gái kể mình thường bị kẻ lạ bám theo. Khi thấy chiếc xe ngựa chở cô gái ra ga không có người lái, biết là mình đến muộn một bước, Hòm lo lắng thốt lên: Tôi đã không đi chuyển tàu trước. Đây là một vụ bắt cóc. Một vụ giết người!- Chặn đường!- Ghìm ngựa lại! Nhảy lên! Bằng nhạy bén nghề nghiệp, Hòm nhận định cô gái có thể bị bắt cóc và gặp nguy hiểm. Hòm suy luận tài tình dựa trên dấu vết và thông tin. Hòm gặp được người đàn ông đã bí mật theo dõi cô gái suốt thời gian qua bằng xe đạp. Họ cùng nhau đi tìm cô gái. Theo dấu chân để lại hiện trường, Hòm nhận định: Họ không vào nhà. Những dấu chân của họ quay sang hướng trái... Ở đây, bên cạnh những cây nguyệt quế!. Họ đã tìm đến chỗ cô gái bị hai kẻ bắt cóc. Hòm còn phá án nhanh, hiệu quả. Hòm nhận ra nút thắt của vụ án: do người chú ruột của Violet ở Nam Phi có một khối tài sản kếch sù, cô gái chính là người thừa duy nhất sau khi ông ta mất. Woodley và Carruthers đã tìm cách lừa cô gái để kết hôn với một trong hai người nhằm chiếm đoạt tài sản sau khi ông chú của cô mất. Nhưng Carruthers nảy sinh tình cảm thật lòng với cô gái nên không muốn thực hiện kế hoạch cùng tên Woodley. Chính ông là kẻ lạ mặt đã bí mật cải trang bám theo để âm thầm bảo vệ cô khỏi tên Woodley xấu xa. Hòm đã phá được toàn bộ vụ án, cô gái được cứu thoát và được an toàn về với mẹ, sau trở thành một người giàu có vì được thừa kế gia sản của ông chú. Woodley và tên tu sĩ giả bị trừng trị trước pháp luật.

- Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật:

+ Không gian, thời gian hiện trường: Cô gái đi xe đạp là một câu chuyện trinh thám, bởi thế, đặc trưng về thể loại được thể hiện qua việc tái hiện không gian, thời gian gắn với hiện trường vụ án. Thời gian là ngày thứ bảy, khi cô gái trên đường ra ga về nhà. Không gian cũng chính là hiện trường xảy ra vụ bắt cóc.

+ Thành công ở việc xây dựng cốt truyện mang đặc trưng của thể loại trinh thám. Truyện mở đầu là sự việc cô gái đến nhờ Hòm giúp điều tra về một người đàn ông bị mất đạp xe theo cô mỗi cuối tuần khi cô về thăm nhà vì cô cảm giác không an toàn. Tiếp đó là diễn biến sự việc và quá trình phá án của vị thám tử lừng danh. Câu chuyện khép lại khi vụ án được giải quyết, nạn nhân được giải cứu, kẻ xấu phải chịu sự trừng trị thích đáng của pháp luật. Nhưng trong mạch kể, có những chỗ sự việc diễn ra không như tính toán của nhân vật chính, như sự việc Hòm đã đến chậm một bước, để cô gái bị bắt cóc. Điều này càng tăng tính hồi hộp, hấp dẫn cho truyện.

+ Thành công ở nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật chính- thám tử Hô-m được xây dựng chủ yếu qua phương diện là hành động, lời nói bên ngoài qua đó thể hiện tài quan sát và suy luận lo-gíc của vị thám tử bậc thầy. Nhân vật cô gái đi xe đạp-trong vai trò nạn nhân cũng được khắc hoạ khéo léo qua ngoại hình, lời nói, hành động giúp người đọc hình dung về một cô gái xinh xắn, lương thiện và trung thực đáng được bảo vệ.

+ Đặc biệt, truyện có được những chi tiết thể hiện sự bí ẩn, li kì của vụ án: Chi tiết người đàn ông lạ bám theo cô gái nhưng không để cô giáp mặt và thường mất dấu sau đoạn đường có toà lâu đài. Chi tiết nhân vật Woodley quen biết và sống cùng lão tu sĩ giả trong lâu đài.

+ Nghệ thuật chọn ngôi kể: Chuyện được kể ở ngôi thứ nhất, người kể chuyện chính là bác sĩ cộng sự đặc lực luôn gắn với Hô-m như hình với bóng trong mọi vụ án. Việc để nhân vật này kể chuyện càng khiến cho câu chuyện chân thực, sinh động.

*** Đánh giá:** Khái quát thành công về nội dung, nghệ thuật và liên hệ.

Truyện Cô gái đi xe đạp mang những đặc trưng tiêu biểu của thể loại truyện truyền kì: không gian thời gian gắn với hiện trường, cốt truyện đúng mô típ chuyện kể phá án, nhiều tình tiết bí ẩn, bất ngờ, ... Tất cả đã góp phần khắc hoạ nổi bật tài năng phá án bằng trí thông minh, tài suy luận, phán đoán của Hô-m.

- Liên hệ: Những tác phẩm cùng thể loại truyện trinh thám của các tác giả khác như Vụ án đường Mo-gi; Con cánh cam vàng; Lá thư bị mất;... của nhà văn Mỹ Êt-ga A-len Pâu.

Kết bài: *Khẳng định thành công của truyện. Ý nghĩa của tác phẩm với bản thân.*

Với những thành công về nội dung, nghệ thuật, truyện Cô gái đi xe đạp chuỗi thành công trong sự nghiệp thám tử của Hô-m. Từ đó góp phần đưa nhà văn A-thơ Cô-nan Đoi-lơ trở thành một tên tuổi lừng lẫy trong thế giới truyện trinh thám. Qua câu chuyện, người đọc có thể nhận thấy vai trò của khả năng phán đoán, suy luận dựa trên manh mối, dấu vết trong giải quyết các công việc. Đồng thời có niềm tin vào công lý, chính nghĩa, cái xấu cái ác sẽ luôn bị trừng trị, người tốt sẽ được bảo vệ.

ĐỀ SỐ 23

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Đối tượng trữ tình: bà ngoại già gì Bệnh nh

Câu 2 (0,5 điểm). Những hình ảnh xuất hiện “trên cánh đồng bà ngoại” vào thời điểm tháng năm: Đàn chim ngói về ăn hạt; Trời thì xanh; Cháu đội nón đôi chân trần trên đất; Gặt về phơi cả ba tháng nhọc nhằn

Câu 3 (0,5 điểm). Cách gieo vần trong những dòng thơ: Gieo vần chân au: máu, sáu, nhau; Gieo vần lưng ưa: tửa, mưa

Câu 4 (1,5 điểm). Nội dung của hai câu thơ:

- Nhấn mạnh những vất vả, cơ cực, nhọc nhằn của người bà trong quá trình chăm sóc cây lúa từ lúc gieo trồng đến lúc trở bông chín vàng.

- Thể hiện tình yêu thương bà sâu đậm; sự đồng cảm, thấu hiểu, xót thương; biết ơn và trân trọng của người cháu đối với bà.

Câu 5 (1,0 điểm). Biện pháp tu từ so sánh: mồ hôi xuống như mưa, lưng bà còng như lưng lúa trĩu. Tác dụng:

- Làm rõ nỗi vất vả, khổ cực của bà trong cuộc sống, sự đánh đổi sức khỏe, tuổi tác của bà để có được một vụ mùa bội thu.

- Từ đó tác giả bộc lộ niềm thương cảm cũng như thái độ trân trọng, biết ơn dành cho người bà đáng kính của mình.

- Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Câu 6 (1,0 điểm).

- Nội dung hai câu thơ: thể hiện niềm mong ước của cháu được trở về bên bà, được đỡ đàn bà làm lụng và được giữ gìn cho hạt giống mùa sau.

- Suy nghĩ:

+ Nhận ra vai trò quan trọng của bà và những người thân yêu ruột thịt, nhận ra giá trị của gia đình, của yêu thương chia sẻ giúp đỡ với những người mình yêu quý; biết ơn, nhận ra trách nhiệm của mình trong việc gìn giữ và trao truyền những tình cảm tốt đẹp ấy đến thế hệ tương lai.

Câu 7 (1,0 điểm).

- Bài thơ là nỗi nhớ về một thời tuổi thơ vất vả, nhọc nhằn bên bà ngoại cùng ước mong được trở về để đỡ đàn bà của người cháu.

- Hình ảnh người bà luôn gắn liền với kí ức tuổi thơ của con người bởi:

+ Bà là người thay mẹ chăm sóc, nuôi nấng, yêu thương chúng ta khi còn thơ bé.

+ Bà là người tảo tần, lam lũ, giàu đức hi sinh, giàu lòng vị tha. Bà đã đánh thức niềm yêu thương, lòng biết ơn trong tâm hồn chúng ta ngay từ thời thơ ấu. Những tình cảm đó hằn sâu trong kí ức mỗi chúng ta và bất biến theo thời gian.

+ Bà còn là hiện thân cho quê hương, cho nguồn cội. Vì thế, bà luôn gắn liền với kí ức tuổi thơ của chúng ta.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm). Phân tích truyện ngắn Bát phở của nhà văn Phong Điệp.

Mở bài:

- Dẫn dắt và giới thiệu đoạn trích: (tác giả, tác phẩm).

- Nêu nhận xét khái quát về đoạn trích:

Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh không có giọng riêng, anh khó trở thành nhà văn thực thụ. Thật vậy, giữa dòng chảy văn chương nhiều sắc màu của văn học Việt Nam đương đại, Phong Điệp đã tìm được cho mình một lối đi riêng. Truyện của bà thường ít cảm xúc lai láng nghệ sĩ, nhưng tràn trề những câu văn miêu tả của người quan sát khách quan, nhẹ nhõm, dừng đọng mà lôi cuốn người đọc đến tận câu kết cuối cùng. Đến với truyện ngắn Bát phở, ta không chỉ thấy tài năng kể chuyện của nhà văn mà còn vương vấn mãi trước tình cảm phụ tử thiêng liêng của các nhân vật.

Thân bài

*** Khái quát chung:** *Giới thiệu khái quát xuất xứ, đề tài của truyện.*

Có người từng nói *Trên đời có bao nhiêu chiếc lá thì bằng ấy lần người cha yêu con* để khẳng định tình cảm phụ tử thiêng liêng, sâu nặng. Đây cũng là đề tài rất quen thuộc của văn học, ngay trong nền văn học hiện đại nước nhà, ta từng bắt gặp nhiều tác phẩm đặc sắc như truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng hay bài thơ Nói với con của Y Phương... Đến với một đề tài không mới nhưng Bát phở của nhà văn Phong Điệp lại bồi đắp cho người đọc chúng ta những tình cảm không bao giờ là cũ. Truyện được đăng trên báo Văn học và Tuổi trẻ số tháng 5 (430+ 431) năm 2019.

- Phân tích nội dung chủ đề và một số đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm

Luận điểm 1. Nêu ngắn gọn nội dung chính và phân tích chủ đề của tác phẩm

+ Nêu nội dung chính của tác phẩm: Nhân vật tôi vào ăn sáng tại một quán phở quán nhờ nổi tiếng. Ở đây, tôi tình cờ chứng kiến có hai người cha đưa hai cậu con trai lên Hà Nội thi đại học. Họ vào quán mà chỉ gọi hai bát phở bò và trứng cho hai người con, còn hai người cha lặng lẽ ngồi chuyện phiếm. Họ nói về mùa màng thất bát, về giá cả ở Hà Nội gì cũng đắt đỏ. Hai người con lặng lẽ ăn, không một lời bình phẩm mặc dù đây là quán phở rất ngon. Hai người cha đếm những đồng tiền lẻ ít ỏi trả tiền hai bát phở, đợi các con thi xong, trên đường về họ sẽ mua tạm mấy ổ bánh mì để ăn.

+ Phân tích chủ đề của tác phẩm: Truyện ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng và cảm động.

++ Đó là tình cảm, sự hi sinh của h của những người cha dành cho con

Dù hai người cha nhà quê, hoàn cảnh chẳng khá giả gì Bộ quần áo chín chu nhất trong tủ quần áo của hai ông bố nông dân ấy, đều đã mang cả ra đây để mặc rồi. Những bộ quần áo không còn rõ màu sắc ban đầu của vải nữa, nhưng họ vẫn bỏ công bỏ việc, cắt công đưa các con lên Hà Nội thi đại học, những mong các con có tương lai xán lạn, tốt đẹp hơn. Họ vào quán và chỉ gọi phở cho các con trong khi bản thân họ nhịn chay. Khi gọi phở, họ còn không quên gọi thêm trứng để bồi bổ cho các con. Thêm cả quả trứng cho chắc bụng nhé Hai người cha đã tính đến việc các con thi xong, trên đường đi xe về quê, họ sẽ mua mấy ổ bánh mì ăn tạm. Những người cha nông dân chất phác đã cố gắng dành những gì tốt đẹp nhất trong khả năng của họ cho những đứa con.

++ Tình cảm của con dành cho cha:

Những người con thấu hiểu sự hi sinh âm thầm của cha. Bởi thế mà khi ăn phở, dù là một bát phở rất ngon Hàng phở này ngon thật. Tôi vốn sành ăn phở, những quán thế này không thật nhiều nhưng họ không dám bình phẩm nửa lời, chỉ biết lặng lẽ ăn. Họ hiểu rằng, những người cha cũng đói, nhưng vì hoàn cảnh, những người cha chỉ dành dụm lo được cho họ. Một lời suýt soa, một tiếng khen chê về bát phở lúc này đều là điều tàn nhẫn với hai người cha. Rồi khi nhìn cha đếm những đồng tiền lẻ để trả hai bát phở, họ không giấu được tâm trạng âu lo. Chúng nhìn những đồng tiền đi ra khỏi ví m của cha. Trên gương mặt chúng hiển hiện rõ ràng nỗi âu lo, mỗi mết. Họ biết rằng trong cuộc đời này, họ không chỉ nợ cha mình bát phở bò mà con nợ nhiều hơn thế. Điều đó có lẽ sẽ là động lực mạnh mẽ giúp họ cố gắng để có thể sống tốt hơn, có thể báo đáp công ơn cha mẹ.

- Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật.

+ Truyện có cốt truyện đơn giản, không nhiều nhân vật, sự kiện nhưng lại xây dựng được tình huống tự nhiên, hợp lý. Đó là tình huống bốn người gồm hai người cha và hai cậu con trai vào quán phở bò nhưng lại chỉ gọi hai bát phở cho hai người con. Câu chuyện chỉ như chuyện đời thường vụn vặt, nhưng qua đó cho thấy được sự hi sinh âm thầm của những bậc làm cha và làm toát lên tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Các nhân vật, nhất là nhân vật hai người cha được khắc hoạ chủ yếu qua ngoại hình, hành động, lời nói, cử chỉ bên ngoài. Chi tiết Những bộ quần áo không còn rõ màu sắc ban đầu của vải nữa hé lộ phần nào gia cảnh của họ, đưa con lên phố thị, chắc chắn họ sẽ chọn những bộ cánh mới nhất, đẹp nhất mà mình có, nhưng đó cũng chỉ là những bộ quần áo đã bạc màu thời gian, chẳng còn rõ màu sắc ban đầu của vải. Hành động gọi hai bát phở, thêm hai trứng cho các con ăn, còn mình ngồi chuyện phiếm đợi con ăn đến giọt nước cuối cùng rồi trả tiền thực sự khiến ta cảm động về tình yêu thương dành cho con cái của những người làm cha mẹ.

+ Truyện còn đặc sắc ở việc chọn ngôi kể thứ nhất, nhân vật tôi chỉ là một người khách qua đường, tình cờ được chứng kiến câu chuyện của bốn người ở quán phở. Nhưng với cách chọn ngôi kể này, câu chuyện vừa có yếu tố khách quan, lại vừa chân thực. Đặc biệt, người kể dễ dàng đan xen những lời nhận xét, bình luận và suy đoán

chủ quan trong quá trình kể, như việc thắc mắc tại sao hai người con không khen phở ngon Chúng không nói gì. Không cả dám khen một câu đại loại: “phở ở đây ngon quá”. Hàng phở này ngon thật. Tôi vốn sành ăn phở, những quán thế này không thật nhiều. Nhưng vì sao chúng không hỏi mà thốt ra một câu như thế? Hay suy đoán của người kể ở phần cuối truyện Người cha sẽ đợi những đứa con của mình ăn đến tận thìa nước cuối cùng, rồi lẳng lẳng moi cái ví bằng vải bông chần màu lam, cất trong ngực áo ra. Ông sẽ phải đếm một lúc cho những tờ hai nghìn, năm nghìn, mười nghìn để sao cho đủ ba mươi nghìn đồng, trả cho hai bát phở...

Tất cả góp phần giúp người đọc hiểu hơn về các sự việc, nhân vật trong truyện và từ đó thấm thía về chủ đề của tác phẩm.

+ Ngôn ngữ kể chuyện là sự kết hợp giữa ngôn ngữ người kể và ngôn ngữ nhân vật. Ngôn ngữ nhân vật thì mộc mạc, chân chất như chính bản chất dân dã, chân thành đurpe của những người dân quê. Khi vào quán, hai người cha hỏi con Phở bò nhé? Tả hay chín?- Thêm cả quả trứng cho chắc bụng nhé?; giục giã các con ăn phở, một người cha lên tiếng Chúng mày ăn đi. Đích thị đó là lời nói của những ông bố nông dân, không hoa mỹ, không ngọt ngào nhưng đong đầy sự lo lắng, quan tâm.

+ Ngoài ra, truyện neo đậu trong tâm trí người đọc qua những chi tiết truyện đắt giá, như chi tiết trong cuộc trò chuyện của hai người cha khi ngồi đợi con ăn phở: Rồi tới nữa là chuyện phòng trọ trên này sao đắt chi mà đắt. Sáng một ngủ dậy, mình phải trả phòng luôn, không là họ tính thêm một ngày nữa. Mình đợi chúng nó ngoài phòng thi, thi xong thì ra bến xe về luôn. Cần thì mua mấy tấm bánh mì, lên xe ăn tạm. Chi tiết thoáng qua trong câu chuyện phiếm nhưng đã đủ để tố cáo cái khó, cái nghèo của những người dân quê, đồng thời làm nổi bật sự tần tảo, tiết kiệm và tình yêu thương của hai người cha cho con cái. Họ sẵn sàng nhịn ăn để lo cho các con được tốt nhất. Hay chi tiết về ánh mắt lo âu của hai cậu con trai khi nhìn những đồng tiền đi ra khỏi ví của cha.

Trong nỗi âu lo ấy, chắc chắn còn là sự thấm thía, sự biết ơn và cả sự tự nhủ sẽ phải quyết tâm cố gắng thi cử, học tập thật tốt để không phụ sự hi sinh của cha mẹ.

* **Đánh giá:** Khái quát thành công về nội dung, nghệ thuật. Liên hệ: Những tác phẩm cùng đề tài, cùng tác giả.

Kết bài: *Khẳng định thành công của truyện. Ý nghĩa của tác phẩm với bản thân.*

Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới. Thật vậy, đến với một đề tài không mới, nhưng Phong Điệp đã có cách làm mới riêng của mình, khiến Bát phở trở thành một bài ca về tình phụ tử thiêng liêng giữa đời thường. Truyện để lại trong lòng người đọc bao xúc cảm rung rung tình cha sâu nặng và đánh thức ở những người làm con bao suy ngẫm về bổn phận, trách nhiệm của mình trước những hi sinh thầm lặng của cha mẹ.

ĐỀ SỐ 24

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Thể thơ: Thơ tám chữ.

Câu 2 (0,5 điểm). Các từ thuộc trường từ vựng nghề trồng dâu nuôi tằm xuất hiện trong văn bản: Tơ lụa, dâu, đường tơ, khung cửi, con tằm.

Câu 3. (0,5 điểm) Nội dung của đoạn thơ: Đoạn thơ bày tỏ cảm xúc buồn, thương nhớ của nhân vật trữ tình khi mà nghề trồng dâu nuôi tằm truyền thống của làng đang bị mai một và dần đi vào dĩ vãng. Qua đó, ta thấy tình yêu quê hương da diết của tác giả.

Câu 4 (1,5 điểm). So sánh sự khác biệt về làng trong quá khứ và làng trong hiện tại:

- Làng trong quá khứ: Với nghề nuôi tằm, dệt lụa phát triển, cuộc sống của làng tươi sáng, có nhiều khởi sắc tơ lụa vàng chói rạng khắp bao thôn, dâu tằm tập từ đồng ra đến bãi, con người vui vẻ, hứng khởi thấy lòng như lụa mượt, tiếng chim ca cũng nổi nức hoà chung niềm vui.

- Làng trong hiện tại: khó khăn bởi mặt hàng tơ lụa truyền thống đã dần bị hàng ngoại thay thế, không khí làng quê vì thế trầm lắng hẳn - vắng người đi hái lá, những ruộng dâu nhường chỗ cho khoai ngô, con người hiện lên vất vả, lam lũ.

- Tình cảm của nhân vật trữ tình trước sự thay đổi đó: buồn, nuối tiếc vì nghề nuôi tằm truyền thống gắn bó với làng, làm cho làng đẹp, phát triển hơn nay đã dần mất đi ngay trước mắt.

Câu 5: (1,0 điểm)

- Biện pháp tu từ hoán dụ: làng ấy – hoán dụ người trong làng.

- Tác dụng: Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ. Nhấn mạnh nỗi buồn mà nhà thơ nhắc đến không phải ở một nhân vật cụ thể mà nỗi buồn đó bao trùm cả làng: Cả làng buồn, thương nhớ về một thời dĩ vãng.

Câu 6: (1,0 điểm). Vai trò của việc giữ gìn và phát triển làng nghề truyền thống đối với mỗi người và xã hội:

- Tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân.

- Góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá; phong tục tập quán của các vùng miền trên đất nước.

- Góp phần trong việc giáo dục về tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước.

- Thúc đẩy nền kinh tế chung của đất nước phát triển.

Câu 7: (1, 0 điểm). HS chia sẻ những tình cảm về quê hương được khơi gợi trong đoạn thơ. Chẳng hạn:

Đoạn thơ thể hiện tình cảm sâu sắc, gắn bó của nhà thơ với quê hương. Tình cảm ấy đã lan toả và làm rung động bao trái tim người đọc. Đoạn thơ khơi gợi cho em sự gắn bó, đồng cảm với quê hương; trái tim hoà cùng nhịp đập với niềm vui, nỗi buồn

của quê hương. Em cảm thấy vui, thấy tự hào trước những cảnh đẹp, sự khởi sắc của quê hương; cảm thấy buồn, đau xót khi quê hương gặp khó khăn, gian khổ. Em cũng như bao người khác luôn khát vọng xây dựng quê hương giàu đẹp. Quê hương là nhà, là nơi yêu khi ở gần, nhớ khi đi xa và luôn khao khát được trở về khi cần tìm sự an yên trong tâm hồn.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ của em về sự lựa chọn đúng đắn khi đứng trước những ngã rẽ của cuộc đời.

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của người viết. Trong cuộc sống, chúng ta luôn phải đứng trước những sự lựa chọn với niềm băn khoăn, trăn trở và cả sự hồi tiếc. Việc lựa chọn đúng đắn có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của mỗi người. Trong một bài báo ở trang cafef.vn (trang thông tin điện tử tổng hợp), ngày 30/4/2018, có viết: Ở đời khó nhất là chọn lựa nhưng đứng trước một ngã rẽ, bạn nhất định phải đưa ra quyết định thông minh. Vậy việc lựa chọn đúng đắn có ý nghĩa cụ thể như thế nào và làm thế nào để có lựa chọn đúng đắn?

Thân bài: *Triển khai vấn đề nghị luận theo trình tự hợp lí, chẳng hạn:*

- Giải thích vấn đề nghị luận: ngã rẽ cuộc đời là nhiều hướng, nhiều đích đến khác nhau trong cuộc đời của mỗi con người; lựa chọn là chọn giữa nhiều cái cùng loại. Như vậy, khi đứng trước những hướng đi, những đích đến của cuộc đời, ta cần có những lựa chọn đúng, phù hợp cho bản thân mình.

- Biểu hiện cụ thể: lựa chọn trường học, lựa chọn công việc, lựa chọn nơi ở, lựa chọn hạnh phúc,...

- Bàn luận: Sự cần thiết phải có sự lựa chọn đúng đắn khi đứng trước những ngã rẽ cuộc đời: Giúp chúng ta xác định được mục tiêu, lẽ sống của bản thân. Phát huy năng

lực của bản thân, nắm bắt cơ hội, từ đó dễ dàng đạt tới thành công. Tập trung cao độ vào sự lựa chọn của mình, tránh sao nhãng “đứng núi này trông núi nọ”, “chùng chình” trước những lựa chọn sai lầm. Có động lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được mục tiêu với sự lựa chọn của mình. Tránh lãng phí thời gian, vì nếu chúng ta có những lựa chọn sai lầm khiến chúng ta sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Có những lựa chọn sai lầm sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, thậm chí chìm ta sẽ phải trả giá bằng cả vật chất, tinh thần, thậm chí là tính mạng...

- Dẫn chứng: Có thể lấy dẫn chứng về hành trình lựa chọn của học sinh THCS giữa việc thi vào THPT hay đi học nghề hoặc đi làm, hành trình chọn nghề của học sinh THPT,...

- Giải pháp để có lựa chọn đúng đắn:

+ Khi đứng trước những ngã rẽ, những lựa chọn, mỗi người cần phải có đủ thông tin và kiến thức về những lựa chọn có sẵn, đồng thời phân tích và đánh giá những yếu

tổ quan trọng như giá trị, mục tiêu và tình huống để có thể đưa ra quyết định đúng đắn.

+ Mỗi người cần có đủ bản lĩnh, quyết đoán để đưa ra quyết định, căn cứ vào năng lực, đam mê của bản thân,...

- Mở rộng, trao đổi để có cái nhìn toàn diện về vấn đề: Trong cuộc sống không phải lúc nào những lựa chọn cũng mang tính sống còn và không phải ai cũng luôn có những lựa chọn đúng đắn. Sai lầm là thứ không thể tránh khỏi trong cuộc đời. Bởi vậy, nếu như bạn lỡ có lựa chọn sai lầm thì đừng vội nản chí mà hãy bình tâm, suy xét để tỉnh táo, sáng suốt đưa ra những lựa chọn đúng đắn. lần iri tòa groud mèò quốc

- Bài học nhận thức và hành động: Bản thân chúng ta phải nhận thức được tầm quan trọng và cần thiết của việc lựa chọn đúng đắn. Chúng ta nên trau dồi thông tin hàng ngày, đặt ra mục tiêu từ sớm và có kế hoạch thực hiện mục tiêu để khi đứng trước nhiều lựa chọn, chúng ta không cần đắn đo và băn khoăn quá nhiều.

Kết bài: Khẳng định lại vấn đề và nêu thông điệp. Như vậy, việc đưa ra lựa chọn đúng đắn khi đứng trước những ngã rẽ cuộc đời là rất quan trọng. Một sự lựa chọn có thể làm cuộc đời chúng ta nở hoa hoặc bế tắc. Và điều này không phụ thuộc vào ai khác mà phụ thuộc vào chính bạn. Khi đứng trước những lựa chọn, hãy suy nghĩ thật kỹ và đặt mức ưu tiên cho thứ tự những câu hỏi sau: Bạn muốn làm gì? Bạn có khả năng làm việc đó không? Công việc đó có thực sự có ý nghĩa với bạn, gia đình và xã hội hay không? Cuộc sống không có gì đáng sợ, không có gì mà không thể tin, không có gì mà không thể thử. Dù lựa chọn bất kì con đường nào, bạn hãy luôn có niềm tin vào chính bản thân mình.

ĐỀ SỐ 25

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm).

Thể thơ: Tự do

Câu 2 (0,5 điểm).

Các từ ngữ, hình ảnh chỉ hoàn cảnh của đất nước Việt Nam trong bài thơ: trái tim hồng chảy máu, bom đạn, không có bát cơm, cái đói, cái khát.

Câu 3 (0,5 điểm).

Phép điệp cấu trúc cú pháp: Bạn ... đề...

Câu 4 (1,5 điểm).

Biện pháp tu từ: So sánh Việt Nam đẹp - dòng suối trong; ẩn dụ: Trái tim hồng chảy máu ẩn dụ cho hoàn cảnh đau thương của đất nước thời kì chiến tranh. Tác dụng:

- Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu thơ, làm cho câu thơ giàu tính hình tượng.
- Nhấn mạnh vẻ đẹp của đất nước Việt Nam qua biện pháp so sánh, nhấn mạnh hoàn cảnh đau thương bởi chiến tranh qua biện pháp nghệ thuật ẩn dụ.
- Thể hiện cái nhìn ưu ái của tác giả trước cảnh đẹp của đất nước Việt Nam đồng thời thể hiện niềm đồng cảm, thương xót trước cảnh bị thương của đất nước Việt Nam.

Câu 5 (1,0 điểm).

Tình cảm của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ:

- Dành tình cảm yêu mến đặc biệt đối với đất nước và con người Việt Nam: yêu vẻ đẹp tựa như dòng suối trong, yêu những em bé ngây thơ, yêu những con người tranh đấu.
- Đồng cảm, thương xót khi đất nước Việt Nam lâm vào hoàn cảnh khói lửa chiến tranh, khi chứng kiến những em bé Việt Nam đói, khát.
- Khâm phục con người Việt Nam đau thương vì bom đạn chiến tranh nhưng không ngừng tranh đấu.
- Khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc cho đất nước Việt Nam, mong mỗi Việt Nam trở thành một quốc gia hoà bình.

Câu 6 (1,0 điểm).

- Nội dung của những dòng thơ cuối: Mặc dù là con người ở một đất nước khác xa xôi nhưng nhân vật trữ tình khẳng định mình luôn kề vai sát cánh bên những người tranh đấu, bên dân tộc Việt Nam và tha thiết kêu gọi thế giới cùng chung tay đòi lại tự do, hạnh phúc cho người dân Việt Nam.
- Những dòng thơ gợi suy nghĩ:

+ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người có trái tim nhân ái, có tình yêu thương to lớn đối với đồng loại, dù ở một đất nước xa xôi, dù không cùng màu da sắc tộc nhưng luôn dành những tình cảm đặc biệt cho đất nước và con người Việt Nam.

+ Mỗi con người sống trên Trái Đất này, dù bất kể là ai đều cần có trách nhiệm chung tay về một thế giới hoà bình.

+ Chiến tranh dù xảy ra ở bất kì nơi đâu đều gây ra những hậu quả khó lường, cướp đi tự do, hạnh phúc của con người. Vì vậy, chúng ta cần lên án mạnh mẽ với những cuộc đấu tranh vũ trang đáng sợ này.

Câu 7 (1,0 điểm). HS đưa ra một vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời kì chiến tranh và nhận xét về vẻ đẹp đó. Chẳng hạn:

Vẻ đẹp nổi bật của con người Việt Nam trong chiến tranh là tinh thần đoàn kết. Tinh thần đoàn kết được thể hiện rất rõ trong tất cả các cuộc kháng chiến của chúng ta trong quá khứ: Tinh thần ấy được bắt nguồn từ lòng yêu nước sâu sắc. Bất cứ ai sinh ra là con người Việt Nam đều có lòng tự tôn dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn nên khi có kẻ thù xâm lược, tất cả mọi người đều đồng lòng vì một mục tiêu chung. Tinh thần đoàn kết được thể hiện ở mối quan hệ chặt chẽ giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa hậu phương với hậu phương, giữa tiền tuyến với tiền tuyến. Tinh thần đoàn kết đó không chỉ có ý nghĩa trong cuộc chiến mà còn có ý nghĩa rất lớn với cuộc sống hoà bình hôm nay.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ Thưa thầy của tác giả Hữu Thỉnh

Mở bài. Giới thiệu vấn đề.

Muốn sang thì bắc cầu Kiều

Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Thầy cô là những kĩ sư tâm hồn, suốt cuộc đời thầm lặng như người chở đò đưa khách qua sông, đưa các thế hệ học sinh đến với bến bờ tri thức. Bởi vậy mà hình tượng người thầy khi xuất hiện trong mỗi tác phẩm văn học nói chung và mỗi bài thơ nói riêng đều mang một vẻ đẹp đầy ấn tượng, khó phai mờ. Bài Thưa thầy của Hữu Thỉnh là một bài thơ như thế.

Thân bài

* Khái quát chung: Giới thiệu vài nét về tác giả, khái quát nội dung bài thơ: Thi - Hữu Thỉnh là nhà thơ tiêu biểu của nền thi ca hiện đại Việt Nam. Thơ Hữu Thỉnh thường có những liên tưởng độc đáo thể hiện những suy tư giàu chất nhân văn và cái nhìn mang màu sắc triết lí về cuộc sống.

- Bài thơ là sự hồi tưởng của Hữu Thỉnh về hình ảnh người thầy trong kí ức. Không đơn thuần chỉ là hồi ức về hình dáng, tính cách hay thể hiện tình cảm, lời tri ân với người thầy mà bài thơ còn là sự chiêm nghiệm, triết lí sống về những bài học quý giá của thầy đã được nhà thơ trải nghiệm thực tế trong cuộc đời của mình.

*** Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật bài thơ:**

- Phân tích giá trị nội dung:

+ Mở đầu bài thơ là những chiêm nghiệm của nhà thơ về người thầy. Trước ngọn thước được hiểu là ngọn thước của thầy giáo - những bài học của thầy đã mở mang trước mắt học trò những con đường xa tắp của cuộc đời, những con đường rộng mở với vẻ bình yên chờ đợi phía trước. Dù đã trải qua cay đắng của cuộc đời, biết được cuộc đời không hề bằng phẳng như thế khiến nhà thơ có chút ngậm ngùi nhưng nhà thơ vẫn nuôi dưỡng niềm tin: Những ngọn suối không làm đau bóng lá. Những khó khăn, thách thức không làm mất đi những điều tốt đẹp trong cuộc đời, chỉ cần chúng ta mạnh mẽ bước tiếp.

+ Nhà thơ tiếp tục chiêm nghiệm về sự vấp ngã trong cuộc đời: Những vấp ngã đó không ở đâu xa mà ở ngay giữa con người, ngay trong cuộc sống đời thường này. Lời thú nhận thật chân thật và cũng thật thâm thúy. Cuộc đời mỗi con người đều sẽ trải qua những vấp ngã...đây là một bài học mà mỗi con người đều cần nhận thức được trong cuộc sống này.

+ Những câu thơ tiếp theo là hồi ức của tác giả về người thầy. Nhà thơ đã nhận thức được bước đi vội vã của thời gian. Điệp ngữ đời nhanh quá được lặp lại hai lần như một sự thảng thốt cũng như một tiếng thở dài trước bước đi không thể níu kéo của thời gian. Theo bước đi của thời gian, hình ảnh của người thầy hiện lên với những vui buồn chưa kịp cũ, tóc khói phủ, và giáo án chông chênh bị bão giạt đời thường. Thế nhưng dù thời gian có vội vã, người thầy già nua theo thời gian, dù có đối mặt với những cơn bão đời thì thầy vẫn miệt mài bên trang giáo án. Cây trước cửa gió ở ngoài tay với Thầy yêu trò vật vã với văn chương. Người thầy truyền dạy cho học sinh không phải chỉ là những kiến thức trong sách vở mà còn là những trang giáo án về cuộc đời. Một hình ảnh người thầy cần mẫn, vật vã với bao tâm huyết, bao trăn trở về cuộc đời.

- Phân tích những nét nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ: Thể thơ tám chữ hiện đại với lời thơ nhẹ nhàng, bình dị. Lời thơ với chất tự sự pha lẫn chất trữ tình tạo giọng điệu đối thoại tâm tình: Bài thơ như là lời đối thoại của nhân vật trữ tình với người thầy của mình: Vừa như là lời bộc bạch tâm sự, vừa như là lời tri ân với người thầy. Ngay từ nhan đề Thưa thầy đã thể hiện rõ tính chất đối thoại này. Tính triết lí đan lồng trong những suy tư tạo độ lắng sâu trong tâm tưởng người đọc: Bài thơ vừa bộc bạch tâm sự nhưng cũng là những triết lý về cuộc đời, con người: suy ngẫm về những vấp ngã, về bước đi của thời gian, về bài học của thầy. Ngôn từ dung dị, hình ảnh xiết bao thân thuộc cùng với nghệ thuật ẩn dụ, điệp ngữ: Những hình ảnh con đường, bông hoa, ngọn vấpn suối, chiếc lá, trang giáo án...không hề xa lạ với người đọc nhưng hàm ý sâu xa. Nghệ thuật ẩn dụ, điệp ngữ làm câu thơ giàu nhịp điệu, gợi hình, gợi cảm.

*** Đánh giá:** Khẳng định lại nội dung, nghệ thuật của bài thơ và liên hệ bản thân. Qua bài thơ, ta thấy sự hoài niệm, tình yêu thương, kính trọng của người học trò với thầy giáo của mình. Dù thời gian trôi đi thật mau, dù phải trải qua nhiều thử thách, người học trò vẫn nhớ về những bài học đẹp thầy từng dạy. Thời gian là thử thách nghiệt ngã, con người chỉ có thể thương lượng với thời gian bằng cách chấp nhận và tự nguyện. Nhưng dù thời gian có trôi nhanh thế nào, con người có già nua đi chăng nữa thì những bài học hay của thầy vẫn luôn vẹn nguyên giá trị của nó.

Kết bài: Ý nghĩa của bài thơ với bản thân. Gấp trang thơ lại, em cảm thấy yêu và nhớ hơn những bài học hay mà thầy cô đã dạy cho mình. Em thầm tự hứa với lòng mình sẽ luôn trân quý những điều mà mình đang có trong cuộc đời, bởi những niềm vui, bài học của mỗi ngày trong hiện tại sẽ được gói ghém để tạo nên niềm vui lớn trong tương lai.

ĐỀ SỐ 26

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm). Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2 (0,5 điểm). Theo văn bản, sau khi nhận được tin bố mẹ mất, Lượng có phản 2 ứng: Lạnh người, rụng rời cả hai tay.

Câu 3 (0,5 điểm). Lượng nhận được thư nhà trong hoàn cảnh: Sau khi Lượng về thăm quê, trở về đơn vị mới nhận được thư nhà. Trong thời chiến, phải trải qua thời gian rất dài, thư nhà mới đến được với Lượng.

Câu 4 (1,5 điểm). Nêu đặc điểm của không gian trong đoạn trích:

- Đó là không gian rộng lớn của chiến trận, với nhiều địa điểm, vùng miền: Từ miền quê Đông Triều của Lượng đến nơi Lượng chiến đấu.

- Đó là không gian của cộng đồng: Không gian cộng đồng được thể hiện qua việc tác giả tập trung miêu tả không gian quê Đông Triều của Lượng cùng nhau đoàn kết, kiên cường chống giặc; cùng nhau ăn mừng chiến thắng, đón Lượng trở về thăm quê,...

- Không gian riêng tư: Đó là không gian diễn ra cuộc trò chuyện giữa Lượng với Phụng, không gian Lượng và Chi gặp lại nhau.

Câu 5 (1,0 điểm) Lời nói: Chúng nó đốt làng ta đã ba bốn lần. Bốn lần bị đốt, bốn lần làng làm lại. Cứ thế, giằng co mãi. Nhưng cóc cần, ngày lên núi ở, tối lại về khai hội, mít tinh, sản xuất, lo gì! Truyền kiếp cho nó cũng chẳng lập được hội tề có thể hiểu như sau:

- Thể hiện sự tàn ác của quân giặc khi tàn phá làng quê của Lượng nói riêng, quê hương đất Việt nói chung.

- Khẳng định tinh thần kiên cường, bất khuất của quê hương của Lượng trong đấu, lao động, sản xuất.

- Bộc lộ tình yêu nước, căm thù giặc; tự hào, phấn khởi, hăng say, trung thành,... của người dân Đông Triều quê Lượng.

Câu 6 (1,0 điểm). Qua những chi tiết về cái chết của bố mẹ Lượng, việc Chi bị giặc làm nhục, tác giả muốn thể hiện:

- Tội ác man rợ của quân thù đã gây ra trên quê hương, đất nước của chúng ta.

- Sự đau thương, mất mát, hi sinh của quân dân ta trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

Câu 7 (1,0 điểm)

- Qua đoạn trích, nhân vật Lượng hiện lên là người chiến sĩ gan dạ, có lòng yêu nước, yêu quê hương, có tình yêu thương gia đình, người thân.

- Từ nhân vật Lượng, HS rút ra một trong những bài học về lẽ sống cho bản thân. Sau đây là những gợi ý về bài học:

+ Phải vun đắp cho mình lòng yêu nước. Lòng yêu nước không chỉ được chứa đựng trong những suy nghĩ, tình cảm, tư tưởng đối với đất nước mà còn phải được thể hiện qua những hành động cụ thể.

+ Sống phải có bản lĩnh, vượt qua những khó khăn, thử thách, gian khổ để đạt được những lí tưởng cao đẹp.

+ Hướng đến lối sống có ích, cống hiến cho cộng đồng, quê hương, đất nước.

+ Trân trọng tình cảm gia đình.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích đoạn thơ trích trong bài thơ Bà má Hậu Giang, Tố Hữu.

Mở bài: Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại, nhận xét chung về đoạn thơ. Tố Hữu là cánh chim đầu đàn trong thơ ca Cách mạng Việt Nam. Những chặng đường đời, đường thơ của Tố Hữu đều gắn liền với tiến trình lịch sử của dân tộc. Bài thơ Bà má Hậu Giang đã phần nào minh chứng điều ấy! Với những lời thơ giản dị, đoạn thơ Mã ngã xuống bên lò bếp đỏ...Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang đã dựng lên chân dung bất tử về người mẹ miền Nam anh hùng.

Thân bài: Có thể triển khai vấn đề nghị luận như sau:

*** Khái quát chung:** Giới thiệu tác phẩm, vị trí và khái quát nội dung đoạn thơ.

- Bài thơ Bà má Hậu Giang được viết năm 1941 trong những năm tháng chống Pháp đang diễn ra ác liệt. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền sông Hậu kiên gan trước họng súng quân thù, quyết nuôi chứa, giúp đỡ cách mạng.

- Đoạn thơ Mã ngã xuống bên lò bếp đỏ...Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang đã tái hiện cụ thể hình ảnh bà má Hậu Giang trước sự tra tấn của quân thù. Bà má Hậu Giang đã hi sinh mạng sống của mình vì dân vì nước.

*** Phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:**

- Phân tích giá trị nội dung:

+ Đoạn trích làm nổi bật vẻ đẹp của bà má Hậu Giang – người mẹ miền Nam anh hùng. Nhân vật bà má Hậu Giang mặc dù đã già nhưng lại hiện lên với lòng yêu nước, những nét kiên trinh. Dù có bị giặc bắt, tra tấn dã man nhưng bà má Hậu Giang vẫn quyết giữ bí mật cách mạng, quyết bảo vệ những người con cách mạng của mình: Má già nhắm mắt, rung rung, Các con ơi! Má quyết không khai nào! Lòng căm thù giặc sục sôi của bà má Hậu Giang được bộc lộ qua tiếng nói căm phẫn quân xâm lược: Mã hét lớn: “Tụi bay đồ chó! - Cướp nước tạo, cắt cổ dân tao!. Bà má Hậu Giang còn cất lên lời đe dọa, cảnh cáo, lời tiên tri: Tạo già không sức cầm dao - Giết bay, có các con tao trăm vùng. Bà má Hậu Giang không chỉ bao bọc, chở che mà còn rất tin yêu vào những người con cách mạng của mình. Bà tin những người con cách mạng của mình sẽ tiêu diệt quân thù, rửa nhục cho nước: Con tao, gan dạ anh hùng - Như rừng được mạnh, như rừng tràm thơm! Má đã hi sinh vì dân vì nước: Một dòng máu đỏ lên trời nhưng muốn an một nhu hình ảnh của má sẽ sống mãi với non sông, đất nước:

Nước non muôn quý ngàn yêu - Còn in bóng mà sớm chiều Hậu Giang. Những người con nghĩa tình của bà má Hậu Giang rất yêu thương, trân trọng, đau xót, thành kính trước sự hi sinh của má, cũng như uất hận, căm phẫn quân xâm lược

+ Đoạn trích còn làm nổi bật tội ác của bọn giặc: Qua những hành động, lời nói, bọn giặc hiện ra là một lũ man rợ, độc ác: Thằng giặc kia đứng ngó trùng trùng, Thằng kia bỗng giậm gót giày - Đạp lên đầu má: “Mẹ mày, nói không?” - Lưỡi gươm lạnh toát kẻ hông,... Chúng hiện ra như một lũ quỷ khát máu người.

- Phân tích giá trị nghệ thuật: Đoạn thơ được viết dưới hình thức song thất lục bát mang tính biến thể. Kết hợp hài hòa giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật. Các nhân vật trong đoạn thơ được miêu tả cụ thể từ hành động đến lời nói. Sử dụng nghệ thuật tương phản, đối lập; đa giọng điệu; từ ngữ giàu sức gợi;...

*** Đánh giá:**

- Bằng các nghệ thuật đặc sắc, đoạn thơ đã ngợi vẻ đẹp, sự kiên cường, hi sinh,... của những bà mẹ Việt Nam anh hùng trong cuộc chiến bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta. Đây là một trong những chủ đề quan trọng, xuyên suốt chặng đường thơ của Tố Hữu nói riêng, thơ ca cách mạng Việt Nam nói chung.

- Đằng sau lời thơ, người đọc thấy được niềm tôn kính, ngợi ca, biết ơn của nhà thơ Tố Hữu trước sự hi sinh của những bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Kết bài: Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân: Đoạn thơ đã tạo dựng nên chân dung bất tử về bà mẹ Việt Nam kiên trung, anh hùng, bất khuất,..; làm sống dậy một thời đại đau thương nhưng hào hùng của dân tộc. Thế hệ trẻ hiện tại cần phải có lòng biết ơn, tự hào trước truyền thống vẻ vang của dân tộc; cần sống xứng đáng với thế hệ đi trước, tiếp tục viết những trang sử vàng của dân tộc.

ĐỀ SỐ 27

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm)

- Lời của người kể chuyện:

+ *Thuyên nhìn Đồng mỉm cười.*

+ *Trên phiến đá trắng bên vệ đường, hai người lại lẳng lặng quàng vai nhau ngồi xuống.*

- Lời của nhân vật (nhân vật Thuyên): *Nhớ rõ ràng nhỉ, nhưng đất Nam Kỳ bốn mùa nắng gắt, có mùa thu đâu mà bảo có cô Ái Thu.*

Câu 2 (0,5 điểm).

Thuyên và Đồng có mối quan hệ là: hai người là bạn thân, cùng ở một làng (làng Mỹ Lý).

Câu 3 (0,5 điểm).

Vào những chiều nghỉ việc, Thuyên và Đồng lại lững thững nắm tay nhau, đi trên con đường về làng Vân Thọ vì: Con đường về làng Vân Thọ giống với con đường chính làng Mỹ Lý – quê hương của hai người, đều có hai hàng cây sấu đông chạy thẳng giữa đồng lúa chín, cũng cái miếu thánh xa xa và mấy đống rơm cao chót vót sau bụi tre già cuối xóm.

Câu 4 (1,5 điểm)

- Không gian trong đoạn trích: Không gian nơi đất khách quê người: Thuyên và Đồng đều phải xa quê, đi xin việc, làm việc tại Nam Kỳ, Gò Đen, Sài Gòn, làng Vân Thọ.

Nhận xét:

+ Không gian nơi đất khách quê người có những nét tương đồng với không gian làng quê Mỹ Lý của Thuyên và Đồng như con đường, cây cối, cảnh vật,... giúp Thuyên và Đồng có cảm giác như ở quê hương, nguôi ngoai phần nào nỗi thương nhớ quê hương.

+ Không gian nơi đất khách quê người còn có những nét khác biệt so với không gian làng quê của Thuyên và Đồng: “Cây dừa vươn mình trên dòng nước đục hay vài cô gái miền Nam bơi thuyền giữa đám lau già, không cho hai người tưởng tượng đến làng Mỹ Lý nữa”. Không gian ấy khiến Thuyên và Đồng tiếc nuối, hụt hẫng,...

+ Không gian trong đoạn trích luôn có sự đối sánh với không gian làng Mỹ Lý trong nỗi nhớ quê da diết của Thuyên và Đồng.

Câu 5 (1,0 điểm).

Lời của Thuyên nói với Đồng: Đồng ơi. Chúng ta hãy đi về Mỹ Lý nhanh đi chẳng tới rồi có thể hiểu như sau:

- Đó là lời cố ý “nói dối”, nói “sai sự thật”, bông đùa mà cả hai đều biết, đều hiểu.

- Lời nói đó thể hiện nỗi nhớ, niềm mong ước được trở về quê hương của Thuyên và Đồng. Cả hai đang ở nơi đất khách quê người mà tưởng tượng mình đã về tới quê hương.

Câu 6 (1,0 điểm)

- Thuyên và Đồng đều là những người phải xa quê, buồn trải, vất vả mưu sinh.
- Thuyên và Đồng đều là những con người giàu tình cảm: Tình cảm đối với quê hương, tình cảm đồng hương.
- Thuyên và Đồng đều là những con người tinh tế, nhạy cảm.

Câu 7 (1,0 điểm)

- HS rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất. Có thể theo hướng
 - + Hãy biết trân trọng quê hương mình.
 - + Hãy sống gắn bó với quê hương.
- HS lí giải thông điệp:
 - + Hãy biết trân trọng quê hương mình. Vì quê hương là nơi mỗi người sinh ra và lớn lên; là nơi có những người thân, gia đình, dòng tộc; là nơi gắn bó, chứa đựng những điều yêu thương, thân thuộc; là nơi lưu giữ những kỉ niệm đẹp; là nơi trở về của mình;...
 - + Hãy sống gắn bó với quê hương. Vì lối sống gắn bó với quê hương góp phần bồi đắp tình cảm quê hương cho bản thân; giúp mỗi người sống sâu sắc hơn, nghĩa tình hơn đối với quê hương của mình; từ đó có những hành động cụ thể góp phần xây dựng quê hương. để diễn và những điều mang tính chiêm nghiệm sâu sắc, thấm thía

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích bài thơ Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng của Lương Đình Khoa.

Mở bài. Giới thiệu vấn đề.

Thơ là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của cảm xúc. Người nghệ sĩ cất lên tiếng lòng bằng những vần thơ để đến lượt mình, thơ lại làm rung động hết thảy, chinh phục hết thảy mọi trái tim người đọc. Bài thơ Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng của nhà thơ Lương Đình Khoa đã làm được điều ấy. Thi phẩm gây ấn tượng mạnh với ta bởi tình cảm gia đình và khát vọng về cuộc sống bình yên giản dị mà đáng quý của con người.

Thân bài

** Khái quát chung: Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm. Lương Đình Khoa là cây bút thơ tài năng của văn học Việt Nam đương đại. Thơ ông giàu cảm xúc, đề tài*

phong phú. Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng được nhà thơ viết khi ông đã trưởng thành, đã bôn ba khắp chốn và nhận ra rằng bình yên sâu thẳm nhất là bình yên của yêu thương, là mái nhà, là khu vườn, là tình yêu của mẹ cha. Bài thơ gây vấn vương, thương nhớ với người đọc ngay từ nhan đề Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng. Bình yên là điều mà con người luôn hướng tới, nó là một khái niệm vô hình, nhưng trong cách cảm nhận của hồn thơ lãng mạn, nó bỗng trở nên cụ thể, hữu hình như có thể dùng tay mà nắm được.

*** Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật**

- Phân tích giá trị nội dung: Đến với thi phẩm của Lương Đình Khoa, ta như được cất bước cùng nhân vật trữ tình sau bao bôn ba xuôi ngược tìm về mảnh vườn xưa, để nhặt lấy những bình yên giữa hồi hải, bộn bề.

+ Khổ thơ đầu mới chạm nhẹ vào miền kí ức mà đã mở ra bao liên tưởng sâu xa. Người con sau khi đã đi bốn phương trời, bỗng một ngày có mong muốn thật giản dị: Con muốn về thăm lại mảnh vườn xưa. Đó là mảnh vườn tuổi thơ, mảnh vườn của cha mẹ gắn với biết bao buồn vui trong kí ức mỗi người. Và phút về thăm ấy, con bất chợt nhận ra Bốn phương trời, tìm đâu bình yên thế vì nơi đó có mẹ cha mong ngóng con từng ngày. Sau bước chạm khe khẽ ấy, khu vườn xưa mang sắc màu cổ tích Vườn êm đềm lấp lánh vàng ánh trăng đã mở oà ra trước mắt. Các từ láy êm đềm, lấp lánh kết hợp với hình ảnh ánh trăng đã dệt mộng mơ cho khu vườn ấy. Câu hỏi tu từ cuối khổ thơ - cũng là lời nhắc nhở của khu vườn xưa thật thấm thía nhường nào: Những điều vinh quang nhất - Hơn được không năm tháng giữa yên bình. Trong cuộc đời, đôi khi con người cứ hồi hải chạy đua theo vinh quang hào nhoáng mà quên mất rằng chính bình yên còn quý giá hơn mọi điều vinh quang.

+ Khổ thơ tiếp theo, người con ấy đã nhìn nhận cuộc sống vô thường bằng đôi mắt của bình yên. Những phạm trù đối lập làm nên cái vô thường của cuộc đời được nhà thơ gọi nhắc khéo léo: nhớ - quên, còn - mất. Dẫu cuộc đời có ra sao, người con tự nhủ sẽ luôn tập mỉm cười và sống an nhiên trên từng bước vô thường. Đây là quan niệm sống đẹp, tìm được sự bình yên cao nhất - bình yên của tâm hồn - theo quan niệm Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến. Nhưng chỉ những ai đã nếm trải đủ được mất, nhớ quên ở đời mới có thể nghiệm ra và có được điều quý giá ấy.

+ Tiếp mạch chiêm nghiệm ấy, người con nhắc mình mạnh mẽ vươn lên để cha mẹ được yên lòng. Hình ảnh thơ vừa tả thực, vừa giàu ý nghĩa biểu tượng. Cây và hoa vươn lên đón ánh mặt trời, luôn hiên ngang có bao giờ gục ngã trước bão dông. Hoa thơm trái ngọt vườn nhà có thể chữa lành tâm hồn con người Hoa thơm hương tan muộn phiền hồi hải. Những hình ảnh gợi ta liên tưởng người con đang đứng giữa khu vườn xưa của gia đình để ngắm nhìn, để quan sát và để hít hà đầy nồng ngực mùi thơm của muôn loại hương hoa, khiến tâm hồn thực sự được bình yên, xua tan mọi ưu phiền mệt mỏi.

+ Bài thơ khép lại trong lời khẩn cầu thiết tha của người con, mong cha mẹ hãy luôn luôn hiện hữu nơi ấy đón con về. Những câu thơ đẹp và bình yên đến lạ. Cha mẹ cũng chính là khu vườn bình yên nhất của đời con. Xin hãy đợi con về như bao ngày thơ bé để con được hưởng bình yên và hạnh phúc ngọt lành nơi đất mẹ hiền và chiếc lá biếc xanh. Ẩn sau câu chữ còn là nỗi niềm lo âu, day dứt của người con đang ý thức được rằng cha mẹ sẽ chẳng thể ở mãi bên ta, chẳng thể mãi đợi ta về như điều ta ước nguyện. Bài thơ đưa ru ta với những cung bậc cảm xúc êm đềm về tình cảm gia đình, tình yêu với thiên nhiên, với mảnh vườn thơ bé. Bài thơ còn thức tỉnh ta về những điều tưởng chừng như chân lý mà không phải ai cũng có thể nhận ra: nhà là nơi để về, cha mẹ là chốn bình yên nhất giúp ta tìm được sự an yên trong tâm hồn, tìm được hạnh phúc thực sự giữa cuộc đời hối hả.

- **Phân tích những nét đặc sắc về nghệ thuật:** Thơ cũng giống như người con gái, muốn chiếm được trọn vẹn niềm yêu quý, ngưỡng mộ của mọi người thì nhất định phải có được cái đẹp hài hoà từ nhan sắc đến đức hạnh. Bài thơ Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng xứng đáng được coi là nàng thơ tuyệt vời bởi nó không chỉ có được ý tình sâu xa làm rung động trái tim, khơi gợi tâm trí người đọc, mà còn ở hình thức nghệ thuật đẹp đẽ, phù hợp với nội dung chủ đề của nó.

+ Trước hết, bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ, cách gieo vần rất linh hoạt theo mạch cảm xúc, không ép vần, không cầu kì tử vận. Nhịp thơ cũng vô cùng linh hoạt, đơn cử như trong khổ thơ thứ nhất, nhịp thơ đan xen giữa nhịp 3/2/3 với 3/3/2. Con muốn về thăm lại/ mảnh vườn xưa - Nơi yêu thương/ vương tháng ngày/ tuổi nhỏ, Rồi nhịp thơ còn được tạo nên bởi sự phối hợp bằng trắc, bởi những khổ thơ dài ngắn không đều. Bốn khổ đầu mỗi khổ bốn câu thơ, riêng khổ cuối có tới năm câu, khiến nhịp thơ như ngân dài, tạo sự lắng đọng, dư ba. Giọng điệu tâm tình, tha thiết rất phù hợp để diễn tả những điều mang tính chiêm nghiệm sâu sắc, thấm thía.

...

+ Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng còn gây ấn tượng bởi ngôn ngữ trong sáng mà ý nghĩa, hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi. Hình ảnh vườn xưa có thể là mảnh vườn có thật với cây trái bốn mùa, cũng có thể hiểu là mảnh vườn kí ức, mảnh vườn kỉ niệm; hình ảnh cây vươn lên đón mặt trời, cây không gục ngã trước bão dông cũng vừa là những cây trồng lâu năm trong khu vườn của cha mẹ, vừa là biểu tượng cho sự vươn lên và bản lĩnh của con người. Đặc biệt, hình ảnh cha mẹ được gọi ra là biểu tượng của tổ ấm, là chủ nhân của khu vườn mang đến cho con bình yên giữa cuộc đời. Nhà thơ có tài, đôi khi chỉ cần một hình ảnh thôi cũng đủ đánh thức, đủ lay động tâm hồn bao thế hệ như hình ảnh thơ cuối bài của Lương Đình Khoa:

Nhật bình yên gom hạnh phúc ngọt lành

Đất mẹ hiền và chiếc lá biếc xanh.

+ Thơ là bữa tiệc ngôn từ với cách tổ chức, sắp xếp từ ngữ đầy nghệ thuật. Điều đó còn thể hiện qua việc sử dụng các biện pháp tu từ. Đến với thi phẩm của Lương Đình

Khoa, chúng ta cũng bắt gặp lối dùng từ điêu luyện với các biện pháp nghệ thuật đặc sắc. Biện pháp điệp ngữ kết hợp cách dùng từ ngữ đối lập, tương phản; biện pháp nhân hoá, ẩn dụ

* Đánh giá: Nếu Xuân Diệu quan niệm “Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác” thì Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng của Lương Đình Khoa là một bài thơ đạt đến cả hay theo tiêu chí ấy. Từ thể loại đến hình ảnh, ngôn ngữ và cách tổ chức sắp xếp từ ngữ đầy nghệ thuật đã góp phần làm nổi bật nội dung chủ đề của bài thơ là tình cảm gia đình, cha mẹ và khu vườn ấu thơ chính là nơi bình yên nhất trong cuộc đời mỗi người. Cùng với những sáng tác khác viết về tình cảm gia đình, về cha mẹ, về thiên nhiên của Lương Đình Khoa như Mùa thu và mẹ, Vườn đêm, ... Thi phẩm Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng đã góp phần khẳng định vị trí của nhà thơ trẻ trong nền thi ca đương đại nước nhà với những dấu ấn rất riêng của một hồn thơ dung dị mà dạt dào cảm xúc.

Kết bài: Thời gian phá huỷ nhưng lâu đài nhưng lại làm giàu những vần thơ. Nhật bình yên trong khu vườn năm tháng tuy ra đời cách chúng ta chưa lâu, nhưng đã được độc giả đón nhận và yêu mến. Bài thơ đã thực sự đi từ chân trời của một người đến chân trời của mọi người và chắc chắn nó sẽ trở thành một trong những khúc ca đi cùng năm tháng cho tới khi nào con người vẫn còn mong cầu và khao khát sự bình yên trong cuộc đời.

ĐỀ SỐ 28

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm).

Cách gieo vần trong khổ thơ đầu văn bản: Gieo vần lưng: rộ - đỏ, đây - đây; Gieo vần chân: cây - đây

Câu 2 (0,5 điểm)

Những từ ngữ, hình ảnh mang màu sắc núi rừng trong văn bản: khe suối, núi, rừng, mưa ngoài ngàn, bản mường, mường; trái sim, trái mơ, đọt măng nguồn, hạt sa nhân, lúa hương,...

Câu 3 (0,5 điểm)

Nhịp thơ trong những câu sau:

*Quê em nhỏ bốn bên khe suối
Người vắng qua chim tới chim lui
Khi vui ngắm núi làm vui
Khi buồn nhặt trái sim rơi đỡ buồn.*

- + Quê em nhỏ bốn bên khe suối: nhịp 3/4
- + Người vắng qua chim tới chim lui: nhịp 3/2/2
- + Khi vui ngắm núi làm vui: nhịp 2/2/2
- + Khi buồn nhặt trái sim rơi đỡ buồn: nhịp 2/4/2

Câu 4 (1,0 0 điểm)

- Sự thay đổi của cuộc sống nơi bản làng:

+ Bản làng khi chưa có Cách mạng và Bác Hồ: Đói nghèo, cơ cực, vất vả, muốn đời chìm trong bóng tối.

+ Khi có Cách mạng và Bác Hồ: Đời sống nhân dân văn minh, no ấm, đủ đầy,...

- Sự chuyển biến trong cảm xúc của nhân vật trữ tình khi cuộc sống bản làng thay đổi: Người con gái mường từ xót xa trước cuộc sống cơ cực, vất vả đến niềm sướng vui, hạnh phúc, trân trọng, biết ơn đối với Bác, với Cách mạng,...

Câu 5 (1,5 điểm)

- Biện pháp tu từ đối trong đoạn thơ là: Ra vườn xanh – xuống ruộng vàng; hái nhành vải đỏ - gặt bỏ lúa hương.

- Tác dụng:

+ Làm tăng tính sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm; tạo nhạc điệu rộn ràng, tươi vui; tăng tính liên kết cho đoạn thơ.

+Nhấn mạnh cuộc sống lao động tấp nập, rộn ràng với thành quả lao động đáng quý.

+ Từ đó, tác giả thể hiện lòng trân trọng, biết ơn Cách mạng và Bác Hồ, vì nhờ đó, bản mệnh mới có được cuộc sống bình yên, hạnh phúc, ấm no, đủ đầy,...

Câu 6 (1,0 điểm).

Theo em, thái độ cần có trước sự đổi thay của cuộc sống là:

- Cần nhận thức được đổi thay là tất yếu của cuộc sống, có những đổi thay theo đúng mong muốn nhưng cũng có những đổi thay không theo ước nguyện.
- Chọn cách bình thản trước mọi đổi thay của cuộc sống, sẵn sàng đón nhận và đối mặt dù đổi thay đó là tiêu cực hay tích cực.
- Tìm cách học hỏi và thích nghi để biến những đổi thay thành cơ hội phát huy năng lực của bản thân, làm cho cuộc đời nở hoa, sống có ý nghĩa,...

Câu 7 (1,0 điểm): Sự khác nhau về nhạc điệu giữa hai đoạn thơ:

- Nhạc điệu của đoạn thứ nhất được tạo nên bởi nhịp 2/2/2 (câu 1), nhịp 4/4 (câu 2), nhịp 3/2/2 (câu 3), nhịp 3/4/2 (câu 4). Nhịp thơ chuyển biến linh hoạt, kết hòa giữa sự du dương, mềm mại của thể
- Nhạc điệu của đoạn thứ hai được tạo nên bởi nhịp 2/4 (câu 1), nhịp 4/4 (câu 2), nhịp 2/4 (câu 3), nhịp 4/4 (câu 4). Nhịp thơ đều đặn, hô ứng nhịp nhàng. Thể lục bát tạo giọng điệu ngọt ngào tha thiết, thấm đượm tính dân tộc, giúp người đọc cảm nhận được những xúc cảm nồng nàn của nhân dân đối với Bác, với Cách mạng.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích bài thơ Bến đò đêm trăng của Anh Thơ.

Mở bài: *Giới thiệu vấn đề.*

Thơ là hiện thực, thơ là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa (Xuân Diệu). Bài thơ Bến đò đêm trăng của nữ sĩ Anh Thơ quả thực là một áng thơ đẹp cả về nội dung lẫn nghệ thuật, để lại trong lòng người đọc những dư vị dịu dàng, lắng sâu như một trạm dừng âm áp.

Thân bài:

*** Khái quát:** *Dẫn dắt và giới thiệu tác giả, tác phẩm. Anh Thơ là một trong những nữ thi sĩ, bông hoa xinh đẹp của diễn đàn thơ ca Việt Nam, một giọng thơ trong sáng, được ví như tiếng thở dài của người thiếu nữ ngồi sau khung cửa nhỏ, thấy chiều yên tĩnh đương tràn ngập ánh dương quang...*

- Bài thơ Bến đò đêm trăng của Anh Thơ in trong tập Bức tranh quê là tiếng quê tha thiết, ngọt ngào, lắng sâu tiêu biểu cho giọng thơ, hồn thơ của nữ thi sĩ. Chỉ bằng vài nét phác họa, tác giả đã tài tình vẽ lên cảnh đêm trăng đẹp nơi miền quê sông nước khiến mỗi độc giả đắm chìm trong độ sâu vô tận của kí ức và quê hương. Bài thơ như một dấu triện, khắc vào trong tâm khảm mỗi người những đắm say nồng nàn, da diết.

*** Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ.**

- Phân tích chủ đề, mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ: Bài thơ có lẽ được cất lên từ một đêm trăng như bao đêm trăng, một bến đò như bất cứ bến đò nào trên mảnh

đất Việt Nam thân yêu. Chỉ có điều cảm xúc thì không thay đổi, vẫn dạt dào, vẫn đắm say và tha thiết. Bài thơ là niềm say mê, yêu mến của nữ sĩ trước thiên nhiên sông nước đêm trăng, trước con người nơi làng quê. Bài thơ dẫu phảng phất u buồn nhưng vẫn giữ được vẻ trong trẻo, thuần hậu, thanh khiết.

- Phân tích các yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc:

+ Bài thơ có bố cục 3 khổ, kết cấu bài thơ được tạo thành bởi hai hình tượng, thiên nhiên và hình tượng con người. Hình tượng thiên nhiên: Trên cao (Khổ 1): mây tản mát, sao thưa bóng, trăng vừa lơ lửng giữa trời vừa tuôn sáng cả dòng chảy sông quê,...Dưới thấp (Khổ 2,3): chòm si ôm bọc đá, bờ đê cao hoang vắng, gió se sẽ đưa cùng lá, thuyền lênh đênh, tất cả được phủ bởi sương mù huyền ảo,...Bức tranh thiên nhiên hiện ra sống động trong mỗi buồn man mác, tạo vật cùng kết nối với nhau bởi nỗi buồn không thể diễn tả. Hình tượng con người: Không gian vắng bóng con người. Chỉ duy nhất nơi bến sông cô lái đò nhỏ bé xuất hiện với tư thế: ngồi mơ mộng, hoạt động: hát đò đưa. Con người xuất hiện với âm thanh tiếng hát không làm bức tranh đêm trăng sống động hơn mà khắc sâu thêm cái tĩnh lặng, cô tịch. Tạo vật thiên nhiên và con người có sự vận động tinh tế qua 3 khổ thơ.

- Từ ngữ: Tác giả dùng rất nhiều từ láy và các động từ gợi sự chuyển động nhẹ và man mác buồn. Từ phủ định được sử dụng nhiều trong khổ 2 khắc sâu cái hoang vắng, cô tịch.

- Hình ảnh thơ: trong trẻo, gần gũi với cuộc sống làng quê, gợi những trường liên tưởng phong phú. Gil and gun oán nam trán tằm vẫn thi Count gin của nhup tt - Các biện pháp tu từ (nhân hoá, liệt kê,...) giúp độc giả như được hòa mình cùng tâm hồn thi sĩ lắng nghe tiếng nói của tự nhiên, lắng nghe một sinh thể sống diệu kì; mặt khác giúp ta thấu hiểu, trân trọng, nâng niu vẻ đẹp của tạo vật xung quanh. Hiện vốn dril - Thể thơ tám chữ với nhịp điệu da diết lắng sâu khẳng định thêm tình yêu của tác giả với thiên nhiên tạo vật, nhấn sâu thêm cái hoang hoải, u buồn diệu vợi.

*** Đánh giá**

- Cả thi phẩm không có một chữ buồn nào nhưng nỗi buồn thấm đẫm cả bài thơ nỗi buồn mơ hồ, hoang vắng, xa xôi. Dẫu vậy bức tranh đêm trăng vẫn rất đẹp, hài hòa về sắc màu, tha thiết về thanh âm, dịu dàng về ánh sáng,...

- Bức tranh trăng quê tuyệt đẹp được vẽ lên bởi tình yêu tha thiết nồng nàn thi sĩ dành gñ up dair groub nonT cho thiên nhiên, cho quê hương đất nước, con người.

Kết bài: Khái quát giá trị của bài thơ và nêu tác động đối với cá nhân

Nếu thơ chỉ vẩn vơ ở nghệ thuật hoa mỹ mà không có sự rung động mãnh liệt nơi trái tim người nghệ sĩ thì cũng chỉ tạo nên bài thơ có xác mà không có hồn. Hơi thở nghệ thuật cùng tiếng nói tình cảm đã được Anh Thơ kết hợp nhuần nhuyễn khiến Bến đò đêm trăng không bao giờ kết thúc ở trang cuối cùng mà luôn khơi những rung cảm nhẹ nhàng, sâu lắng về tình yêu quê hương, đất nước muôn đời.

ĐỀ SỐ 29

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm).

Những từ láy được tác giả sử dụng trong văn bản: xao xác, lung linh, râm ran, thanh thanh, dịu dàng.

Câu 2 (0,5 điểm).

Cách gieo vần chủ yếu trong văn bản là: Vần chân và vần liền.

Câu 3 (0,5 điểm).

Sự khác biệt về nhịp thơ giữa 3 câu thơ đầu và câu thơ cuối trong khổ thơ: 3 câu thơ đầu ngắt nhịp 3/5 -> Nhịp dài. Câu thơ cuối ngắt nhịp 3/2/3 - Nhịp ngắn

Câu 4. (1 điểm)

- Tác giả sử dụng song hành 2 cụm từ vượt qua đường và vượt lộ trong bài thơ, vì:

+ Cả 2 cụm từ đều mang cùng nét nghĩa: vượt qua đường để chỉ cuộc hành quân của những người lính chiến.

+ Tuy nhiên:

+ Từ Hán Việt vượt lộ gợi sự trang trọng và giúp người đọc hình dung cuộc hành quân của những người lính như một hành trình hào hùng, thiêng liêng.

++ Vượt qua đường gợi về một cuộc hành quân gần gũi, có lẽ trong mắt người lính nó giản đơn như một chuyến vượt qua đường. Nhờ đó, người đọc thấy được chất lính hồn nhiên nhưng cũng đầy bản lĩnh,...

Câu 5 (1,5 điểm)

- Kết cấu bài thơ: Bài thơ có kết cấu 5 khổ và nương theo những tâm tư, xúc cảm của nhân vật trữ tình.

- Kết cấu bài thơ giúp em hiểu những cung bậc xúc cảm của người lính trên đường vượt lộ:

+ Trước cuộc hành quân, người lính hồi hộp nhưng vẫn động viên nhau yên lòng, họ hiểu rõ mình lên đường vì bóng giặc vẫn còn, vì đất nước thân yêu;

+ Trên đường hành quân, người lính vẫn tha thiết hướng về quê hương yêu dấu;

+ Trong gian khổ người lính vẫn tràn đầy tình yêu đời với những khúc ca tha thiết;

+ Giữa sự ác liệt của chiến tranh người lính vẫn hạnh phúc trong tình đồng đội;

+ Tâm hồn người lính đẹp đẽ, tinh tế, phong phú nhưng cũng đầy mạnh mẽ, quyết tâm; vừa hào hùng vừa hào hoa,...

Câu 6 (1,0 điểm)

- Giấc mơ của người lính trong 2 câu thơ cuối: Chỉ còn lại một giấc mơ duy nhất/Những bàn chân bật dậy - vượt qua đường. Người lính mang trong mình giấc mơ vượt lộ thành công, cũng là mong nhanh chóng chiến thắng kẻ thù để đất nước được hòa bình, tự do. tích các

- Suy nghĩ về mối quan hệ giữa khao khát cá nhân và lí tưởng cộng đồng:

+ Mỗi cá nhân là một thành viên trong cộng đồng nên mỗi khao khát cá nhân phải có sự thống nhất với lí tưởng cộng đồng.

+ Chỉ khi nào những khao khát không chỉ thỏa mãn cá nhân mà còn đem lại những giá trị tích cực cho cộng đồng thì những khao khát ấy mới có giá trị, mới đáng trân trọng.

+ Những khao khát của nhiều cá nhân hợp lại sẽ trở thành sức mạnh tạo nên hào quang cho lí tưởng cộng đồng,...

Câu 7 (1,0 điểm)

- Vượt lộ: Vượt qua những khó khăn, thử thách, trắc trở

- Những hành trang cần có để vượt lộ:

+ Là tâm thế bình thản, tư thế sẵn sàng đón nhận và đối mặt trước khó khăn, thử thách bằng thái độ tích cực;

+ Là tinh thần quyết đoán, tự tin, không nao núng, không đầu hàng trước bất cứ hoàn cảnh nào; udn

+ Là cái nhìn sáng suốt để thấy cơ hội trong khó khăn, tìm ra phương hướng để giải quyết, biến nguy thành cơ,...

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích bài thơ Đôi bàn tay mẹ của tác giả Trương Trọng Nghĩa.

Mở bài: Giới thiệu yêu cầu. Người ta thường cho rằng kì quan lớn nhất trên thế giới là trái tim người mẹ. Trong khi đó văn chương lại được coi là thứ nghệ thuật có thể vượt lên mọi sự băng hoại của thời gian. Trong một khoảnh khắc vút cao của cảm xúc, tình mẹ đã dâng lên dạt dào trong ý thơ nồng nàn của Trương Trọng Nghĩa để rồi Đôi bàn tay mẹ cứ mãi ngân vang trong lòng người.

Thân bài:

** Khái quát: Dẫn dắt và giới thiệu tác giả, tác phẩm.*

- Nhà thơ Trương Trọng Nghĩa bắt đầu sáng tác thơ từ khi còn học trung học phổ thông và trưởng thành từ phong trào sáng tác văn học trẻ của tỉnh Tiền Giang. Hiện hiện trong thơ anh, chân dung con người, chân dung đời sống Nam Bộ chất phác, hồn hậu và ou net ortul mel grudn madd use add tràn đầy yêu thương.

- Bài thơ Đôi bàn tay mẹ được in trong tập Những mảnh ghép không logic, NXB ngua Văn nghệ, 2006 là một thi phẩm đẹp cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ

thuật. Bài thơ viết về đề tài quen thuộc nhưng bằng cách cảm nhận mới, bởi vậy nó đã hấp dẫn người đọc theo cách rất riêng.

*** Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ**

- Phân tích cảm xúc chủ đạo của bài thơ: Bài thơ Đôi bàn tay mẹ là nỗi lòng yêu thương mẹ tha thiết, là sự thấu hiểu chân thành những vất vả, gian truân của mẹ, biết ơn vô hạn trước những hi sinh của mẹ dành cho nhân vật trữ tình.

- Phân tích các yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc: dnd rinh

+ Bố cục - kết cấu bài thơ: Bài thơ chia thành nhiều khổ nhưng mỗi khổ có số câu không đều nhau để bộc lộ những cung bậc cảm xúc khác nhau của nhân vật trữ tình đối với người mẹ của mình. Các khổ thơ có sự kết nối bởi hình tượng đôi bàn tay mẹ:

++ Khổ 1: Người mẹ nông dân lam lũ, vất vả sớm hôm dành trọn cuộc đời cho con cái hiện ra qua đôi bàn tay có những mùi vị khác nhau. Qua mùi bùn, mùi khét, mùi tanh, mùi khói và hương gạo mà con nhận ra những vất vả, tảo tần của mẹ: mẹ làm đồng, mẹ cực nhọc giữa trời nắng nóng, mẹ bắt cá, mẹ thổi cơm. Qua mùi hoa bưởi, người con cảm nhận cả những vẻ đẹp ngọt ngào tỏa ra từ mái tóc mẹ gội lúc chiều hôm, Qua mùi dầu phong thấp mà người con hiểu cả những dấu vết thời gian, những nhọc nhằn khắc hẳn lên cơ thể mẹ,...

++ Khổ 2: Đôi bàn tay mẹ có những ngón ngắn dài khác nhau nhưng tình yêu mẹ dành cho các con thật nhiều không hề có sự phân biệt. Cả đời mẹ vất vả, hi sinh thầm lặng, không sống cho mình, mẹ sẵn lòng hi sinh vì các con Suốt một đời mẹ chẳng đi đâu/Chỉ quanh quẩn, xóm làng ruộng rẫy...

++ Khổ 3: Đôi bàn tay mẹ dáng hình chẳng đẹp mà đầy sức mạnh chở che. Đôi bàn tay mẹ lam lũ vất vả lao động sớm hôm in hằn dấu vết của thời gian, nứt nẻ đầy những vết chai lồi lõm như bờ ruộng tháng ba. Nhưng trong cảm nhận của nhân vật trữ tình, đôi bàn tay ấy có một sức mạnh diệu kì, sức mạnh của suối nguồn yêu thương, nâng đỡ, chở che con mọi lúc mọi nơi: Khi áp vào má bỗng thấy mình bé lại/Đôi bàn tay vuốt tóc con êm ru...

++ Khổ 4: Đôi bàn tay mẹ lấm lem bùn đất nhưng mẹ dạy con làm người trong sạch. Đôi bàn tay mẹ suốt một đời nhọc nhằn mưu sinh, không ngón nào không mang tì vết: ngón trỏ bám phèn/Ngón giữa lấm lem/Ngón út dính đầy mủ chuối. Nhưng trong niềm tự hào của con về nhọc nhằn, mẹ một đời quanh quẩn nơi đồng ruộng, bàn tay không đẹp nhưng tâm hồn mẹ: Mẹ vẫn luôn dạy các con giữ mình sạch trong...Mẹ vất vả, mẹ nhân hậu, vị tha, những gì mẹ dạy đầy nhân văn, bổ ích,...

+ Các biện pháp tu từ: Khắc sâu thêm những lam lũ, tảo tần trong cuộc đời của mẹ, nhấn mạnh thêm những hi sinh, những yêu thương mẹ dành cho con; khẳng định tình yêu, lòng biết ơn, niềm tự hào của con đối với mẹ.

++ Ấn tượng chuyển đổi cảm giác (nghe mùi đôi bàn tay mẹ,...).

++ Phép liệt kê (những cảm nhận của con về những vất vả và tình yêu mẹ dành cho con).

++ Phép điệp được sử dụng xuyên suốt toàn bài (điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc).

++ Phép so sánh (những vết chai lở lõm trên tay mẹ như bờ ruộng tháng ba; Đôi bàn tay vuốt tóc con êm như ru)...

+ Hình ảnh: Những hình ảnh sống động chân thực giúp người đọc hiểu rõ hơn người mẹ nghèo nơi làng quê đồng ruộng.

+ Từ ngữ: Dậm chất nông thôn, chân mộc, bình dị như đi ra từ lời ăn tiếng nói hàng ngày.

+ Thể thơ: Thể thơ tự do phóng khoáng, phù hợp với những xúc cảm dâng tràn, tha thiết, mãnh liệt trong tâm trí người con về mẹ.

*** Đánh giá.** Với kết cấu độc đáo; thể thơ tự do phóng khoáng; hình ảnh sống động chân thực; biện pháp tu từ đa dạng, sáng tạo; từ ngữ đậm chất nông thôn, mộc mạc, giản dị mà giàu biểu tượng; bài thơ Đôi bàn tay mẹ của Trương Trọng Nghĩa chính là một minh chứng sinh động cho quan niệm về thơ Thơ cần có hình cho người ta thấy, có ý cho người ta nghĩ và cần có tình để rung động trái tim (Chế Lan Viên).

Kết bài: Khái quát giá trị của bài thơ và nêu tác động đối với cá nhân. Áng thơ nhỏ nhắn duyên dáng mà chứa chan những xúc cảm chân thành, mãnh liệt. Tình mẹ mãi là khúc ca muôn đời, Đôi bàn tay mẹ của Trương Trọng Nghĩa sẽ khắc sâu mãi mãi trong lòng người, để lại những nghĩ suy thấm đẫm triết lí nhân sinh về tình mẫu tử giản im đậm triết lí nhân sinh về tình mẫu tử dì mà thiêng liêng.

ĐỀ SỐ 30

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm).

Thể thơ: Tự do.

Câu 2 (0,5 điểm).

Biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ: Liệt kê.

Câu 3 (0,5 điểm).

Đặc điểm dễ nhận thấy về cách gieo vần trong khổ thơ đầu là: Không có vần/không quy định bắt buộc về vần.

Câu 4 (1,0 điểm)

- Hình ảnh người mẹ trong đoạn thơ: Người mẹ hiện ra trong trí tưởng tượng của t người con trai đi đánh giặc xa nhà, anh tưởng tượng mẹ vì thương nhớ con mà sờ lên từng trang sách cũ xưa con vẫn thường đọc, cẩn thận giữ gìn những đồ vật nhỏ bé nhất của con.

- Tình cảm của người con:

+Người lính hiểu rõ tình thương bao la, vô tận mà mẹ dành cho mình khi xa nhà.

+ Anh yêu thương mẹ, nâng niu, trân trọng và biết ơn vô hạn tình cảm thiêng liêng của mẹ,...

Câu 5 (1,5 điểm)

- Đoạn thơ kết lại bằng âm thanh tiếng mẹ: tiếng mẹ bẻ cành khô/Tiếng mẹ vấp bước chân qua cửa bếp/Tiếng mẹ họ khói lá bưởi cay sè

- Việc kết lại đoạn thơ bằng âm thanh tiếng mẹ gợi cho em những suy nghĩ:

+ Âm thanh tiếng mẹ trong đoạn thơ không phải là âm thanh thực mà chỉ là âm thanh trong tưởng tượng của người con xa nhà, thể hiện nỗi nhớ thương da diết khiến hình ảnh mẹ luôn thường trực trong tim anh;

+ Âm thanh tiếng mẹ gợi về những việc làm thường nhật, gợi về hình ảnh mẹ già đến héo hon vì nhớ thương con, thể hiện nỗi niềm lo lắng, xót xa khiến hình bóng mẹ hiện lên sống động và rõ nét trong tâm trí con; tiền lưon

+ Âm thanh tiếng mẹ là tiếng lòng có sức lay động sâu xa, khiến người đọc xúc động trước tình cảm thiêng liêng mẹ dành cho con và con dành cho mẹ;

+ Âm thanh tiếng mẹ thức tỉnh chúng ta thêm trân quý tình cảm gia đình, quê hương, đất nước,...

Câu 6 (1,0 điểm).

Theo em, mệnh lệnh với người lính trong chiến đấu có thể là:

- Những yêu cầu chiến đấu từ cấp trên đưa xuống phải tuyệt đối phục tùng và triệt để thi hành. Đó là mệnh lệnh của khối óc. the tinh

- Mệnh lệnh trong tim xuất phát từ tình yêu tha thiết với quê hương, đất nước, gia đình, là nguồn sức mạnh tinh thần lớn lao khiến người lính sẵn sàng xả thân, nguyện một lòng dâng hiến,...

Câu 7 (1,0 điểm).

HS nêu một nguồn động lực có ý nghĩa to lớn nhất với bản thân và lí giải hợp lí, thuyết phục, theo chuẩn đạo đức; chẳng hạn:

- Với em, nguồn động lực có ý nghĩa to lớn nhất là: Gia đình.

- Bởi lẽ:

+ Gia đình cho ta những tình cảm tha thiết, chân thành, dạy ta biết đối nhân xử thế, hình thành và hoàn thiện nhân cách sống;

+ Gia đình giúp ta thấu hiểu đủ đầy, trọn vẹn về sự hi sinh cao cả không hề toan tính

+ Gia đình cho ta sức mạnh vượt qua khó khăn, thử thách để thành công, để hạnh phúc;

+ Gia đình là mái ấm bình yên chở che khi ta gặp giông bão, là chỗ dựa tinh thần vững chắc bất cứ khi nào, là nơi ta luôn khao khát tìm về,...

Hoặc

- Với em, nguồn động lực có ý nghĩa to lớn nhất là: Đam mê, khát vọng.

- Bởi lẽ:

+ Đam mê, khát vọng là ngọn đèn lí tưởng giúp ta vượt qua mọi trở ngại;

+ Đam mê, khát vọng giúp ta định hình được kế hoạch tương lai, tìm ra hướng đi đúng đắn trong cuộc đời;

+ Đam mê, khát vọng giúp ta phát hiện ra năng lực của chính mình, sống có ý nghĩa,...

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm). Viết bài văn phân tích truyện ngắn Buổi sáng của Nguyễn Nhật Ánh.

Mở bài: *Giới thiệu vấn đề,*

Thế giới được tạo lập không phải một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập (Marcel Proust). Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã rất nhiều lần tạo nên những thế giới mới cho tuổi học trò, khi là tình yêu ngây thơ trong trẻo đọng nơi đáy mắt, khi là tình cảm gia đình nồng ấm được khắc sâu bởi một chuyến đi lạc, khi là tình bạn thiết tha, chân thành, đậm sâu thêm bởi một mẫu bánh mì. Buổi sáng thực sự là truyện ngắn giản dị nhưng chứa chở đầy yêu thương của tình bạn dịu lành.

Thân bài:

* Khái quát: Dẫn dắt và giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nguyễn Nhật Ánh được coi là một trong những nhà văn thành công nhất viết sách cho tuổi thơ, tuổi mới lớn với hơn 100 tác phẩm các thể loại. Tên tuổi của nhà

văn gắn liền với các tác phẩm làm say lòng độc giả bao thế hệ như Mất biếc, Còn chút gì để nhớ, Hạ đỏ, Cô gái đến từ hôm qua, Chú bé rắc rối,... Truyện của ông được tái bản liên tục và chưa bao giờ giảm sức hút với những người yêu mến chất văn Nguyễn Nhật Ánh bởi lối kể chuyện hóm hỉnh, giọng văn giản dị và trong trẻo.

- Truyện ngắn Buổi sáng được in trong tập Út Quyên và tôi, do NXB Trẻ phát hành lần đầu năm 1995. Truyện để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả về tình bạn trẻ thơ trong lành, ấm áp, chứa chở những thương yêu ngọt ngào cùng những giá trị nghệ thuật độc đáo.

*** Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện**

- Phân tích giá trị nội dung của truyện.

+ Nội dung truyện: Cốt truyện xoay quanh hai nhân vật Tuấn và Tí Hoa trong một buổi sáng gặp gỡ. Tí Hoa sang nhà Tuấn chơi khi Tuấn đang ăn khoai và ngắm ong làm tổ. Tuấn thấy Tí Hoa thèm mẫu khoai nên Tuấn liền ăn vội. Sau đó biết bạn đói, Tuấn đã rất ân hận nên quyết định lấy tiền mẹ cho mua tập để mua bánh mì thịt cho bạn. Ban đầu, bánh mì được chia đôi. Khi thấy bạn đói, Tuấn nhường hết cho bạn nhưng lại giả vờ là mình không thích bánh mì thịt. Tí Hoa vô tư ăn nhưng khi thấy bạn thèm dù mình đang rất muốn ăn nhưng vẫn nhường lại cho bạn mẫu bánh cuối cùng. Truyện kết thúc khi Tuấn nuốt chửng miếng bánh thơm ngon, Tí Hoa thì sung sướng mừng rỡ vì đã chia sẻ được cho bạn vị thơm ngon của bánh mì. Tuy cả hai nhân vật đều mang những đặc điểm rất trẻ con nhưng thăm sâu trong tâm hồn lại là những đứa trẻ đôn hậu, nhân từ, biết thương yêu và sẻ chia.

Hoa tạo nên sự phong phú trong mạch kể, tạo sự sinh động, hấp dẫn cho cốt truyện và đặc biệt tạo chiều sâu cho tư tưởng nhà văn. Ngôn ngữ: Chân mộc, giản dị, gần gũi, hồn nhiên, trong trẻo, gợi về cả thế giới tuổi thơ.

*** Đánh giá: Khái quát thành công của truyện ngắn Buổi sáng, liên hệ mở rộng.**

Nhịp của trái tim niên thiếu vẫn luôn đập trong lồng ngực của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Hẳn nhiên, trái tim ấy phải tự tìm cho mình cách bộc lộ hồn nhiên nhất. Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã thiết kế một cốt truyện khá gần gũi chỉ xoay quanh một tình huống giản đơn - cuộc gặp gỡ thường ngày trong một buổi sáng của đôi bạn xóm giềng. Hình ảnh trong truyện cũng xuất hiện không nhiều: mẫu khoai, tổ ong, nửa cái bánh mì, thậm chí mẫu bánh mì còn con cuối truyện,... Thế nhưng chừng ấy đã quá đủ để gợi về một tình bạn hồn nhiên trong sáng nhưng đầy ấm áp, nồng hậu, nhân văn.

Tình bạn của Tuấn và Tí Hoa gợi ta nhớ đến tình bạn của An và Cò trong rừng phương Nam của Đoàn Giỏi, của Peter Pan và Tinker Bell, của Timon và Pumbaa trong những thước phim hoạt hình của Walt Disney,... Những tình bạn đẹp ấy thực sự trở thành những đóa hoa đầy hương sắc dịu ngọt trên đường đời tấp nập, vội vã của mỗi chúng ta.

Kết bài: Nhận xét khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu tác động của truyện đối với cá nhân người viết bài.

Cái đẹp man mác khắp vũ trụ, len lỏi khắp hang cùng ngõ hẻm (Thạch Lam). Truyện Buổi sáng của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh là áng văn đẹp cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật, tỏa ra trong mát, dịu lành, nạp lại năng lượng cho mỗi chúng ta sau bao nhọc nhằn của cuộc sống. Truyện đem lại cho chúng ta niềm tin vào những vẻ đẹp không gì sánh được của tình người. Đặc biệt, truyện giúp chúng ta nhận ra, trong tâm hồn mỗi đứa trẻ đều luôn có một thiên sứ.

NHÀ XUẤT BẢN: ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Giám đốc: (024) 39715011

Tổng Biên tập: (024) 39714736

Kinh doanh: (024) 39729437

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Biên tập: (024) 39714896

Fax: (024) 39724736

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc : TS. TRẦN QUỐC BÌNH

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng Biên tập: TS. NGUYỄN THỊ HỒNG NGÀ

Biên tập: NGUYỄN PHAN THÙY LINH – LÊ THỊ HỒNG THƠM

Chế bản: NGUYỄN SỸ DƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Đối tác liên kết: TÁC GIẢ

SÁCH LIÊN KẾT

**CHINH PHỤC KÌ THI VÀO LỚP 10 MÔN NGỮ VĂN Chương trình
GDPT 2018 - Dành chung cho ba bộ sách, giáo viên và học sinh**

Bán mạnh đó tính

Mã số: 2L-274PT2024

In 5.000 bản, khổ 19x27 cm tại Công ty CP in và thương mại Ngọc Hưng Địa
chỉ: Số 296 đường Phúc Diễn, tổ DP số 1, P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2394-2024/CXBIPH/18-221/ĐHQGHN, ngày
05/7/2024 Quyết định xuất bản số: 974 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN, ngày 10/7/2024
In xong và nộp lưu chiểu năm 2024